

說有來由

TRƯƠNG TRỌNG CẢNH  
*Biên soạn*

# THƯƠNG HÀN LUẬN

(Sách có phần nguyên văn chữ Hán)



## 傷 寒 論

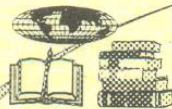
*Người dịch*  
TRƯƠNG CHỨNG



## **THƯƠNG HÀN LUẬN**

*Là sách trị nhiều loại bệnh truyền nhiễm cấp tính có tính cách thông luận, cho nên có nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nghĩa hẹp là cảm phải khí hậu hàn lãnh đưa đến tật bệnh, nghĩa rộng là bao quát các chứng Phong, Ôn, Thử, Thấp bốn mùa...*

**PHÁT HÀNH TẠI**



**HIỆU SÁCH  
4110**

416 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 3 - Tp. Hồ Chí Minh  
(Địa chỉ cũ 410 Nguyễn Thị Minh Khai)  
Điện thoại : 8322386 - 090 800274

院有科  
16.02.04

TRƯỜNG TRỌNG CẢNH  
*Biên soạn*

# THƯƠNG HÀN LUẬN

傷  
寒  
論

*Người dịch*  
Trương Chứng

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI  
1996

Thương hàn luận 397 phép, 113 phương, tùy theo sự biến hóa của bệnh chứng, vận dụng linh hoạt, mỗi mỗi đều có pháp độ nhất định, như **Thương hàn luận** đã bảo "biết phạm vào nghịch nào, tùy chứng trị đi". Đó cũng là phép tắc cơ bản luận chứng trị bệnh của y học cổ truyền, mà cũng là nguyên tắc tính của các bậc tiền y tổng kết kinh nghiệm lâm sàng làm quy củ mở đường cho người sau.

Đành rằng khí hậu xưa nay chuyển biến khác nhau, thể chất con người xưa nay cũng khác nhưng nguyên tắc cơ bản biện chứng luận trị vẫn là một. Vì vậy, các danh y Trung hoa, Nhật bản cũng như hầu hết y gia của nước ta xưa nay cũng đều xem **Thương hàn luận** và **Kim Quỹ yếu lược** như là khuôn vàng thước ngọc.

Viết bộ sách này, chúng tôi chỉ làm công việc soạn dịch, không dám có ý kiến gì mới, chỉ sắp xếp lại cho tương đối l hoa học và phân chương tiết cho rõ ràng để tiện việc nghiên cứu cho các bạn muốn theo đuổi con đường nghiên cứu y học cổ truyền.

Nghĩ rằng, điều mong muốn của các bạn mới bước vào ngưỡng cửa của y học cổ truyền cũng là mong muốn của chúng tôi hơn 50 năm về trước nên chúng tôi mạnh dạn làm một công việc quá sức mình để mong đóng góp vào việc bảo tồn vốn quý của y học cổ truyền trong muôn một.

Chắc không khỏi có những điều sai lầm, thiếu sót, kính mong các bậc cao minh chỉ giáo.

Lương y Trương Chứng

## Bài tựa sách THƯƠNG HÀN LUẬN

của Trương Trọng Cảnh

Ta thường xem Việt nhân<sup>1</sup> khi vào Quốc chẩn mạch, và khi trông sắc mặt Tể Hầu, chưa từng không kính phục là tài giỏi vậy. Rất lạ cho kẻ dĩ đời nay, không chịu lưu tâm đến y được, tính xét về phương thuật, trên là để chữa cho bậc quân thân, dưới là để cứu cho những kẻ khốn cùng, giữa thời giữ gìn tấm thân mình cho được sống về lâu dài, mà chỉ đua nhau đổ xô về con đường danh lợi, lẩn lút trước cửa hào môn để cầu lấy sung sướng... mãi chăm về ngon, bỏ quên gốc, bề ngoài tuy sặc sỡ mà bên trong thật khô khan. Thốt nhiên gặp phải tà phong hoặc lâm bệnh lạ... bấy giờ mới rụng rời lo sợ, trông cậy vào phường vu chúc (bà cốt, thầy cúng), sau đành ngửa mặt kêu trời, hoài thân chịu khổn, đem cái thọ mạng trăm năm, cái tấm thân chí bảo giao cho bọn phạm y, mặc cho họ muốn làm sao thì làm! Hỡi ôi! Ngâm ngùi khóc thương! Ngán cho khắp đời hôn mê, không ai giác ngộ, tấm thân không tiếc, ~~coi~~ sống như thường... Vậy mà còn tham phú quý vinh hoa, thời phỏng phú quý vinh hoa về nỗi gì? Mà, đối với ngoài không thể yêu người, biết người, quay trở lại cũng không thể yêu mình, biết mình. Gặp cơn tai vạ, mình tới cảnh nguy, mờ ám, tối tăm, du hồn vất vưởng! Xót thay người đời! Sao mà họ quá quên mình đến thế vậy?!

Họ hàng của ta vốn rất đông đúc. Trước kia tới 200 người. Từ năm đầu, niên hiệu Kiến an đến giờ, chưa đầy 10 năm, chết tới hai phần ba. Mà người bị về Thương hàn có tới bảy phần mười. Xót những kẻ chẳng may qua đời, lo đến kẻ về sau khó cứu, liền gắng tìm cổ huấn, rộng hợp chúng phương, xét theo Tố vấn 9 quyển, bát thập thất nạn, Âm dương đại luận và Thái lô được cục, Bình mạch biện chứng...

<sup>1</sup> Tức là Biển Thuộc. Ông họ Tần, người quận Bột Hải, nước Tề, ngụ ở nước Trịnh, một danh y đời nhà Chu.

## LỜI NÓI ĐẦU

Đời Hán, Trương Trọng Cảnh nguyên viết **Thương hàn tạp bệnh luận** 16 quyển, đời sau chia ra 10 quyển trên là bộ phận **Thương hàn**, gọi là **Thương hàn luận**, 6 quyển dưới là bộ phận tạp bệnh, gọi là **Kim Quỹ phương luận**, còn gọi là **Kim quỹ yếu lược**, **Kim quỹ Ngọc hàm kinh**.

Thương hàn là sách trị liệu nhiều loại bệnh truyền nhiễm cấp tính, nhưng có tính cách thông luận về các chứng trạng và phép trị bệnh truyền nhiễm, không phải là chuyên luận cho nên có ý nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Nghĩa hẹp là cảm phải khí hậu hàn lãnh đưa đến tạt bệnh, nghĩa rộng tức là bao quát các chứng Phong, Ôn, Thử, Thấp bốn mùa.

Nội kinh nói: "Các bệnh đều thuộc loại Thương hàn". Nạn kinh nói: "Thương hàn có 5: có trúng phong, có Thương hàn, có thấp ôn, có Nhiệt bệnh, có Ôn bệnh". Trương Tử Hòa nói: "ôn bệnh ở mùa Xuân, Nhiệt bệnh ở mùa hạ, Ngược bệnh ở mùa thu, Hàn khí và khái thấu ở mùa Đông, gọi chung là Thương hàn". Thương hàn luận tự tự cũng nói: "Từ Kiến an đến giờ, chưa đầy 10 năm, chết mất tới hai phần ba, mà người bị về Thương hàn có tới bảy phần mười."

Cứ như trên đã nói, **Thương hàn luận** không phải nói theo nghĩa hẹp.

soạn thành **Thương hàn tạp bệnh luận**. Dù chưa có thể chữa khỏi được hết mọi chứng bệnh, nhưng cũng có thể thấy mà biết được cội nguyên nhân của nó từ đâu. Vậy, nếu ai hay xem kỹ sách của ta cũng đã hiểu biết được quá nửa công việc vậy.

Nghĩ như, trời chia ra 5 hành để hóa sinh muôn loài, người ta bắ**m** theo 5 thường để sinh ra 5 tạng, Kinh, Lạc, Phủ, Du, Âm Dương hội thông sâu xa ảo diệu, biến hóa khôn lường. Nếu không phải là hạng người tài thức hơn đời, thời hiểu biết làm sao được lẽ đó.

Đời Thương cổ có Thần Nông, Hoàng Đế, Kỳ Bá, Bá Cao, Lôi Công, Thiệu Du, Thiệu Sư, Trọng Văn, về Trung thế có Trương Tang, Biển Thước, về Hán có Công Thừa, Dương Khánh và Sương Công... từ đó về sau chưa từng nghe có ai.

Ngẫm kẻ y giả đời nay, không chịu suy xét kinh chỉ để cầu biết rộng thêm, chỉ theo nghề riêng của nhà mình, trước sau theo cũ, xét xem tật bệnh, cốt ở nói khéo, mới hỏi qua loa, đã cắt ngay thuốc, ấn Thốn không đến Xích, xét tay bỏ sót chân. Nhân nghinh, Trật dương ba bộ không xem, lựa đểt hơi thở, hút, không tới năm mươi, đoán kỹ chưa biết, đã chẩn chín hậu, Minh đường, Quyết đình, cũng không xem tới. Thật khác, lấy ống để dòm <sup>chỉ</sup> ười!

Nghĩ như muốn quyết được việc sống chết, thật là rất khó. Đức Khổng tử nói: "**Sinh ra mà biết ngay, là bậc trên, học mà biết được sẽ ngang hàng, nghe nhiều biết rộng, cũng là bậc thứ vậy**". Ta vốn chọn về phương thuật, xin theo lời ấy.

Hán Trương sa Thái thú Nam dương

Trương Cơ Trọng Cảnh soạn

## Bản về mạch và chứng của bệnh thuộc về kinh Thái dương

Thiên A1

CHƯƠNG I

Tiết 1

太陽之為病脈浮頭項強痛而惡寒

Phiên âm: Thái dương chi vi bệnh, mạch Phù, đầu hạng cường thống nhi ố hàn.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thái dương, mạch Phù, đầu cổ cứng và nhức, ghét lạnh.

Chú giải: Đây là nói đề cương của kinh Thái dương. Kinh Thái dương liên với phong phủ, dẫn lên đầu cổ, vòng xuống xương sống, qua thất lưng, xuống mãi tới chân... nên có chứng nhức đầu cổ cứng... đó là bệnh thuộc Thái dương kinh. Ố hàn là bệnh của Thái dương khí.

Nội kinh nói: "Ở trên Thái dương, hàn khí chủ **đẩy**" cho nên có khi nhân gió mới ố hàn, không có gió cũng ố hàn. Dù sao, tất phải có ố hàn mới là bệnh ở Thái dương. Hàn tà xâm nhiễm vào Thái dương, thể ôn, huyết dịch đều nổi **đẩy** mà tự vệ nên mạch phù.

Từ đây trở đi, nói đến Thái dương bệnh là phải hội đủ mấy yếu tố mạch, chứng trên.

Tiết 2

太陽病發熱汗出惡風脈緩者名為中風

Phiên âm: Thái dương bệnh phát nhiệt, hãn xuất, ố phong, mạch hoãn giả, danh vi trúng phong.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, phát nhiệt, ra mồ hôi, ghét gió, mạch hoãn, đó là bệnh trúng phong.

**Chú giải:** Đây là nói phong trúng vào bộ phận cơ nhục thuộc kinh Thái dương. Phong phạm vào bộ phận doanh, Doanh huyết bị thương cho nên huyết mạch yếu, sự động thành ra chậm chạp, mới hiện ra mạch hoãn.

### Tiết 3

太陽病或已發熱或未發熱必惡寒體痛嘔  
逆脈陰陽俱緊者名曰傷寒

**Phiên âm:** Thái dương bệnh hoặc dĩ phát nhiệt hoặc vị phát nhiệt tất ố hàn, thể thống, ầu nghịch mạch âm (xích) dương (thốn) câu khẩn giả, danh viết thương hàn.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương hoặc đã phát nhiệt, hoặc chưa phát nhiệt nhưng tất phải ghét lạnh, mình đau, nôn ọe, mạch âm, dương đều khẩn gọi là chứng thương hàn.

**Chú giải:** Nói hàn tà phạm vào bộ phận nhu biểu của kinh Thái dương. Phong, hàn cùng là khí trong không trung, nhân thời lệnh có lúc nóng lạnh khác nhau cho nên phân biệt ra phong, hàn. Khi phạm vào người, mồ hôi ra, cơ nhục thưa hờ, ghét gió, mạch hoãn thời là trúng phong. Nếu bì phu, huyết quản thu rút, không có mồ hôi, ghét lạnh là thương hàn. Còn như phát nhiệt, mình đau, ọe mửa... đều là do phong hàn xâm nhiễm, biểu hiện sự kháng cự của thể lực.

### Tiết 4

傷寒一日太陽受之脈若靜者為不傳也頗  
欲吐若煩脈數急者為傳也

**Phiên âm:** thương hàn nhất nhật Thái dương thọ chi, mạch nhược tịnh giả vi bất truyền dã, phả dục thổ nhược phiển, mạch sắc cấp giả, vi truyền dã.

**Dịch nghĩa:** Bị thương hàn một ngày, khí của Thái dương chịu trước, nếu mạch tĩnh (không cấp sắc, cấp là bệnh chỉ ở Thái dương, không

truyền vào thiếu âm), nếu hơi muốn thổ, nếu thấy táo phiền và mạch thời sắc cấp (đó là bệnh thuộc về khí của Thái dương, lại kiêm thấy có sự "hóa" của kinh thiếu âm) thế tức là bệnh đã truyền.

**Chú giải:** Tiết này nói về khí âm, dương, biểu, lý cùng truyền. Đây là bệnh thuộc khí Thái dương kiêm thấy có sự "hóa" của thiếu âm. Mạch sắc, cấp là hiện tượng nhiệt hóa, táo thuộc về chứng của túc thiếu âm thân, phiền thuộc về chứng của thủ thiếu âm tâm.

### Tiết 5

傷寒二三日陽明少陽症不見者為不傳也。

**Phiên âm:** Thương hàn nhị tam nhật, Dương minh Thiếu dương chứng bất kiến giả, vi bất truyền dã.

**Dịch nghĩa:** Bị thương hàn đã hai, ba ngày không thấy các chứng của kinh Dương minh và kinh Thiếu dương. Đó là bệnh không truyền.

**Chú giải:** Tiết này nói về bệnh thể không kế tục phát triển vì hai, ba ngày là thời kỳ chủ khí của kinh Dương minh và Thiếu dương mà không thấy chứng mình nóng, tự ra mồ hôi, không ghét lạnh của kinh Dương minh, không thấy chứng miệng đắng, họng khô, mắt mờ của kinh Thiếu dương.

### Tiết 6

太陽病發熱而渴不惡寒者為溫病若  
發汗已身灼熱者名曰風溫風溫為病  
脈骸陰陽俱浮自汗出身重多眠睡  
息必𦵏語言難出若被下者小便不利直  
視失瘦若被火者微者發黃色劇則如  
驚癰時瘵瘵若火熏之一逆尚引日再  
逆促命期

**Phiên âm:** Thái dương bệnh phát nhiệt nhi khát, bất ố hàn giả vi ôn bệnh; nhược phát hãn dĩ, thân chuốc nhiệt giả, danh viết phong ôn. Phong ôn vi bệnh mạch âm dương câu phù tự hãn xuất thân trọng đa miên, thóa tức, tất hãn, ngữ ngôn nan xuất, nhược bị hạ

giả, tiểu tiện bất lợi, trực thị, thất sấu, nhược bị hỏa giả, vì giả phát hoàng sắc, kịch tác như kinh giản, thời khiết tủng, nhược hỏa huân chi, nhất nghịch thượng dẫn nhật tái nghịch xúc mạng kỳ.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương phát nhiệt mà khát, không ghét lạnh là ôn bệnh. Nếu phát hàn rồi, mình lại nóng như đốt, gọi là phong ôn. Bệnh phong ôn, mạch Âm Dương đều phù, tự ra mồ hôi, mình nặng, ngủ nhiều, hơi thở như ngáy, nói năng khó nên lời. Nếu bị nhiễm hạ, tiểu tiện sẽ không lợi, trực thị, sồn dãi, nếu dùng lửa châm cứu, nhẹ thì ngoài da phát vàng, nặng thì như kinh giản, có khi lại kịch tủng (gân mạch co rút, thông ra); nếu dùng lửa xông đi, 1 lần nghịch còn có thể sống, hai lần nghịch khó lòng toàn mạng.

**Chú giải:** Tiết này đề xuất: chứng phát nhiệt mà khát, không ghét lạnh, là bệnh phong ôn, nên cho thấy rõ chứng trạng này khác với bệnh thương hàn và trúng phong. Nếu dùng tân ôn phát hàn, tuy hàn ra nhưng nhiệt cũng không suy giảm lại sinh biến chứng như trên. Lại không thể dùng hạ hoặc dùng hỏa khiến cho thủy phần bị thương, nhiệt thanh hun đốt lên não đưa đến chứng trạng thần kinh như tiểu tiện không lợi hoặc không cầm được, hai mắt trực thị, mình vàng như xông khói, thậm chí phát sinh hoại chứng như co giật.

Mới mở đầu bộ sách, Trọng sư đã nêu lên đề cương của ba chứng: Thương hàn, Trúng phong và Ôn bệnh. Điều đó chứng tỏ sách của Trọng sư tuy gọi tên là Thương hàn, nhưng không những chỉ nói đến Thương hàn mà thôi. Không nên cố chấp vào hai chữ Thương hàn trên đầu sách mà không nghiên cứu đến, là một sự thiệt thòi lớn của y giả.

### Tiết 7

病有發熱惡寒者發於陽也無熱惡寒者發於陰也發於陽者七日愈發於陰者六日愈以陽數七陰數也

**Phiên âm:** Bệnh hữu phát nhiệt ố hàn giả, phát ư Dương dã, vô nhiệt ố hàn giả phát ư Âm dã. Phát ư Dương giả thất nhật dĩ, phát ư Âm giả, lục nhật dĩ, dĩ Dương số thất, Âm số lục cố dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh, có chứng phát nhiệt rồi mới ghét lạnh là phát ra ở Dương, không phát nhiệt mà ghét lạnh, là phát ra ở Âm. Phát ra ở Âm 6 ngày lành, phát ra ở Dương 7 ngày lành. Bởi vì số Dương 7 mà số Âm 6 vậy.

**Chú giải:** Phát nhiệt, ố hàn, là phát ra bởi "tiêu dương" của kinh thủ Thái dương tiểu trường vì thủ Thái dương tiểu trường cùng biểu lý với kinh thủ thiếu âm tâm. Hai kinh này 1 bản nhiệt, 1 tiêu nhiệt.

Không phát nhiệt mà ố hàn là phát ra bởi "tiêu âm" của túc thiếu âm thận vì túc thiếu âm thận cùng biểu lý với túc Thái dương Bàng quang, 1 tiêu hàn, 1 bản hàn.

Tiết này nói đại cương của Âm, Dương, Hàn, Nhiệt và tiêu, bản và xét theo cáo bản vị của Âm Dương để định ngày khỏi bệnh.

### Tiết 8

太陽病頭痛至七日以上自愈者行其經盡故也若欲作再經者針足陽明使經不傳則愈

**Phiên âm:** Thái dương bệnh đầu thống chí thất nhật dĩ thượng tự hựu giả, hành kỳ kinh tận cố dã. Nhược dục tác tái kinh giả, châm túc Dương Minh sử kinh bất truyền tác dĩ.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương đầu nhức, đến 7 ngày trở lên sẽ tự khỏi vì dẫn qua bản kinh của nó đã hết rồi. Nếu chưa khỏi lại muốn truyền kinh lần nữa, nên châm kinh túc Dương minh Vị<sup>1</sup> khiến cho không truyền kinh được nữa thì khỏi.

<sup>1</sup>Túc là châm huyết túc tam lý (dưới đầu gối ba tấc). Ngồi ngay co đầu gối, ngón tay áp xuống xương ống, tại đầu ngón tay giữa là đứng huyết. Châm 3-7 phân.



**Chú giải:** Tất cả kinh đều có truyền kinh, hành kinh. Nói một kinh Thái dương, các kinh kia sẽ rõ.

Tiết này chia làm 2 phần: từ đầu đến chữ "cố dã" là nói bệnh ở Thái dương tự đi qua hết bản kinh của nó nên tự lành. Phần sau nói nếu không lành thì sẽ truyền kinh nên phải châm túc tam lý cho Vy khí vượng sẽ không truyền được.

### Tiết 9

太陽病欲解時從巳至未上

**Phiên âm:** Thái dương bệnh dục giải thời tòng tỵ chí mùi thượng.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương khi muốn giải từ giờ tỵ đến giờ mùi.

**Chú giải:** Tiết này thừa theo tiết trên nói thời kỳ lành bệnh để cho thấy sáu âm khí của trời hay làm hại chánh khí của người. Nhưng trong 12 giờ trong ngày (từ tỵ đến hợi) lại hay trợ chính khí của người. Hễ bệnh ở kinh nào gặp đúng giờ vượng của kinh ấy thì giảm nhẹ hoặc tự lành.

### Tiết 10

風家表解而不了了者十二日愈

**Phiên âm:** Phong gia biểu giải nhi bất liễu liễu giả, thập nhị nhật dĩ.

**Dịch nghĩa:** Người trúng phong biểu đã giải nhưng chưa được thật khoan khoái, chờ đến 12 ngày sẽ khỏi.

**Chú giải:** Tiết này thừa theo tiết trên nói sau khi bệnh bớt mà định thời kỳ lành hẳn. Chứng này là chứng trúng phong. Theo tiết trên đã nói 7 ngày gặp số lẻ, khí theo biểu mà giải, nhưng dù tà chưa hết, đợi 5 ngày nữa, khí của 5 tạng đầy đủ, hiệp công 12 ngày sẽ khỏi.

### Tiết 11

病人身大熱反欲得近衣者熱在皮膚  
寒在骨髓也

**Phiên âm:** Bệnh nhân thân đại nhiệt, phản dục đắc cận y giả, nhiệt tại bì phu, hàn tại cốt tủy dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh nhân mình đại nhiệt mà lại muốn được mặc áo. Đó là nhiệt ở bì phu mà hàn ở cốt tủy.

**Chú giải:** Đoạn này nói cho thêm rõ cángiã Âm Dương, tiêu bản và Hàn Nhiệt. Nhiệt ở bì phu là tiểu nhiệt của Thái dương, hàn ở cốt tủy là hàn của Thiếu âm.

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 11 tiết: bàn về Trúng phong và Thương hàn, hễ mồ hôi ra, ghét gió, mạch Hoãn là Trúng phong; không có mồ hôi, ghét lạnh, mạch Khẩn là Thương hàn.

Bàn về Âm Dương:

-Phát nhiệt, ghét lạnh là bệnh phát ở Dương.

-Không nhiệt ghét lạnh là bệnh phát ở Âm.

Bàn về hàn nhiệt:

-Biểu hàn, lý nhiệt: không muốn mặc áo.

-Biểu nhiệt, lý hàn: muốn mặc áo.

-Phát nhiệt mà khát, không ghét lạnh là ôn bệnh.

Bàn về truyền biến:

-Mạch tĩnh, không ọa là không truyền.

-Mạch Sác, Cáp, muốn thổ là truyền.

Đó là cương lĩnh của thiên Thái dương

## CHƯƠNG II

### Tiết 1

太陽中風陽浮而陰弱陽浮者熱自發  
陰弱者汗自出嗇嗇惡寒淅淅惡風翕  
翕發熱登鼻鳴乾嘔者桂枝湯主之

**Phiên âm:** Thái dương trùng phong Dương Phù nhi Âm Nhược, Dương phù giả nhiệt tự phát; Âm nhược giả hãn tự xuất, sắc sắc ở hàn, tích tích ở phong, hấp hấp phát nhiệt, tỷ minh, càn ẩu giả, Quế chi thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thái dương trùng phong, Dương Phù mà Âm Nhược, mồ hôi sẽ tự ra, gây gây ghét lạnh, rờn rợn ghét gió, hãm hấp phát nhiệt, mũi thở phì phò và ụa khan. Quế chi thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Mạch Thốn phù tức là Vệ dương vượt ra ngoài nên nhiệt tự phát, Mạch Xích Nhược là Doanh huyết bị thương. Doanh bị thương không giữ cho Vệ để Vệ khi tiết ra ngoài thành ra tự hãn. Tự hãn thì bì mao mở ra, gặp hàn khí thì muốn vít lại nên mới hiện ra cái trạng thái gây gấy. Một khi vệ khí đã mất chức năng thì phong tà lọt thẳng tới cơ nhục, doanh huyết nhân đó bị thương nên mới có trạng thái rờn rợn ghét gió. Tà khí đã ở trong bộ phận cơ nhục, vệ khí từ trong tấu lý hợp với tà khí ở doanh phận hun hấp nhau nên mới hãm hấp phát nhiệt. Khí ở tấu lý đã không đạt ra được phải úng vào trong nên hơi thở ở mũi thành ra phì phò. Cái khí của tam tiêu đã không đạt ra ngoài tấu lý phải quật trở vào Vệ mới thành ra nôn khan. Nôn khan chính là chuyển chứng của thiếu dương.

Tóm lại, từ bì mao đến cơ nhục, đến tấu lý đều bệnh cả nhưng chỗ ở chính của tà là cơ nhục cho nên chỉ dùng 1 bài Quế chi để giải cơ mà tà ở Bì mao, tấu lý đều giải được cả.

### Quế chi thang

#### 桂枝湯

桂枝 Quế chi 3 lượng (cạo bỏ vỏ mỏng)

芍藥 Thược dược 3 lượng

甘草 Cam thảo 2 lượng (nung)

生薑 Sinh cương 3 lượng (thái)

大棗 Đại táo 12 quả (bỏ hạt.)

Bấy nhiêu vị làm một thang, dùng 7 thăng nước, đun nhỏ lửa, cạn còn 3 thăng, bỏ bã để hơi ấm, uống 1 thăng, uống rồi một lát ăn 1 bát cháo nóng để giúp sức cho thuốc rồi đắp chăn kín độ nửa giờ cho khắp mình hơi nhâm nhấp tựa như là hãn mới hay, đừng để cho hãn ra đầm đìa, bệnh tất không khỏi. Nếu hãn ra, bệnh lui đừng uống nữa, không cần uống hết. Nếu chưa có hãn, uống bát nữa, theo phương pháp trên, vẫn chưa có hãn lại uống nốt. Càng về sau nên uống chóng hơn, khiến nửa ngày uống hết cả 3 nước. Nếu bệnh nặng, ngày đêm thăm luôn, uống hết thang ấy, lại cất thêm thang khác. Uống tới 2, 3 thang. (Ấm ăn các đồ sống lạnh, béo ngấy, thịt, nướng, ngũ tân, rượu, giấm và các thức có mùi khó ngửi.

**Nhận xét về thang Quế chi:** Nội kinh nói: "tỳ chủ cơ nhục", tà ở doanh phận (cơ nhục) cho nên dùng Cam thảo, Đại táo để bổ tỳ, rồi do từ bộ phận Cao du của tỳ mà đạt ra ngoài, để trục cái tà ở cơ nhục. Dùng Bạch thực để hành Can huyết, từ Can cách thấu ra Liên vòng, rồi đạt ra ngoài cơ nhục để đánh tan cái trệ của doanh huyết, bấy giờ mới lại do "tiểu trường liên vòng" để đạt ra ngoài khiến cho doanh huyết đầy đủ ở bộ phận cơ nhục, tà tự nhiên không còn lưu luyến được.

Cái dụng ý của bài thuốc này là hòa hợp thủy với hỏa, khí với huyết, là 1 phương thuốc hòa cơ nhục và trệ doanh huyết cùng là để trị huyết phân ở tiểu trường.

### Tiết 2

#### 太陽病頭痛發熱汗出惡風者桂枝湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh đầu thống phát nhiệt ẩu xuất ở phong giả, Quế chi thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, đầu nhức, phát nhiệt thấy có mồ hôi ra và ghét gió. Bài Quế chi thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Trọng sư thêm tiết này để học giả thấy rõ Quế chi thang không những chỉ điều âm dương, hòa doanh huyết mà còn là chủ phương của chứng Thái dương trùng phong. Hơn nữa, nói rộng ra, bất

cứ là Trúng phong, Thương hàn, tạp bệnh... hễ xét thấy bệnh thuộc về Thái dương mà có hãn ra đều có thể dùng bài này để giải cơ. Đúng ra, bài này chỉ là bài thuốc có công năng giải cơ. Cơ đã giải được rồi thì phục hồi được chức năng gìn giữ cho Vệ. Vệ khí tiết hết ra thì tự nhiên hết phát nhiệt, hãn ra và cũng hết ghét gió. Hãn ra là yếu tố quan trọng của chứng này. Vì thế không cần hỏi là trúng phong, thương hàn hay tạp bệnh gì cả, hễ thấy bệnh ở Thái dương mà mồ hôi ra là dùng ngay bài này, không ngại gì cả. Tóm lại, đây là thông lệ lập phương của Trọng Cảnh.

### Tiết 3

太陽病項背強几几反汗出惡風者桂枝加葛根湯主之

Phiên âm: Thái dương bệnh hạng bối cường thù thù phản hãn xuất, ố phong giả, Quế chi gia Cát căn thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thái dương, cổ lưng ngay đờ, chỉ hơi ngo ngoay, lại mồ hôi ra, ghét gió. Bài Quế chi gia Cát căn thang chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Bệnh ở Thái dương, có khi thuộc về Thái dương khí, có khi thuộc về Thái dương kinh, có khi cả Thái dương khí, Thái dương kinh đều mắc bệnh như chứng này.

Khi tà chỉ ở bì mao, không phạm vào kinh thấu tức là chứng của bài Ma hoàng, nếu lại phạm cả vào kinh thấu sẽ là chứng của bài Cát căn thang. Khi tà chỉ ở cơ nhục mà không vào kinh thấu thì chỉ dùng bài Quế chi giải cơ, nếu lại phạm cả vào kinh thấu thì sẽ là chứng của bài Quế chi gia Cát căn thang vừa giải cơ, vừa trục tà ở kinh thấu.

Tiết này nói tà ở cơ nhục lán vào kinh thấu.

Quế chi gia cát căn thang phương

桂枝加葛根湯方

桂枝 Quế chi 3 lượng (cạo bỏ vỏ)

芍藥 Thược dược 3 lượng

甘草 Cam thảo 2 lượng (chích)

生薑 Sinh cương 3 lượng (thái)

大棗 Đại táo 12 quả

葛根 Cát căn 4 lượng

Bảy nhiều vị đun với 7 bát nước cạn còn 3 bát, bỏ bã, uống nóng 1 bát. Không cần phải ăn cháo. Ngoài ra đều theo phương pháp như uống bài Quế chi.

### Tiết 4

太陽病下之後其氣上衝者可與桂枝湯方用前法若不上衝者不可與之

Phiên âm: Thái dương bệnh hạ chi hậu kỳ khí thượng xung giả khả dĩ Quế chi thang phương, dụng tiền pháp, nhược bất thượng xung giả bất khả dĩ chi.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thái dương, sau khi đã hạ nhầm, khí lại xung lên, nên uống bài Quế chi thang theo phương pháp trước. Nếu không xung lên không thể cho uống bài Quế chi.

Chú giải: Bệnh ở Thái dương theo phép nếu không phát hãn thì giải cơ, không được hạ. Giờ đã hạ nhầm, đáng lẽ là khí hạ hãm, nhưng lại xung lên tức là không vì hạ nhầm mà hạ hãm, cho nên được dùng Quế chi thang để giải cơ. Nếu trường hợp khí không xung lên (khí đây là khí của Thái dương từ bộ phận chí âm lên) tức là đã hạ hãm. Thế thì không được dùng Quế chi thang.

Trương Lệnh Thiệu nói: "Kinh Thái dương gốc ở Chí âm", thế là khí của Thái dương, do bộ phận Chí âm mà dẫn lên hung cách, do hung cách mà ra cơ tấu, do cơ tấu mà ra bì mao. Bên ngoài dẫn đi ở 3 kinh Dương, bên trong dẫn đi ở 3 kinh Âm. Khí do đó mà ra vào, tà cũng do đó mà vào ra. Nếu hạ nhầm khí của Thái dương sẽ do cơ tấu mà hạ hãm vào hung cách... Tiết này nói bệnh ở Thái dương bị hạ nhầm, khí của Thái dương bị hạ hãm không dùng thang Quế chi.

### Tiết 5

太陽病三日已發汗若吐若下若溫針  
仍不解者此為壞病桂枝不中與也觀  
其脈症知犯何逆隨症治之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh tam nhật dĩ phát hàn, nhược thổ, nhược hạ, nhược ôn châm, nhưng bất giải giả, thử vi hoại bệnh, Quế chi bất trúng dữ dã. Quan kỳ mạch chứng trí phạm hà nghịch, tùy chứng trị chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương 3 ngày đã phát hàn, nếu lại thổ, nếu lại hạ, nếu lại ôn châm, vẫn không giải. Đó là hoại bệnh. Quế chi thang không thể uống, xét xem mạch và chứng biết phạm sự nghịch nào, sẽ theo chứng mà điều trị.

**Chú giải:** Tiết này nói bệnh không quan hệ gì đến cơ nhục, không được dùng Quế chi thang.

Đã phát hàn tức là tà ở bì mao không phải ở cơ nhục, đã dùng Ma hoàng tức là tà đã theo biểu giải mới phải, đã cho thổ tức là tà ở hung cách phải giải, đã cho hạ, đáng lý tà ở Dương minh Vy cũng phải giải. Giờ không giải đúng là do y giả trị nhầm thành hoại bệnh. Bài Quế chi không thể dùng ở đây vì tà không ở cơ nhục. Thang Quế chi chỉ là phương thuốc giải cơ, bệnh không quan hệ gì đến cơ tấu, không được dùng.

### Tiết 6

桂枝本為解肌若其人脈浮緊發熱汗  
不出者不可與也當須識此勿令誤也

**Phiên âm:** Quế chi bản vi giải cơ, nhược kỳ nhân mạch phù khẩn phát nhiệt hàn bất xuất giả bất khả dữ dã. Dương tu thức thử, vật linh ngộ dã.

**Dịch nghĩa:** Thang Quế chi vốn là để giải cơ. Nếu bệnh nhân mạch phù, khẩn, phát nhiệt, hàn không ra, không thể cho uống. Cần phải hiểu lẽ đó, đừng có dùng nhầm.

**Chú giải:** Đáng lẽ không có tiết này cũng được nhưng vì thầy cần thân, chu đáo, sợ học giả hiểu lầm. Thấy nhắc lại lần nữa để học giả lưu ý phân biệt công dụng của bài thuốc Ma hoàng và Quế chi. Chứng này theo như các tiết trên đã bàn là chứng của bài Ma hoàng. Dùng Ma hoàng để phát hàn vì tà khí vít lấp bì mao. Nhất thiết không được dùng thang Quế chi là thuốc giải cơ.

### Tiết 7

若酒客病不可與桂枝湯得湯則嘔以  
酒客不喜甘故也

**Phiên âm:** Nhược tửu khách bệnh bất khả dữ Quế chi thang, đắc thang tác ẩu, dĩ tửu khách bất hỷ cam cố dã.

**Dịch nghĩa:** Nếu tửu khách (người nghiện rượu) mắc bệnh, không thể cho uống bài Quế chi vì tửu khách không ưa các chất ngọt.

**Chú giải:** Người nghiện rượu thường khi thấp nhiệt uẩn tích ở trong ngay lúc chưa bệnh, nhiệt khí nung nấu, vốn đã nhiều hàn. Đến khi mắc bệnh tất nhiên phải hàn ra và mạch Hoàn, người ta dễ nhận lầm là chứng Quế chi. Thật ra, nguyên nhân của bệnh đó xét kỹ không có liên can gì đến cơ tấu nên không thể cho uống bài Quế chi. Nếu uống vào sẽ giúp thêm cho thấp nhiệt. Hơn nữa, vị ngọt hay ủng mãn sinh ư. Tửu khách chỉ ưa đắng để tiết nhiệt đi.

Từ đó suy ra, hễ người vốn có thấp nhiệt không cho dùng thang Quế chi, không riêng gì tửu khách. Tóm lại 1 câu "Những người có thấp nhiệt kỵ dùng Quế chi thang"

Tiết này nói tửu khách không được dùng Quế chi thang vì vốn có thấp nhiệt.

### Tiết 8

若酒客病不可與桂枝湯得湯則嘔以  
酒客不喜甘故也

**Phiên âm:** Nhược gia tác Quế chi thang gia hậu phác hạnh tửu giải.

**Dịch nghĩa:** Người bình nhật vốn có bệnh suyễn, bài Quế chi gia hậu phác, Hạnh tử hay.

**Chú giải:** Đây là 1 hoạt pháp trong việc dùng thang Quế chi không phải là Định pháp. Đành rằng chứng suyễn mỗi khi phát ra là do tà cự ở phần Biểu khiến cho Biểu khí không thông mà thành suyễn. Đáng lẽ theo phép nên dùng Ma hoàng thang để phát hãn. Nhưng người bệnh có đủ các chứng của Quế chi thang, cứ cho dùng Quế chi thang gia thêm Hậu phác để chuyển tý khí ra, gia Hạnh tử để cho lợi Phế khí. Tiết này nói suyễn gia không đượcdùng Quế chi thang vì chứng suyễn không phải hết thảy đều do cơ nhục.

### Tiết 9

凡服桂枝湯吐者後必吐膿血

**Phiên âm:** Phàm phục Quế chi thang, thổ giả, hậu tất thổ nồng huyết

**Dịch nghĩa:** Phàm uống bài Quế chi thang mà thổ, về sau tất thổ ra nồng huyết.

**Chú giải:** Tiết này nhắc thêm nữa để khỏi lầm lẫn trong khi dùng thang Quế chi. Phàm bệnh nhân vốn sẵn có chứng thấp nhiệt, lại uống thêm chất tân nhiệt của bài Quế chi, hai thứ nhiệt cùng xung đột nhau, tăng thêm nhiệt, hóa làm thương tổn đến dương lạc nên mới thổ ra huyết đặc.

### Tiết 10

太陽病發汗遂漏不止其人惡風小便難四肢微急難以屈伸者桂枝加附子湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh phát hàn toại lậu bất chí kỳ nhân ố phong, tiểu tiện nan, tứ chi vi cấp nan dĩ khuất thân giả, Quế chi gia Phụ tử thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương cho phát hàn, bèn rò mòi không dứt. Bệnh nhân ghét gió, tiểu tiện khó, tứ chi hơi co quắp, khó co duỗi. Bài Quế chi gia Phụ tử thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Chứng này đáng lẽ cho mở hời ra nhằm nháp để cho tà ở cơ nhục từ từ ra hết, lại cho phát hàn quá nhiều, đến nỗi dương khí vong, thủy ở bàng quang bị hàn kết vì không lấy gì nung nấu. Vì sao biết Dương vong? Cứ nhìn theo bài thuốc đã dùng Quế lại có Phụ tử, đúng là phép "Chiêu bổ vong dương", "tán hàn ôn thủy".

Lại xem chứng "tứ chi hơi co quắp, khó co duỗi" thì thấy rõ là dương khí suy vì vì thủ tam dương, túc tam dương, từ đầu ngón tay, đầu ngón chân đi lên. Trong bài dùng Phụ tử là để ôn thủy tán kết. Nhờ đó, Dương khí tiếp tục sinh ra, tiểu tiện sẽ dễ dàng và tứ chi co duỗi được.

Tóm lại, tiết này nói vì hàn nhằm mà Dương vong bên ngoài. Dương vong bên ngoài phải dẫn vào trong nên vẫn dùng Thuốc được.

Quế chi gia Phụ tử thang phương

桂枝加附子湯方

tức dùng nguyên thang Quế chi, gia thêm 1 củ Phụ tử (bào)

### Tiết 11

太陽病下之後脈促胸滿者桂枝去芍藥湯主之若微惡寒者桂枝去芍藥湯中加附子湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh, hạ chi hậu, mạch xúc, hung mãn giả. Quế chi khứ thược dược thang chủ chi, nhược vi ố hàn giả, Quế chi khứ thược dược thang trung gia Phụ tử thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương sau khi hạ nhằm, mạch xúc, hung đầy, bài Quế chi khứ Thược dược thang chủ về bệnh ấy. Nếu mạch Vi, ghét lạnh, bài Quế chi khứ Thược dược gia Phụ tử thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết trên nói nhầm phát hàn, Dương vong bên ngoài. Tiết này nói nhầm hạ, dương vong bên trong. Chỉ cần thêm bớt một hai vị mà công dụng khác xa.

Tiết này chia làm hai đoạn: đoạn trên nói nhầm hạ Dương vong bên trong, nhưng còn nhẹ, chỉ mới làm hại đến phần Dương của hung cách, cái khí trợ âm ở Hạ tiêu lấn lên Dương vị mà gây nên chứng mẫn (đầy) và mạch Xúc, chỉ cần dùng bài Quế chi bỏ thuốc được là sợ nó sẽ lưu huyền với âm tà khiến không đi dứt. Đoạn thứ hai, chứng trạng nặng hơn vì mạch dã Vi lại ghét lạnh, chứng tỏ Dương đã hư quá, mạch khí cổ động yếu ở nên Vi. Chứng ghét lạnh ở thất lũng, thuộc Thiếu âm (tạng của Thái dương bàng quang). Vì vậy, mới gia thêm Phụ tử để tráng dương mới khỏi được.

#### Quế chi khử Thuốc được thang phương

### 桂枝去芍藥湯方

Tức là nguyên bài Quế chi thang, bỏ Thuốc được. Lấy 7 thăng nước đun còn 3 thăng, uống hơi nóng 1 thăng.

#### Quế chi khử Thuốc được gia Phụ tử thang phương

### 桂枝去芍加附子湯方

Tức bài trước gia thêm 1 củ Phụ tử (bào, bỏ vỏ, bỏ làm 8 mảnh), cả 5 vị hợp lại, dùng làm 7 thăng nước, đun còn 3 thăng bỏ bã, uống hơi ấm một thăng. Chứng ghét lạnh khỏi, thôi đừng uống phần còn lại.

#### Tiết 12

太陽病之八九日如瘧狀發熱惡寒熱多寒少其人不可嘔圜便欲自可一日二三度發脈微緩者為欲愈也脈微而惡寒者此陰陽俱虛不可更發汗更下更吐也面色反有熱色者未欲解也不能得小汗出身必瘵宜桂枝麻黃各半湯

**Phiên âm:** Thái dương bệnh đặc chi bát cửu nhật như ngược trạng, phát nhiệt ố hàn, nhiệt đa hàn thiểu, kỳ nhân bất ẩu, thanh tiện dục tự khả, nhất nhật nhị tam độ phát, mạch Vi, Hoãn giả vi dục dữ dã. Mạch Vi nhi ố hàn giả, thử Âm dương câu hư bất khả cánh phát hàn, cánh hạ, cánh thổ dã. Diện sắc phản hữu nhiệt sắc giả, vi dục giải dã. Bất năng đặc tiểu hàn xuất, thân tất dương, nghi Quế chi Ma hoàng các bán thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương mắc đã 8, 9 ngày, chứng trạng như Ngược, phát nhiệt, ghét lạnh, nhiệt nhiều lạnh ít, bệnh nhân không ụa, đại tiện dễ dàng, một ngày phát hai ba lần, mạch Vi, Hoãn là muốn khỏi vậy. Nếu mạch Vi mà ghét lạnh, ấy là Âm Dương đều hư, không thể lại phát hàn, lại thổ, lại hạ nữa. Nét mặt lại có sắc nhiệt là chưa muốn giải, bởi không được chút hàn, mình hẳn ngứa, nên dùng bài Quế chi Ma hoàng các bán thang.

**Chú giải:** Tiết này có thể chia làm 3 đoạn để giải:

**Đoạn 1:** Bệnh ở Thái dương được 8, 9 ngày tức là thời kỳ chư khí của Thiếu dương cho nên được khí hóa của Thiếu dương. Nhiệt nhiều hàn ít là chủ được khách thua, không ụa là tà không chuyển vào Thiếu âm, đại tiện dễ dàng là tà không chuyển vào Dương minh. Bệnh nhân có tình trạng như Ngược, nhưng giờ giấc phát ra không nhất định như Ngược. Thế là cái khí Thái dương đã phục hồi không thể dung cái chứng hậu như vậy. Mạch lại Vi là Phù, Vi chứng tỏ tà khí suy, Hoãn là chính khí đã phục hồi. Vì thế, bệnh muốn lành, tức là không dùng thuốc cũng lành miễn là biết điều dưỡng đúng phép.

**Đoạn 2:** Đoạn này chỉ nói mạch Vi, không nói Hoãn, chứng tỏ tà suy mà chính cũng suy. Đoạn trên nói phát nhiệt, ố hàn, đoạn này chỉ nói ố hàn không nói phát nhiệt, chứng tỏ Thái dương, Thiếu âm đều hư bởi lẽ có hiện tượng lũng ố hàn. Vả lại, nhiệt nhiều hàn ít là chủ thắng khách thua, hàn nhiều nhiệt ít là chủ thua khách thắng. **Đoạn này** chỉ ố hàn không phát nhiệt lại càng tệ hơn. Ở đây, thầy không đưa ra phương nhưng chỉ cần 1 chữ Hư đã có thể hiểu đây là

phương pháp của bài thuốc được Cam thảo Phụ tá thang và các phương pháp của bài tứ nghịch với Phụ tử thang.

**Đoạn 3:** Đàng lẽ mạch Vi, ố hàn mặt không nên có sắc nhiệt (ửng đỏ), giờ "lại" có sắc nhiệt chứng tỏ dương khí chưa bại, còn có thể dẫn cái khí uất nhiệt, cái tà khí quá kinh cho bốc lên mặt. Chỉ tiết là Dương khí đã hư khiến cho không được chút hàn mà giải. Như thế là tà muốn ra không thể ra được, cho nên dùng bài này để giúp thêm sức cho ra.

Tiết này nói bệnh ở Thái dương gặp thời kỳ chủ khí của Thiếu dương, nhờ đó để khu chuyển.

### Quế chi ma hoàng các bán thang

桂枝麻黃各半湯

桂枝 Quế chi 1 lượng 16 thù

生薑 Sanhkiương 1 lượng (xắt lát)

芍藥 Thược dược 1 lượng

甘草 Cam thảo 1 lượng (nướng)

麻黃 Ma hoàng 1 lượng (bỏ mấu)

大棗 Đại táo 4 quả (bỏ hạt, bỏ ra)

杏仁 Hạnh nhân 24 hạt (tắm nước nóng, bỏ vỏ nhon và hạt sinh đôi)

Bảy vị trên dùng 5 thăng nước, trước đun Ma hoàng sôi vài dạo, bỏ hạt, cho các thuốc vào sắc còn 1 thăng 8 hiệp, bỏ xác, uống nóng 6 hiệp.

### Tiết 13

太陽病初服桂枝湯反煩不解者先刺風池風府卻與桂枝湯則愈

**Phiên âm:** Thái dương bệnh sơ phục Quế chi thang phản phiền bất giải giả, tiên thích Phong trì, Phong phủ khước dữ Quế chi thang tắc dĩ.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương mới uống bài Quế chi một thăng, lại phiền không giải được. Trước hãy thích huyết Phong trì và Phong phủ rồi lại cho uống nốt bài Quế chi thang sẽ khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói bệnh ở Thái dương đã can thiệp đến cơ tấu mà lại can thiệp đến cả kinh mạch cho nên phải châm hai huyết Phong trì<sup>1</sup>, Phong phủ<sup>2</sup> để trừ bỏ nhiệt ở kinh mạch. Còn tà ở cơ tấu thì đã có sẵn bài Quế chi thang.

### Tiết 14

服桂枝湯大汗出脈洪大者與桂枝湯如前法若形如瘧日再發者汗出必解宜桂枝二麻黃一湯

**Phiên âm:** Phục Quế chi thang đại hãn xuất mạch Hồng Đại giả dĩ Quế chi thang như tiền pháp nhược hình như nguộc nhật tái phát giả hãn xuất tất giải, nghi Quế chi nhị Ma hoàng nhất thang.

**Dịch nghĩa:** Uống Quế chi thang đại hãn ra, mạch lại Hồng, Đại, dùng Quế chi thang phép uống như trước. Nếu hình như Nguộc, ngày phát hai lần, hãn ra, tất giải được, nên dùng bài Quế chi nhị Ma hoàng nhất thang.

**Chú giải:** Theo phép, dùng Quế chi thang chỉ cho nhâm nhấp tựa hãn, nếu để chờ hãn quá nhiều, mạch sẽ Hồng, Đại. Bởi hãn ra vội quá, Biểu giải mà Cơ chưa kịp giải. Vì vậy phải uống lại Quế chi cho đúng phép. Nếu chứng trạng Như Nguộc (chú ý chữ Như), ấy là cơ tà, biểu

<sup>1</sup> Phong trì: huyết số 20 của kinh Đâm, ở tuyến đầu, mí tóc sau ót, do lên 1 tấc, do ra mỗi bên một tấc rưỡi. Châm 5 - 7 phân.

<sup>2</sup> Phong phủ: huyết số 15 của Đốc mạch, tuyến đầu, mí tóc ót do lên 1 tấc, gần huyết Á môn. Châm 3 phân, không nên châm sâu, sợ phạm vào Hải huyết này nằm trên đường của kinh Thái dương đi ngang qua.

tà đều chưa giải hết nên dùng Quế chi nhị để giải cơ, Ma hoàng nhất để giải Biểu.

**Quế chi nhị Ma hoàng nhất thang phương**

桂枝二麻黃一湯方

桂枝 Quế chi 1 lượng (bỏ vỏ)

芍藥 Thược dược 1 lượng 6 thù

麻黃 Ma hoàng 16 đốt (ngắt bỏ máu)

生薑 Sinh cương 1 lượng 6 thù (thái lát)

杏仁 Hạnh nhân 16 hạt (bỏ chóp và vỏ)

甘草 Cam thảo 1 lượng 2 thù (nướng)

大棗 Đại táo 5 quả (bỏ bỏ hạt)

**Dùng** 5 thăng nước bỏ Ma hoàng vào, trước đun sôi lên vào lần, **gạt bỏ bọt**, bỏ các vị kia vào lại đun, cạn còn hai thăng, bỏ bã, uống nóng một thăng. Ngày uống ba lần.

**Tiết 15**

服桂枝湯大汗出後大煩渴不解脈洪大者白虎加人參湯主之

**Phiên âm:** Phục Quế chi thang đại hãn xuất hậu đại phiền khát bất giải, mạch hồng, đại giả Bạch hổ gia nhân sâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Uống bài Quế chi thang sau khi đại hãn xuất ra đại phiền khát không giải. Mạch Hồng. Đại thời Bạch hổ gia Nhân sâm thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này tiếp theo ý tiết trên, nói thêm một trường hợp uống sai phép bài Quế chi thang và nêu ra phương pháp cứu trị.

Phạm khí của Thái dương do cơ nhục thông vào Dương minh. Tỳ chủ cơ nhục. Vị cùng Tỳ là Biểu Lý. là phủ của Tỳ. Cho nên Dương

minh Vị cũng chủ về cơ nhục. Do đó, khí Thái dương cũng do cơ nhục thông vào Vị.

**Bạch hổ gia Nhân sâm thang phương**

白虎加人參湯方

知母 Tri mẫu 6 lượng

甘草 Cam thảo 2 lượng (nướng)

人參 Nhân sâm 2 lượng

石膏 Thạch cao 1 cân (giã nát, bọc vải)

粳米 Nganh mễ 6 hợp

Dùng nước 1 đấu đun 5 vị cho chín gạo, sẽ được thuốc, bỏ bã, uống vừa nóng 1 thăng, ngày 3 lần uống.

Phương này vừa bổ thủy để chế hỏa, vừa bổ thổ để sanh Kim. Kim lại là nguồn của thủy. Kim sinh thủy, thủy đủ sức chế hỏa.

**Tiết 16**

太陽病發熱惡寒熱多寒少脈微弱者此無陽也不可發汗宜桂枝二越婢一湯方

**Phiên âm:** Thái dương bệnh phát nhiệt ố hàn, nhiệt đa hàn thiểu, mạch Vi, Nhược giả, thử vô dương dã, bất khả phát hàn, nghi Quế chi nhị Việt ty nhất thang phương.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương phát nhiệt, ghét lạnh. Nếu nhiệt nhiều hàn ít, mạch Vi, Nhược là vô Dương, không thể phát hàn, nên dùng bài Quế chi nhị Việt ty nhất thang phương.

**Chú giải:** Tiết này nói khí của Thái dương hãm vào tỳ, tỳ khí không thể đạt ra ngoài, không nên phát hàn mà nên làm cho vượt tỳ khí ra vậy (tỳ chủ cơ nhục, tà khí từ cơ nhục hãm vào tỳ). Chứng này, nhiệt nhiều hàn ít là chủ thắng khách thua, triệu chứng sắp khỏi, đáng lẽ



mạch nên Hoãn mà không Nhược, giữ lại mạch Vi. Thế là mạch với chứng trái nhau. Chỉ nên theo mạch mà trị chứ không theo chứng. Vô dương đây không phải là không có dương khí mà là không có cái "dương tà" quá thịnh cho nên không thể phát hãn.

**Quế chi nhị Việt tỳ nhất thang phương**

桂枝二越婢一湯方

- 桂枝 Quế chi 8 thù (bỏ vỏ)
- 芍藥 Thuộc dược 8 thù
- 甘草 Cam thảo 8 thù
- 生薑 Sinh cương 1 lạng 2 thù
- 大棗 Đại táo 4 quả
- 麻黃 Ma hoàng 18 thù (bỏ mấu)
- 石膏 Thạch cao 24 thù (giã vụn bọc vải)

Dùng 5 thăng nước trước đun Ma hoàng sùi bọt vài lần, gạt bỏ bọt, cho các thuốc vào, đun còn 2 thăng, bỏ bã uống vừa nóng 1 thăng.

**Tiết 17**

服桂枝湯或下之仍頭項強痛翕翕發熱無汗心下滿微痛小便不利者桂枝去桂加茯苓白朮湯主之

Phiên âm: Phục Quế chi thang hoặc hạ chi nhưng đầu hạng cường thống hấp hấp phát nhiệt, vô hãn, tâm hạ mãn, vi thống, tiểu tiện bất lợi giả Quế chi khứ Quế gia Phục linh, Bạch truật thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Uống thang Quế chi, hoặc lại hạ đi, vẫn đầu cổ cứng đau, hãm hấp phát nhiệt, hơi có hãn, dưới tâm mãn (đầy), hơi đau, tiểu tiện không lợi... Bài Quế chi khứ Quế, gia Phục linh, Bạch truật thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về phương pháp trị chứng khí của Thái dương hãm vào tỳ, khiến cho tỳ không chuyển thấu được, khác với chứng của tiết trên nói về khí của Thái dương hãm vào tỳ mà không thể đạt ra ngoài.

Đã uống Quế chi mà đầu cổ vẫn đau, cứng, biết là dùng Quế chi chưa đúng phép lắm, rồi lại hạ đi, trong khi biến chứng còn đủ, làm cho tà khí chuyển hãm vào tỳ, khiến cho dưới tâm hơi đau, tiểu tiện lại không lợi. Tiểu tiện không lợi có hai nguyên do, một là khí của Thái dương không đạt được ra ngoài như chứng của bài Ngũ linh tán, hai là thủy của Thái dương không dẫn trở xuống vì tỳ khí không chuyển thấu cho nên thầy giảm bỏ Quế chi, gia Linh, Truật để dẫn cái thủy của Thái dương xuống. Thủy dẫn xuống được thì khí tự đạt ra ngoài. Nhờ đó, các biểu chứng tự nhiên giải tán, dù vốn không hãn cũng sẽ được hãn mà khỏi.

Nắm được cái lẽ thủy hay hóa khí, khí hay hành thủy nên Trọng sư xoay xử thật tài tình. Càng suy gẫm càng thích thú vô cùng.

Quế chi khứ Quế gia Phục linh, Bạch truật thang phương

桂枝去桂加茯苓白朮湯方

- 芍藥 Thuộc dược 3 lạng
- 甘草 Cam thảo 2 lạng (nướng)
- 生薑 Sinh cương 3 lạng
- 茯苓 Phục linh 3 lạng
- 白朮 Bạch truật 3 lạng
- 大棗 Đại táo 12 quả

Dùng 8 thăng nước đun còn 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 1 thăng. Tiểu tiện lợi thì thôi.

Bài Quế chi đã bỏ Quế còn giữ tên Quế chi đứng đầu bài thuốc. Lẽ ấy nên suy nghĩ. Bởi lẽ các chứng đầu cổ cứng đau, hãm hấp phát

nhật tức là chứng thuộc bài Quế chi của Kinh Thái dương vẫn còn, vì hãn nhâm nên thầy Jối phương pháp "giải cơ" thành phương pháp "lợi thùy". Thủy đã lợi thì hãn sẽ khỏi, nhật tự lui, đầu cổ cứng đau cũng khỏi.

**Tiết 18**

傷寒脈浮自汗出小便數心煩微惡寒  
 脚攀急反與桂枝湯以攻其表此誤也  
 得之便厥咽中乾煩燥吐逆者作甘草  
 乾薑湯與之以復其陽若厥愈足溫者  
 更作芍藥甘草湯與之其脚即伸若重  
 氣不和譫語者少與調胃承氣湯若  
 發汗復加燒針者四逆湯主之

Phiên âm: Thương hàn mạch Phù tự hãn xuất, tiểu tiện sắc, tâm phiến, vi ố hàn, cước loạn cấp, phản dữ Quế chi thang, dĩ công kỳ biểu, thủ ngộ dã, đắc chi tiện quyết, yết trung càn, phiến táo, thổ nghịch giả, tác Cam thảo Càn cương thang dĩ chi dĩ phục kỳ dương, nhược quyết dã, túc ôn giả, cánh tác thuộc dược Cam thảo thang dĩ chi, kỳ cước tức thân, nhược Vị khí bất hòa, thiêm ngữ giả, dĩ Điều Vị thừa khí thang, nhược trùng phát hãn, phục gia thiêu châm giả, tứ nghịch thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thương hàn mạch Phù tự hãn ra, tiểu tiện luôn, tâm phiến, hơi ghét lạnh, chân co rút. "Lợi" cho uống bài Quế chi thang để công Biểu, ấy là nhâm; uống vào sẽ quyết, trong họng khô, phiến táo và thổ nghịch, làm bài Cam thảo Càn cương thang cho uống để phục hồi lại Dương.

Nếu quyết khỏi, chân ấm lại làm bài Cam thảo Thuộc dược thang cho uống chân sẽ duỗi ngay. Nếu Vị khí không hòa, nói lầm nhảm, cho "chú ý" bài Điều Vị thừa khí thang. Nếu lợi cho phát hãn, lợi thiêu châm, tứ nghịch thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về Dương quá gắng mà vong Dương, là 1 "biến chứng" trong các chứng vong dương. So với hư hàn vong dương không giống nhau. Tiết này có thể chia làm 4 đoạn để giải:

1. Trước hết, theo phương pháp "tùng trị" để chiêu dụ Dương khí về, dùng bài Cam thảo Càn cương thang. Đã gọi là Dương kháng vong dương sao còn dùng Càn cương? Nên biết trong phương dùng 4 lạng Cam thảo làm chủ dược để hóa bỏ bớt cái tính tân nhiệt của Quế đã dùng nhầm, của Cương đang dùng. Rất tài tình ở chỗ, Càn cương sao đen biến vị Tân làm vị Khổ, cùng với Cam thảo thủ trung để phục lại Dương. Sở dĩ phải dùng Càn cương là lấy cái ý "đồng khí tương cầu" (cùng khí tìm nhau) để chiêu dụ nó về nên phải sao đen.

2. Đoạn thứ 2 theo phương pháp "chính trị", dùng bài Thuộc dược Cam thảo thang. Thuộc dược vị khổ, Cam thảo vị cam. Cam với khổ hợp dùng cơ khí vị như Nhân sâm nên mới đại bổ được âm huyết. Huyết được bổ, gân được nuôi, chứng co rút khỏi.

3. Đoạn thứ ba lại theo phương pháp nghịch trị để công trừ đi, dùng Điều Vị thừa khí thang. Án chứng lập phương thật là tính tương, chu đáo, nhờ đó mà các chứng "Dương kháng vong dương" không còn trốn vào đâu được.

4. Cuối cùng sợ người nhận lầm chứng ấy là chứng "Hư hàn vong dương" nên lại thêm 1 chứng cứ nữa: nếu lợi phát hãn, lợi thiêu châm đến nổi tứ nghịch (tay chân đều lạnh), thế mới là hàn vong dương mới được dùng bài tứ nghịch thang.

Y giả phải cẩn thận chu đáo như thầy mới khỏi bị lầm hàn lâm nhiệt chết người như trở bàn tay.

**Cam thảo Càn cương thang phương**

甘草乾薑湯方

甘草 Cam thảo 4 lạng (nướng)

乾薑 Càn cương 2 lạng (bào)

Dùng 3 thăng nước đun lấy 1 thăng 5 hớp, bỏ bã chia làm hai lần, uống nóng.

Thuộc dược Cam thảo thang phương

芍藥甘草湯方

白芍 Bạch thược 4 lượng

甘草 Cam thảo 4 lượng (nướng)

Dùng 3 thăng nước đun lấy 1 thăng rưỡi, bỏ bã, chia đôi, uống nóng.

Điều Vị thừa khí thang

調胃承氣湯

大黃 Đại hoàng 4 lượng (bỏ vỏ tẩm rượu)

甘草 Cam thảo 2 lượng (nướng)

芒硝 Mang tiêu nửa thăng

Dùng 3 thăng nước, đun còn 1 thăng bỏ bã, rồi cho Mang tiêu vào, đun nhỏ lửa cho sủi, uống ấm in ít một.

Tứ nghịch thang

四逆湯

甘草 Cam thảo 2 lượng (nướng)

乾薑 Càn cương 1 lượng rưỡi

附子 Phụ tử 1 củ (dùng sống, bỏ vỏ, phân làm 8 mảnh).

Dùng 3 thăng nước đun còn 1 thăng 2 hớp, bỏ bã, chia đôi uống nóng. Người mạnh có thể dùng Phụ tử 1 củ lớn và 3 lượng Càn cương.

Trần Úy nói: bài tứ nghịch là Chính dược của kinh Thiếu âm. Chứng này dùng để chiếu nạp cái khí Dương muốn tan đi. Kinh Thái

dương dùng bài này để ôn kinh, cùng dùng với Quế chi thang để cứu lý. Kinh Thái âm dùng bài này để trị chứng hàn thấp. Kinh Thiếu âm dùng bài này để cứu nguyên dương. Kinh Quyết âm dùng bài này để cứu chứng Bạc quyết (quyết nhẹ).

Tiết 19

問曰 症象 陽旦 按法 治之 而增 劇厥 逆咽 中乾 兩脛 拘急 而謔 語師 曰言 夜半 手足 當溫 兩脚 當伸 後如 師言 何以 知此 答曰 寸口 脈浮 而大 浮則 為風 大則 為虛 風則 生微 熱虛 則兩 脛攀 病症 象桂 枝因 加附 子參 其間 增桂 令汗 出附 子溫 經亡 陽故 也厥 逆咽 中乾 陽明 內結 謔語 煩亂 更飲 甘草 乾薑 湯夜 半陽 氣還 兩足 當溫 脛尚 微拘 急重 與芍 藥甘 草湯 爾乃 脛伸 以承 氣湯 微澹 則止 其謔 語故 病可 愈

Phiên âm: Vấn viết: chứng tượng Dương đán, án pháp trị chi nhi tăng kịch, quyết nghịch, yết trung càn, lưỡng hính câu cấp nhi thiêm ngữ. Sư viết ngôn dạ bán thủ túc đương ôn, lưỡng cước đương thân, hậu như Sư ngôn. Hà dĩ tri thử? Đáp viết: (thốn khẩu mạch Phù nhi Đại, Phù tác vi phong, Đại tác vi hư, phong tác sinh vi nhiệt, hư tác lưỡng hính loan, bệnh chứng tượng Quế chi, nhân gia Phụ tử, tham kỳ gian tăng Quế linh hạn xuất, Phụ tử ôn kinh vong đương cố dã. Quyết nghịch, yết trung càn, Dương minh nội kết, thiêm ngữ, phiên loạn, cánh ẩm Cam thảo Càn cương thang, dạ bán đương khí hoàn, lưỡng túc đương ôn, hính thượng vi câu cấp, trọng dĩ thuộc dược Cam thảo thang nhi nãi hính thân dĩ thừa khí thang vi đường tác chi kỳ thiêm ngữ, cố bệnh khả dĩ.

Dịch nghĩa: Hoặc người hỏi: Chứng giống Dương Đán, theo đúng phép để trị mà nặng thêm, quyết nghịch, trong họng khô, hai chân câu cấp mà thiêm ngữ (nói lảm nhảm): thật nói đến nữa đêm tay chân sẽ ấm.

**Phiên âm:** Thái dương bệnh Quế chi chứng, y phản hạ chi, lợi toại bất chỉ, mạch Xúc giả, biểu vị giải dã, suyễn nhi hạn xuất giả, Cát căn Hoàng liên, Hoàng Cầm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương chứng thuộc Quế chi, y giả lại hạ đi, lợi bên không dứt, mạch Xúc ấy, biểu chưa giải vậy. Suyễn mà mồ hôi ra, bài Cát Căn Hoàng cầm, Hoàng liên thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nêu ra "Quế chi chứng" để phân biệt với 2 tiết trên là Ma hoàng chứng. Hai tiết trên là thương hàn, tiết này là thương phong. Phong ở cơ nhục, thuộc bộ phận của Dương minh vốn hay "hãm hập phát nhiệt", y giả nhằm hạ, nhiệt tà nội hãm làm nên chứng "hiệp nhiệt hạ lợi". Biểu chưa giải, tà muốn ra mà chưa ra được nên mới hiện ra mạch Xúc (nhảy gấp gáp). Nhiệt khí nghịch lên Phế nên Suyễn, nhiệt khí nung nấu ở cơ nhục nên hãn ra.

Rõ là chứng hậu của Thái dương Dương minh hiệp nhiệt hạ lợi, cho nên dùng bài Cát căn Hoàng liên Hoàng cầm thang.

#### Cát căn Hoàng cầm, Hoàng liên thang phương

葛根黃芩黃連湯方

葛根 Cát căn nửa cân

甘草 Cam thảo 2 lạng (nướng)

黃芩 Hoàng cầm 3 lạng

黃連 Hoàng liên 3 lạng

Dùng 8 thăng nước, trước đun Cát căn giảm hai thăng, cho các vị kia vào đun lấy 2 thăng, bỏ bã, phân uống nóng 2 lần.

#### Tiết 5

太陽病頭痛發熱身疼腰痛骨節疼痛  
惡風無汗而喘者麻黃湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh đầu thống phát nhiệt thân đồng yêu thống, cốt tiết đồng thống, ố phong, vô hãn nhi suyễn giả, Ma hoàng thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, đầu đau, phát nhiệt, mình đau, lưng đau, các khớp xương đau nhức, ghét gió, không có mồ hôi mà suyễn, bài Ma hoàng thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Một tiết này, nói về phép trị bệnh Thái dương ở phu biểu. Chứng này là chứng của bài ma hoàng. Tất cả những chứng kể trên đều kiêm cả Kinh, Khí. Nội kinh nói: "Mạch của Thái dương trên liền với Phong phủ, dẫn lên đầu cổ, qua xương sống tới ngang lưng, thẳng đến chân..." cho nên đầu đau, lưng đau. Thế là tà đã vào Kinh mạch.

Nội kinh nói: "Phía trên Thái dương, Hàn khí làm chủ". Lại nói: "tam tiêu ứng với tấu lý, Bàn quang ứng với bì mao". Thế là cái khí của Thái dương coi về phần Biểu khắp mình mà chủ về bên ngoài.

Chứng này lấy "không có mồ hôi" làm đề cương. Không mồ hôi thì biểu khí không thẳng cho nên suyễn. Mình nhức, thắt lưng đau, cốt tiết đau nhức thế là cả "Kinh" lẫn "Khí" đều bị thương.

Bài này dùng Ma hoàng làm Quân để mở toang bì mao ra, dùng Hạnh nhân để lợi Phế giáng Khí khiến cho không úng vào trong, dùng Cam thảo để hòa trung, giúp Vị khí khiến cho đạt ra ngoài cơ nhục (cơ nhục là bộ phận của Dương minh), dùng Quế chi để từ huyết phận của Can đạt ra ngoài gân và khớp xương rồi do Cơ mà đạt ra Biểu là phụ tá, tất cả các vị đều theo ma hoàng chạy thẳng ra bì mao, thấu cả ra lỗ chân lông mà thành hãn. Do đấy, tà không thể ở lại được nữa, từ trong ra ngoài lớp ấy, lớp khác đều thanh triệt, không phải chỉ đơn giản "phát biểu" mà thôi. Học giả phải hiểu lẽ đó.

#### Ma hoàng thang phương

麻黃湯方

麻黃 Ma hoàng 3 lạng

桂枝 Quế chi 3 lạng (bỏ vỏ)

甘草 Cam thảo 1 lượng (nướng)

杏仁 Hạnh nhân 70 hạt (bỏ vỏ, chóp nhọn)

Dùng 9 thăng nước, trước đun ma hoàng cạn bớt 2 thăng, gọt bỏ bọt, cho các vị kia vào, đun cạn còn 3 thăng rưỡi, bỏ bã, uống nóng 8 hớp đắp lấy hơi tựa hãn, không cần húp cháo, còn việc nghỉ ngơi, điều cấm kỵ đều như phương pháp uống bài Quế chi.

### Tiết 6

太陽與陽明合病喘而胸滿者不可下  
宜麻黃湯主之

**Phiên âm:** Thái dương dữ Dương minh hiệp bệnh suyễn nhi hung mãn giả, bất khả hạ, nghi Ma hoàng thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thái dương và Dương minh hiệp bệnh, suyễn mà hung đầy, không thể hạ, nên dùng Ma hoàng thang làm chủ.

**Chú giải:** Tiết này nói hai kinh hiệp bệnh, lý chứng chưa đủ, biểu chứng chưa giải, nhân không có mồ hôi mà suyễn đầy, vẫn nên dùng Ma hoàng thang để phát hãn.

### Tiết 7

太陽病十日已去脈浮細而嗜臥者外  
已解也設胸滿痛者與小柴胡湯脈但  
浮者與麻黃湯

**Phiên âm:** Thái dương bệnh thập nhật dĩ khứ, mạch Phù, tế nhi thị ngoại giả, ngoại dĩ giải dã. Thiết hung mãn thống giả dữ tiểu Sài hồ thang, mạch đản phù giả, dữ Ma hoàng thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương đã qua 10 ngày (thời kỳ chủ khí của Thiếu âm), mạch Phù, tế mà ưa nằm là ngoài đã giải rồi. Nếu lại hung đầy, hiệp đau, cho dùng tiểu Sài hồ thang; nếu mạch chỉ Phù, cho dùng Ma hoàng thang.

**Chú giải:** Tiết này nói khí của Thái dương, Thiếu âm biểu lý thông nhau mà Thái dương lại được "Khu" của Thiếu âm để ra vào.

Tiết này có thể chia làm 3 phần để giải:

1. Bệnh đã qua 10 ngày, đúng là thời kỳ chủ khí của kinh Thiếu âm. Bên ngoài lại thấy mạch Phù, Tế, ưa nằm, y chứng của Thiếu âm. Thế là bệnh đã thuộc hẳn về Thiếu âm, vì Thái dương và Thiếu âm cùng biểu lý thông nhau, chứng của Thái dương không còn nữa. Về phương được, qua thiên Thiếu âm sẽ rõ. Ma hoàng thang nhất thiết không được cho dùng nữa.

2. Nếu lại thấy hung đầy, hiệp đau thời lại là cái lỗi ở mô cách của tam tiêu không thông sướng nên thận dương hóa khí không đạt ra ngoài được nên mới dùng tiểu Sài hồ để nối thông mô cách thời thận khí được đạt ra mà các chứng "ưa nằm", "mạch tế" đều khỏi. Chứng này gốc ở Mô cách, trị bệnh phải trị ở gốc.

3. Giả thiết thứ hai là nếu mạch chỉ Phù thôi thì dù thấy có "ưa nằm" cũng không phải là chứng của Thiếu dương. Thế là vẫn còn thuộc biểu của Thái dương. Dùng Ma hoàng thang để giải biểu, biểu giải mà cái "Khu" của Thiếu dương sẽ tự đạt, khí của Thiếu âm sẽ tự ra.

Tiểu Sài hồ thang

小柴胡湯

(xem ở thiên giữa)

### Tiết 8

太陽中風脈浮緊發熱惡寒身疼痛不  
汗出而煩躁者大青龍湯主之若脈微  
弱汗出惡風者不可服服之則厥逆筋  
惕肉瞤此為逆也

**Phiên âm:** Thái dương trúng phong mạch Phù, khẩn phát nhiệt ố hàn, thân đống thống bất hàn xuất nhi phiến táo giả, Đại thanh

long thang chủ chỉ, nhược mạch Vi, Nhược, hãn xuất, ố phong giả, bất khả phục, phục chi tắc quyết nghịch, cần dịch, nhục nhuận, thủ vi nghịch dã.

**Dịch nghĩa:** Thái dương trúng phong mạch Phù, Khẩn, phát nhiệt, ố hàn, mình đau nhức, hãn không ra được mà phiền táo, Đại thanh long thang chủ về bệnh ấy. Nếu mạch Vi, Nhược, mồ hôi ra mà ghét gió, không thể uống. Nếu cứ uống sẽ quyết nghịch, gân giần giật, thịt mấp máy. Ấy là nghịch vậy.

**Chú giải:** Tiết này nói về bài Đại thanh long là chủ phương của chứng Trúng phong, không ra mồ hôi mà phiền táo.

Kinh Thiếu âm phía dưới Kinh Thái dương. Chứng của thiếu âm vốn không hàn mà chứng phiền táo thời Thái dương. Thiếu âm đều có.

Đây là Thái dương trúng phong, mạch Phù là bệnh ở Cơ, có cái thể muốn ra mồ hôi nhưng lại mạch Khẩn là biểu thực nên không thể ra mồ hôi được, thế là cơ với biểu đều muốn mắc bệnh. Phát nhiệt là "tiêu" của Thái dương, ố hàn là "bản" của Thái dương. Thế là tiêu với bản đều mắc bệnh.

Khí của Thái dương chủ về hào mao khắp thân thể, kinh của Thái dương theo xương sống đến thất lưng. Giữ cả mình đau nhức là Kinh với Khí đều mắc bệnh. Phong là Dương tà, nhiệt tà, hãn không ra, Dương tà nhiều loạn ở trong sinh phiền táo, không phải là chứng phiền táo của Thiếu âm, chớ cho là hàn mà dùng tử nghịch, chớ cho là nhiệt mà dùng Hoàng liên, A giao...

Chỉ nên dùng Ma hoàng để phát biểu, Quế chi thang để giải cơ dù cả phép trị tiêu, bản, Kinh, Khí, biểu, cơ. Bỏ vị thực được vì lính nó khổ giáng, sợ dẫn tà hãm vào Thiếu âm, gia thạch cao "chất nặng, tính hàn", tân cam phát tán khiến cho cái chứng "hãn do nhiệt ngăn cản" được thấu suốt ra ngoài, lại dùng Ma hoàng để đem cái tính hàn của Thạch cao dẫn hết ra ngoài để phát hãn khỏi gây hậu họa.

Nếu mạch Vi, Nhược là bệnh Thiếu âm, không thể cho dùng Đại thanh long thang. Nếu cứ uống thì sẽ quyết nghịch (vong dương bên ngoài), gân giần giật, thịt mấp máy (vong dương bên trong).

### Đại thanh long thang phương

#### 大青龍湯

麻黃	Ma hoàng	6 lượng (bỏ máu)
桂枝	Quế chi	2 lượng (bỏ vỏ)
甘草	Cam thảo	2 lượng (nướng)
杏仁	Hạnh nhân	50 hạt (bỏ vỏ, chóp)
生薑	Sinh cương	3 lượng (thái mỏng)
大棗	Đại táo	12 quả (bỏ hạt)
石膏	Thạch cao	1 cục to bằng quả trứng gà (đập vụn)

Dùng 9 thăng nước, trước đun Ma hoàng cạn bớt 2 thăng, gạt bỏ bọt, cho các vị kia vào, đun còn 2 thăng. Lấy cho hơi tựa hãn. Nếu hãn ra nhiều, dùng ôn phần (1 thứ bột) xoa đi. Uống 1 nước hãn ra, thôi uống nước sau. Nếu để cho hãn nhiều, vong dương sẽ hư, ghét gió, phiền táo, không thể ngủ được.

### Tiết 9

傷寒脈浮緩身不疼但重乍有輕時無  
少陰證者大青龍湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Phù, Hoãn, thân bất đông, đản trọng, sạ hữu khinh thời, vô thiếu âm chứng giả, Đại thanh long thang chủ chỉ.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mạch Phù, Hoãn, mình không đau, chỉ "nặng" chợt có lúc nhẹ, không có chứng Thiếu âm, dùng bài Đại thanh long thang cho phát ra.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng thương hàn nhẹ cũng có phép dùng được bài Đại thanh long.

Tiết trên nói: "chủ về bệnh ấy" tức là cái bệnh mà "nhiệt trong ngoài đều thịnh" nên lấy bài ấy làm chủ. Đó là 1 định pháp.

Tiết này nói: "dùng bài Đại thanh long cho phát ra" tức là nói ngoài tà dù hết, mà cái chứng phiền táo ở trong chưa quá lắm... chỉ phát bên ngoài mà bên trong sẽ giải được. Đây là 1 hoạt pháp.

Kha Vận Bá nói: "trùng phong nhẹ thì vi phiền, nặng thì phiền táo, thương hàn nhẹ thì phiền táo, nặng thì ư nghịch".

Lại nói: "Mạch Phù, Khẩn thì mình đau, Phù Hoãn thì mình không đau". Trùng phong, thương hàn đều như thế cả. Hai cái hiện tượng đó, ta có thể cho là định mạch, định chứng.

**Tiết 10**

傷寒表不解心下有水氣乾嘔發熱而  
欬或渴或利或噎或小便不利少腹滿  
或喘者小青龍湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn biểu bất giải, tâm hạ hữu thủy khí, càn ẩu, phát nhiệt nhi khái, hoặc khát, hoặc lợi, hoặc ế, hoặc tiểu tiện bất lợi, thiếu phúc mãn, hoặc suyễn giả, tiểu thanh long thang chủ chi.

**Định nghĩa:** Thương hàn, biểu không giải, phía dưới tâm bộ có thủy khí, ọc khan, phát nhiệt và ho khan. Hoặc khát, hoặc lợi, hoặc ế, hoặc tiểu tiện không lợi, bụng dưới đầy hoặc suyễn, tiểu thanh long thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** tiết này nói hẳn phạm vào phần biểu của Thái dương mà làm động đến thủy khí ở phần lý.

Hàn thủy là cái bản khí của Thái dương. Hàn làm thương phần biểu của Thái dương mà không giải được, đến nổi bên trong động thủy khí gây nên chứng ho khan, ọc khan. Bài này làm tan thủy khí phía dưới tâm bộ. Ma hoàng, Qué chi do kinh Thái dương để trừ Biểu tà, Tế tân vào Thiếu âm để hành lý thủy. Can khương làm tan chứng mãn

(đây) ở trước hung, Bán hạ giáng khí hợp với ngũ vị có chất chua, thuốc được có vị đắng để cho đi xuống. Lại dùng Cam thảo có tính "nhậm chấp" để kiềm chế các vị kia khỏi thì hành quá bạo để có thể chủ lưu khắp nơi thủy âm kết đọng mà khu trục. Trong bài này vị Ma hoàng là chủ được dẫn cái khí của các thuốc tiến lên trên, vận xuống dưới, đặt ra 4 bên... Các tà khí vô hình đều theo cơ biểu mà ra, các chứng âm hữu hình, đều theo thủy đạo mà xuống... Các chứng sẽ đồng thời tiêu diệt.

**Tiểu thanh long thang phương**

**小青龍湯方**

麻黃	Ma hoàng	3 lạng (bỏ máu)
五味子	Ngũ vị tử	nửa thăng
甘草	Cam thảo	3 lạng (nướng)
桂枝	Qué chi	3 lạng
芍藥	Thược dược	3 lạng
乾薑	Can khương	3 lạng
細辛	Tế tân	3 lạng
半夏	Bán hạ	nửa thăng (rửa nước nóng)

Dùng một đấu nước, trước đun Ma hoàng cạn bớt 2 thăng, gạt bỏ, cho các vị kia vào, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 1 thăng.

**Tiết 11**

傷寒心下有水氣欬而微喘發熱不渴  
服湯已渴者此寒去欲解也小青龍湯  
主之

**Phiên âm:** Thương hàn tâm hạ hữu thủy khí, khái nhi vi suyễn, phát nhiệt bất khát, phục thang dĩ khát giả, thử hàn khứ dục giải dã, tiểu thanh long thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn phía dưới tâm bộ có thủy khí, ho khan mà hơi suyễn, phát nhiệt, không khát. Uống thuốc rồi (tức là uống bài tiểu thanh long) lại khát, ấy là hàn đi, muốn giải. Lại lấy bài tiểu thanh long chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này thừa theo tiết trên nhấn mạnh ý nghĩa của thủy khí. Đường Tôn Hải nói: tiểu thanh long thuộc về chứng hàn làm động "thủy". Hàn thủy là cái bản khí của Thái dương, cho nên biểu hàn không giải thì bên trong động thủy khí, liền gây nên chứng đĩnh ẩm, ho khan. Bài Tiểu thanh long sở dĩ dùng Can khương, Tế tân là cốt để khu hàn.

Bài Đại thanh long thuộc về chứng hàn làm vít nhiệt. Thủy của Thái dương Bàng quang hóa ra khí, dẫn lên trên, đạt ra ngoài, sẽ làm cái khí Dương vệ bên ngoài. Cho nên gọi là Thái dương vì nó bản hàn mà tiêu nhiệt. Nội kinh nói: "Thái dương, Thiếu âm theo "bản" theo "tiêu", gọi là tiêu dương cũng làm được việc cho nên Dương không đạt ra ngoài, uất ở trong thành nhiệt, thời phát ra chứng phiền táo.

Bài Đại thanh long sở dĩ dùng thạch cao là để làm dịu mát nhiệt. Nhiệt với hỏa không giống nhau. Chứng của bài Đại thanh long sở dĩ phiền táo, là do cái tiêu nhiệt của Thái dương bị ngăn cản mà gây nên, với Thiếu âm tâm vốn không can thiệp. Nhưng cái khí Dương ở trong thủy của Bàng quang, hóa khí dẫn lên thực là nhờ cái Dương khí của thận và Mệnh môn hóa giúp mà hợp lên với tâm, cũng như trời có mặt trời, nên cái bản khí của Thiếu âm là nhiệt. Bởi vậy, Nội kinh nói: "ở trên Thiếu âm nhiệt khí làm chủ". Giữ cái tiêu dương của Thái dương uất ở trong, thời cùng khí theo nhau, hợp với tâm mà gây nên chứng phiền táo, tức là "lấy nhiệt theo nhiệt" vậy. Thạch cao có cái chất âm khí của thủy nên hay "thanh" nhiệt.

Biết được chứng thương hàn của Thái dương hay động thủy, hay ngán nhiệt, thời trở xuống, tất cả các biến chứng đều có thể nhân đó mà suy biết vật. Bốn tiết vừa rồi là nói cái công dụng của bài Đại thanh long và Tiểu thanh long.

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 11 tiết nói về phép trị thương hàn. Cát căn thang, Đại thanh long thang, Tiểu thanh long thang cũng xuất phát từ Ma hoàng thang biến thông ra.

Ma hoàng thang chủ yếu thích ứng với các chứng trạng: đầu đau, phát nhiệt, mình nhức, lưng đau, các khớp xương đau nhức, ghét gió, ghét lạnh, không mồ hôi mà suyễn. Các chứng đều thuộc biểu, không kể số ngày, mạch Phù, đủ biểu chứng, có thể dùng ma hoàng thang. Suyễn cũng có quan hệ với Biểu. Tuy có mình nóng, mắt nhức, mũi khô cùng phát đồng thời với chứng của Dương minh, nhưng nếu không có mồ hôi, suyễn, đây cũng nên dùng Ma hoàng phát hàn. Nếu nhắm hạ rồi, biểu nhiệt hãm vào trong, suyễn mà mồ hôi ra, lại hạ lợi, thời không thể phát hàn. Nên dùng Cầm, Liên gia Cát căn để nâng biểu khí lên mà thôi. Nếu biểu chứng đủ mà không suyễn, cổ lũng cứng, ngo ngoạy (dáng như chim non trong tổ), là chứng Cát căn thang tức Ma hoàng thang bỏ Hạnh nhân gia Cát căn, Thược dược, Cương, táo. Nếu hạ lợi do tà không thấu suốt ra biểu, bức bách tân dịch trong trường rót xuống, cũng nên dùng Cát căn thang để thăng tán đi, tân dịch trong trường bị bức nghịch lên sinh ọạ, dùng Cát căn thang gia Bán hạ.

Đại thanh long thang tức là ma hoàng thang gia Cương, Táo, Thạch cao. Chủ chứng của nó là không mồ hôi mà phiền táo. Đây là tế phát hàn mạnh, dùng không thích đáng sẽ gây ọạ quyết nghịch vong dương.

Tiểu thanh long thang tức hiệp 2 thang Quế chi, Ma hoàng, bỏ Hạnh nhân, Sinh cương, gia Tế tân, Can khương, Ngũ vị tử, Bán hạ. Chủ chứng của nó là hơi suyễn, dưới tâm có thủy (chỉ cách mô), phát nhiệt, không khát. Nếu uống Tiểu thanh long rồi lại khát ấy là hàn đi, muốn giải, không dùng Tiểu thanh long nữa.



## Bàn về mạch và chứng của bệnh

### thuộc kinh Thái dương

## Thiên A2

### CHƯƠNG I

#### Tiết 1

太陽病外證未解脈浮弱者當汗解宜桂枝湯

**Phiên âm:** Thái dương bệnh ngoại chứng vị giải, mạch Phù, Nhược giả, dương hạn giải, nghi Quế chi thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, chứng ngoài chưa giải, mạch Phù Nhược ấy, nên để cho ra mồ hôi mà giải, dùng Quế chi thang.

**Chú giải:** Tiết này nói Quế chi là 1 phương tể giải ngoại.

Kha Vận Bá nói: Cái tính "ôn" của vị Quế chi hay tán được hàn, "cam" hay ích được khí và sinh huyết. "lân" hay phát tán được ngoại tà. Cho nên những bài "phát hãn" như Ma hoàng, Cát căn, Thanh long đều dùng nó... Quế chi là một loại có tính chất ôn hòa trong loại phát hãn. Nếu tà ở bộ phận bì mao thời bì mao thực mà không có hãn, nên dùng bài Ma hoàng làm chủ chơnó thẳng suốt ra, khiến cho dương không có hãn sẽ có hãn mà khỏi.

"Nếu tà ở bộ phận cơ nhục, thời cơ nhục thực mà bì mao lại hư, sẽ "tự hạn", nên không dùng ma hoàng là 1 vị có cái năng lực chạy thẳng ra Biểu. Cho nên chỉ dùng Quế chi, rồi dùng Sinh cương, Đại táo, Cam thảo, Bạch thược làm tá để điều hòa khí huyết do cơ nhục mà ra bì mao, khiến cho dương có hãn lại hãn thêm mà khỏi".

#### Tiết 2

太陽病下之微喘者表未解故也桂枝加厚朴杏仁湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh hạ chi vi suyễn giả, biểu vị giải cố dã, Quế chi gia Hậu phác, Hạnh nhân thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương lại hạ đi, thấy hơi suyễn, bởi cơ biểu chưa giải được. Quế chi gia hậu phác, Hạnh nhân thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói biểu tà chưa giải thời không thể hạ. Nếu nhầm lại nên dùng thang Quế chi gia thêm vị khiến cho từ cơ đẩy ra biểu.

Thái dương có bệnh ở biểu ngoài khác nhau. Bì phu là Biểu mà cơ nhục là ngoài. Biểu bệnh của Thái dương chưa giải mà lại "hạ", cái khí của nó không vì hạ mà "nội hãm", vẫn còn ở Biểu, không thể tuyên phát ra được, lại xung lên mà thành suyễn. Dùng bài Quế chi thang để từ bộ phận cơ mà đẩy ra bộ phận biểu. Gia thêm hậu phác cho nó mở rộng ra, hạnh nhân cho nó giáng xuống. Nhờ đó Biểu được giải mà suyễn sẽ yên (tham khảo thêm ở Tiết 4, chương II, thiên A).

**Quế chi gia Hậu phác, hạnh nhân thang**

桂枝加厚朴杏仁湯

tức Quế chi thang gia:

杏仁 Hạnh nhân 50 hạt

厚朴 Hậu phác 2 lượng (nướng, bỏ vỏ)

Dùng 9 thăng nước đun lửa nhỏ, còn 3 thăng, bỏ bã, uống nóng một thăng, đắp chăn cho hơi tựa ra mồ hôi.

#### Tiết 3

太陽病外證未解不可下也下之為逆欲解外者宜桂枝湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh, ngoại chứng vị giải, bất khả hạ dã. Hạ chi vi nghịch, dục giải ngoại giả nghi Quế chi thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, chứng bên ngoài chưa giải, không thể hạ được. Nếu hạ sẽ là nghịch. Muốn giải bên ngoài nên dùng bài Quế chi thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói sau khi đã nhằm dùng thuốc hạ, dùng Quế chi thang để cứu nghịch bên ngoài. Tinh thần tiết này cũng như tiết 4, chương II của thiên A và tiết 2 chương I của thiên B. Duy có trường hợp "hạ đi sẽ là nghịch" thì theo phép nào mà trị. Xin tham khảo thêm ở Tiết 16, 17 chương II thiên A để rộng đường suy xét là phải xem nó nghịch vì cỡ gì và nó "nội hàm" đến đâu, tùy biến chứng của nó mà cứu trị.

#### Tiết 4

太陽病先發汗不解而復下之脈浮者  
不愈浮為在外而反下之故令不愈今  
脈浮故知在外當須解外則愈宜桂枝  
湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh tiên phát hàn bất giải nhi phục hạ chi, mạch Phù giả bất dĩ, Phù vi tại ngoại nhi phản hạ chi cố linh bất dĩ. Kim mạch phù cố tri tại ngoại đương tu giải ngoại tắc dĩ, nghi Quế chi thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương trước đã phát hàn không giải được, mà lại hạ đi, mạch Phù ấy là không khởi. Bởi Phù là bệnh ở ngoài mà lại hạ đi cho nên khiến không khởi. Giờ thấy mạch Phù là biết bệnh vẫn ở ngoài phải dùng phép giải bên ngoài. Bài Quế chi thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói trước hàn, sau hạ, xét lại nếu thấy mạch vẫn Phù, là bệnh vẫn chưa giải vẫn còn nên dùng bài Quế chi thang để giải bên ngoài (xem đó, dù biết trước dùng Ma hoàng thang sau dùng Quế chi thang là chính pháp)

Trước dùng ma hoàng, tà ở cơ nhục chưa kịp ra nên sau không dùng ma hoàng nữa, chỉ nên dùng Quế chi lấy tựa hàn cho tà ở ngoài giải hết.

#### Tiết 5

太陽病脈浮緊無汗發熱身疼痛八九  
日不解表證仍在此當發其汗服藥已  
微除其人發煩目瞑劇者必衄衄乃解  
所以然者陽氣重故也麻黃湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh, mạch Phù, khẩn, vô hàn, phát nhiệt, thân đông thống bát cửu nhật bất giải, biểu chứng nhung tại, thử đương phát kỳ hàn, phục dược dĩ vi trừ, kỳ nhân phát phiền, mục minh, kịch giả tất nục, nục nãi giải, sở dĩ nhiên giả, Dương khí trọng cố dã, ma hoàng thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, mạch Phù, Khẩn (chứng của Ma hoàng), không hàn phát nhiệt, mình đau nhức, 8, 9 ngày không giải được. Biểu chứng vẫn còn, nên cho phát hàn. Nếu uống thuốc trước rồi (Ma hoàng), hơi bớt, bệnh nhân lại phát phiền, mắt mờ, kịch hơn tất phải Nục (máu cam). Nục sẽ giải được. Sở dĩ thành ra như thế là vì có dương khí nhiều vậy. Ma hoàng thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái phương pháp trị bệnh ở Thái dương được cái khí hóa của Dương minh, Thiếu dương hội hợp (ngày thứ 8 là chủ khí của kinh Dương minh, ngày thứ 9 là chủ khí của kinh Thiếu dương, lại mà gây nên nhiệt nhiều.

Chỉ nói phát nhiệt mà không nói ghét lạnh là chủ về phần tiêu nhiệt của Thái dương mà nói vậy.

#### Tiết 6

太陽病脈浮緊發熱身無汗自衄者愈

**Phiên âm:** Thái dương bệnh mạch Phù, Khẩn, phát nhiệt thân vô hàn, tự nục giả dĩ

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương mạch Phù, Khẩn, phát nhiệt, mình không có mồ hôi mà tự ra máu cam sẽ khởi.

**Chú giải:** Tiết này nói nếu không có 3 kinh Dương khí thịnh, chỉ riêng có cái nhiệt thuộc tiêu dương của Thái dương, nếu được nục sẽ khỏi.

Trần Úy nói: phát nhiệt không có hàn thời nhiệt uất ở trong. Nhiệt cực thời lạc mạch phải thượng. Âm lạc bị thượng, huyết dồn cả vào Xung, Nhâm mạch thành ra Nục huyết. Đốc mạch với kinh Thái dương cùng phát nguyên từ đầu con mắt, theo lưng tới thân. Cái khí tiêu nhiệt của Thái dương mượn Đốc mạch để Nục làm đường tiết ra ngoài nên mới khỏi.

**Tiết 7:**

二陽併病太陽初得病時發其汗汗先  
出不微因轉屬陽明續自微汗出不惡  
寒若大陽病證不罷者不可下下之為  
逆如此可小發汗設面色緣緣正赤者  
陽氣拂鬱在表當解之熏之若發汗不  
微不足言陽氣拂鬱不得越當汗不汗  
其人煩躁不可得其人短氣但坐以汗出  
不微故也更發汗則愈何以知汗出不  
微以脈濇故知也

**Phiên âm:** Nhị dương tịnh bệnh, Thái dương sơ đắc bệnh thời, phát kỳ hạn, hạn tiên xuất bất triệt, nhân chuyển thuộc Dương minh, tục tự vi hạn xuất, bất ố hàn. Nhược Thái dương bệnh chứng bất bãi giả, bất khả hạ, hạ chi vi nghịch, như thử khả tiểu phát hạn. Thiết diện sắc duyên duyên chính xích giả, dương khí phát uất tại Biểu, dương giải chi, huân chi, nhược phát hạn bất triệt, bất túc ngôn, Dương khí phát uất bất đắc việt, đương hạn bất hạn, kỳ nhân phiền táo, bất tri thống sở, sạ tại phúc trung, sạ tại tứ chi, án chi bất khả đắc, kỳ nhân đoản khí, đoản tọa dĩ hạn xuất bất triệt cổ dã, cánh phát hạn tắc dĩ. Hà dĩ tri hạn xuất bất triệt, dĩ mạch Sắc cổ tri dã.

**Mịch nghĩa:** Hai kinh Dương hợp bệnh: lúc Thái dương mới mắc bệnh, nên phát bỏ hàn, hàn trước ra không thấu triệt, nhân chuyển thuộc về Dương minh. Tiếp tục tự hàn ra in ít, không ghét lạnh. Nếu bệnh ở Thái dương, các chứng hậu chưa hết, không thể hạ, nếu hạ sẽ là "nghịch". Như thế, có thể cho "tiểu phát hạn". Vì phỏng sắc mặt bừng bừng đỏ gay, là do Dương khí bị bức uất ở Biểu, nên giải đi (tiểu là tiểu phát hạn), xông đi. Nếu phát hàn không thấu triệt, không đủ kể, Dương khí bị bức uất không vượt ra được, nên phát hàn (phát hàn của kinh Thái dương), không phát hàn người bệnh sẽ phiền táo, không còn biết đau đớn hẳn ở chỗ nào, chột đau ở trong bụng, chột đau ở tứ chi, ấn tay vào cũng không thể xét thấy, người bệnh hơi thở ngắn, chỉ ngồi, vì cái cơ hàn ra không thấu triệt. Lại cứ phát hàn thêm sẽ khỏi. Sao lại biết là ra không thấu triệt? Bởi vì mạch Sắc nên biết vậy.

**Chú giải:** Tiết này nói bệnh ở Thái dương hợp với Dương minh.

Đoạn trên nói: bì mao không mở thì vít lấp cái khí của Dương Minh, cho nên sắc mặt đỏ bừng, nên giải, nên xông.

Đoạn dưới nói: trong mô tấu ở khắp tấm thân, có hàn đọng lại không ra được mà gây nên bệnh khí, bệnh ẩm.

Đường Tôn Hải nói: "nếu chẳng phải Dương minh hợp bệnh mà chỉ là Thái dương kinh phát hàn không thấu triệt thời không có sắc mặt bừng bừng đỏ gay, thế thời không đủ kể là dương khí không vượt ra ngoài vậy... thế là bệnh ở Thái dương, vốn nên phát hàn, khiến vệ khí tan ra ngoài mà giải. Giữ lại vì nên hàn mà không phát hàn thời vệ khí với tà đọng ở trong mô tấu. Phần nội mô thông với Bào lạc, hàn nên tiết ra ngoài mà lại phạm vào trong thời sinh ra phiền táo. Ngoại mô tức là tấu lý ở khắp mình, cho nên khắp mình không biết đau đớn hẳn ở chỗ nào... "chột đau ở trong bụng", thế là tà phạm vào nội mô, "chột đau ở tứ chi" thế là tà dẫn ra ngoài mô mà phạm vào tứ chi, "ấn tay vào cũng không thể xét thấy" thế là tà ở trong mô, tấu đi lại không nhất định. Mô tấu mới có cái hiện tượng như thế. Vậy thì cái gì ở trong mô tấu? Chỉ là hàn đọng ở đó biến thành ẩm. Phạm người có chứng ẩm đều thở ngắn, chỉ ngồi không nằm được, nằm thì khí càng ngược

lên. Sở dĩ gây nên như thế, chỉ vì hãn ra không thấu triệt nên đọng lại thành ảm. Lại phát hãn thêm thì khỏi..."

Tóm lại, đoạn trên là Dương minh có nhiệt uất trong cơ nhục, đoạn dưới là trong Thiếu dương mô tấu có thủy khí đi lại không nhất định. Một đàng là "không hãn mà vít hóa lại", một đàng là "vì lưu trệ thành ra thủy".

### Tiết 8:

脈浮數者法當汗出而愈若下之身重心悸者不可發汗當自汗出乃解所以然者尺中脈微此裡虛須表裡實津液自和便自汗出愈

**Phiên âm:** Mạch Phù Sác giả, pháp đương hãn xuất nhi dĩ, nhưc hạ chi, thân trọng, tâm quý giả, bất khả phát hãn, đương tự hãn xuất nãi giải, sở dĩ nhiên giả, Xích trung mạch Vi, thử lý hư tu biểu lý thực, tân dịch tự hòa, tiện tự hãn xuất dĩ.

**Dịch nghĩa:** Mạch Phù, Sác, theo phép nên hãn ra mà khỏi. Hạ đi mình sẽ nặng, tâm sẽ quý, không thể lại phát hãn, nên để tự hãn ra mới khỏi. Sở dĩ như thế là vì trong Xích bộ mạch Vi, do là "lý hư". Phải đợi biểu lý thực, tân dịch tự hòa, tiện tự hãn ra mà khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói: nên hãn lại hạ đi thời thường đến vệ dương mà động thủy khí ở trong cho nên dưới tâm "quý" tức là thủy lên khắc hỏa, bởi thận dương bị thương ở dưới không thể hóa được thủy mà gây nên. Không được phát hãn (Ma hoàng), phát hãn thời Dương càng bị tiết ra e biến ra những chứng quyết nghịch và thị giận giạt. Sở dĩ như thế là vì Xích bộ mạch Vi, do hạ nhầm làm thương đến thận Dương, cho nên không thể dùng phương pháp phát hãn để tiết thêm. Cũng như bài Đại thanh long, mạch Vi Nhược không nên uống, cùng 1 thể lệ. Bởi Thái dương là biểu mà Thiếu âm là lý. Thiếu âm lý khí đã bị hạ mà hư, thận dương đã không thể hóa khí, vậy sao lại phát hãn để cho Dương bị tiết thêm? Vậy nên giúp cái lý khí của Thiếu âm, khiến cho Dương tân đạt ra ngoài, âm dịch đầy ở trong thời tự nhiên theo hãn mà giải như

những phương pháp dùng bài Quế chi gia Phụ tử thang sẽ được công hiệu.

### Tiết 9

脈浮緊者法當身疼痛宜以汗解之假令尺中遲者不可發汗何以知其然以榮氣不足血少故也

**Phiên âm:** Mạch Phù, Khẩn giả, pháp đương thân đồng thống nghi dĩ hãn giải chi, giả linh Xích trung Trì giả bất khả phát hãn hà dĩ trí kỳ nhiên, dĩ vinh khí bất túc huyết thiếu cố dã.

**Dịch nghĩa:** Mạch Phù, Khẩn cấp, phép nên mình đau nhức nên dùng (ma hoàng) cho hãn giải đi. Vì khiến trong Xích bộ Trì, không thể phát hãn. Sao lại biết thế? Bởi cơ doanh khí không đủ, huyết ít vậy.

**Chú giải:** Tiết này nói: Mạch không Phù, Khẩn mà lại Trì không thể phát hãn. Trước hết thầy đưa ra 1 thông lệ, một định pháp nên phát hãn. Tiếp theo, đưa ra một giả thiết ngược lại với thông lệ, với định pháp trên là: nếu mạch trì không được phát hãn. Bởi lẽ tâm hỏa có thừa, huyết có thừa, mạch động chóng (Sác), tâm hỏa không đủ thời huyết ít mà động chậm... cho nên Trì tức huyết hư. Ở đây, thầy chỉ nói trong bộ Xích mạch trì tức là cả ba bộ đều Trì. Bởi cái tự động của mạch tất phải từ Xích rồi mới đến Quan thốn.

Tóm lại, không phải bất cứ thấy mạch Phù cho là tà còn ở Biểu mà phát hãn được. Phải cẩn thận.

### Tiết 10

脈浮者病在表可發汗宜麻黃湯脈浮而數者可發汗宜麻黃湯

**Phiên âm:** Mạch Phù giả bệnh tại biểu khả phát hãn, nghi Ma hoàng thang, mạch Phù nhi Sác giả, khả phát hãn nghi Ma hoàng thang.

**Dịch nghĩa:** Mạch Phù ấy là bệnh ở biểu, có thể phát hàn, nên dùng Ma hoàng thang. Mạch Phù mà Sác ấy, có thể phát hãn nên Ma hoàng thang.

**Chú giải:** Thừa theo tiết trên nói: mạch Phù là bệnh ở biểu, là đối chứng của thang ma hoàng. Bàng vào mạch Phù mà dùng ma hoàng, còn nên châm chước.

### Tiết 11

病常自汗出者此為榮氣和然榮氣和  
者外不諧以衛氣不共榮氣和諧故爾  
以榮行脈中衛行脈外復發其汗榮衛  
和則愈宜桂枝湯

**Phiên âm:** Bệnh thường tự hàn xuất giả, thử vì vinh khí hòa nhiên vinh khí hòa giả, ngoại bất hài dĩ vệ khí bất cộng vinh khí hòa hài cố nhĩ, dĩ vinh hành mạch trung, vệ hành mạch ngoại, phục phát kỳ hàn, vinh vệ hòa tác dữ, nghi Quế chi thang.

**Dịch nghĩa:** Người bệnh thường tự ra mồ hôi, ấy là Doanh khí hòa, "ngoại" sẽ không "hài" (hòa), bởi Vệ khí (ngoại) không cùng Doanh khí hòa hài nên mới thế. Bởi vì Doanh đi trong mạch, Vệ đi ngoài mạch (tức là không hòa). Lại cho phát mồ hôi, Doanh Vệ hòa thời khỏi. Nên dùng Quế chi thang.

**Chú giải:** Đây là trường hợp Doanh Vệ tự bệnh, chứ không phải do ngoại tà gây nên. Vệ khí không hòa tức là Vệ khí với Doanh khí không cùng hòa hài. Trường hợp này giống với chứng thương hàn, trướng phong mà tự ra mồ hôi, tà ở doanh phận mà Vệ không cùng hòa. Pháp điều trị giống nhưng ý nghĩa khác.

### Tiết 12

病人臟無他病時發熱自汗出而不愈  
者此衛氣不和也先其時發汗則愈宜  
桂枝湯主之

**Phiên âm:** Bệnh nhân, tạng vô tha bệnh, thời phát nhiệt tự hàn xuất nhi bất dĩ giả, thử Vệ khí bất hòa dã, tiên kỳ thời phát hàn tác dữ, nghi Quế chi thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Tạng (phủ) không bệnh gì khác, chỉ đúng giờ phát nhiệt, tự hãn ra mà chẳng khỏi, ấy là Vệ khí không hòa. Trước giờ ấy cho phát hãn thì khỏi. Nên dùng Quế chi thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiếp theo tiết trên, tiết này nói về vệ khí không hòa, chỉ là vệ khí tự mình không hòa.

Trưởng Lệnh Thiệu nói: hai tiết này nói cái công dụng của bài Quế chi thang, có thể làm cho hòa Doanh Vệ mà phát hãn, cũng có thể làm cho hòa Doanh Vệ mà dứt hãn.

Kha Vận Bá nói: một đằng thuộc về Dương hư, một đằng thuộc về âm hư đều có thể khiến cho tự hãn. Chỉ lấy "có nhiệt" hay "không có nhiệt" để phân biệt, lại lấy "thường có hãn" hay "thỉnh thoảng có hãn" để suy biết. Nhưng đều có thể dùng bài Quế chi thang và ăn cháo.

### Tiết 13

傷寒脈浮緊不發汗因致衄者麻黃湯  
主之

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Phù, Khẩn bất phát hàn, nhân trí Nục giả, Ma hoàng thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mạch Phù, Khẩn, không phát hàn, nhân thể mà đến nổi Nục (máu cam), Ma hoàng thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói thêm về cái chứng sau khi đã Nục mà tà vẫn chưa giải. Nhưng tà giải thì mạch Vi, tà chưa giải thì mạch Phù, lấy chỗ đó mà phân biệt.

### Tiết 14

**Dịch nghĩa:** Phàm bệnh nếu phát hàn, nếu thổ, nếu hạ... nếu dễ đến vong tân dịch, đợi âm dương tự hòa, hẳn tự lành.

**Chú giải:** Tiết này nói về phép hạn, thổ, Hạ không được dùng nhằm. Trương Lệnh Thiệu nói: từ đây trở xuống 13 tiết đều là phát minh thêm cái nghĩa của tiết này.

### Tiết 2

大下之後發汗小便不利者亡津液之故也勿治之得小便利自愈

**Phiên âm:** Đại hạ chi hậu, phát hàn, tiểu tiện bất lợi, vong tân dịch chi cố dã, vật trị chi, đắc tiểu tiện lợi tự dĩ.

**Dịch nghĩa:** Sau khi đại hạ lại phát hàn, tiểu tiện không lợi, bởi có xuất tân dịch vậy. Đừng trị nữa (tức đừng dùng thuốc lợi tiểu tiện), đợi tiểu tiện lợi hẳn tự khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói vì dùng nhằm hàn hạ, dẫn nổi xuất tân dịch. Nói chờ trị nữa. Tức là chờ dùng thuốc lợi tiểu tiện. Nếu cần, có thể dùng thuốc tư nhuận, khiến cho tân dịch hồi phục, tiểu tiện sẽ được thông lợi.

### Tiết 3

下之後復發汗必振寒脈微細所以然者以內外俱虛故也

**Phiên âm:** Hạ chi hậu, phục phát hàn, tất chấn hàn, mạch Vi, tế. Sở dĩ nhiên giả dĩ nội ngoại câu hư cố dã.

**Dịch nghĩa:** Sau khi hạ lại phát hàn, hẳn rét run, mạch Vi, tế. Sở dĩ như thế vì (lâm hạn hạ) "Nội", "Ngoại" đều hư vậy.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái hại nhằm đem dùng ngược hai phương pháp hàn và hạ.

Sau khi hạ nhằm làm thương âm huyết (mạch tế), huyết không thấm nhuận được gân, thời gân cứng nặng. Lại thêm phát hàn, làm

thương Dương khí (mạch Vi), khí hư sinh hàn, bởi thế mới phát lạnh mà run.

### Tiết 4

下之後復發汗晝日煩躁不得眠夜而安靜不嘔不渴無表證脈沈微身無大熱者乾薑附子湯主之

**Phiên âm:** Hạ chi hậu phục phát hàn, trú nhật phiền táo, bất đắc miên, dạ nhi an tịnh bất ẩu, bất khát, vô biểu chứng, mạch Trầm, Vi, thân vô đại nhiệt giả, Càn cương Phụ tử thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Sau khi hạ lại thêm phát hàn, ban ngày phiền táo không ngủ được, đêm thời yên tĩnh, không ọc, không khát, không có Biểu chứng, mạch Trầm, Vi, mình không đại nhiệt, Càn cương, Phụ tử thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về sau khi hàn, hạ làm xuất Dương khí. Muốn biết rõ là chứng "hư hàn vong dương", khỏi lầm lẫn với chứng "Dương kháng vong dương" phải hội đủ mấy nhân tố:

-Ban ngày phiền táo, không ngủ được (giống với chứng dương thịnh).

-Đêm thời yên tĩnh (không dám tranh với âm)

-Không ọc, không khát, không có biểu chứng

-Mạch trầm, vi (lý khí hư hàn), mình không đại nhiệt.

Càn cương Phụ tử thang

乾薑附子湯

乾薑 Càn cương 1 lượng

附子 Phụ tử 1 củ (dùng sống, bỏ vỏ, bỏ làm tám).

Chú:

Tả phác:

Đùng ba thăng nước đun còn 1 thăng, bỏ bã uống luôn 1 lần.

### Tiết 5

發汗後身疼痛脈沈遲者桂枝加芍藥  
生薑各一兩人參三兩新加湯主之

**Phiên âm:** Phát hàn hậu, thân đống thống mạch Trầm, trì giả Quế  
chi gia thực dược, Sinh cương các nhất lượng, Nhân sâm tam  
lượng tân gia thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Sau khi phát hàn, mình đau nhức, mạch Trầm Trì. Bài Quế  
chi gia thực dược, sinh cương đều 1 lượng, nhân sâm 3 lượng. Tân gia  
thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói sau khi hàn, thường âm, huyết hư, không vinh  
dưỡng được cơ nhục, cơ năng tuần hoàn suy giảm, cho nên dùng  
nguyên phương Quế chi, gia thực dược để trấn thống, gia sinh cương  
để làm phần chấn cơ năng, gia nhân sâm để sinh tân.

Qua 3 tiết 3, 4, 5 thấy rõ được mạch pháp của Trọng sư đơn giản  
mà tinh vi:

-Vi, tế: khí huyết đều hư

-Trầm, Vi: dương khí vong

-Trầm, Trì: âm huyết vong.

Quế chi gia Thực dược, Sinh cương, Nhân sâm tân gia phương

桂枝加芍藥生薑人參新加方

桂枝 Quế chi 3 lượng (bỏ vỏ)

芍藥 Thực dược 4 lượng

甘草 Cam thảo 2 lượng (nướng)

人參 Nhân sâm 3 lượng

生薑 Sinh cương 4 lượng (thái)

大棗 Đại táo 12 quả (bỏ hạt)

Dùng 1 đấu 2 thăng nước, đun nhỏ lửa, cạn còn 3 thăng, bỏ bã,  
chia đôi uống nóng, y như phương pháp uống bài Quế chi.

Trần Úy nói: "Dùng bài Quế chi là lấy năng lực của nó chuyên  
dẫn ra doanh phân, gia thêm Nhân sâm để tả bổ cái nguồn phát sinh ra  
huyết dịch, gia thêm Sinh cương để khai thông cái trệ trong huyết  
mạch, gia thêm vị khổ bình là Thực dược để dất bợn Cương, Quế  
không chạy ra cơ nhục để phát hàn mà ngầm đi trong kinh mạch để  
định thống.

Tiết 6

發汗後不可更行桂枝湯汗出而喘無  
大熱者可與麻黃杏仁甘草石膏湯主  
之

**Phiên âm:** Phát hàn hậu, bất khả cánh hành Quế chi thang, hàn  
xuất nhi suyễn, vô đại nhiệt giả, khả dĩ Ma hoàng, Hạnh nhân,  
Cam thảo, Thạch cao thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Sau khi đã phát hàn (ma hoàng) không thể lại dùng Quế  
chi thang, hàn ra mà suyễn, không đại nhiệt, nên dùng bài Ma hoàng,  
Hạnh nhân, Cam thảo, Thạch cao thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Phát hàn rồi vẫn không giải, tà phạm lên Phế làm thành  
chứng Phế nhiệt. Trương Lệnh Thiều nói: "từ đây trở xuống 5 tiết là nói  
về Hàn, thổ. Hạ nhằm làm hại đến khí 5 tạng.

Ở Tiết 15, chương 1, thiên B, dùng Ma hoàng rồi, tà không  
giải, nên dùng Quế chi thang là đúng phép. Tiết này lại nói: "không  
thể lại dùng Quế chi thang" biết là Dương thịnh ở trong, hỏa khí vượt  
ra ngoài, thời thành ra mồ hôi, hỏa khí uất lên trên thời thành ra suyễn.  
Mình không nóng lắm vì ta đã hun nung thành nhiệt, nhiệt thịnh bên  
trong nên so với bên ngoài thấy nhẹ đi.

Kha Vận Bá nói: "Bài này là chủ tể của ôn bệnh. Ở tiết 6,  
chương 1, thiên A, thấy có đề cập đến chứng phong ôn nhưng chưa đặt  
ra phương dược, ngờ là bài này.

Ma hoàng, Hạnh nhân, Cam thảo, thạch cao thang phương

麻黃杏仁甘草石膏湯方

麻黃 Ma hoàng 4 lượng (bỏ máu)  
 甘草 Cam thảo 2 lượng  
 杏仁 Hạnh nhân 50 hạt (bỏ vỏ, chóp)  
 石膏 Thạch cao nửa cân (đập vụn, bọc vải)

Dùng 7 thăng nước, trước đun Ma hoàng còn 5 thăng, gọt bỏ bọt, cho các vị kia vào đun còn 2 thăng, bỏ bã, uống nóng 1 thăng.

### Tiết 7

發汗過多其人叉手自冒心心下悸欲  
 得按者桂枝甘草湯主之

**Phiên âm:** Phát hàn quá đa, kỳ nhân thoa thủ, mạo tâm, tâm hạ quý, dục đắc án giả, Quế chi, Cam thảo thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Phát hàn quá nhiều, bệnh nhân bắt chéo bàn tay úp vào tâm dưới tâm quý (trong tâm khiêu động vì tâm hư, huyết ít), muốn được xoa nắn. Quế chi, Cam thảo thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói: vì phát hàn quá nhiều làm thương đến tâm khí. Trương Lênh Thiệu nói: "Đây là vì phát hàn quá nhiều làm thương đến tâm khí. Hãn là chất dịch của tâm, hãn ra quá nhiều thì tâm dịch rỗng hết mà ưa xoa nắn, cho nên dùng Quế chi để bảo hộ tâm khí, dùng Cam thảo để giúp trung thổ và phòng thủy nghịch, không cho thân khí phạm lên tâm."

Quế chi, Cam thảo thang phương

桂枝甘草湯方

桂枝 Quế chi 4 lượng (bỏ vỏ)

甘草 Cam thảo 1 lượng (nướng)

Dùng 3 thăng nước đun cạn còn 1 thăng, bỏ bã uống mạnh làm 1 lần. Đường Tôn Hải nói: "vì hãn nhiều quá làm thương đến cả doanh khí, Tâm hỏa theo doanh khí tiết đi nhiều quá, đến nỗi tâm khí phải

hư, muốn "chéo tay" úp vào bụng để giữ. "Tâm hạ" là chỉ vào khoảng cách mô, do Phế vào Liên vòng, bảy giờ mới dẫn xuống khí hải. Giữ tâm hỏa không thể truyền ra Cách mô, nên "tâm hạ quý". Dùng Quế chi để truyền thông tâm dương. Cách mô với Vỵ cùng liên tiếp, mới dùng Cam thảo bổ ích cho Vỵ".

### Tiết 8

發汗後其人臍下悸者欲作奔豚茯苓  
 桂枝甘草大棗湯主之

**Phiên âm:** Phát hàn hậu, kỳ nhân tê hạ quý giả, dục tác Bôn đôn, Phục linh Quế chi, Cam thảo, Đại táo thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Sau khi đã phát hãn (quá nhiều), bệnh nhân phía dưới rốn quý, ấy là muốn thành chứng Bôn đôn. Phục linh Quế chi, Cam thảo, Đại táo thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói sau khi phát hãn làm thương đến thận khí Đường Tôn Hải nói: "Thận thuộc thủy, là chủ của Vệ khí, tâm thuộc hỏa là chủ của doanh khí. Tâm hỏa dẫn xuống giao với thận, từ trong khí hải, nung nấu thủy trong Bàn quang hợp hóa làm khí, để xung đạt ra ngoài, ấy là Doanh, Vệ. Doanh phát ra từ tâm, thuộc về hỏa, thuộc về huyết. Vệ phát ra từ thận, thuộc về thủy, thuộc về khí. Hãn nhiều thì tiết mất Vệ dương mà thương thận khí, khiến cho khí hải ở phía dưới rốn hư khiếp mà thành ra Quý (run sợ, rung động). Cái khí dương ở trong khí hải không nung nấu được thủy ở Bàn quang, thời thủy muốn tràn lên mà thành ra Bôn đôn (một vật từ phía dưới rốn cứ ngoi lên). Bài thuốc chỉ dùng Cam thảo, Đại táo, Phục linh để khắc chế thận thủy, dùng Quế chi để dẫn tâm hỏa, khiến cho giao tiếp xuống phía dưới rốn thời thận thủy sẽ hóa ra khí mà khỏi."

Phục linh, Quế chi, Cam thảo, Đại táo thang phương

茯苓桂枝甘草大棗湯方

茯苓 Phục linh nửa cân

甘草 Cam thảo 2 lượng (nướng)



大棗 Đại táo 15 quả (bửa bỏ hạt)

桂枝 Quế chi 4 lạng (bỏ vỏ)

Dùng Cam Lan thủy 1 đấu, đun trước Phục linh cạn bột 2 thăng, bỏ các vị kia vào đun lấy ba thăng, bỏ bã uống nóng 1 thăng, Ngày uống ba lần.

**Phép làm Cam lan thủy:** lấy hai đấu nước chứa vào chậu, lấy gạo mức lên lại trút xuống cứ mức và trút mãi, khi nào thấy mặt nước phồng lên, hàng ngàn bong bóng cùng đuổi nhau mới thôi. Dùng nước ấy để đun thuốc.

Tiết 9

發汗後腹脹滿者厚朴生薑半夏甘草人參湯主之

**Phiên âm:** Phát hàn hậu phúc trương mãn giả, Hậu phác, Sinh cương, Bán hạ, Cam thảo, Nhân sâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Sau khi đã phát hàn, bụng trương đầy, Hậu phác, Sinh cương, Bán hạ, Cam thảo, Nhân sâm thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói vì phát hàn làm thương đến tỳ khí.

Hậu phác, Sinh cương, Bán hạ, Cam thảo, Nhân sâm thang phương

厚朴生薑半夏甘草人參湯方

半夏 Bán hạ nửa cân

厚朴 Hậu phác nửa cân (bỏ vỏ, nướng)

生薑 Sinh cương nửa cân (thái)

人參 Nhân sâm 1 lạng

甘草 Cam thảo 2 lạng (nướng)

Dùng một đấu nước đun cạn còn 3 thăng, uống nóng một thăng, ngày 3 lần. Trương Lệnh Thiệu nói: "... Hãn là chất tân dịch của thủy

cốc ở trung tiêu. Sau khi phát hàn rồi, giảm xuất tân dịch, khiến cho tỳ khí hư. Tỳ đã hư thì không chuyển vận được mà sinh trường mãn. Dùng Hậu phác sắc đỏ tía, tính ôn mà vị đắng tiết xuống giúp cho thiên khí giáng xuống, Bán hạ có cái năng lực làm khải đạt được âm khí để giúp cho địa khí thăng lên. Sinh cương truyền thông trệ khí, Cam thảo, Nhân sâm bổ trung, nhuận sinh tân dịch. Tân dịch đã đủ, trên dưới giao hợp, chứng trường mãn sẽ tự khỏi".

Tiết 10

傷寒若吐若下後中心下逆滿氣上衝胸起則頭眩脈沈緊發汗則動經身為振搖者茯苓桂枝白朮甘草湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn nhược thổ, nhược hạ hậu, trung tâm hạ nghịch mãn, khí thượng xung, hung khởi, tác đầu huyền, mạch trầm, Khẩn, phát hàn tác động kinh thân vì chấn chấn điều giả, Phục linh Quế chi, Bạch truật, Cam thảo thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn, nếu thổ, nếu hạ rồi, dưới tâm nghịch đầy, khí xung ngược lên hung. Mỗi khi phát thì vàng đầu chóng mặt, mạch Trầm, Khẩn. Phát hàn thì động tới "kinh", mình sẽ run run lão đảo. Phục linh, Quế chi, Bạch truật, Cam thảo thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về thổ, hạ làm thương đến can khí.

Trương Lệnh Thiệu nói: "tâm hạ là bộ vị của tỳ chủ về chất tân dịch của thủy cốc ở Trung tiêu, Hạ, Thổ làm thương đến tân dịch khiến cho tỳ hư sinh đầy. Tỳ hư, Can khí lấn theo nên mới nghịch mãn. "Khí xung ngược lên", "đầu chóng vàng" là bản bệnh của Can. "Trầm, Khẩn" là bản mạch của Can. Trong bài thuốc dùng Quế chi để trị Can, còn những vị Bạch truật, Phục linh, Cam thảo đều là bổ tỳ".

Phục linh, Quế chi, Bạch truật, Cam thảo thang

茯苓桂枝白朮甘草湯

茯苓 Phục linh 4 lạng

桂枝 *Quế chi* 3 lượng (bỏ vỏ)

白朮 *Bạch truật* 2 lượng

甘草 *Cam thảo* 2 lượng

Dùng 6 thăng nước đun cạn còn ba thăng, bỏ bã, chia 3 lần, uống nóng.

### Tiết 11

發汗病不解反惡寒者虛故也芍藥甘草附子湯主之

**Phiên âm:** Phát hàn, bệnh bất giải, phản ố hàn giả, hư cố dã. **Thuộc dược,** Cam thảo, Phụ tử **thang chủ chi.**

**Dịch nghĩa:** Phát hàn rồi, bệnh vẫn không giải, lại ghét lạnh, bở hơi vậy. **Thuộc dược,** Cam thảo, Phụ tử **thang chủ về bệnh ấy.**

**Chú giải:** Tiết này nói về nhằm phát hàn của người "hư yếu", và lập ra một phương để bổ cứu.

Đường Tôn Hải nói: "... 3 chữ "bở hơi vậy" là chỉ về khí Dương của Thái dương Bàng quang hư. Bởi vì phát hàn, làm tiết mất khí Dương nhiều quá. Vệ dương không thể đẩy tà ra ngoài nên "bệnh không giải". Vì Dương khí hư nên "lại" ố hàn. Dùng Phụ tử làm chủ, để bổ khí Dương bị hư của Bàng quang. Đến như **Thuộc dược,** Cam thảo chỉ là điều hòa doanh khí, để rút bớt bỏ hàn mà thôi. Doanh khí đã điều hòa thời hàn dịch không đến nổi quá thương, dương khí lại đầy đủ, nhờ đó mà vệ ngoại, knu tà, bệnh tự phải hết.

**Thuộc dược,** Cam thảo, Phụ tử **thang phương**

### 芍藥甘草附子湯方

芍藥 *Thuộc dược* 3 lượng

甘草 *Cam thảo* 3 lượng (nướng)

附子 *Phụ tử* 2 củ (bỏ vỏ, bào, bổ làm 8)

Dùng 5 thăng nước, đun còn 1 thăng 5 hợp, bỏ bã, chia đôi, uống nóng.

### Tiết 12

發汗若下之病仍不解煩燥者茯苓四逆湯主之

**Phiên âm:** Phát hàn, nhược hạ chi, bệnh nhưng bất giải, phiền táo giả, Phục linh, tứ nghịch thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Phát hàn rồi lại hạ thêm, bệnh vẫn không giải, thừa phiền táo, Phục linh tứ nghịch thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói nhằm dùng phương pháp hàn và hạ, e ít mất cái khí của thủy hỏa, nhân đó, thành ra "ly cách" sinh khó chữa. Phiên là chứng Dương không gặp Âm. Táo là chứng Âm không gặp Dương.

**Phục linh tứ nghịch thang phương**

### 茯苓四逆湯方

茯苓 *Phục linh* 6 lượng

人參 *Nhân sâm* 1 lượng

甘草 *Cam thảo* 2 lượng (nướng)

乾薑 *Can khương* 1 lượng rưỡi

附子 *Phụ tử* 1 củ (dùng sống, bỏ vỏ, bổ làm 8)

Dùng 5 thăng nước đun còn 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 7 hợp. Ngày uống 3 lần. Phục linh, Nhân sâm giúp tâm chủ để giải Dương phiền, tứ nghịch bổ thận tạng để trừ âm táo.

### Tiết 13

發汗後惡寒者虛故也不惡寒但熱者實也當和胃氣與調胃承氣湯

**Phiên âm:** Phát hàn hậu, ố hàn giả, hư cố dã, bất ố hàn dẫn nhiệt giả, thực dã, dương hòa Vị khí, dĩ Điều Vị thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Phát hàn rồi, ghét lạnh, bởi hư vậy, không ghét lạnh, chỉ nhiệt là "thực" vậy. Nên điều hòa Vị khí, dùng Điều Vị thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này tóm tắt cái đại ý của mấy tiết trên. Nói: chứng hư vốn nhiều mà chứng thực cũng không ít. Lại nêu ra hai chữ "Vị khí" và bổ thêm bài Điều Vị thừa khí thang, ý nghĩa rất là sâu xa. Bởi bệnh ở Thái dương vì mà chuyển thuộc vào Thiếu âm thời là chứng hư, vì Thái dương với Thiếu âm cùng là Biểu lý. Dương thịnh mà chuyển thuộc Dương minh, thời là chứng thực vì Thái dương Dương minh cùng truyền đệ cho nhau theo thứ tự truyền kinh (Trần Tu Viên).

### TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này nói về sự chuyển biến của bệnh ở Thái dương sau khi hàn, hạ, Hãn, Hạ rồi, tất thương tân dịch, đệt tân dịch tự sinh, có thể lạnh. Nếu tiểu tiện không lợi, chớ nên dùng thuốc lợi tiểu tiện thêm thương tân dịch. Người hãn, hạ rồi, Dương hư tất thấy mạch Trầm, Vi hoặc Trầm, Tế, ghét lạnh, phiền táo, ngày nặng, đêm yên tĩnh, không ủa, không khát, ngoài có hơi nóng mà không có biểu chứng, nên dùng Càn cương, Phụ tử để ôn đi. Nhưng lạnh mà mạch không Trầm, tế là biểu dương hư, chỉ nên dùng Thuốc đượ, Cam thảo, Phụ tử, người âm hư tất thấy mạch Trầm Tri, mình đau, nên dùng Quế chi hội Cương, Thược, gia Nhân sâm (tân gia thang). Hàn rồi, không ghét lạnh, chỉ nóng thời là thực chứng, nên dùng Đại hoàng, Mang tiêu, Cam thảo cho hạ chút ít. Chỉ có bụng đầy mà không nội thực, nên dùng Hậu phác, Sinh cương, Bán hạ, Nhân sâm, Cam thảo thang. Phát hàn quá nhiều, xung khí dẫn động, thủy ẩm nghịch lên, tâm hạ quý, ủa dè tay vào, nên dùng Quế chi, Cam thảo thang. Dưới rốn quý muốn làm thành *Bôn đôn*, gia Phục linh, Đại táo. Hãn, Hạ thương Vị, lưu ẩm nhảy lên, dưới tâm (chỉ mô cách) đầy, khí xung lên, đầu choáng váng, dùng Bạch truyệt thay Đại táo. Hãn rồi, Biểu giải, dư nhiệt lưu ở Phế,

ngoài không nóng lắm, mồ hôi ra mà suyễn, nên dùng Ma hoàng, Hạnh, Thạch, Cam thang.

### CHƯƠNG III

#### Tiết 1

太陽病發汗後大汗出胃中乾煩燥不得眠欲得飲水者少少與飲之令胃氣和則愈若脈浮小便不利微熱消渴者與五苓散主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh, phát hàn hậu, đại hàn xuất, Vị trung can, phiền táo bất đắc miên, dục đắc ẩm thủy giả, thiếu thiếu dĩ ẩm chi, linh Vị khí hòa tắc dĩ, nhược mạch Phù, tiểu tiện bất lợi, vi nhiệt, tiêu khát giả, dĩ ngũ linh tán chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, sau khi phát hàn, hãn ra rất nhiều, trong Vị khô, phiền táo không thể ngủ, muốn uống nước, cho in ú một, khiến cho Vị khí hòa thì khỏi. Nếu mạch Phù, tiểu tiện không lợi, hơi nhiệt, tiêu khát (uống vào tiêu ngay, lại uống), dùng Ngũ linh tán chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói sau khi phát hàn, tân dịch trong Vị "khô kiệt" và "không dẫn đi"

Đoạn trên: nói về tân dịch khô kiệt.

Đoạn dưới: từ chữ "nếu" nói tân dịch không dẫn đi.

Đường Tôn Hải nói: "... Phàm người uống nước, sau khi vào Vị, dẫn qua trong du mô tam tiêu, xuống tới Bàng quang, cũng như nước ở trong nồi. Phàm người, khí mũi hít khí trời vào, khí ấy do Phế qua tâm, do khí quản dẫn tới Đan điền, Bào thất, cũng như dưới nồi thêm củi để đun nước, đó tức là tâm hỏa dẫn xuống. Dùng Hỏa đun Thủy, nên thủy ở Bàng quang mới hóa khí dẫn lên, ấy là "tân", cũng như hơi nước tự ở trên vung nồi. Còn cái thủy chất hóa chưa hết, tiết ra làm tiểu tiện..."

"... Chứng này sở dĩ tiểu tiện không lợi và tiêu khát, vì hân ra quá nhiều, dương khí tiết ra ngoài, cho nên mình hơi nhiệt mà mạch Phù. Dương khí tiết ra ngoài thời trong Khí hải không có hỏa để đun thủy, nên thủy mới không hóa ra khí. Phương thuốc dùng Quế chi làm chủ, dẫn tâm hỏa xuống giao với thủy để hóa khí, Bạch truật dẫn tân dịch trở lên, Phục linh lợi thủy trở xuống. Hợp thành cái công dụng "lợi thủy hòa khí, thăng tân trừ nhiệt" rất hay.

### Ngũ linh tán

#### 五苓散

豬苓	Trư linh	18 thù (bỏ vỏ)
茯苓	Phục linh	18 thù
白朮	Bạch truật	18 thù
澤左	Trạch tả	1 lượng 6 thù
桂	Quế	nửa lượng (bỏ vỏ)

Cùng tán bột, dùng nước nóng hòa 1 thìa nhỏ, ngày uống 3 lần. Nên uống nhiều nước nóng, mồ hôi ra sẽ khỏi.

#### Tiết 2

發汗已脈浮數煩渴者五苓散主之

**Phiên âm:** Phát hàn dĩ, mạch Phù Sác, phiên khát giả, ngũ linh tán chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Phát hàn rồi, mạch Phù Sác, phiên khát, Ngũ linh tán chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói: sau khi phát hàn, tà đã giải, vẫn còn phiên khát, dùng Ngũ linh tán.

#### Tiết 3

傷寒汗出而渴者五苓散主之不渴者茯苓甘草湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn hàn xuất nhi khát giả, Ngũ linh tán chủ chi, bất khát giả Phục linh, Cam thảo thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn, hân ra mà khát, ngũ linh tán chủ về bệnh ấy. Nếu không khát, Phục linh Cam thảo thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói: Thương hàn có khi hân ra mà khát, có khi không khát, cho nên có phép trị khác nhau. Đường Tôn Hải nói: "... hân ra mà khát" ấy là bởi chứng thương hàn, bì mao mở ra mà hân tự ra, cái "vệ dương" của Bàng quang vượt ra ngoài, nhân đó mà thủy không kịp hóa khí, tân dịch cũng không bố tán đi được. Cho nên dùng Ngũ linh tán để "hóa khí bố tân", hễ tân dịch dẫn lên được thời khát tự khỏi, khí hóa ra được thời hàn tự lui.

"Hân ra mà không khát" cũng là chứng thương hàn bì mao mở mà hân tự ra. Không khát là do cái thủy ở trong còn "hóa khí bố tân" được. "Hân tự ra" là do Dương khí ở Bàng quang theo hân phát tiết mà ta lại không trừ đi được, nên dùng Phục linh đem cái công năng thẩm lợi đối làm thu liễm, khiến cho hân không tiết ra nữa. Dùng Quế với Cường để tán bỏ hàn... Hàn đã hết, Hân sẽ khỏi. Chứng này giống với chứng "tự hân" ở bài Quế chi, nhưng chứng bài Quế chi là do hân ra không thấu triệt. Chứng này, hân ra thấu triệt quá, e nó sẽ rò mãi không thôi, cho nên không dùng Bạch truật để hành huyết mà dùng Phục linh để lợi thủy ở thận thông xuống Bàng quang, chế tiết bớt sức nung nấu, chứng "rò" sẽ tự khỏi. Trường hợp này không thêm củ dưới đây nổi mà thêm nước vào nổi cho bớt hơi bốc lên.

### Phục linh Cam thảo thang phương

#### 茯苓甘草湯方

茯苓	Phục linh	2 lượng
桂枝	Quế chi	2 lượng (bỏ vỏ)
生薑	Sinh cương	3 lượng thái
甘草	Cam thảo	1 lượng nướng

Dùng 4 thăng nước đun còn 2 thăng, bỏ bã, chia 3 lần uống nóng.

#### Tiết 4

中風發熱六七日不解而煩有表裡證  
渴欲飲水水入則吐者名曰水逆五苓  
散主之

**Phiên âm:** Trúng phong phát nhiệt, lục thất nhật bất giải nhi phiến, hữu biểu lý chứng, khát dục ẩm thủy, thủy nhập tắc thổ giả, danh viết thủy nghịch, Ngũ linh tán chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Trúng phong phát nhiệt 6, 7 ngày, chẳng giải mà phiến, có cả chứng của biểu lý, khát muốn uống nước, uống vào thì thổ, ấy gọi là thủy nghịch. Ngũ linh tán chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói bài Ngũ linh tán trị được cả chứng thủy nghịch. Vì bài Ngũ linh tán có công năng "hóa khí hành thủy".

Đầu đau, phát nhiệt, mồ hôi ra là biểu chứng của chứng trúng phong không giải; khát, uống nước vào thổ ngay là lý chứng, bởi trong Vị có tích thủy.

### TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này luận về chứng ngũ linh tán. Chủ chứng của bài ngũ linh tán: Khát mà tiểu tiện không lợi, mạch Phù, Hoạt, có hơi nóng, nhân trong có tích thủy, tuy khát nước uống vào tất thổ ra, không phải như chứng khát do Vị táo, nên cho uống ít ít nước, thế thì tiểu tiện thông lợi mà khát tự dứt. Như có biểu chứng, phát nhiệt mồ hôi ra, cũng có thể dùng, cho nên gọi ngũ linh tán hay song giải biểu lý. Nhưng thường hàn mồ hôi ra mà khát, dùng Ngũ linh tán, không khát dùng Phục linh. Cam thảo thang.

### CHƯƠNG IV

#### Tiết 1

未持脈時病人叉手自冒心師因教試  
令歎而不歎者此必兩耳聾無聞也所  
以然者以重發汗虛故如此

**Phiên âm:** Vị trì mạch thời, bệnh nhân thoa thủ tự mạo tâm. Sư nhân giáo thí linh khái nhi bất giả, thử tất lưỡng nhĩ lung vô văn dã, sở dĩ nhiên giả, dĩ trùng phát hàn hư cố như thử.

**Dịch nghĩa:** Lúc chưa cầm đến tay để ấn mạch, bệnh nhân bắt chéo tay úp lên tâm. Thầy nhân bảo thử họ lên xem, mà không ho, hẳn do hai tai điếc không nghe tiếng. Sở dĩ đến như thế là vị lại phát hàn thêm, hư nên như vậy.

**Chú giải:** Tiết này nói: nhằm phát hàn đến nỗi thương cả khí tâm, thân. Đường Tôn Hải không đồng ý với Tu Viên ở điểm này, đời bậc cao minh.

#### Tiết 2

發汗後飲水多必喘以水灌之亦喘

**Phiên âm:** Phát hàn hậu, ẩm thủy đa, tất suyễn dĩ thủy quán chi diệc suyễn.

**Dịch nghĩa:** Phát hàn rồi, uống nước nhiều, hẳn suyễn, dùng nước "dội" vào cũng suyễn.

**Chú giải:** Tiết này, nguyên văn vốn vẹn có 14 chữ nhưng phải suy nghĩ kỹ mới nắm bắt được tinh thần. Mấu chốt của vấn đề là ở mấy chữ "uống nước nhiều hẳn suyễn". Như vậy, suyễn là hậu quả tất yếu sau khi hàn rồi mà uống nước nhiều, thêm nữa câu sau là ý nhấn mạnh, uống mấy cũng suyễn. Vì uống nước nhiều, thủy đọng, "không hóa khí". Bởi lẽ sau khi phát hàn, cái cơ quan "hóa khí hành thủy" bị yếu đi.

Theo ý duyệt giả thì tiết này nói sau khi phát hàn không nên uống nước nhiều, thủy khí xâm lấn Phế nên suyễn. Phạm "thủy không hành, khí không hóa". Khí không hóa lấy từ đưa lên hầu, tỷ, bì, mao...

mà hãn, tỳ, bì, mao là bộ phận quản trị của Phế nên Phế phải kêu cứu. Do đó, phát ra suyễn.

### Tiết 3

發汗後水藥不得入口為逆若更發汗  
必吐下不止

**Phiên âm:** Phát hãn hậu, thủy dược bất đắc nhập khẩu, vi nghịch, nhược cánh phát hãn, tất thổ hạ bất chỉ.

**Dịch nghĩa:** Phát hãn rồi, nước, thuốc không thể uống vào miệng. Đó là nghịch. Nếu lại phát hãn nữa, tất thổ hạ không dứt.

**Chú giải:** Tiết này nói: sau khi phát hãn, Vị hư, nước và thuốc đều không uống vào được. Phát hãn nữa là nguy.

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 3 tiết. Trong sự không đưa ra phương thuốc. Độc giả phải hiểu ý ngoài lời. Tiết 1 chương này, không thể dùng Phục linh, Cam thảo thang như chứng khát của tiết 3 - chương II. Tiết 2, 3 chương này không thể dùng ngũ linh tán được, mặc dù là khát.

## CHƯƠNG V

### Tiết 1

發汗吐下後虛煩不得眠若劇者必反  
覆顛倒心中懊儂梔子豉湯主之若少  
氣者梔子甘草豉湯主之若嘔者梔子  
生薑豉湯主之

**Phiên âm:** Phát hãn, thổ, hạ hậu, hư phiền bất đắc miên, nhược kịch giả, tất phản phúc điên đảo, tâm trung áo nùng, Chi tử thị thang chủ chi; nhược thiếu khí giả, Chi tử, Cam thảo thị thang chủ chi; nhược ẩu giả, Chi tử, Sinh cương thị thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Sau khi phát hãn, thổ, hạ rồi, hư phiền không ngủ được, nếu nặng hơn tất trần trọc, trảo trảo, trong tâm trợn trạo rạo rạo. Chi tử thị thang chủ về bệnh ấy. Nếu hơi thổ bọt bọt, Chi tử, Cam thảo thị thang chủ về bệnh ấy. Nếu lại ủa nữa, Chi tử, Sinh cương, Thị thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói vì hãn, thổ, hạ làm thương đến khí của tam tiêu, khiến cho thủy hỏa của thiếu âm không giao được với nhau.

Trương Lệnh Thiệu nói: từ đây trở xuống 6 tiết, đều bàn cái chứng của bài Chi tử thị thang có nhiệt, có hàn, có hư, có thực khác nhau.

### Chi tử thị thang

#### 梔子豉湯

梔子 Chi tử 14 quả (xé đôi)

番豉 Hương thị 4 hợp (học vào vải)

Dùng 4 thăng nước, trước đun Chi tử còn 2 thăng rưỡi, bỏ Hương thị vào, đun còn 1 thăng rưỡi, bỏ bã, chia đôi, uống nóng một nửa, được thổ ra rồi, thôi không uống nước sau.

**Chú giải:** Căn cứ vào câu "được thổ ra rồi, thôi không uống nước sau", nhất là căn cứ vào chữ "được" thì bệnh này mặc dù đã thổ rồi vẫn uống thang này cho thổ thêm ít thôi.

### Chi tử, Sinh cương thị thang

#### 梔子生薑豉湯

Tức là bài trước gia Sinh cương 5 lượng. Phép đun như trước.

### Chi tử, Cam thảo, thị thang phương

#### 梔子甘草豉湯方

Tức là bài Chi tử, Thị thang gia Cam thảo 2 lượng. Phép đun như trước. Trần Úy nói: sau khi hãn, thổ, hạ rồi trung khí hư, không thể giao thông trên dưới, cho nên gia Cam thảo để bổ trung. "Âu" là vì sau

khí hàn, thổ, hạ Dương bị thương, trung khí không hòa mà nghịch lên, cho nên gia Sinh cương và làm ấm Vị, vừa giải uế, trừ nghịch.

### Tiết 2

發汗若下之而煩熱胸中窒者梔子豉湯主之

**Phiên âm:** Phát hàn nhược hạ chi nhi phiến nhiệt, hung trung tắtt giá, Chi tử thị thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Phát hàn và hạ rồi mà vẫn phiến nhiệt, trong hung như "nghe" lại. Chi tử thị thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói: Chi tử thị thang còn điều hòa được khí thượng tiêu. (Chứng này có nhiều)

Đường Tôn Hải nói: "...Lung tức là chỉ phía trên Cách mô, phía dưới Phế hệ, tức là nơi bộ vị của Phế với tâm. Bào lạc. Nội kinh nói: "Phế là một chức tướng phó, chủ về việc kiểm chế tâm hỏa, không để cho thái quá". Giữ nhân tâm hỏa thái quá, cái thanh kim của Phế không thể kiểm chế lại được, cho nên đến nổi phiến nhiệt. Nhiệt quá, khí bị úng lại, cho nên trong hung "nghe" lại. Vì vậy, lấy Chi tử làm chủ vì Chi tử hoa trắng hạt đỏ, hợp với cái khí của kim thủy mà dẫn về tâm, cũng có cái hình tượng như Phế kim kiểm chế tâm hỏa..."

### Tiết 3

傷寒五六日大下之身熱不去心中結痛者未欲解也梔子豉湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn ngũ, lục nhật đại hạ chi, thân nhiệt bất khứ. Tâm trung kết thống giá, vị dục giải dã. Chi tử thị thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 5, 6 ngày đại hạ rồi, mình nóng không dứt, trong bụng kết đau, chưa muốn giải vậy. Chi tử, thị thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Chi tử, thị thang còn hòa giải được biểu lý.

### Tiết 4

傷寒下後心煩腹滿臥起不安者梔子厚朴湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn hạ hậu, tâm phiến, phúc mãn, ngọa khởi bất an giá, Chi tử, hậu phúc thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn hạ rồi, tâm phiến, bụng đầy, nằm, dậy không yên. Chi tử, Hậu phúc thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Chi tử thị thang còn có công năng "thanh" được cái dư nhiệt của chứng thương hàn sau khi đã hạ (chứng này có rất nhiều)

### Chi tử hậu phúc thang phương

#### 梔子厚朴湯方

梔子	Chi tử	14 quả (xé đôi)
厚朴	Hậu phúc	4 lượng (nung)
枳實	Chi thực	4 quả (tắm nước, bỏ ruột, màng, sao)

Dùng ba thăng rượu nước đun cạn còn 2 thăng rượu, chia 2, uống một nửa, thấy thổ thôi, không uống nữa.

Kha Vận Bá nói: "Tâm phiến thời khó nằm, bụng đầy thời khó dậy. Nằm dậy không yên là tâm dờn nhiệt sang Vị, cùng với chứng hư phiến mà trần trọc, trần trở không giống nhau. Chi tử trị chứng phiến, Chi, Phúc thông chứng mãn, một phương pháp giải cả Tâm và Phúc rất hay".

### Tiết 5

傷寒醫以丸藥大下之身熱不去微煩者梔子乾薑湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn, y dĩ hoàn dược đại hạ chi, thân nhiệt bất khứ, vi phiến giá, Chi tử, Càn cương thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn (có chứng của bài Chi tử), y giả dùng thuốc hoàn để đại hạ, thân nhiệt không đi hết, hơi phiền. Chi tử, Can khương thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Trong bài nói: "thân nhiệt không đi hết". Như vậy là trước khi dùng hoàn được, thân đã nhiệt rồi, đâu phải vì hạ mà thân nhiệt. Cái lỗi là dùng hoàn được đại hạ, phân đi mà nhiệt không đi hết, mà "lợi" vẫn không dứt. Cho nên phải gấp dùng Can khương để ôn tỳ. Thân còn nhiệt lại hơi phiền nên phải dùng Chi tử để thanh nhiệt, giải phiền.

Trong bài có 2 vị tính chất trái ngược nhau: 1 vị hàn, 1 vị nhiệt. Vị nào có công năng của vị này. Có bệnh thì bệnh đương đầu.

Trương Lệnh Thiệu nói: "Chi tử dẫn Dương nhiệt đi trở xuống, Can khương ôn trung thổ cho đạt trở lên. Trên dưới cùng giao nhau, chứng phiền nhiệt sẽ tự khỏi.

#### Chi tử Can khương thang phương

梔子乾薑湯方

梔子 Chi tử 14 quả (xé đôi)

乾薑 Can khương 2 lạng

Dùng 3 thăng rượu nước đun còn 1 thăng, chia làm 2, uống nóng 1 nửa. Được thổ thôi, không uống nữa.

#### Tiết 6

凡用梔子湯病人舊微澹者不可與服之

**Phiên âm:** Phàm dụng Chi tử thang, bệnh nhân cựu Vi đường giả, bất khả dĩ phục chi.

**Dịch nghĩa:** Phàm dùng Chi tử thang, nếu bệnh nhân vốn sẵn có chứng vi đường (phân hơi nát), không thể cho uống bài ấy.

**Chú giải:** Chi tử dầu hay chỉ phiền, thanh nhiệt nhưng cái tính khổ hàn, lại không hợp với cái tạng hư hàn nên phải dặn kỹ như trên.

### TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 6 tiết đều bàn về cái chứng của Chi tử, thị thang có hàn, có nhiệt, có hư, có thực khác nhau. Chi tử thị thang là chủ phương thanh giải dư nhiệt sau khi hạ, thổ, hạ. Chủ yếu của nó là thích ứng với chứng hư phiền, không ngủ, thậm chí trợn trạo, rạo rục, tuy có phiền nhiệt, khác với các chứng vị thực, kết hung, cho nên gọi là hư phiền mà dùng kinh tế chi tử, thị thang để thanh giải đi. Khí ít, gia Cam thảo, ọạ gia Sinh cương, bụng đầy bỏ Hương thị gia Hậu phác chỉ thực, trung tiêu lạnh, bỏ Đậu thị, gia Can khương, cũng tùy chứng mà gia giảm đúng phép, chỉ người vốn có chứng đại tiện hơi nát, tất hạ tiêu hư hàn, tuy có chứng hư phiền, thuộc khổ hàn, cấm dùng.

### CHƯƠNG VI

#### Tiết 1

太陽發汗汗出不解其人仍發熱心下悸頭眩身瞤動振振欲擗地者真武湯主之

**Phiên âm:** Thái dương phát hàn, hàn xuất bất giải, kỳ nhân nhưng phát nhiệt, tâm hạ quý, đầu huyền, thân nhuận động, chấn chấn dục tịch địa giả, Chân Võ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương phát hàn, hàn ra mà không giải, bệnh nhân vẫn phát nhiệt, dưới tâm quý (rung động vì sợ), chóng mặt, mình rung động muốn nhảy xuống đất... Chân Võ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói: bệnh ở Thái dương, biến chứng bởi phát hàn quá nhiều, bèn lập ra một phương pháp để điều trị.



Đường Tôn Hải nói: "Thương hàn phát nhiệt là do cái Vệ dương với hàn khí cùng tranh nhau, nên mới thành ra nhiệt. Nên phát bỏ hàn, khiến cho Vệ dương tiết ra ngoài, hàn cũng nhân đó mà giải. Nếu Vệ dương đã tiết, hàn đã ra mà hàn vẫn không giải, lưu lại ở bộ phận cơ nhục mà phát nhiệt, ở trong thời làm động đến thủy của Bàng quang, phạm lên tâm thành chứng tâm hạ quý, thủy khí dựa theo Can mạch lấn lên trên thành chứng chóng mặt. Cứ từ sau khi hàn ra, kinh mạch đã kém mất sự thấm nhuần, giờ cái khí của hàn thủy lại xúc phạm vào can, khiến cho mình rung động run run muốn xuống đất... Những chứng trạng ấy đều do "khí tiết ra ngoài" mà "thủy bạo phát" cả. Bởi thế, dùng Sinh cương, Bạch thược vừa điều hòa Doanh, Vệ vừa làm cho tan cái hàn ở bên ngoài, dùng Phụ tử làm chủ giúp thận dương để trừ cái "hàn" ở bên trong. Lại dùng Linh, Truật trị thủy làm tá để giúp thêm thủy không tràn lên trên thời chứng chóng mặt khỏi, thủy không phạm lên tâm thời chứng tâm quý khỏi. Hàn đã lui, dương đã đủ, thời các chứng "rung động" và "run run" cũng đều khỏi. Chứng này với chứng của bài "Linh, Quế, Truật, Cam thang" ở trên cũng hơi giống nhau, duy có bên nặng, bên nhẹ là khác nhau.

### Chân Võ thang

#### 眞武湯

茯苓 Phục linh 3 lượng

芍藥 Thược dược 3 lượng

生薑 Sinh cương 3 lượng

白朮 Bạch truật 2 lượng

附子 Phụ tử 1 củ (bào)

8 thăng nước đun còn 3 thăng, bỏ bã, uống nóng 7 hợp. Ngày uống 3 lần.

### Tiết 2

咽喉乾燥者不可發汗

**Phiên âm:** Yết hầu can táo giả, bất khả phát hàn.

**Dịch nghĩa:** Bệnh yết hầu khô ráo, không thể phát hàn.

**Chú giải:** Yết hầu là nơi ba kinh túc âm đi lên đấy. Yết hầu khô ráo là vì tinh huyết của 3 kinh ấy suy ít, không đủ thấm nhuần lên yết hầu. Tinh huyết đã suy ít mà lại phát hàn thì nguy.

Từ tiết này trở xuống nói về không nên phát hàn, nếu trái sẽ biến ra các chứng nguy hiểm.

### Tiết 3

淋家不可發汗發汗必便血

**Phiên âm:** Lâm gia bất khả phát hàn, phát hàn tất tiện huyết.

**Dịch nghĩa:** Người mắc bệnh lậu, không thể phát hàn, nếu phát hàn ắt đi tiểu ra máu.

**Chú giải:** Nội kinh nói: "Bàng quang là nơi chứa tân dịch". Lại nói: "Bàng quang là nhà của Bào". "Bào" tức là huyết hải ở bên ngoài Bàng quang. Bào và Bàng quang thông nhau. Vì người mắc bệnh lậu, tân dịch bị hư đã lâu, nếu lại phát hàn thời tân dịch sẽ bị kết ở bên ngoài, huyết bên trong sẽ bị động lay, thành ra đi tiểu ra huyết. Bệnh nguyên của chứng Lậu là do khí hóa của Bàng quang không hành ra bì mao được, tân dịch đành chỉ dẫn trở xuống thành ra chứng Lậu.

### Tiết 4

瘡家雖身疼痛不可發汗發汗則瘡

**Phiên âm:** Sang gia tuy thân đồng thống, bất khả phát hàn, phát hàn tắc chí.

**Dịch nghĩa:** Người mắc chứng mụn lở, dù mình đau nhức, không thể phát hàn. Nếu phát hàn sẽ thành bệnh Chí (cảm khẩu, uốn mình cong như cái cung, hoặc tay chân co rút, hoặc rã rời).

**Chú giải:** Người có mụn nhọt là huyết đã hư. Huyết đã hư mà còn phát hàn huyết sẽ bị hại thêm, không thấm nhuần được cân mạch nên phát ra bệnh Chí.

Tiết 5

衄家不可發汗汗出必額上陷脈緊急  
直視不能瞬不得眠

**Phiên âm:** Mọc gia bất khả phát hãn, hãn xuất tất ngạch thượng陷脈緊急  
hãm, mạch khẩn cấp trực thị bất năng tuàn, bất đặc miên.

**Dịch nghĩa:** Người mắc bệnh đổ máu cam, không thể phát hãn. Nếu phát hãn, tất trên trán lõm xuống, mạch Khẩn Cấp, mắt trực thị không đảo, không ngủ được.

**Chú giải:** Ba kinh túc dương bắt đầu ở vùng trán và mắt. Hãn ra mà trên trán bị lõm xuống vì người mắc bệnh đổ máu cam, âm huyết đã mất, chỉ còn nhờ có Dương khí giữ cho trán khỏi bị lõm. Nếu lại phát hãn làm cho vong dương thì cả âm huyết và Dương khí ở trán đều bị hư kiệt nên mới lõm xuống.

Tiết 6

亡血家不可發汗發汗則寒慄而振

**Phiên âm:** Vong huyết gia bất khả phát hãn, phát hãn tắc hàn lật nhi chấn.

**Dịch nghĩa:** Người mất huyết (thở, hạ...) không thể phát hãn, nếu phát hãn, tất sẽ rét run lấy bẫy.

**Chú giải:** Người mất, thời là cả huyết ở toàn thân, hoặc bởi thổ, bởi hạ, do từ trong mà tiết đi... khiến cho cân mạch khắp mình đều mất sự thấm nhuần, cho nên hễ lại hãn thêm, lại làm cho vong dương, thời không riêng gì trên trán bị lõm mà khắp mình sẽ hóa rét run lấy bẫy.

Tiết 7

衄家重發汗必恍惚心亂小便已陰痿  
與禹餘糧丸

**Phiên âm:** Hãn gia, trùng phát hàn, tất hoảng hốt tâm loạn, tiểu tiện dĩ, âm đồng dư vô dư lương hoàn.

**Dịch nghĩa:** Hãn gia (người vốn sẵn có chứng ra mồ hôi nhiều) lại phát hãn thêm, tất hoảng hốt, tâm loạn, tiểu tiện xong, âm (túc niệu quản) thấy đau, cho uống Vô dư lương hoàn.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Niệu quản là hạ khiếu của Bàng quang. Bàng quang có đủ tân dịch thấm nhuần cho khiếu ấy thời tiểu tiện lợi mà niệu quản không đau. Nội kinh nói: "Bàng quang là chức quan Châu đô, tân dịch chứa ở đó, khí hóa thời hay ra được". Chữ "ra" ở câu này là nói: khí hóa làm tân dịch, dẫn ra phía dưới thấm nhuần niệu quản, dẫn ra phía ngoài thời tới bì mao. Hãn gia, hao tân dịch, đã do bì mao tiết đi, nếu lại phát hãn thêm thời tân dịch ra hết ở tầng bì mao, cái tân dịch dẫn xuống phải hết, niệu quản do đó bị khô ráo mới gây nên chứng tiểu tiện đau, tâm loạn là do Dương khí phi việt..."

Vô dư lương hoàn

禹餘糧丸

(thất truyền)

Tiết 8

寒  
病人有復發汗胃中冷必吐衄

**Phiên âm:** Bệnh nhân hữu hàn phục phát hãn, Vị trung lãnh tất thổ vũ.

**Dịch nghĩa:** Bệnh nhân vốn hàn lại cho phát hãn, trong Vị lạnh, hãn thổ vũ (giun).

**Chú giải:** Trương Lệnh Thiệu nói: "Thương hàn, cứ mỗi cuối chương tất có đoạn kết nói về Vị, khí để tỏ ra rằng: chẳng riêng gì thổ hạ làm thương đến Vị, khí mà ngay đến phát hãn cũng làm thương đến Vị, khí. Y giả càng phải nên giữ gìn Vị, khí mới được".

TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm có 8 tiết, luận về phát hàn:

-Lấy thể chất mà phân: huyết hư, dịch ít, không thể phát hàn, có 6 trường hợp. Vì hư có hàn không thể phát hàn có 1 trường hợp.

-Lấy bệnh trạng chuyển biến mà phân: Hàn rồi dương hư có 2, hàn rồi âm hư có 5. Dương hư tất lạnh run, hoặc thổ giun, âm hư hoặc hoảng hốt, tâm loạn, hoặc sinh chứng quý, hoặc mắt trực thị, không đảo được, hoặc tiểu tiện ra huyết, hoặc tiểu rôi, đau nhức, hàn là âm dịch cho nên hàn rồi âm hư nhiều hơn dương hư.

## CHƯƠNG VII

### Tiết 1

本發汗而復下之此為逆也若先發汗治之不為逆本先下之而反汗之為逆若先下之治不為逆

Phiên âm: Bốn phát hàn nhi phục hạ chi thủ vi nghịch dã, nhược tiên phát hàn trị chi bất vi nghịch, bốn tiên hạ chi nhi phản hàn chi vi nghịch, nhược tiên hạ chi trị bất vi nghịch.

Dịch nghĩa: Bệnh vốn nên phát hàn mà lại hạ đi, thế là nghịch, nên phát hàn ngay trước mới không nghịch; bệnh vốn nên hạ, mà lại phát hàn, thế là nghịch, nên hạ ngay trước mới là không nghịch.

Chú giải: Tiết này nói biểu tà truyền lý, biểu chứng chưa hết, nên trước hạ sau hạ, lý tà ra biểu, lý chứng chưa trừ nên trước hạ sau hạ. Ngược lại là nghịch.

### Tiết 2

傷寒醫下之續得下利清穀不止身疼痛者急當救裡後身疼痛清便自調者急當救表救裡宜四逆湯救表宜桂枝湯

Phiên âm: Thương hàn, y hạ chi tục đắc hạ lợi thanh cốc bất chỉ, thân đồng thống giả cấp đương cứu lý, hậu, thân đồng thống.

thanh tiện tự điều giả cấp đương cứu biểu. Cứu lý nghi tứ nghịch thang, cứu biểu nghi Quế chi thang.

Dịch nghĩa: Thương hàn ở Thái dương, y giả hạ đi, tiếp luôn bị chứng hạ lợi thanh cốc không dứt (ăn gì đi ra thức ấy), mình đau nhức ấy, gấp nên cứu lý, sau, mình còn đau nhức, đại tiểu tiện điều hòa, gấp nên cứu Biểu. Cứu lý dùng Tứ nghịch thang, cứu biểu dùng Quế chi thang.

Chú giải: Tiết này phân lại cái ý "trước hạ sau hàn" của tiết trên, cho biết vì hạ mà biểu, lý đều hư, lại nên tùy cơ mà cứu biểu, cứu lý, không nên cố chấp.

### Tiết 3

病當發熱頭痛脈反沈若不差身體疼痛當救其裡宜四逆湯

Phiên âm: Bệnh đương phát nhiệt đầu thống mạch phản Trầm, nhược bất sai, thân thể đồng thống đương cứu kỳ Lý, nghi Tứ nghịch thang.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thái dương phát nhiệt, đầu nhức, mạch lại Trầm. Nếu hàn rồi không khỏi, thân thể đau nhức, nên cứu Lý, nên dùng Tứ nghịch thang.

Chú giải: Tiết này nói bệnh ở Biểu mà thấy mạch thuộc Lý, lại nên cứu Lý, không cần phải như tiết trên: thấy mình đau nhức mà chỉ nên cứu Biểu.

### Tiết 4

傷寒病先下之而不愈因復發汗以此表裡俱虛其人因致冒冒家汗出自愈所以然者汗出表和故也得裡未和然後復下之

Phiên âm: Thái dương bệnh tiên hạ chi nhi bất dĩ, nhân phục phát hàn dĩ thủ biểu lý câu hư, kỳ nhân nhân trí mạo. Mạo gia hàn xuất

tự dữ sở dĩ nhiên giả, hậu xuất biểu hòa cố dã, đắc lý vị hòa nhiên hậu phục hạ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, trước hạ ngay mà không khỏi... Bấy giờ mới lại phát hãn. Bởi đó, biểu lý đều hư, bệnh nhân đến nỗi thành Mạo (đầu nặng như úp vật gì lên trên). Mạo gia (người mắc chứng Mạo) hãn ra sẽ tự khỏi. Sở dĩ như thế vì có hãn ra thì biểu hòa. Nếu còn thấy Lý chưa hòa, bấy giờ mới hạ đi.

**Chú giải:** Tiết này tiếp theo với cái ý "trước hãn sau lại hạ" ở tiết trên.

### Tiết 5

太陽病未解脈陰陽俱停必先振慄汗出而解但陽脈微者先汗出而解但陰脈微者下之而解若欲下之宜調胃承氣湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh vị giải, âm dương câu đình tất tiên chấn lật, hạn xuất nhi giải, đản Dương mạch Vi giả, tiên hạn xuất nhi giải, đản Âm mạch Vi giả, hạ chi nhi giải, nhược dục hạ chi nghi Điều vị thừa khí thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, mạch Âm Dương đều thấy đều đặn, tất trước phải run rẩy, hãn ra mà khỏi. Nếu chỉ Dương mạch Vi, hạ đi sẽ khỏi. Như muốn hạ đi, nên dùng Điều Vị thừa khí thang làm chủ.

**Chú giải:** Tiết này nói: dùng phép hãn hạ cũng có thể điều hòa được âm dương. Nên nhớ, mạch Vi là Âm dương đều Vi. Đây nói chỉ Dương mạch Vi nghĩa là Âm mạch không Vi, nói chỉ Âm mạch Vi nghĩa là Dương mạch không Vi. Chỉ Dương mạch Vi là thuộc về Vệ không hòa, cho nên để cho hãn ra, vệ khí sẽ hòa mà giải. Nếu chỉ Âm mạch Vi là thuộc về doanh không hòa, cho nên chỉ cho hạ đi, doanh huyết sẽ lưu thông mà giải.

### Tiết 6

太陽病發熱汗出者此為榮弱衛強故使汗出欲救邪風者宜桂枝湯

**Phiên âm:** Thái dương bệnh phát nhiệt, hãn xuất giả, thủ vi vinh nhược Vệ cường cố sử hạn xuất, dục cứu tà phong giả nghi Quế chi thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương tất phải phát nhiệt và hãn tự ra. Đó là bởi Vinh yếu, Vệ mạnh, nên hãn mới ra. Muốn cứu tà phong, nên dùng Quế chi thang.

**Chú giải:** Cái hãn ở con người, làm chủ của nó là phần Vinh ở trong mạch, làm bên cho nó là phần Vệ ở ngoài mạch. Nếu Vinh khí bị Vệ khí dồn lại mà Nhược, Vệ khí bị tà phong phạm vào mà cường. Đã nhược thời làm cho hãn không thể tự chủ, đã cường thời hãn không thể giữ bên. Bởi thế nên hãn mới tự ra (Trần Tu Viên).

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 6 tiết. Bốn tiết trước nói về bệnh khí theo chính khí ra vào. Chính khí cũng theo bệnh khí ở trong ngoài để dẫn tới trong ngoài hoặc do từ trong mà giải, hoặc do từ ngoài mà giải, hoặc là cứu ở lý, hoặc là cứu ở biểu... không thể nghịch.

Tiết 5 nói: Âm Dương hòa, sự ra vào của chính khí lại được như thường, bệnh khí cũng theo đó mà giải. Tiết cuối cùng nói về cái khí của Thái dương theo Vinh, Vệ mà hoặc dẫn ra ngoài mạch hoặc vào trong mạch.

## CHƯƠNG VIII

### Tiết 1

傷寒五六日中風往來寒熱胸脅苦滿  
默默不欲飲食心煩喜嘔或胸中煩而不嘔  
或渴或腹中痛或脅下痞硬或心

下悸小便不利或不渴身有微熱或欬者與小柴胡湯

**Phiên âm:** Thương hàn ngũ lục nhật, trúng phong vãng lai hàn nhiệt, hung hiệp khổ mãn, mặc mặc bất dục ẩm thực, tâm phiền hỷ ẩu, hoặc hung trung phiền nhi bất ẩu, hoặc khát hoặc phúc trung thống, hoặc hiệp hạ bì ngạnh, hoặc tâm hạ quý, tiểu tiện bất lợi, hoặc bất khát, thân hữu vi nhiệt, hoặc khái giả, dữ tiểu Sài hồ thang.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn đã 5, 6 ngày, trúng phong, nóng lạnh qua lại, hung hiệp khổ mãn (miệng đắng và đầy; chứng của Thiếu dương), không nói năng gì, không muốn ăn uống, tâm phiền hay ủa, hoặc trong hung phiền mà không ủa, hoặc khát hoặc trong bụng đau, hoặc dưới sườn bì rấn, hoặc tâm hạ quý, tiểu tiện không lợi, hoặc không khát, mình có hơi nóng hoặc lại ho, dùng tiểu Sài hồ thang.

**Chú giải:** Trương Tiễn Đường nói: "...Bài Sài hồ thang chủ yếu là làm cho đạt cái khí của Thiếu dương, theo sự khu chuyển của Thiếu dương mà khu chuyển ra ngoài, không phải chuyên giải kinh Thiếu dương. Bởi thế mới có phương pháp theo chứng gia giảm.

Đường Tôn Hải nói: "Nội kinh nói "Thiếu dương là nơi khu", ấy thực có cái chỗ đích là "khu" có thể chỉ rõ ra được. Lại nói "mười một kinh đều thử quyết ở thiếu dương", cũng thực có cái đường lối "thử quyết" có thể chỉ rõ ra được. Nói về chữ "quyết", quyết cũng như khai, khai nước cho chảy, nước có khai, nước mới trôi chảy. Sự lưu hành của 11 kinh, đều phải mượn đường ở kinh Thiếu dương tam tiêu. Cái gốc của tam tiêu, phát ra từ thận hệ, do thận hệ sinh ra 2 đại bản du (hai lá mỡ) ở phía dưới hiệp. Trong đó, sinh ra các vông du (mỡ như màng lưới) khắp trong phúc mô, nối liền với Tiểu trường, Đại trường, Bàng quang, lại dẫn lên sinh ra Can cách liền với Đâm hệ (cuống mật), do Can cách sinh ra mô cách ở phía trước hung, dựa theo lồng ngực thành một lớp Bạch mô, lên đến Phế hệ, liền với tâm, làm thành tâm bào lạc, lại dẫn lên mà làm yết hầu (cuống họng), đó là cái phủ của tam tiêu, một cơ quan ở về bên trong. Do từ trong thấu ra ngoài căn cốt,

sinh ra một lớp phi nhục (thịt béo). Phía trong phi nhục, phía ngoài sáu nhục, có một lớp vông mô, có đường "thở" chằng chịt, là một con đường từ ngoài đi tới của Vinh, Vệ. Con đường ấy gọi là tấu lý, tức là một cơ quan thuộc về biểu của tam tiêu. Tà ở tấu lý dẫn ra cũng tranh nhau với Dương thì sinh "hàn", dẫn vào cũng tranh nhau với âm thì sinh ra "nhiệt", cho nên thành chứng "vãng lai hàn nhiệt" (nóng lạnh qua lại), hung hiệp là nơi liền tiếp của Cách mô. Tà ở Cách mô, nên hung hiệp khổ mãn. Thiếu dương Đờm hỏa dẫn đi suốt tam tiêu, trong thông với Bào lạc. vì Hòa bị mất không đạt ra được, thành chứng "mặc mặc" (im im không nói năng gì). Phàm uống nước vào, đều do Vỵ bố tán ra Cách mô, rồi chảy xuống Liên vông mà vào Bàng quang. Phàm người ăn các thức ăn, hóa làm trấp dịch (nước màu), do trong trường dẫn ra vông du, để đạt tới các tạng. Tà ở vào bộ phận mô du, thủy không dẫn xuống được, nên không muốn uống, "trấp" không dẫn đi được, nên không muốn ăn. Tâm phiền là bởi tương hỏa của tam tiêu lấn vào trong hợp với tâm bào. Hay ẩu là bởi: tam tiêu là một cơ quan hành thủy, thủy không hành được nên sinh ra ẩu, hoặc chỉ hợp với tâm hỏa mà thành chứng trong hung phiền, mà nước không nghịch lên thời không ẩu, hoặc cái hỏa của tam tiêu hay tiêu được thủy nên không khát, hoặc cái khí ở trong Can cách bức dẫn vào trong phúc bộ, trong vông du, thời trong bụng đau. Hoặc tà kết ở đại bản du phía hiệp, thời thành bì mãn, hoặc trong tam tiêu hỏa yếu thủy thịnh, thủy khí nghịch lên khoảng Cách mô ở phía dưới tâm bộ thời thành chứng tâm hạ quý, hoặc về bộ phận phủ của tam tiêu không nhiệt thời không tiêu khát, mà tà ở về bộ phận Biểu của tam tiêu và trong khoảng tấu lý thời mình có hơi nóng, hoặc do trong Cách mô lên Phế, xung lên yết hầu thành chứng Đờm hỏa, phạm vào Phế thời thành chứng khái. Tóm lại, tất cả cách chứng kể trên đều do thủy, hỏa của thiếu dương tam tiêu uất mà thành bệnh. Dùng bài tiểu Sài hồ thang, tán hỏa giáng thủy, làm chủ phương rồi cứ theo các chứng trạng phát sinh mà tùy cơ gia giảm rất là tinh xác.

Tiểu Sài hồ thang phương

小柴胡湯方

中風 Trúng phong: Mắc phải phong khí mà mang bệnh. Trúng có ý như mũi tên bắn vào mình. Tả cái khí hàn hoặc phong phạm vào cơ thể một cách nhanh chóng.

中氣 Trung khí: Khí ở bên giữa do từ trung tiêu phát ra.

中土 Trung thổ: Chỉ về tỳ.

中州 Trung châu: Nền Trung thổ.

水穀 Thủy cốc: Nước uống và thức ăn

除中 Trừ trung: Chứng ăn rồi đói rồi nhưng gây dần.

## U

鬱冒 Uất mạo: Trên đầu nặng như đội vật gì. Trong hung có vẻ bực dọc.

噦 Uyết: Nấc.

## V

衛氣 Vệ khí: Khí gìn giữ bên ngoài.

榮 Vinh: Chỉ về huyết.

網油 Võng du: Mỡ màng lưới, cơm xôi.

虯 Vưu: Một loại giun trong cơ thể.

## Y

咽 Yết: Họng.

咽喉 Yết hầu: Cống họng.

腰 Yếu: Thắt lưng.

## MỤC LỤC

Bản về mạch và chứng của bệnh thuộc về Kinh Thái dương .....9

### Thiên A1

Chương I.....9

Chương II.....15

Chương III.....37

Bản về mạch và chứng của bệnh thuộc Kinh Thái dương

### Thiên A2

Chương I.....50

Chương II.....61

Chương III.....73

Chương IV.....76

Chương V.....78

Chương VI.....83

Chương VII.....88

Chương VIII.....91

Chương IX.....110

Chương X.....112

### Thiên A3

Chương I.....122

Chương II.....125

溫裡 Ôn lý: Uống thuốc vào làm cho ấm phần trong.

溫服 Ôn phục: Uống nóng.

## P

發表 Phát biểu: Dùng thuốc khiến cho ra mồ hôi.

發汗 Phát hãn: Như Phát biểu.

發黃 Phát hoàng: Phát ra chứng bệnh vàng da, tức là bệnh hoàng đản.

發熱 Phát nhiệt: Phát sốt.

飛越 Phi việt: Bay vượt ra ngoài.

煩 Phiền: Buồn bực khó chịu.

膚 Phu: Da.

府 Phủ: Kho chứa. Một cơ quan có thể chứa được một vật gì. Như Vị chứa thủy cốc, bàng quang chứa nước tiểu.

## Q

悸 Quý: Một chứng ở trong tim hình như run sợ.

厥冷 Quyết lãnh: Chân tay giá lạnh.

厥逆 Quyết nghịch: Nghịch Quyết lãnh.

## S

瘦肉 Sấu nhục: Thịt bắp.

驟發 Sậu phát: Phát ra một cách mạnh, chóng.

喘 Suyễn: Hơi thở hỗn hển, thở <sup>hấp</sup> mạnh.

## T

邪氣 Tà khí: Khí làm nên bệnh.

三焦 Tam tiêu: Tức thượng tiêu, trung tiêu và hạ tiêu. Cả 3 bộ phận hợp lại.

躁 Táo: Bệnh nhân có vẻ không yên tĩnh, nóng nảy, hấp tấp.

津 Tân: Ở trong miệng là nước dãi, nước miếng. Trong cơ thể là chất nước màu.

津液 Tân dịch: Chất nước màu trong cơ thể.

腠理 Tấu lý: Các lỗ thịt. Chỗ da ngoài, da trong giáp nhau.

消渴 Tiêu khát: Một chứng khát nước uống bao nhiêu cũng được.

足陽明 Túc Dương minh: Chỉ về Vị (dạ dày).

足厥陰 Túc Quyết âm: Chỉ về Can (gan).

足太陰 Túc thái âm: Chỉ về tỳ (lá lách).

足太陽 Túc Thái dương: Chỉ về Bàng quang (bọng đái).

足少陰 Túc thiếu âm: Chỉ về thận (quả cật).

宣通 Tuyên thông: Làm cho hơi thông ra.

從治 Tùng trị: Một phương pháp trị bệnh như bệnh nhiệt trị bằng thuốc hàn, nhưng trong đó thêm thuốc nhiệt vào làm cho hợp với tính bệnh để chữa.

升津 Thăng tân: Làm cho tân dịch từ dưới dẫn lên.

嗽 Thấu: Ho thành tiếng và có đàm.

手陽明 Thủ Dương minh: Chỉ về Đại trường (ruột già).

手厥陰 Thủ Quyết âm: Chỉ về tâm bào lạc.

手太陰 Thủ Thái âm: Chỉ về Phế (phổi).

手太陽 Thủ Thái dương: Chỉ về tiểu trường (ruột non).

手少陰 Thủ Thiếu âm: Chỉ về tâm (tim).

傷寒 Thương hàn: Hàn khí làm hại cơ thể.

傷風 Thương phong: Phong làm thương đến cơ thể.

傷食 Thương thực: Do đồ ăn làm hại cơ thể.

潮熱 Trào (triều) nhiệt: Sốt nóng một lát lại thôi như nước thủy triều.

重濁 Trọng trọc: Nặng và đục.

中寒 Trúng hàn: Mắc phải khí lạnh mang bệnh.

怔忡 **Chinh xung**: Trong lòng nao nao như người sắp bị bất.

正氣 **Chinh khí**: Khí nuôi dưỡng cơ thể.

正治 **Chinh trị**: Một phép chữa bệnh ở đâu chữa ngay vào đấy.

營血 **Doanh huyết**: Huyết chạy ở bên ngoài. Doanh thuộc huyết nên gọi là Doanh huyết, trái với Vệ khí.

## D

涌泄 **Dũng tiết**: Làm cho vọt lên hoặc tụt xuống.

斗 **Đấu**: Đơn vị dòng lượng ngày xưa. Cái đấu.

疼 **Đông**: Đau đớn.

滂泄 **Đường tiết**: Đại tiện ra phân nát.

## H

下 **Hạ**: Làm cho tả ra.

下陷 **Hạ hãm**: Hãm xuống dưới.

下利清穀 **Hạ lợi thanh cốc**: Tả ra nguyên đồ ăn, nước uống.

汗 **Hãn**: Mồ hôi.

脅 **Hiếp**: Sườn, ở 2 bên ngực.

還穀 **Hoàn cốc**: Đại tiện ra nguyên thức ăn.

丸藥 **Hoàn dược**: Thuốc hoàn.

黃疸 **Hoàng đản**: Một loại bệnh cả thân mình, mặt, mắt, nước tiểu đều vàng.

血海 **Huyết hải**: Bể chứa huyết, một cơ quan ở vùng hạ tiêu.

眩冒 **Huyền mạo**: Hoa mắt, nặng đầu.

眩暈 **Huyền vận** (vựng). Bệnh chứng thường hay chóng mặt và mê mẫn từng chập, do bệnh bản huyết và bệnh thần kinh suy nhược.

胸 **Hung**: Lòng ngực.

寒熱往來 **Hàn nhiệt vãng lai**: Nóng lạnh qua lại.

## I

益氣 **Ích khí**: Làm cho phần khí thêm lên.

## K

結胸 **Kết hung**: Kết lại ở trong lồng ngực.

結痛 **Kết thống**: Kết lại mà đau.

客氣 **Khách khí**: Tà khí bên ngoài phạm vào.

欬 **Khái**: Ho có tiếng mà không có đàm.

氣海 **Khí hải**: Biển chứa khí, còn gọi là Đan điền.

輕清 **Kinh thanh**: Nhẹ và trong trẻo.

瘳瘳 **Khiết túng** (Khế): Tứ chi co quắp lại hoặc rã rời ra.

驚 **Kinh**: Sợ, hoảng.

忌 **Kỵ**: Kiên, không hợp.

## L

絡 **Lạc**: Một thứ mạch nhỏ đi ngay chẳng từ bộ phận này đến bộ phận khác.

淋瀝 **Lâm lịch**: Bệnh đi tiểu từng giọt.

連網 **Liên võng**: Một thứ da màng lưới.

## M

膜 **Mô**: Một thứ màng mỡ như da mô, cách mô.

## N

膿 **Nùng** (nồng): Mủ.

膿血 **Nùng huyết**: Máu mủ.

## O

惡寒 **Ổ hàn**: Ghét lạnh.

惡熱 **Ổ nhiệt**: Ghét nóng.

惡風 **Ổ phong**: Ghét gió.

溫針 **Ôn châm**: Dùng kim đốt nóng thích vào các huyết.



## Phần tra các từ ngữ, thuật ngữ

### đã dùng ở trên

#### A

飲 Âm: uống. Một chứng do nước đọng gây nên.

嘔 Âm: ọ. Nôn ra chỉ có nước, không có thức gì khác.

#### B

播氣 Bá khí: Dem khí ở một nơi tuyên giải ra khắp thân thể.

胞絡 Bào lạc: Một thứ du mô bọc ngoài trái tim.

暴發 Báo phát: Phát ra dữ dội, rất mạnh, rất chóng.

痞 Bĩ: Một thứ bệnh do không thông hoạt mà nghẽn lấp lại, thường xảy ra ở vùng Cách, hung.

表 Biểu: Ngoài. (trái với Lý: trong), như ngoài da là biểu, ở trong tạng, phủ là lý.

補 Bổ: Thêm, giúp ích thêm, vá vào chỗ khuyết.

奔豚 Bôn đồn: Một loại chứng do một thứ "hói" thường từ

dưới rốn dẫn lên bụng trên, hình như cồn ruột lên.

本 Bản (bản): Gốc, trái với tiêu: ngọn. Như kinh Bàng quang lấy hàn làm bản, lấy nhiệt làm tiêu.

#### C

膈 Cách: Một thứ da màng chắn ở lồng ngực để phân biệt trên dưới, còn gọi là Hoành cách mô (một thứ mô nằm ngang để ngăn ở cách).

更衣 Canh y: Đi đại tiện. Nguyên Canh y là thay áo. Ngày xưa mỗi lần đi cầu thay áo.

膏油 Cao du: Chất nhờn trên mô vông.

筋 Cân: Gân.

筋惕 Cân dịch: Rung rung ở gân. Thấy như mấp máy, giật giật ở gân.

拘急 Câu cấp: Co rút.

骨節 Cốt tiết: Khớp xương.

肌 Cơ: Da.

拒痛 Cự thống: Đau không cho rờ tay vào.

đều là triệu chứng tự lạnh. Lợi rồi, mạch tuyết, quyết lạnh trọn ngày, mạch trở lại mà tay chân ấm, còn có cơ sống. Nếu mạch Sác không giải mà lợi không dứt là nhiệt khí có dư. Hoặc thốn mạch Phù, Sác, Xích bộ tự Sáp, là nhiệt lã, huyết tan, đều hẳn tiện ra nồng huyết. Mạch Đại, tà khí hoành hành, lợi chưa muốn dứt, mạch Trầm, Huyền, trong bụng câu cấp, sau ất hạ trọng; Hạ lợi ngày hơn 10 lần mà mạch thực thế là mạch, chứng không hòa, phần nhiều chết. Quyết âm hạ lợi thanh cốc, chứng thuộc âm hàn tột độ, hoặc Quyết nghịch, không mạch hoặc ngoài nhiệt, hẳn ra mà Quyết, nên dùng tứ nghịch thang ôn đi, hoặc cứu đi. Nếu chưa đến nghịch lã, hiệp với Biểu chứng mà mặt ít đỏ, hoặc có thể uất mao, hẳn ra mà giải, nhưng không thể công Biểu. Hãn ra vong dương, hẳn lại trường đầy mà kiêm có mình mẩy đau nhức, cũng nên trước ôn Lý sau giải Biểu. Quyết âm nhiệt hóa, nhiệt lý hạ trọng, miệng khát muốn sống, nên dùng Bạch đầu ông thang Vị táo, thêm gừng mà lại hạ lợi, nên dùng Tiểu thừa khí. Lợi rồi, thực tà đã đi, nhưng tâm hạ mêm mà hơi phiền, nên dùng Chi tử thị thang.

## CHƯƠNG IV

### Tiết 1

嘔家有癰膿者不可治嘔膿盡自愈

**Phiên âm:** Ưu giả hữu ung nồng giả, bất khả trị ưu, nồng tận tự dĩ.

**Dịch nghĩa:** Người có chứng ưa lợi có mọt vỡ mủ không thể trị ưa, mủ hết tự lạnh.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiện ra nồng huyết thuộc về Quyết âm, ưa ra nồng huyết cũng thuộc Quyết âm. Xem đó thời biết Quyết chủ về huyết mạch, và biết: Phong vốn Mộc quạt thổi lẫn nhau thời huyết hóa làm mủ. Nhờ đó mà ta trị các chứng nùng huyết đều nắm được chỗ cốt yếu vậy.

### Tiết 2

嘔而脈弱小便復利身有微熱見厥者  
難治四逆湯主之

**Phiên âm:** Ưu nhi mạch Nhược, tiểu tiện phục lợi, thân hữu vi nhiệt, kiến quyết giả nan trị, tứ nghịch thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Ưa mà mạch Nhược, tiểu tiện lại lợi, thân có hơi nhiệt, lại thấy Quyết, khó trị, tứ nghịch thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Ưa mà mạch Nhược, tiểu tiện lợi là Lý hàn nhiều, khiến cho tân dịch vượt lên, thoát xuống, hơi nhiệt, thấy Quyết là hư dương vượt ra ngoài, không phải là biểu nhiệt, cho nên dùng tứ nghịch thang làm chủ.

### Tiết 3

乾嘔吐涎沫頭痛者吳茱萸湯主之

**Phiên âm:** Càn ưu, thổ diên mạt, đầu thống giả, Ngô thù du thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Ưa khan, thổ ra bọt dãi, đầu đau, Ngô thù du thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về kinh Quyết âm, âm hàn rất thịnh, tân dịch bị hàn khí lôi kéo mà lên, cho nên ưa ra đều bọt dãi mà không ăn uống được, do đầu ảm mà ngược lên đỉnh đầu, nên mới sinh ra chứng đầu thống. Nếu không dùng đại tể ấy, không thể chữa được chứng bạo kịch như thế. Trong bài không một vị nào chữa đầu thống vì đầu thống bởi khí nghịch xông lên, "chỉ ưu" tức là chữa đầu thống vậy.

### Tiết 4

嘔而發熱者小柴胡湯主之

**Phiên âm:** Ưu nhi phát nhiệt giả, tiểu sai hồ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Ưa mà phát nhiệt, tiểu sai hồ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Đây là bệnh của Quyết âm, theo cái "khí" của Thiếu dương mà điều trị. Hai chữ "phát nhiệt" có lẽ là "hàn nhiệt vắng lại".

白頭翁	Bạch đầu ông	2 lượng
黃連	Hoàng liên	3 lượng
黃柏	Hoàng bá	3 lượng
秦皮	Tần bì	3 lượng

Dùng 7 thăng nước đun còn 2 thăng. Bỏ bã, uống nóng một thăng. Không khỏi, lại uống nốt.

**Chú giải:** Trần Úy nói: "Bệnh ở Quyết âm tiêu âm, thời là chứng hàn hạ, bệnh ở Quyết âm trung hiện thời là chứng Hạ lợi. Hạ trọng tức Nội kinh gọi là "Bạo chú" (rối mạch xuống). Bạch đầu ông dẹp yên cái hỏa chạy ra không khiểu, Tần bì được cái hóa của Quyết âm phong mộc, cho nên dùng làm thần, dùng Hoàng liên, Hoàng bá làm tá, sử để trừ nhiệt độc. Tóm lại, cốt khiến cho Phongmộc được thỏa cái tính dẫn lên, thời các chứng nhiệt lợi hạ trọng trị khỏi. Phong với hỏa không thổi quạt lẫn nhau, thời các chứng nhiệt khát, uống nước tự lui

### Tiết 13

下利腹脹滿身體疼痛者先溫其裡乃攻其表溫裡宜四逆湯攻表宜桂枝湯

**Phiên âm:** Hạ lợi phúc trương mãn, thân thể đồng thống giả, tiên ôn kỳ lý nãi công kỳ biểu, ôn lý nghi tứ nghịch thang, công biểu nghi Quế chi thang.

**Dịch nghĩa:** Hạ lợi bụng trương đầy, thân thể đau nhức, trước ôn lý rồi sẽ công biểu. Ôn lý dùng bài tứ nghịch thang công biểu dùng bài Quế chi thang.

**Chú giải:** Hạ lợi mà bụng trương đầy, ở trong đã ngâm phục cái cơ hạ ra thanh cốt rồi. Trước phải ôn lý là cứu ngay từ lúc còn chưa gấp, lý hòa rồi mới trị biểu. Dùng chữ "công" tức là ý nói "chuyên trị".

### Tiết 14

下利欲飲水者以有熱故也白頭湯主之

**Phiên âm:** Hạ lợi dục ẩm thủy giả, dĩ hữu nhiệt cố dã, Bạch đầu ông thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Hạ lợi muốn uống nước vì có nhiệt vậy. Bạch đầu ông thang có thể thanh hỏa nhiệt để hạ giáng và dẫn âm dịch thăng lên.

### Tiết 15

下利譫語者有燥屎也小宜小承氣湯

**Phiên âm:** Hạ lợi thiêm ngữ giả, hữu táo thử dã, nghi Tiểu thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Hạ lợi, nói lảm nhảm, có phân ráo, nên cho dùng tiểu thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái hỏa hóa do trung hiện hợp với táo khí mà thành chứng táo thực của Dương minh.

### Tiết 16

下利後更煩按之心下濡者為虛煩宜梔子豉湯

**Phiên âm:** Hạ lợi hậu cánh phiền, án chi tâm hạ nhu giả, vi hư phiền. Nghi chi tử thị thang.

**Dịch nghĩa:** Hạ lợi rồi lại phiền, dè tay vào dưới tâm mềm, là hư phiền, nên dùng Chi tử thị thang.

**Chú giải:** Tiết này nói về sau khi hạ rồi, vì thủy dịch kiệt, không giao lên với Hoả được mà gây nên chứng hư phiền.

## KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 16 tiết, luận về phép trị chứng Hạ lợi. Quyết âm hạ lợi tự lạnh phần nhiều là do âm bệnh có cơ hướng dương, cho nên phát nhiệt, hàn ra hoặc khát, mạch Nhược, Sắc mà không Khẩn

下利後脈絕手足厥冷時脈還手足  
溫者生脈不還者死

**Phiên âm:** Hạ lợi hậu, mạch tuyệt thủ túc quyết lãnh, tốt thời mạch hoàn, thủ túc ôn giả sanh, mạch bất hoàn giả tử.

**Dịch nghĩa:** Sau khi hạ lợi mạch tuyệt, tay chân quyết lãnh, trong 1 ngày đêm (24 giờ) mạch thấy trở lại, tay chân ấm thời sống. Nếu mạch không trở lại, chết.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái cơ sống chết nhờ ở mạch. Mà cái gốc của mạch lại phải nhờ ở trung thổ. Mạch sinh ra ở trung tiêu, do trung tiêu mà rót tới Thái âm, cuối cùng ở Quyết âm. Đi ở Dương phân 25 độ, đi ở âm phân 25 độ vòng quanh 50 độ rồi lại hội ở thủ thái âm. Cho nên mạch trở lại hay không trở lại, tất phải đợi trọn một ngày đêm.

Đường Tôn Hải nói: "Tay chân dù thuộc tỳ mà chứng Quyết lãnh thực do khí dương ở thân hư. Mạch dù chủ ở Phế mà cái gốc sinh ra tự huyết quản ở tâm. Nếu chỉ nói tỳ Phế mà không nói đến Tâm, thận, ấy là chỉ biết "ngọn" mà không biết "gốc". Nên biết tỳ, Phế thuộc về hậu thiên, tâm, thận thuộc về tiên thiên. Phạm những chỗ Trọng sư nói đến sống chết tất lấy tiên thiên để đoán. Bởi, nếu tiên thiên chưa tuyệt thời còn có thể sinh ra hậu thiên được. Nếu tiênthiên đã tuyệt, quyết không sao cứu được nữa".

Trần Sư Lượng nói: "Tiết này nói về cái tử chứng sau khi hạ. Mọi tiết đều nói "Hạ lợi", riêng tiết này lại nói: "Sau khi hạ lợi" thời với chứng hạ lợi dứt mà "đầu huyền tự mao" ở kinh Thiếu âm cùng một ý. Sau khi đã hạ lợi rồi, tựa như tà đã đi hết... nhưng không biết chính-khí đã cùng với tà khí đều thoát cả rồi. Vậy, phải chờ trọn một ngày đêm mạch có trở lại, tay chân lại ấm, thời hãy còn một chút sinh khí. Còn có thể dùng được những bài tứ nghịch, Bạch thông... Nếu không thời tử kỳ đến nơi rồi, còn hy vọng gì nữa".

#### Tiết 10

傷寒下利日十餘行脈反實者死

**Phiên âm:** Thương hàn hạ lợi nhật thập dư hành, mạch phản thực giả tử.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn hạ lợi ngày hơn 10 lần, mạch lại thực, sẽ chết.

**Chú giải:** Không có mạch nhu hòa của Vị khí mà hiện ra cái mạch của chân tạng (Quyết âm) thời chết.

#### Tiết 11

下利清穀裡寒外熱汗出而厥者通脈  
四逆湯主之

**Phiên âm:** Hạ lợi thanh cốc, lý hàn ngoại nhiệt, hàn xuất nhi quyết giả, thông mạch tử nghịch thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Hạ lợi ra nguyên đồ ăn nước uống, trong lạnh ngoài nóng, hàn ra mà Quyết, thông mạch tử nghịch thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về Lý không thông được với ngoài mà âm hàn cư ở trong, ngoài không thông được với Lý mà cô dương vượt ra ngoài. Nếu không gấp dùng phương pháp đại ôn thời không thể nào thông được âm dương trong phút chốc.

#### Tiết 12

熱利下重者白頭翁湯主之

**Phiên âm:** Nhiệt lợi hạ trọng giả, Bạch đầu ông thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Nhiệt lợi mà hạ trọng, Bạch đầu ông thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Hạ trọng là do cái tà nhiệt của Quyết âm kinh, chảy xuống trong khoảng Đại trường. Vì Can tính cấp tốc, tà nhiệt nhiều thời khí trệ, ủng tắc... Bao các chất bẩn độc muốn dồn ra mà không ra được nên thành hạ trọng.

#### Bạch đầu ông thang

白頭翁湯

Đường Tôn Hải nói: "Tiện ra nồng huyết tức đời nay gọi là chứng Ly (kiết). Xét toàn bộ Kim Quỹ và Thương hàn, phạm nói đến chứng "tiện nồng huyết" đều là nói về chứng Ly và đều thuộc về kinh Quyết âm. Nên biết: Quyết âm Can kinh lại chủ về phong khí, phong với hỏa quạt thổi lẫn nhau, huyết sẽ hóa thành nùng (mủ). Can lại chủ về sơ tiết, vì sơ tiết thái quá thời dồn chảy xuống mà thành hạ lợi. Nếu kim khí ở Đại trường không thấu sáp, thời không "hậu trọng" (đại tiện rồi nặng đi). Nếu kim thấu sáp thì dù có Lợi mà không thông hoạt nên thành "Hậu trọng". Phạm chứng Ly phần nhiều phát sinh về mùa thu, đều do kim với mộc không hòa nên nhân thế mùa thu mà thành chứng Ly.

#### Tiết 5

下利清穀不可攻表汗出必脹滿

**Phiên âm:** Hạ lợi thanh cốc bất khả công biểu, hàn xuất tất trường mãn.

**Dịch nghĩa:** Hạ lợi ra nước trong và đồ ăn, không thể công biểu. Nếu hàn ra tất thành chứng trường đầy.

**Chú giải:** Tiết này nói về Quyết âm tạng khí hư hàn mà hạ lợi, không nên phát hàn.

#### Tiết 6

下利脈沈弦者下重也脈大者為未止脈微弱數者為欲自止雖發熱不死

**Phiên âm:** Hạ lợi mạch Trầm Huyền giả, hạ trọng dã, mạch Đại giả vi vị chỉ, mạch Vi, Nhược, Sác giả vi dục tự chỉ, tuy phát nhiệt, bất tử.

**Dịch nghĩa:** Hạ lợi mạch Trầm, Huyền tất hạ trọng, mạch Đại là chưa dứt. Mạch Vi, Nhược, Sác, dù phát nhiệt không chết.

**Chú giải:** Tiết này nói về Quyết âm hạ lợi mà cái khí trung hiện bị hãm xuống. Hạ trọng là do Hoả tà bách ở giang môn, sẽ có nói ở chứng trạng của bài Bạch đầu ông. Nhưng cũng có khi vì Mộc khí

không thăng lên được, sợ cái tính khổ hàn không thể thăng đại được Mộc khí... Dự Gia Ngôn mượn dùng bài Tiểu sài hồ cũng khéo. Hoặc dùng bài Nhân sâm bại độc tán cũng có nghĩa.

#### Tiết 7

下利脈沈而遲其人面少赤身有微熱下利清穀者必鬱冒汗出而解病人必微厥所以然者其面戴陽下虛故也

**Phiên âm:** Hạ lợi mạch Trầm nhi Trì kỳ nhân diện thiếu xích, thân hữu vi nhiệt hạ lợi thanh cốc giả, tất uất mạo, hàn xuất nhi giải, bệnh nhân tất vi quyết, sở dĩ nhiên giả, diện đối Dương hạ hư cố dã.

**Dịch nghĩa:** Hạ lợi mạch Trầm mà Trì, bệnh nhân mặt hơi đỏ, mình có hơi nhiệt, hạ lợi ra nguyên đồ ăn nước uống, hàn uất mạo, hàn ra rồi giải... Bệnh nhân hàn hơi quyết. Sở dĩ như thế vì trên mặt đối Dương (tức Dương bốc lên), dưới hư mới thành chứng ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về ba kinh Dương. Dương tức nhiệt ở trên mà cái chứng Lợi do âm hàn ở dưới, còn mong được cùng thông đạt với nhau, bệnh mới giải được.

#### Tiết 8

下利脈數而渴者令自愈設不差必便膿血以有熱故也

**Phiên âm:** Hạ lợi mạch Sác nhi khát giả, linh tự dĩ, thiết bất sai, tất tiện nồng huyết, dĩ hữu nhiệt cố dã.

**Dịch nghĩa:** Hạ lợi mạch Sác mà khát sẽ tự khỏi. Nếu không khỏi tất tiện ra nồng huyết, vì có nhiệt vậy.

**Chú giải:** Âm chứng Hạ lợi mạch Sác mà khát là âm bệnh có cái thể chuyển ra Dương, cho nên tự lành. Nếu mạch Sác không giải mà hạ lợi không dứt là nhiệt khí có dư cho nên tiện ra nồng huyết.

#### Tiết 9

quyết, nên cứu đi; bụng mềm, mạch Hư lại quyết không thể hạ; Quyết hàn mà mạch Tế, muốn tuyết, tuy không quá lắm như tứ nghịch cũng nên dùng Đường quy tứ nghịch để ôn thông đi. Người vốn có cửu hàn gia Ngô thù du, Sinh khương, nếu đại phát hàn, nhiệt không lui, quyết nghịch, ổ hàn, câu cấp, tay chân nhức, hạ lợi hoặc đại hạn, đại hạ mà quyết nghịch, là tứ nghịch thuộc Âm hàn nên gấp dùng tứ nghịch thang ôn đi. Nhiệt quyết tắt mạch Hoạt, Hoạt là lý nhiệt, nhiệt chưa trở nên thực, dùng Bạch hổ thang thanh đi. Đàm ẩm ở trong hung, tâm hạ phiền đầy, không ăn được mà tay chân quyết, dùng Qua để tán thổ đi. Có chứng hạ lợi, bụng đau, chuyển khí chạy xuống thiếu phúc, nên gấp ôn đi. Quyết mà tâm hạ quý, nên trị thủy trước. Quyết âm, hàn nhiệt, yết hầu không lợi, thổ ra nùng huyết, quyết lợi không dứt, nên dùng Ma hoàng, thăng ma thang. Trên nhiệt dưới hàn, hàn ngăn ở dưới, ăn vào thổ ngay, nên dùng Ma hoàng, Hoàng liên, Hoàng cầm, Nhân sâm thang".

### CHƯƠNG III

#### Tiết 1

下利有微熱而湯脈弱者令自愈

Phiên âm: Hạ lợi hữu vi nhiệt nhi khát, mạch Nhược giả, linh tự dĩ.

Dịch nghĩa: Hạ lợi có hơi nhiệt mà khát, mạch Nhược ấy, sẽ tự khỏi.

Chú giải: Đường Tôn Hải nói: "có hơi nhiệt thời chứng nhiệt nên dứt rồi. Nhiệt không nhiều mà chỉ "hơi", mạch không Đại mà chỉ "Nhược" ấy là đã được cái khí xung hòa của Thiếu dương cho nên tự khỏi.

#### Tiết 2

下利脈數有微熱汗出令自愈設復緊為未解

Phiên âm: Hạ lợi mạch Sác hữu vi nhiệt, hãn xuất linh tự dĩ, thiết phục Khẩn vi vị giải.

Dịch nghĩa: Hạ lợi mạch Sác có hơi nhiệt, hãn ra, sẽ tự lành, nếu mạch lại Khẩn là chưa giải.

Chú giải: Tiết này đem hai mạch Sác, Khẩn để xem giải hay chưa giải.

#### Tiết 3

下利手足厥冷無脈者灸之不溫若脈不還微喘者死少陰貧跌陽者為順也

Phiên âm: Hạ lợi, thủ túc quyết lạnh, vô mạch giả, cứu chi bất ôn, nhược mạch bất hoàn, vi suyễn giả, tử, thiếu âm phụ trật dương giả vi thuận dã.

Dịch nghĩa: Hạ lợi, tay chân quyết lạnh, không mạch, cứu đi không ấm. Nếu mạch không thấy trở lại, lại hơi suyễn... sẽ chết. Nếu được mạch ở Thiếu âm kèm trật dương, ấy là thuận.

Chú giải: Chứng này, quyết lợi không mạch, nên cứu rồi (khí hải và Quan nguyên), mà mạch trở lại, tay chân ấm còn có thể trị, là ý ở ngoài lời. Nếu cứu rồi, không ấm mà mạch không trở lại, hư dương theo hơi thở mà thoát lên, vi suyễn, thời là chứng chết. Thiếu âm thua Trật dương (thái khê yếu hơn xung dương) là thủy thua, thổ thắng, là thuận, lợi nên tự dứt.

#### Tiết 4

下利寸脈反浮數尺中自濇者心腹脹血

Phiên âm: Hạ lợi Thốn mạch phản Phù, Sác, Xích trung tự Sác giả, tất tiện nóng huyết.

Dịch nghĩa: Hạ lợi, Thốn mạch lại thấy Phù, Sác, mạch ở bộ Xích thấy Sác, hãn tiện ra nóng huyết.

Chú giải: Tiết này nói nhiệt làm thương đở Bào lạc mà đại tiện ra nóng huyết. Tiết trên nói về âm thịnh làm thương Dương, Tiết này nói Dương thịnh làm thương âm.

hoàng, Thăng ma, Quế chi thăng qua l ý âm để thấu suốt ra cơ Biểu thời Dương khí dần xuống, âm khí sẽ thăng lên. Âm Dương đã hòa, sẽ hãn ra mà khỏi. Bài này đầu coi như bác tạp mà ý nghĩa rất sâu xa học giả phải nên xét kỹ".

Đường Tôn Hải nói: "Chứng này, bài này rất khó hiểu nghĩa. Lời chú giải của Lệnh Thiệu rất tinh rất hay nhưng không chắc có hợp với ý của Trọng sư chăng? Xin chờ các bậc cao minh."

#### Tiết 14

傷寒四五日腹中痛苦轉氣下趨少腹者此欲自利也

**Phiên âm:** Thương hàn tứ ngũ nhật, phúc trung thốn nhược chuyển khí hạ xu thiếu phúc giả, thủ dục tự lợi dã.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 4, 5 ngày, trong bụng đau. Nếu thấy chuyển khí (chuyển động cái hơi ở trong bụng) dần xuống Thiếu phúc... Ấy là muốn tự lợi.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng hàn lợi của Quyết âm.

#### Tiết 15

傷寒本自下醫復吐之寒格更逆吐下若食入口即吐乾薑黃連黃芩人參湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn bản tự hạ, y phục thổ chi, hàn cách, cánh nghịch thổ hạ, nhược thực nhập khẩu tức thổ, Can khương, Hoàng liên, Hoàng cầm, Nhân sâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn (Quyết âm), bệnh nhân vốn là người hư hàn tự hạ lợi. Y giả lại cho thổ, hạ đi, hàn cản lên (cái nhiệt ở trên bị hàn cản lên) càng nghịch thổ, hạ... Nếu ăn vào thổ ngay. Can khương, Hoàng liên, Hoàng cầm, Nhân sâm thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói Quyết âm vì thổ hạ mà làm ngăn át khí dương, khiến không giáng xuống được. Nếu nước cũng không uống vào được,

nên giảm bỏ Can khương gia ít Sinh khương trấp (nước gừng) hòa vào, uống nhấp dần từng tí. Đó là biến đổi cổ pháp chút ít. Rất nghiêm.

#### Can khương, Hoàng liên, Hoàng cầm, Nhân sâm thang phương

乾薑黃連黃芩人參湯方

乾薑	Can khương	3 lượng
黃芩	Hoàng cầm	3 lượng
人參	Nhân sâm	3 lượng
黃連	Hoàng liên	3 lượng

Dùng 6 thăng nước đun còn 2 thăng, bỏ bã, chia 2 lần, uống nóng.

**Chú giải:** Trần Úy nói: "Thương hàn mà vốn trị ở phần dưới có hàn, bởi cái tiêu âm của Quyết âm ở phần dưới. Y giả lại thổ hạ đi thời ở dưới lại càng hàn mà lại ngăn nhiệt ở trên đến nổi ăn vào thổ ngay. Trong bài dùng Can khương có cái vị khổ tân để cứu cái hàn, Cầm, Liên có cái vị khổ hàn để giáng xuống. Nhưng sau khi thổ, Hạ, âm dương đều thương, Vị khí không còn gì, phải nhờ Nhân sâm để giúp thêm vào, khiến cho Vị khí lại được điều hòa, hàn nhiệt không còn trở ngại. Bài thuốc dùng vị Can khương đứng đầu, là lấy cái tính ôn của Can khương hay trừ được chứng hạ hàn mà cái khí cay tợn lại có thể khai thông được sự ngăn cản ở trên để nạp thực vậy.

#### KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 15 tiết nói về dư nghĩa của chứng Quyết nhiệt, hạ lợi và luận về các chứng Quyết âm hàn, nhiệt phúc tạp... Quyết, lợi phần nhiều thuộc hư hàn, nếu chính khí không phần chấn, bệnh tà không có cơ hướng dương, tuy có trình diện hư tánh hưng phần mà phát nhiệt, cũng là cô dương vượt ra ngoài, nếu táo không nằm được, quyết, lợi không dứt, hãn ra không dứt, hoặc trước quyết nhiệt lâu ngày (bảy ngày), lại hạ lợi, đều là tử chứng, khó trị. Cho nên mạch Xúc mà

傷寒六七日大下後寸脈沈而遲手足厥逆下部脈不至咽喉不利唾膿血泄利不止者為難治麻黃升麻湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn lục thất nhật, đại hạ hậu, thốn mạch Trầm nhi Trì, thủ túc quyết nghịch, hạ bộ mạch bất chí, yết hầu bất lợi, thóa nồng huyết, tiết lợi bất chỉ giả, vi nan trị, Ma hoàng thăng ma thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 6, 7 ngày, đại hạ rồi, Thốn mạch Trầm mà Trì, tay chân lạnh quyết nghịch, hạ bộ mạch không đến, yết hầu không lợi, nở ra nùng huyết, tiết lợi không dứt... là chứng khó trị. Ma hoàng, thăng ma thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiền Thiên Lai nói: "Quyết âm là một cơ quan hàm có Dương khí. Dương khí chứa ở bên trong. Chí âm là nơi cùng cực của khí âm. Sở dĩ trên đầu thiên này đã có điều cấm "hạ đi, sẽ lợi không dứt". Thuộc về Dương minh, Biểu chứng chưa giải còn không thể hạ, hướng âm kinh vốn không nên hạ mà lại hạ đi, khiến tà ở kinh chưa giải, hãm vào trong chí âm hay sao? Thốn mạch tức là khí khẩu, Dương suy nên thốn mạch Trầm, Trì. Tứ chi là gốc của mọi khí Dương. Dương hư nên tay chân Quyết nghịch. Sau khi hạ rồi, Dương bị hư ở dưới, cho nên hạ bộ mạch đến. Dưới hàn thời nhiệt bách lên trên cho nên yết hầu không lợi mà nở ra nùng huyết. Tiết lợi không dứt là bởi hàn tà ở dưới. Thật là một chứng hậu "chính hư, tà thực, âm thịnh, dương suy, hàn nhiều, nhiệt lắm, Biểu Lý lẫn lộn... Nếu trị hàn thì bỏ sót nhiệt, trị nhiệt thì hại đến hàn, bỏ hư tất phải giúp thêm thực, tả thực tất lại khiến âm hư... lắm đầu nhiều mối, rắc là khó chữa. Trọng sự bất đắc dĩ phải lập bài Ma hoàng thăng ma để điều trị.

### Ma hoàng, thăng ma thang phương

#### 麻黃升麻湯方

麻黃	Ma hoàng	1 lượng rưỡi (bỏ đốt)
升麻	Thăng ma	1 lượng 1 phân

當歸	Đương quy	1 lượng 1 phân
知母	Tri mẫu	18 thù
黃芩	Hoàng cầm	18 thù
萎蕤	Uy di	18 thù
石膏	Thạch cao	6 thù (đập vụn)
白朮	Bạch truật	6 thù
乾薑	Can khương	6 thù
芍藥	Thược dược	6 thù
天門冬	Thiên môn đông	6 thù (bỏ lõi)
桂枝	Quế chi	6 thù
茯苓	Phục linh	6 thù
甘草	Cam thảo	6 thù

Dùng một đầu nước, trước đun ma hoàng, sủi dọt lên một vài lượt, gạt bỏ bọt, tra các thuốc kia vào, đun còn 3 thăng, chia làm ba lần uống nóng. Trong một thời gian như nấu chín một nồi cơm 3 đấu, uống cho hết cả ba nước, hàn ra sẽ khỏi.

**Chú giải:** Trương Lệnh Thiệu nói: "Thương hàn đến 6, 7 ngày chính là cái thời kỳ do Âm ra Dương. Kể dung y lấy làm đại nhiệt không giải mà đại hạ đi làm hư mất Dương khí, cho nên Thốn mạch Trầm trì, tay chân quyết nghịch. Dưới là âm, hạ bộ mạch không đến ấy là âm hư không hay thông lên với Dương, yết hầu không lợi, nở ra nùng huyết ấy là Dương nhiệt ở trên. Tiết lợi không dứt, ấy là Âm hàn ở dưới. Âm dương cả hai đều không giao tiếp cho nên là chứng khó trị. Dùng thăng ma, Ma hoàng, Quế chi để thăng Dương, mà lại dùng Phục linh, Bạch truật, Can khương để trị chứng hạ lợi, dùng Đương quy, Bạch truật, Thiên đông, Uy di để chỉ chứng nùng huyết, dùng Tri mẫu, Hoàng cầm, Cam thảo để thông lợi yết hầu. Thạch cao tính nặng, dẫn Ma



dùng bài tử nghịch để thắng cái hàn độc ở lúc sắp nguy, cứu cái Dương khí sắp tuyệt... Uống vào mà hàn, lợi dứt, quyết nghịch hết, còn mong sống được".

Trình Phù Sinh nói: "không vì hàn hạ mà quyết lãnh thời dùng bài Dương quy tử nghịch, vì hàn hạ mà quyết lãnh thời dùng bài tử nghịch. Cái cơ hoãn, cấp phải nên biết mới được.

### Tiết 11

病人手足厥冷脈乍緊者邪結在胸中  
心下滿而煩饑不能食者病在胸中當  
須吐之瓜蒂散

**Phiên âm:** Bệnh nhân thủ túc Quyết lãnh, mạch sạ Khẩn, giả tà kết tại hung trung, tâm hạ mãn nhi phiền, cơ bất năng thực giả, bệnh tại hung trung, đương tu thổ chi, Qua để tán.

**Dịch nghĩa:** Bệnh nhân tay chân quyết lạnh, mạch chợt Khẩn... ấy là tà kết ở trong hung, tâm hạ đầy mà phiền, đói không ăn được... ấy là bệnh ở trong hung, nên cho thổ đi, dùng Qua để tán.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Chợt Khẩn" nghĩa là khi mới mắc bệnh, mạch thấy Khẩn ngay... Sách của Trọng sư đều "bằng ở mạch, bằng ở chứng" để đoán bệnh. Nói Quyết lãnh thời rõ là "hàn chứng" rồi, nói "mạch Khẩn" thời rõ là "hàn mạch" rồi. Đến như nói "tà kết ở trong hung" cũng tức là hàn tà. "Trong hung" là chỉ về Cách mô mà nói. Tà ở trong Cách, thời cái hỏa ở Bào lạc không dẫn xuống được cho nên phiền. Về chứng "không ăn được" là do Can tà động ở dưới. Tóm lại, chỉ vì tà ở Khoảng hung cách, chỉ làm cho thổ bỏ cái hàn tà ở trong Cách thời tâm bào lạc với Can đều thông sướng cả. Phàm đã là hàn kết, thời thủy phải tụ, không nên chia "hàn" với "ẩm" ra làm hai chứng.

### Tiết 12

傷寒厥而心下悸者宜先治水當服茯苓甘草湯卻治其厥不爾水漬入胃必作利也

**Phiên âm:** Thương hàn Quyết nhi Tâm hạ Quý giả, nghi tiên trị thủy, đương Phục linh Cam thảo thang, khước trị kỳ quyết, bất nhĩ trách nhập Vị tất tác Lợi dã.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn Quyết mà tâm hạ Quý, nên trước trị bỏ thủy, nên dùng Phục linh Cam thảo thang rồi mới trị chứng Quyết. Chẳng thế, thủy sẽ thấm vào Vị, tất thành Lợi.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng do Thủy mà Quyết.

Ngụy Niệm Đình nói: "Đây là một phương pháp dự phòng hạ lợi về bệnh ở Quyết âm. Bởi, bệnh đến ở Kinh Quyết âm, lấy Dương thăng làm muốn khỏi, tà hãm làm nguy cơ. Nếu Quyết mà hạ lợi, thời bệnh tà có hãm xuống, không thăng lên, vì thế nên mới phải trước trị ngay chứng Hạ lợi. Đó là một nghĩa thứ nhất. Vô luận chứng Quyết kia là thuộc hàn hay thuộc nhiệt, mà đều lấy "hạ lợi" làm một chứng không thể hạ. Như ở tiết này "Quyết mà tâm hạ quý" là một chứng thủy tà phạm lên tâm, mà Tâm Dương mất cái năng lực chế ngự. Gặp chứng đó, thời nên để chứng Quyết chậm lại mà phải gấp trị ngay chứng thủy. Bởi, chứng Quyết còn có do sự phát nhiệt nhiều hay ít để xét cái cơ tiến thoái. Chứng thủy thời tất phải chảy dồn xuống dưới, mà sức nó lại có thể kéo cả khí dương cùng tụt xuống. Theo phép, dùng Phục linh Cam thảo thang để trị thủy, khiến thủy lưu thông mà chứng hạ lợi không sinh ra. Đó, dấu trị ngọn mà thực là trị gốc. Nếu không trị thủy thời thủy lọt vào Vị theo Đại trường mà xuống, tất sinh ra chứng Hạ lợi. Chứng Lợi đã phát sinh thời Dương khí chỉ có giáng không có thăng, chứng Quyết, Lợi còn dứt sao được? Cho nên muốn trị chứng Quyết tất trước phải trị chứng thủy".

### Tiết 13

một tạng thuộc về Hàn thủy, mà cái tà ở "kinh" có thể hợp dùng được cả Ma hoàng, tế tân với Phụ tử. Bởi vậy, nên dùng có chứng "Cửu hàn" mà không hiện ra cái chứng hậu âm hàn nội phạm, thời chỉ gia Sinh khương để tuyên thông, chứ không dùng Can khương để ôn trung, chỉ dùng Ngô thù cho khổ giáng, chứ không dùng Phụ tử để giúp hòa. Phân kinh điển trị pháp luật tinh nghiêm, học giả nên coi đó mà làm khuôn mẫu".

### Tiết 9

大汗出熱不去內乾急四肢疼又下利  
厥逆而惡寒者四逆湯主之

**Phiên âm:** Đại hàn xuất, nhiệt bất khứ, nội càn cấp tứ chi đống, hựu hạ lợi quyết nghịch nhi ố hàn giả, tứ nghịch thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Đại hãn ra, nhiệt không đi hết, trong câu cấp (bên trong hình như co rút lại, vì âm khí nội thịnh), tứ chi đau (vì Dương khí không đại ra tứ chi), lại hạ lợi, quyết nghịch mà ố hàn. Tứ nghịch thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói Dương hư mà Quyết, lại hiện ra cái trạng thái giả nhiệt. Trần Sư Lượng nói: "Đại hãn ra"... là nói mồ hôi ra đầm đìa, "nhiệt không đi hết" là nói nhiệt không vì hãn mà lui. Đó là Dương khí tiết ra ngoài, hàn tà thịnh ở trong... Thế tất đến kinh mất hòa, nên mới hiện ra cái chứng "trong câu cấp, tứ chi đau". Nếu lại thấy: Hạ lợi quyết nghịch, âm hàn thịnh ở trong, ố hàn, ấy là Dương khí quá hư, cho nên dùng tứ nghịch thang, gấp ôn kinh để hồi dương".

Trần Bình Bá nói: "Đại hãn, thân nhiệt, tứ chi đau... đều là do nhiệt tà gây ra ư. Bệnh tình như thế mà Trọng sư lại dùng ngay bài tứ nghịch, vì ngoài có cái chứng Quyết nhiệt, ố hàn mà trong thời lại có cái chứng câu cấp, hạ lợi... Cái hiện tượng âm hàn ở trong ngoài đều lộ thời biết hãn ra là do Dương khí thoát ở trong. Nếu không dùng Khương, Phụ để gấp ôn thời hư dương sẽ có cái cơ vong tuyết. Vậy, biết cái chỗ biện chứng chỉ chú trọng về hai chữ "ố hàn", "hạ lợi". Tóm lại, Trọng sư biện chứng bệnh ở Dương kinh, lấy "ố nhiệt, không

đại tiện" làm Lý thực, biện chứng bệnh của Âm kinh, lấy "ố hàn, hạ lợi" làm Lý hư. Học giả nên chú ý về chỗ đó".

Đường Tôn Hải nói: "Tiết trên không có chứng Hạ lợi, chỉ là do cái hàn ở Can kinh huyết mạch, cho nên không dùng Khương, Phụ. Tiết này có chứng Hạ lợi, ấy là Can hiệp cái hàn của thận thủy cho nên dùng Khương, Phụ. Nghĩa rất dễ hiểu, hà tất phải nói lời thời. Duy, so với chứng tứ nghịch ở Thiếu âm sở dĩ có chỗ khác nhau là ở hai chứng "trong câu cấp và tứ chi đau". Hai chứng ấy đều do cái mô ở trong Phúc bộ và các gân ở tứ chi bị hàn ngưng kết. Gân với mô đều thống ở Can cách, cho nên mới thuộc về kinh Quyết âm. Ngoài ra, như chứng hàn sán, chuyển căn đều cùng theo một lệ ấy cả. Sở dĩ dùng Sinh phụ là vì lấy cái vị tê và nóng của nó và lại kiêm có phong tính có thể truy phong được. Bài "Ô đầu tiên" cũng một nghĩa ấy. Nếu đem nướng chín thì phong tính đi hết rồi, chỉ có thể ôn thận được mà thôi".

### Tiết 10

大汗若大下利而厥冷者四逆湯主之

**Phiên âm:** Đại hàn nhược đại hạ lợi nhi Quyết lãnh giả, tứ nghịch thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Đã đại hàn lại đại hạ lợi mà Quyết lãnh... tứ nghịch thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về Dương hư mà Quyết, không có cái hiện tượng giả nhiệt.

Trần Sư Lượng nói: "Hãn mà lại "đại" thời Dương khí mất ở Biểu, hạ lợi mà lại "đại", là Dương khí mất ở Lý. Như thế mà lại Quyết lãnh... Sao lại không ghi vào trong mục các tử chứng? Xét ở nguyên văn, không thấy nói 5, 6 ngày hoặc 6, 7 ngày mà chỉ nói "đại hãn", "đại hạ". Vậy biết chỉ là "âm hàn sậu trúng". Phạm thuộc về âm hàn sậu trúng (trúng ngay vào) tà khí đầu thịnh mà chính khí bởi bị thương, gấp dùng phương pháp là cho ôn chính khí còn cơ thể hồi phục được chưa đến nỗi là tử chứng. Khác với những người mắc bệnh đã lâu mà bỗng dưng đại hãn, đại hạ âm Dương đều thoát mà chết. Cho nên

**Phiên âm:** Thủ túc Quyết hàn, mạch tế dục tuyết giả. Dương Quy tứ nghịch thang chủ chi, nhược kỳ nhân nội hữu cửu hàn giả, nghị Dương quy tứ nghịch gia Ngô thù du, Sinh khương thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Tay chân quyết hàn, mạch Tế muốn tuyết. Dương Quy tứ nghịch thang chủ về bệnh ấy. Nếu người bệnh trong có cửu hàn, nên Dương quy tứ nghịch gia Ngô thù du, Sinh khương thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về kinh mạch ở trong, không hay thấm nhuần ra tay chân mà thành chứng hàn quyết. "Trong" là chỉ về trung khí, nên Ngô thù du làm cho ôn lại. Một thuyết nói "Hàn dã lâu", tức là chỉ về những chứng Hàn sán, Trùng, Hà.

Trầm Nghiêu Phong nói: "Thúc hòa giải nghĩa mạch nói "Tế đến cực thời là Vi". Thế thời như câu "mạch Tế muốn tuyết" này tất sẽ lẫn với mạch Vi. Nên biết "Vi giống với bạc (mỏng) thuộc Dương khí hư, Tế giống như tiểu (nhỏ) thuộc âm huyết hư. Mỏng ấy chưa hẳn nhỏ mà nhỏ ấy cũng chưa hẳn mỏng bởi Doanh đi ở trong mạch, âm huyết hư thời cái vật chứa <sup>trong</sup> động mạch có ít, cho nên mạch "nhỏ". Vê đi ở ngoài, Dương khí hư thì cái vật bọc ở ngoài mạch có ít, cho nên mạch "mỏng". Cho nên ở thiên Thiếu âm, chứng "mạch Vi muốn tuyết" dùng bài thông mạch tứ nghịch làm chủ trị mà bài đó chính là một bài chuyển về hồi dương.

Ở tiết này, chứng mạch "tế muốn tuyết" dùng bài Dương quy tứ nghịch làm chủ trị mà bài này chính là một bài dùng để bổ huyết. Xem đó thời biết hai mạch thuộc âm, thuộc Dương rất khác nhau lại đem hợp làm một như thế sao được".

Hà Hạc Linh nói: "Đây là nói về chứng Quyết âm không hợp lên với tâm bào được. Tâm bào chủ về huyết cũng như về mạch, nó có thể hoàn thông tứ bố khắp mọi nơi. Giờ cái huyết của tâm bào không đi khắp tay chân, nên tay chân Quyết hàn lại không hay đi ngang ra kinh mạch nên mạch Tế muốn tuyết. Vậy dùng bài thuốc này dương huyết thông mạch làm chủ.

Đường Tôn Hải nói: "Trầm thị bàn về mạch. Hà thị bàn về huyết rất tinh, rất xác. Thật là những đoạn chú giải rất hiếm, rất quý.

### Đương quy tứ nghịch thang phương

#### 當歸四逆湯方

當歸	Đương quy	3 lạng
桂枝	Quế chi	3 lạng
芍藥	Thuộc dược	3 lạng
細辛	Tế tân	3 lạng
大棗	Đại táo	25 quả
甘草	Cam thảo	2 lạng (nướng)
通草	Thông thảo	2 lạng (tức là Mộc thông)

Dùng 8 thăng nước, đun còn 3 thăng, bỏ bã, uống nóng, uống nóng một thăng. Ngày uống 3 lần.

### Đương quy tứ nghịch gia Ngô thù du, Sinh khương thang phương

#### 當歸四逆加吳茱萸生薑湯方

Tức là ~~đương quy~~ gia thêm Ngô thù du nửa thăng, Sinh khương 3 lạng. Dùng 6 thăng nước, thanh tửu 6 thăng, hòa lẫn đun còn 5 thăng chia làm 5 lần, uống nóng.

**Chú giải:** Trầm Bình Bá nói: "Trong sự chữa chứng tứ nghịch phần nhiều dùng Khương, Phụ. Đây, trong bài Dương quy tứ nghịch không có một vị "ôn trung trị Dương" nào. Nếu gặp người, trong có chứng "cửu hàn" chỉ gia Ngô thù, Sinh khương mà không dùng đến Can khương, Phụ tử là cơ sao? Nên biết: Quyết âm Can tạng chứa Doanh huyết mà ứng Phong mộc, Đờm phủ gởi ở trong, Phong với Hỏa cùng một nguồn... Nếu không phải Hàn tà nội phạm mà cái sinh khí nhất dương hầu như muốn dứt... thời không dám dùng đến những vị đại tân, đại nhiệt để làm nhiều động phong hỏa. Không thể ví với Thiếu âm là

傷寒六七日不利便發熱而利其人汗  
出不止者死有陰無陽故也

**Phiên âm:** Thương hàn lục thất nhật bất lợi, tiện phát nhiệt nhi  
lợi, kỳ nhân hàn xuất bất chỉ giả, tử. Hữu âm vô Dương cố dã.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn (Quyết âm 6, 7) ngày không lợi, tiện thấy phát  
nhiệt và hạ lợi ngay, bệnh nhân lại hàn ra không dứt, chết. Vì chỉ có  
Âm không có Dương.

**Chú giải:** Tiết này nói về Quyết âm phát nhiệt lấy việc hàn ra không  
dứt định làm chứng chết.

#### Tiết 4

傷寒五六日不結胸腹濡脈虛復厥者  
不可下此為亡血下之死

**Phiên âm:** Thương hàn ngũ lục nhật bất kết hung, phúc nhu, mạch  
Hư phục Quyết giả, bất khả hạ, thử vì vong huyết hạ chi, tử.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn (Quyết âm) 5, 6 ngày không kết hung, bụng  
mềm, mạch Hư lại Quyết, không thể hạ. Đó là vong huyết, hạ đi. Chết.

**Chú giải:** Tiết trên nói vì vong dương mà chết. Tiết này nói vì vong  
âm mà chết.

#### Tiết 5

發熱而厥七日下利者為難治

**Phiên âm:** Phát nhiệt nhi Quyết, thất nhật hạ lợi giả, vi nan trị.

**Dịch nghĩa:** Phát nhiệt mà Quyết, 7 ngày hạ lợi, là khó trị.

**Chú giải:** Tiết này nói về 6 khí đã đi hết lượt mà bệnh vẫn không giải  
là bệnh khó trị.

#### Tiết 6

傷寒脈促手足厥逆者可久之

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Xúc, thủ túc Quyết nghịch giả, khả  
cứ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mạch Xúc, tay chân quyết nghịch, khả dùng  
phép cứu. Cứu 4 huyết Tĩnh (Đại tôn), Vinh (Hành gian), Du (Thái  
xung), Kinh (trung đô) của kinh Quyết âm Can.

**Chú giải:** Tiết này nói chứng Quyết thuộc về hàn.

#### Tiết 7

傷寒脈滑而厥者裡有熱也白虎湯主  
之

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Hoạt nhi Quyết giả, Lý hữu nhiệt dã,  
Bạch hổ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mạch Hoạt mà Quyết... Ấy là Lý có nhiệt.  
Bạch hổ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng Quyết thực về nhiệt. Mạch Hoạt là  
nhiệt nhưng tất phải phiền khát, đòi uống nước mới là đích chứng của  
bài Bạch hổ.

Hà Hạc Linh nói: "Bài Bạch hổ, trong Luận thấy hai nơi nói:

Ở thiên Dương minh nói: "Thương hàn mạch Phù, Hoạt... thể là  
Biểu có nhiệt, Lý có hàn".

Ở đây nói: "Thương hàn mạch Hoạt mà Quyết, ấy là Lý có  
nhiệt". Đó là lấy mạch Hoạt làm nhiệt. Ở đây kia nói mạch Hoạt là  
do ở trong mạch Phù mà thấy nên chủ về Biểu nhiệt. Ở đây thuộc về  
Lý nhiệt. Vậy mạch Hoạt tất phải do trong mạch Trầm mà thấy. Học  
giả phải do nghĩa này suy ra lẽ khác mới được.

#### Tiết 8

手足厥寒脈細欲絕者當歸四逆湯主  
之若其人內有久寒者宜當歸四逆加  
吳茱萸生薑湯主之

**Chú giải:** Tiết này nói về trên, dưới, thủy, hỏa không giao nhau mà chết. Từ đây trở lên 6 tiết đều nói về chứng chết không chữa được.

Trần Đan Thái nói: "Cứ ở hai huyệt Thái xung<sup>1</sup>". Bởi mạch Quyết âm hợp lại ở đó.

## KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 18 tiết luận về chứng và phép trị trong đề cương của bệnh Quyết âm và bàn về Quyết và phát nhiệt. Trong thiên, trừ các chứng ngoài đề cương, bệnh Quyết âm chỉ có 4 tiết, chỉ nói Quyết âm nếu phát nhiệt, hãn ra, mạch Phù là muốn khỏi. Quyết âm tiêu khát và khát, muốn uống nước khác nhau, nghĩa không rõ, duy có chứng Vưu quyết và chứng đề cương giống nhau. Điều gọi là khí xung tâm đau nhức tức là chấp lát lại phiền. Đói không muốn ăn tức là ăn vào thời ọ. Nhâm hạ, Lợi không dứt, Ô mai hoàn làm chủ, lại chủ về chứng cửu ly. Đây là chứng trên nhiệt dưới hàn, tất dùng vị khổ, tân để trị, cho nên lấy Ô mai hoàn làm chủ phương của chứng Quyết âm. Phàm Quyết là do khí Âm Dương không cùng thuận tiếp, cũng có khi phân ra hàn, nhiệt, thảng, thua của Quyết. Nhiệt tức là sự tiêu trưởng của Dương khí trong thân người. Quyết nhiều, nhiệt ít là bệnh tiến, cho nên phát nhiệt 6 ngày, quyết trở lại 9 ngày, tiết hạ lợi quyết nghịch, thuộc về hư hàn, không thể hạ, khí lạnh kết ở Bàng quang, Quan nguyên mà tay chân Quyết. Tay chân quyết lãnh là phiền táo nên gấp dùng ôn cứu. Nhiệt quyết không kể là Quyết trước nhiệt sau, Quyết sau nhiệt trước, đều Quyết. Nhiệt đáp đối phát ra, quyết sâu nhiệt cũng sâu, Quyết ít, nhiệt cũng ít. Đó là chứng Quyết do nhiệt phục ở Lý, lại có thể hạ, không thể hạ, hàn hãn miệng lở, đỏ. Nhiệt nhiều, Quyết ít là bệnh hư, cho nên trước Quyết sau phát nhiệt, lợi hãn tự dứt. Vốn nhiệt 6 ngày mà Quyết 9 ngày, hãn lại phát nhiệt, lợi hãn tự dứt. Vốn nhiệt 6 ngày mà Quyết 9 ngày, hãn lại phát nhiệt 3 ngày là Quyết ngang với nhiệt mới có thể hện sáng sớm, nửa đêm khỏi. Quyết 3 ngày

<sup>1</sup> Trên bàn chân giữa ngón cái và ngón trở, đo lên hai tấc, có động mạch.

lại nhiệt 4 ngày, hãn bệnh sẽ khỏi. Quyết 5 ngày nhiệt cũng 5 ngày, không quyết cũng tự lành. Nhiệt ít, Quyết ít, tiểu tiện sắc trắng, muốn được ăn, đó là nhiệt trừ, bệnh khỏi. Do đó, biết nhiệt cũng không nên thái quá, thái quá thời nhiệt tà nội phạm, tuy Quyết mà hung hiếp phiền đầy, sau hãn tiện huyết. Quyết 3, 4 ngày đến 7 ngày, nhiệt không trừ, cũng tiện nùng huyết; quyết 9 ngày, nhiệt cũng 9 ngày, sau ba ngày nhiệt tiếp tục còn, hãn phát ung thũng. Phát nhiệt, Lợi dứt, hãn ra, nhiệt thanh ở trên, thời họng đau, hầu tê. Lợi không dứt, nhiệt thanh ở dưới, cũng sinh tiện nùng huyết. Chứng Quyết, nếu mạch Trì, không thể dùng loại thuốc như thang Hoàng cầm để trừ nhiệt. Nhiệt trừ mà trở lại ăn được, thời thuộc tử chứng Trừ trung.

## CHƯƠNG II

### Tiết 1

傷寒發熱下利厥逆躁不得臥者死

**Phiên âm:** Thương hàn phát nhiệt, hạ lợi, Quyết nghịch, táo bất đắc ngoạ giả, tử.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn (Quyết âm) để phát nhiệt lại hạ lợi, lại Quyết nghịch, táo không thể nằm được... chết.

**Chú giải:** Tiết này nói về Quyết âm phát nhiệt, thêm có chứng táo không nằm được - thuộc về chứng chết.

### Tiết 2

傷寒下利至甚厥不止者死

**Phiên âm:** Thương hàn hạ lợi chí thậm quyết bất chỉ giả, tử.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn (Quyết âm) đã phát nhiệt lại hạ lợi quá lắm, nếu lại Quyết không dứt, chết.

**Chú giải:** Tiết này nói về Quyết âm phát nhiệt. Lấy quyết không dứt định làm chứng chết.

### Tiết 3

Tiết 16

傷寒發熱四日厥反三日復熱四日厥  
少熱多其病當愈四日七至七日熱不  
除者其後必傷膿血

Phiên âm: Thương hàn phát nhiệt tứ nhật, Quyết phản tam nhật, phục nhiệt tứ nhật, Quyết thiếu nhiệt đa kỳ bệnh đương dĩ, tứ nhật chí thất nhật, nhiệt bất trừ giả, kỳ hậu tất thương nồng huyết.

Dịch nghĩa: Thương hàn (Quyết âm) phát nhiệt 4 ngày, Quyết lại 3 ngày, lại nhiệt 4 ngày... Quyết ít nhiệt nhiều, bệnh thế khỏi. Nếu từ 4 đến 7 ngày nhiệt không trừ, về sau tất bị chứng nồng huyết.

Chú giải: Đường Tôn Hải nói: "Chứng Quyết lãnh ở kinh Quyết âm là do Can hiệp với thận thủy, thời phạm tý thổ, mà lợi không dứt. Chứng nhiệt của kinh Quyết âm là do Bào lạc hiệp với tâm hỏa thời làm thương đến huyết mạch mà thành chứng tiện ra nồng huyết vì Bào lạc chủ về huyết."

Tiết 17

傷寒厥四日熱反三日後厥五日其病  
為進寒多熱少陽氣退故為進也

Phiên âm: Thương hàn Quyết tứ nhật, nhiệt phản tam nhật, hậu quyết ngũ nhật, kỳ bệnh vi tấn, hàn đa nhiệt thiếu, Dương khí thối, cô vi tấn dã.

Dịch nghĩa: Thương hàn (Quyết âm), Quyết 4 ngày, nhiệt lại 3 ngày, lại Quyết 5 ngày, thế là bệnh tăng lên. Vì hàn nhiều nhiệt ít, Dương khí lui, cho nên bệnh tăng lên.

Chú giải: Trần Bình Bá nói: "Tiết trên lấy nhiệt làm bệnh khỏi. Tiết này lấy Quyết nhiều làm bệnh tăng... Các nhà chú giải phần nhiều nhận là "Nhiệt nhiều thời chính thắng, Quyết nhiều thời tà thắng" để lập luận rất trái với bản ý của Trọng sư. Nếu hẳn nhiệt nhiều là chính thắng thì nên mừng cái "nhiệt nó thường còn" sao còn có cái nạn nhiệt

quá thời tiện nồng huyết? Và, chú ý ở hai tiết này, đều bởi "nhiệt nhiều" không vì "hàn thắng". Phát nhiệt với Quyết, đều là tà nhiệt gây nên vạ cả, chứ có "chính thắng" gì đâu. Đến như Trọng sư sở dĩ nói "Nhiệt nhiều là bệnh khỏi, Quyết nhiều là bệnh tăng" chỉ là bàn cái bệnh cơ lên lui. Lấy chứng Quyết là nhiệt tà hướng vào trong, chứng nhiệt là nhiệt tà hướng ra ngoài. Phạm cái khách nhiệt từ ngoài đến hướng ra ngoài là lui, hướng vào trong là tăng, cho nên nhiệt nhiều là cái cơ bệnh tà muốn khỏi. Chứ không phải cái kỳ bệnh tà đã khỏi. Bởi vậy, dù có cái chứng tiện ra nồng huyết, mà đó là nhiệt bức doanh âm so với cái chứng "nhiệt sâu quyết nghịch" vẫn có nhẹ nặng khác nhau, còn như Quyết nhiều hơn nhiệt bởi nhiệt sâu vít lấp Dương khí, không đạt ra tứ chi được mà lại lui về ở vào trong tà nhiệt. Nên Trọng sư mới lại nói thêm câu: "Dương khí lui là bệnh tăng" cho rõ nghĩa. Bởi Quyết nhiều nhiệt ít, vì Dương khí thối phục, chứ không vì Dương hư tịch diệt. Sở dĩ mới gọi là bệnh tăng".

Đường Tôn Hải nói: "Trần Bình Bá chỉ biết ở Quyết âm có cái chứng "chân nhiệt giả quyết" mà không biết kinh Quyết âm lại còn cái chứng "chân quyết chân nhiệt" thay nhau phát hiện. Lại bảo chứng Quyết ở tiết này chính là nói về hàn tà. Theo văn pháp ở thiên này phạm nói về chứng "nhiệt tà phát quyết" đều trước nói "nhiệt" sau nói "phát quyết", tức là cái nghĩa Quyết nhiều nhiệt cũng nhiều. Phạm nói về chứng "Hàn tà phát Quyết" đều là trước "phát quyết" sau mới "phát nhiệt". Để tỏ ra Dương về, Âm lui thời mong thành cái khí xung hỏa mà khỏi. Nếu hàn nhiều nhiệt ít thời Dương khí lại lui, âm khí lại tiến, cho nên là bệnh nặng..."

Tiết 18

傷寒六七日脈微手足厥冷煩躁灸厥  
陰厥不還者死

Phiên âm: Thương hàn lục thất nhật, mạch Vi, thủ túc quyết lãnh, cứu quyết lãnh, cứu Quyết âm, Quyết bất hoàn giả tử.

Dịch nghĩa: Thương hàn (Quyết âm) 6, 7 ngày mạch Vi, tay chân quyết lãnh, phiên táo, cứu Quyết âm. Vẫn Quyết không khỏi - chết.

烏梅	Ô mai	300 quả
細辛	Tế tân	6 lạng
乾薑	Can khương	10 lạng
黃連	Hoàng liên	1 cân
當歸	Đương quy	4 lạng
附子	Phụ tử	6 lạng (bào)
蜀椒	Thục tiêu	4 lạng (sao bỏ mồ hôi)
桂枝	Quế chi	6 lạng
人參	Nhân sâm	6 lạng
黃柏	Hoàng bá	6 lạng

Chín vị trên, tán bột, rây riêng trộn làm một. Lấy Khổ tửu tẩm Ô mai 1 đêm, bỏ hạt, hấp lên trên nồi cơm chín, lấy ra giã nát như bùn hòa với thuốc bột, thêm mật, giã 200 chày (tức giã kỹ) hoàn bằng hạt ngô đồng, mỗi lần nuốt 10 viên trước khi ăn, ngày 3 lần. Dần thêm đến 20 viên. Cấm ăn những thứ sống lạnh, trôn (như mỡ) và tanh...

#### Tiết 14

傷寒熱少厥微指頭寒默默不欲食煩  
躁數日小便利色白者此熱除也欲得  
食其病為愈若厥而嘔胸脅煩滿者其  
後必便血

**Phiên âm:** Thương hàn nhiệt thiếu Quyết vi, chỉ đầu hàn, mặc mặc bất dục thực, phiền táo số nhật, tiểu tiện sắc bạch giả, thử nhiệt trừ dã. Dục đắc thực, kỳ bệnh vi dĩ. Nhược Quyết nhi ẩu, hung hiếp phiền mãn giả, kỳ hậu tất tiện huyết.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn (Quyết âm) nhiệt ít, Quyết vi, đầu ngón tay lạnh, bệnh nhân im im không muốn ăn, phiền táo vài ngày, tiểu tiện sắc

trắng, ấy là nhiệt đã trừ rồi. Nếu bệnh nhân muốn ăn, bệnh sẽ khỏi, nếu Quyết mà ủa, hung hiếp phiền đầy... Sau hẳn tiện huyết.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết này chia làm hai đoạn đều nói về cái chứng "ngoài Quyết trong Nhiệt".

**Đoạn trên:** Nhiệt nhẹ thời Quyết cũng nhẹ, đầu ngón tay lạnh mà không đại quyết, cho nên cái chứng nội nhiệt cũng chỉ im im hơi "phiền, táo" không đến nổi ẩu mà phiền đầy. Đợi vài ngày sau, hoặc được "tiểu tiện lợi mà sắc trắng" thời cái chứng vì nhiệt đã do tiểu tiện trừ đi, liền muốn ăn được mà bệnh khỏi.

**Đoạn dưới:** Nói về chứng nội nhiệt mà nặng. Đại khái nói: nếu Quyết nhiều mà lại ẩu, thổ... Đó tức là "Quyết nhiều nhiệt cũng nhiều", hung hiếp tất phải phiền đầy và về đường hậu âm lại tất phải tiện huyết.

Ấy, cả nghĩa của hai đoạn như vậy mà các nhà chú giải muốn cầu cho cao sâu lại càng thêm khó hiểu.

#### Tiết 15

病者手足厥冷言我不結胸小腹滿按  
之痛者此冷結在膀胱關元也

**Phiên âm:** Bệnh giả thủ túc Quyết lãnh, ngôn ngã bất kết hung, tiểu phúc mãn, án chi thống giả, thử lãnh kết tại Bàng quang, Quan nguyên dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh nhân tay chân quyết lãnh, tự nói tôi không kết hung. Xét ở tiểu phúc thấy đầy, ấn tay vào đau, ấy là lạnh kết ở Bàng quang, Quan nguyên.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Quan nguyên tức là bào cung. Bệnh này, nguyên cái mô của Can hệ, dưới liền võng du mà đến dưới rốn. Can mạch lại đến thiếu phúc. Cái huyết ở Bào lạc, xuống Cách noi theo Xung, Nhâm mà xuống hội ở Bào xung cho nên cái "lạnh" của hai kinh, cũng có thể dẫn kết ở Bào cung. Biết lẽ đó thời cái nguyên nhân của chứng Sán, Trùng, Hà cũng có thể hiểu được cả".

**Dịch nghĩa:** Bệnh Thương hàn Quyết 5 ngày, Nhiệt cũng 5 ngày. Giả như đến 6 ngày, nên lại Quyết. Nếu không Quyết sẽ tự khỏi. Quyết thời không quá 5 ngày, vì nhiệt phát có 5 ngày nên tự khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói về Quyết với Nhiệt cùng ứng, Âm Dương bằng nhau sẽ tự khỏi.

### Tiết 12

凡厥者陰陽氣不相順接便為厥厥者手足逆冷也

**Phiên âm:** Phàm Quyết giả, Âm Dương bất tương thuận tiếp, tiện vi Quyết, Quyết giả thủ túc nghịch lãnh dã.

**Dịch nghĩa:** Phàm Quyết là do khí Âm Dương không cùng thuận tiếp mới sinh ra Quyết. Quyết là tay chân giá lạnh.

**Chú giải:** Chu Dịch Đổ nói: "Âm Dương" là chỉ Quyết âm, thiếu dương. Quyết thống về nơi cùng cực của các khí âm, Thiếu dương tổng cả các khí Dương mới phát ra. Một dàng do Âm mà tiếp với Dương, một dàng do Dương mà tiếp với âm. Âm Dương quanh quẩn như vòng không mối, như thế là thuận tiếp, trái lại, Âm Dương không giao nhau sẽ thành chứng Quyết.

### Tiết 13

傷寒脈微而厥至七八日膚冷其人躁無暫安時者此為臟厥非為蜷厥也蜷厥者其人當吐蜷今病者靜而復時煩此為臟寒蜷上入膈故煩須臾復止得食而嘔又煩者蜷聞食臭出其人當自吐蜷蜷厥者烏梅丸主之又主久痢方

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Vi nhi Quyết, chí thất bát nhật, phu lãnh, kỳ nhân táo vô tạm an thời giả, thủ vi tạng quyết, phi vi vu quyết dã. Vu quyết giả, kỳ nhân đương thổ vu, kim bệnh giả tịnh nhi phục thời phiền, thủ vi tạng hàn, vu thượng nhập cách,

cổ phiền, tu du phục chí, đắc thực nhi ẩu, hựu phiền giả, vu vãn thực xú xuất, kỳ nhân đương tự thổ vu, vu quyết giả Ô mai hoàn chủ chi, hựu chủ Cửu ly phương.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn (Quyết âm), mạch Vi mà Quyết đến 7, 8 ngày, ngoài da lạnh, bệnh nhân táo động, không một chút yên, ấy là tạng quyết, không phải là vu quyết (chứng Quyết do giun). Giờ bệnh nhân tỉnh mà lại có lúc phát phiền, ấy là do tạng hàn, vu nhoi lên vào Cách, cho nên phiền. Nếu giun người thấy mùi đồ ăn mà ra, bệnh nhân tất sẽ thổ Vu. Nếu là Vu quyết, Ô mai hoàn chủ về bệnh ấy. Bài này là chủ về chứng Cửu ly (kiết lỵ lâu ngày).

**Chú giải:** Tiết này mượn chứng tạng quyết của Thiếu âm để nêu ra chứng Vu quyết âm. Cuối tiết lại bổ thêm "lại chủ Cửu Ly" bốn chữ tỏ ra kinh này, chứng Quyết với chứng Ly cùng nối nhau mà đều lấy Ô mai hoàn là chủ. Chia ra mới là chuyên phương của chứng Vu Quyết, hợp lại thời là tổng phương của kinh Quyết âm.

Đường Tôn Hải nói: "Vi cơ gì sinh ra Vu trùng? Tất những cận hà ở trong Đại, Tiểu trường, trước đã nhờ có cái khí của Can mộc hiệp với hàn thủy, thấm thía mãi vào, lại được thêm tâm bào lạc dẫn cái khí hỏa nhiệt, hun quạt thêm vào... Dương dẫn đến âm, Âm động vì Dương... Vu trùng do đó mà sinh ra. Dương động âm ứng ứng thời phong sinh, âm theo Dương khí biến mà trùng hóa ra, ấy, cái cơ phong khí sinh ra trùng là thế. Trùng sinh ra đều ở trong Đại Tiểu trường, vì cái mô của Can với Bào lạc đều liền xuống Đại trường, Tiểu trường. Trùng dẫu sinh ra bởi khí hàn thấp mà thực thời cảm bởi khí phong nhiệt. Cho nên tạng hàn thời hạ tiêu đều hàn, Vu cũng không yên muốn nhoi lên cách để đến chỗ nhiệt. Nên biết Quyết âm là một nơi hàn nhiệt đi lại, nên mới có những chứng bồng dưng sinh ra Vu, bồng dưng mà tạng hàn, lại bồng dưng mà vu lên, bồng dưng mà vu xuống vậy.

Ô mai hoàn phương

烏梅丸方



傷寒一二日至四五日而厥者必發熱  
前熱者後必厥厥深者熱亦深微者熱  
亦微厥應下之而反發汗者必口傷爛  
赤

**Phiên âm:** Thương hàn nhất nhị nhật chí tứ ngũ nhật nhi quyết giả  
tất phát nhiệt, tiền nhiệt giả, hậu tất Quyết, Quyết thâm giả nhiệt  
diệc thâm, Quyết vi giả nhiệt diệc Vi, Quyết ung hạ chí nhi phản  
phát hàn giả, tất khẩu thương lạn xích.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 1, 2 ngày, đến 4, 5 ngày mà Quyết tất phát  
nhiệt, trước nhiệt sau hẳn Quyết. Quyết nhiều nhiệt cũng nhiều, quyết  
vi nhiệt cũng vi. Quyết nên hạ đi mà lại phát hẳn... tất miệng đau, lở,  
đỏ.

**Chú giải:** Tiết này thừa tiếp tiết trên nói: "mọi chứng tử nghịch không  
thể hạ". Sở người sau chấp nệ không thông nên lại nói thêm ở đây.  
Trước kia nói "không thể hạ" chỉ về không nên dùng Đại thừa khí. Tiết  
này nói "nên hạ" thuộc về nhiệt chứng, nhẹ thời tử nghịch tán, nặng thì  
Bạch hổ thang, thuộc về hàn chứng thời có bài Ô mai hoàn.

Trầm Nghiêu Phong nói: "Tiết này nói về một chứng hàn do  
chính với tà phân tranh, mà gây nên hàn nhiệt vãng lai. Câu "Quyết  
nhiều nhiệt cũng nhiều, Quyết vi nhiệt cũng vi..." cũng như nói "hàn  
nặng thì phát nhiệt cũng nặng, hàn nhẹ thì phát nhiệt cũng nhẹ..." Ấy  
là nói về cái lẽ thường thời như thế. Hoặc có khi trái với thế, có thể  
quyết được bệnh nê hay hư. Cho nên đoạn dưới nói ngay đến "Quyết ít  
nhiệt nhiều, Quyết nhiều nhiệt ít". Nhiều người chú giải thương hàn  
đều giải chữ "Nhiệt" cho là "phục nhiệt", khiến cho các bệnh thuộc về  
Quyết âm, thành ra chỉ có nhiệt mà không có hàn, không nghĩ: Ô mai  
hoàn là chủ phương của Quyết âm. Nếu quả có nhiệt không có hàn,  
sao trong bài lại dùng Càn khương, Phụ tử, Tế tân, Xuyên tiêu là những  
vị đại tân nhiệt? Nên biết: Quyết âm là cơ quan cuối cùng của ba kinh  
âm. Hễ bệnh phạm vào đến đấy, tất âm dương lẫn lộn. Hướng chi,  
Quyết âm-mộc thuộc về quẻ Cấn, một Dương ở dưới 2 Âm là cái  
tượng của nó. Hễ bệnh thì Dương tràn lên trên, Âm phục ở dưới, mà

những chứng dưới hàn trên nhiệt sinh ra. Tỉ như: tạng hàn, giun nhoi  
lên cách... Đó là cái chứng cử về dưới hàn, tiêu khát, trong tâm đau và  
nóng, đó là cái cử về trên nhiệt. Phương chi, Quyết tức là nghịch  
(ngược lên), khí dưới nghịch lên, tức là cô dương tràn lên, chứng hậu  
thăng nhiều giáng ít. Phạm những chứng như thổ ra giun, khí xung lên  
tâm đều là cái hiện trạng thăng lên quá. Phép chữa nên làm cho hạ  
giáng cái khí Dương từ dưới ngược lên. Về thuốc hạ, không cần phải  
dùng đến những vị Mang tiêu, Đại hoàng... để công khắc bỏ thực nhiệt  
mới gọi là hạ tế. Tức như dùng một bài Ô mai hoàn cũng đã đủ.  
Không kể những vị như Hoàng liên, Ô mai, Hoàng bá có cái tính khổ,  
toan, hàm thuộc về thuần âm hạ giáng. Cho ngay đến Phụ tử thăng đến  
Mạng môn, cũng đều là hạ giáng cả. Hạ xuống, khiến cho Dương phục  
ở dưới, thời khí Âm dương thuận, cái chứng Quyết sẽ khỏi. Nếu nhận  
lầm ngoại hàn vít lấp mà lại đem phát hàn thời cái khí Dương đang  
làm nên chứng "đan nhiệt" ở trong tâm sẽ bốc lên hết, thành chứng  
miệng đau, lở nát".

Tiết này nên chia làm hai đoạn:

1. "Quyết ấy tất phát nhiệt..." Ấy là nói trước Quyết sau nhiệt,  
lấy chứng Quyết làm chủ, hễ nhiệt phát thì Quyết phải lui.

2. Đoạn sau nói: "Trước nhiệt, sau hẳn Quyết" ấy là nói trước  
nhiệt sau Quyết, lấy nhiệt làm chủ, chứng Quyết phát ra thời chứng  
nhiệt sẽ phải phục. Cho nên nói tiếp: "Quyết nhiều nhiệt cũng nhiều,  
Quyết vi nhiệt cũng vi" vì là chứng Quyết do có phục nhiệt cho nên  
mới nên hạ. Đem tiết này chia hai đoạn thời nghĩa mới dễ hiểu.

### Tiết 11

傷寒病厥五熱亦五日設六日當復厥  
不厥者自愈厥終不過五日以熱五日  
故知自愈

**Phiên âm:** Thương hàn bệnh, Quyết ngũ, nhiệt diệc ngũ nhật,  
thiết lục nhật đương phục Quyết, bất Quyết giả, tự dĩ, chung bất  
quá ngũ nhật dĩ nhiệt ngũ nhật cố tri dĩ.

đến sáng ngày (Dần, Mão), nửa đêm (Tý, Sửu) sẽ khỏi. Sở dĩ như thế, vốn phát nhiệt sáu ngày, quyết lại 9 ngày, giờ lại phát nhiệt 3 ngày... Hợp với 6 ngày trước cũng là 9 ngày. So với số ngày quyết cũng bằng nhau cho nên hạn "buổi sớm, nửa đêm" sẽ khỏi. Nếu sau ba ngày ăn mạch mà mạch vẫn Sắc, nhiệt vẫn chưa dứt, đó là khí có thừa. Tất phát ra chứng Ung nùng (mụn, mủ).

**Chú giải:** Đại ý tiết này nói: phát nhiệt thời Quyết, Lợi dứt, nhiệt hết thời lại Quyết Lợi. Cho nên Quyết âm phát nhiệt, không phải là triệu chứng khỏi. Chỉ dương Lợi mà chuyển ra phát nhiệt mới thuộc về thời kỳ khỏi. Bởi thế nên Quyết chuyển thành nhiệt, nửa đêm sẽ khỏi, nhiệt lâu chẳng dứt, tất phát ra ung nùng. Xem đó đủ biết: Trọng sự không cần ở có nhiệt, chỉ cần ở chỗ phát nhiệt mà vào Quyết, Lợi dứt. Quyết, Lợi dứt, rồi nhiệt cũng dứt theo mới là thuận.

Đường Tôn Hải nói: "Với ngày quyết bằng nhau" thế là Quyết với nhiệt không hơn kém mà hợp với cái khí xung hòa của Thiếu dương cho nên khỏi. Quyết nhiều hơn, thời thuần âm không Dương hẳn, không khỏi được. Nhiệt có thừa cũng là kháng dương (khí dương gắng quá) mà không phải Thiếu dương, cho nên tất sinh ra chứng Ung nùng mà không khỏi được. Nửa đêm khí Dương mới sinh, buổi sớm, khí Dương xung hòa tức là thời kỳ thiếu dương của trời coi về khí. Mượn cái khí Thiếu dương của trời, hóa bỏ cái khí hàn, nhiệt của Quyết âm, biến làm cái khí xung hòa... Đó tức là cái nghĩa theo khí hóa trung hiện-vây.

### Tiết 8

傷寒脈遲六七日而反與黃芩湯徹其熱脈遲為寒今與黃芩湯復除其熱腹中應冷當不能食今反能食此名除中必死

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Trì lục thất nhật phản dĩ Hoàng cầm thang triệt kỳ nhiệt, mạch Trì vi hàn, kim dĩ Hoàng cầm thang phục trừ kỳ nhiệt, phúc trung ứng lãnh, dương bất năng thực, kim phản thực, thử danh trừ trung tất tử.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mạch Trì, 6, 7 ngày mà lại cho dùng Hoàng cầm thang, triệt bỏ nhiệt. Mạch Trì là hàn, giờ cho dùng Hoàng cầm thang lại trừ bỏ nhiệt trong bụng nên lạnh, nên không ăn được, giờ lại ăn được, ấy gọi là trừ trung, hẳn chết.

**Chú giải:** Tiết này diễn theo nghĩa mạch Sắc ở tiết trên mà suy đến mạch Trì... để cho rõ thêm nghĩa.

### Tiết 9

傷寒先厥後發熱下利必自止而反汗出咽中痛其喉為痺發熱無汗而利必自止若不止必便膿血便膿血者其喉不痺

**Phiên âm:** Thương hàn tiên Quyết hậu phát nhiệt, hạ lợi tất tự chỉ nhi phản hàn xuất, yết trung thống, kỳ hầu vi tý, phát nhiệt vô hàn nhi lợi tất tự chỉ; nhược bất chỉ tất tiện nồng huyết, tiện nồng huyết giả, kỳ hầu bất tý.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn, trước Quyết sau phát nhiệt, hạ lợi hẳn tự dứt, mà trở lại hạn ra, trong họng đau, sẽ thành chứng Hầu tý. Hết phát nhiệt, không có hàn mà Lợi, hẳn tự dứt. Nếu không dứt, tất tiện ra nồng huyết. Nếu tiện ra nồng huyết thời Hầu không "tý"

**Chú giải:** Chứng này nói về nhiệt hóa thái quá, theo với kinh khí lên xuống mà gây nên bệnh.

Đường Tôn Hải nói: "Chứng hàn nhiệt ở các kinh khác đều không nhanh chóng. Duy có kinh Quyết âm chủ về phong khí. Tính của Phong hay động. Nếu hợp với hàn khí thời là Mộc khắc Thổ mà chạy nhanh chóng, gây thành chứng Quyết, Lợi, trừ trung. Hiệp với nhiệt khí thời là Hỏa làm trôi Kim mà chạy đi nhanh chóng, gây thành chứng Hầu tý và tiện ra nùng huyết. Xem tiết này mà hợp xem với tiết trên, mà cái nghĩa hàn nhiệt của Quyết âm thật rõ như xem bàn tay.

### Tiết 10

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói về Bào lạc hiệp tâm hỏa mà phát động tức là "nhiệt phong" nên cho uống ít nước. Bởi là nhiệt phong cho nên chỉ trị riêng một chứng nhiệt cũng khỏi.

### Tiết 5

諸四逆厥者不可下之虛家亦然

**Phiên âm:** Chư tứ nghịch, quyết giả bất khả hạ chi, hư gia diệc nhiên.

**Dịch nghĩa:** Phạm mọi chứng tứ nghịch, quyết không nên hạ đi, hư gia (người âm hư, dương hư) cũng thế.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết trên nói về nhiệt phong, tiết này nói về hàn phong. Tiết trên là Bào lạc hiệp với cái nhiệt của tâm hỏa phát ra trong Vị. Tiết này là Can mộc hiệp cái hàn của thận thủy phát ra ở tứ chi. Hàn thời nên ôn, không nên hạ. Và, tứ chi quyết lãnh là cái "bản chứng" của Thiếu âm mà cũng là "kiêm chứng" của Quyết âm. Không những chứng Quyết nghịch của Quyết âm không thể hạ, cho đến cả chứng Quyết nghịch của Thiếu âm cũng không nên hạ. Cho nên dùng chữ "mọi" để bao quát cả các chứng.

### Tiết 6

傷寒先厥後發熱而利者必自止見厥復利

**Phiên âm:** Thương hàn tiên quyết hậu phát nhiệt nhi lợi giả tất tự chỉ, kiến quyết phục lợi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn (thuộc Quyết âm), trước Quyết sau phát nhiệt, thời chứng Lợi trước hẳn tự dứt. Nếu thấy Quyết, lại Lợi.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Quyết với nhiệt hai chứng cứ hơn thua lẫn nhau. Các nhà chú giải nếu cứ giữ cái thuyết "tiêu âm là hàn, trung hiện là nhiệt" đến diễn giảng thì lại càng khó xác nghĩa. Nên biết "hỏa nhiệt, thủy nhiệt" là cái khí vốn sẵn có ở trong thân thể. Can mộc đem cái hàn khí của Thận thủy phát ra thời thành chứng Quyết nghịch mà Lợi. Bào lạc đem cái nhiệt khí của tâm hỏa phát ra thời thành

chứng phát nhiệt mà Lợi dứt. Một chứng nhiệt, một chứng Quyết thay nhau lên lui, thời thành chứng "Quyết nhiệt vãng lai". Chỉ thủy hàn hỏa nhiệt, hai thứ ấy cùng giao hội, hóa làm thứ Dương khí xung hòa tức là thiếu dương và phong khí sẽ do đó mà hòa. Đó tức là cái nghĩa Âm dương cùng thuận tiếp của Trọng sư mà cũng tức là cái nghĩa theo khí hóa trung hiện của Nội kinh".

### Tiết 7

傷寒始發熱六日厥反九日而利凡厥利者當不能食今反能食者恐為除中食以索餅不發熱者知胃氣上在必愈恐暴熱來出而復去也後三日脈之其熱續在者期之旦日夜半愈所以然者本發熱六日厥反九日復發熱三日并前三日亦為九日與厥相應故期之旦日夜半愈後三日脈之而脈數其熱不罷者為氣有餘必發癰膿也

**Phiên âm:** Thương hàn thủy phát nhiệt, lục nhật Quyết, phản cửu nhật nhi lợi. Phạm Quyết, Lợi giả dương bất năng thực, kim phản năng thực giả, khủng vi trừ trung, thực dĩ sách bình, bất phát nhiệt giả, tri Vị khí thượng tại, tất dĩ. Khủng bạo nhiệt lai xuất nhi phục khứ dã. Hậu tam nhật mạch chi, kỳ nhiệt tục tại giả, kỳ chi đán nhật dạ bán dĩ. Sở dĩ nhiên giả, bản phát nhiệt lục nhật, quyết phản cửu nhật, hậu phát nhiệt tam nhật, tinh tiên tam nhật diệc vi cửu nhật, dĩ quyết tương ứng cố kỳ chi đán nhật dạ bán dĩ. Hậu tam nhật mạch chi nhi mạch Sác, kỳ nhiệt bất bãi giả, thủy vi khí hữu dư, tất phát ung nùng dã.

**Dịch nghĩa:** Quyết âm thương hàn bắt đầu phát nhiệt 6 ngày, quyết lại đến 9 ngày rồi lợi ngay. Quyết Lợi cứ lẽ ra không ăn, lại ăn được là chứng trừ trung, thử dùng Sách bình (bánh bèo bột tẻ). Cho ăn mà không phát nhiệt, biết Vị khí hẳn còn, tất khỏi. Chỉ sợ nhiệt vut đến, rồi lại đi hết ngay. Sau ba ngày ăn mạch xem chứng nhiệt vẫn còn. Hạn

Bản về mạch và chứng của bệnh  
thuộc về kinh Quyết âm

Thiên E

CHƯƠNG I

Tiết 1

厥陰之為病消渴氣上撞心中疼熱  
飢而不欲食食則吐衄下之利不止

Phiên âm: Quyết âm chi vi bệnh, tiêu khát, khí thượng chàng tâm, tâm trung đông nhiệt, cơ nhi bất dục thực, thực tắc thổ vụ, hạ chi lợi bất chỉ.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Quyết âm, tiêu khát, khí xung lên tâm, trong tâm đau và nóng, đói mà không muốn ăn. Ăn thì thổ ra giun. Hạ đi, lợi không dứt.

Chú giải: Tiết này nói về bệnh do Quyết âm tự mắc phải và là đề cương của thiên Quyết âm.

Đường Tôn Hải nói: "Khát muốn uống nước, khí xung lên tâm, trong tâm đau và nóng, lại hay đói...". Đó là do Quyết âm tâm bảo lạc, hiệp cái nhiệt của tâm hỏa mà phát động ở trên. Đến như chứng "không muốn ăn, ăn thì thổ ra giun, hạ đi lợi không dứt..." Đó là do khí của Quyết âm can thiệp với hàn của thận thủy, cùng ứng mà sinh ra vậy".

Tiết 2

厥陰中風脈微浮欲愈不浮為未愈

Phiên âm: Quyết âm trúng phong, mạch Vi, Phù vi dục dĩ, bất Phù vi vi dĩ.

Dịch nghĩa: Quyết âm trúng phong mạch Vi. Phù, là muốn khỏi, nếu không phù là chưa khỏi.

Chú giải: Tiết này nói về chứng Quyết âm trúng phong có cái mạch muốn khỏi và cái mạch chưa muốn khỏi khác nhau. thuộc về ba kinh Dương, trúng phong có hình chứng Trúng phong, thương hàn có hình chứng Thương hàn. Thuộc về ba kinh âm, chỉ ở thiên Thái âm mới có nói: "Thái âm trúng phong, tứ chi phiền đông" và "Thái âm thương hàn, tay chân tự ấm". Mà ở hai thiên thiếu âm, Quyết âm chỉ thấy nói "mạch" trúng phong, không thấy nói "chứng" trúng phong ra làm sao. Bởi hai kinh này mà mắc bệnh, ấy là tà vào đã sâu, cái hình chứng của Phong hay Hàn, không còn phân biệt. Chỉ cái mạch thuộc về âm kinh nên Trầm, Tế giờ lại thấy Phù, vì Phong là Dương tà nguyên khí hồi phục, tà khí sắp tan đi, cho nên thấy mạch hiện ra hơi Phù. Phù thời muốn khỏi rồi. Nếu không Phù ấy là tà vào sâu, không thể tan ra ngoài, cho nên chưa khỏi.

Tiết 3

厥陰病欲解時從丑至卯上

Phiên âm: Quyết âm bệnh dục giải thời, tòng Sửu chí Mão thượng.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Quyết âm muốn khỏi, từ giờ Sửu đến đầu giờ Mão.

Chú giải: Tiết này nói từ Sửu đến Mão chính là lúc sáng sớm, là thời kỳ chủ khí của Thiếu dương. Kinh Quyết đến bấy giờ, nhờ cái khí xung hòa của Thiếu dương mà khỏi, tức là theo cại khí trung hiện vậy

Tiết 4

厥陰病渴欲飲水者少少與之愈

Phiên âm: Quyết âm bệnh khát dục ẩm thủy giả, thiếu thiếu dĩ chi, dĩ.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Quyết âm khát muốn uống nước, cho uống ít ít, lành.

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh hạ lợi, mạch Vi, Sáp đầu nhi hạn xuất tất số canh y phân thiếu giả, đương ôn kỳ thượng cứu chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, hạ lợi, mạch Vi, Sáp đầu mà mồ hôi ra, đại tiện luôn nhưng có ít, nên ôn ở trên, cứu đi.

**Chú giải:** Tiết này nghĩa khó hiểu. Đại ý kiến các bậc cao minh. Trần Tu Viên và Đường Tôn Hải ý kiến khác nhau, tựu trung chưa ai giải rõ.

### KẾT TOÀN THIÊN

Thiên này gồm 25 tiết luận về phép trị chứng bệnh ở Thiếu âm. Thiếu âm vốn thuộc hư hàn, chứng âm hàn có nhiều, nhưng chính khí đầy đủ, cũng có khi chuyển thuộc nhiệt hóa. Cho nên bảo rằng Thiếu âm đại biểu cho thủy hỏa. Tâm hỏa là chứng nhiệt hóa; thận thủy vốn là chứng Âm hàn. Thực ra thời các kinh đều có hàn, nhiệt, không riêng chứng Thiếu âm. Chứng Thiếu âm hư hàn, trị nên gấp ôn. Lúc mới phát thấy mạch Trầm, nên dùng ngay tứ nghịch thang, mới mắc mồi, kiêm có ngoại cảm phát nhiệt nên dùng Ma hoàng, Phụ tử, tế tân thang; mắc 2, 3 ngày không có Lý chứng nên dùng Ma hoàng, Phụ tử, Cam thảo thang (và dùng phép cứu); Dương khí không đạt ra tứ chi, mạch Trầm, tay chân lạnh mà đốt xương đau nhức, cũng nên dùng Phụ tử thang. Thiếu âm họng đau, chỉ đau, không sưng hoặc hơi sưng, nên dùng Cam thảo thang, Các cánh thang; sưng mà nước dãi nhiều nên dùng Bán hạ tán và thang; sanh mụn, họng lở, nên dùng Khổ tửu thang; Thiếu âm hạ lợi, âm tà, làm cho Dương khí bế lại mà mạch Vi, nên dùng Bạch thông thang; nặng thì phiền, ủa, gia Đả tráp, Đồng tiện, âm hàn nhiều mà hạ lợi ra nước trong, nên tứ nghịch thang; nặng thì quyết nghịch, mặt đỏ, bột Can khương, gia Thông bạch; có thủy khí ma hạ lợi, tay chân nặng nề, bí tiểu, nên dùng Chân Vô thang; hạ lợi, tiểu tiện ra máu mủ, bụng đau, tiểu tiện không lợi, dùng Đào hoa thang (kiêm dùng phép châm). Trường, Vi hư hàn, ẩu thổ mà hạ lợi, tay chân lạnh, phiền táo, chỉ nên dùng Ngô thù du thang; Âm Dương đều hư, ủa, lợi, hãn ra, đại tiện luôn mà lại ít, chỉ nên ôn đi, cứu ở trên.

Âm tà thực ở trong hung, ăn uống vào miệng thổ ra ngay, nên dùng Qua để tán thổ đi. Trên cách có hàn ẩm, ủa khan, nên dùng tứ nghịch thang ôn đi. Dương khí bị uất mà phát sinh tứ nghịch, khác với âm hàn tứ nghịch, nên dùng tứ nghịch tán tuyên thông đi. Chứng Thiếu âm nhiệt hóa, nên tư nhuận, thanh nhiệt, có ba trường hợp: nếu tâm phiền không nằm được, nên dùng Hoàng liên A giao thang; Hạ lợi, họng đau, phiền đầy, nên dùng Trư phu thang; Hạ lợi, ủa, ho, khát, phiền, không ngủ được, nên dùng Trư linh thang. Có ba chứng nên gấp hạ để giữ âm: nếu miệng ráo, họng khô hoặc hạ lợi nước trong, sắc xanh, tâm hạ đau, hoặc bụng trướng, không đại tiện. Ba chứng ấy là chứng thực, nhiệt nhiều, tân dịch bị thương đều nên gấp dùng Đại thừa khí để hạ đi. Những chứng ấy tuy thấy ở Dương minh, thực ra, do Thiếu âm mà đến, cho nên cũng gọi là Thiếu âm bệnh.

少陰病六七日腹脹不大便者急下之  
宜大承氣湯

Phiên âm: Thiếu âm bệnh lục thất nhật, phúc trường, bất đại tiện  
giả, cấp hạ chi, nghi Đại thừa khí thang.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm 6, 7 ngày, bụng trường, không đại tiện,  
gấp hạ đi, nên dùng Đại thừa khí thang.

Chú giải: Đường Tôn Hải nói: "Chữ "bụng" đây là chỉ về Du mô mà  
nói. Trong Du mô tức là cái đường lối để tiêu thủy hành khí. Nếu là  
thủy trường ở trong mô kéo thời phải dần dà mới thành trường. Đến  
như khí trường thời có thể "phát ngay". Bởi nhiệt thịnh thì khí trường  
lên ngay. Tây phương hóa học nói: "Không khí lạnh thì co rút lại, nhiệt  
thời dầy trường lên". Du mô ở trong thân người rỗng không, là cái  
đường lối để hành khí mà thận Dương lại hóa thủy để hành khí. Cái  
Dương khí nhiệt ở trong thận bạo phát, nên khí mới trường bực lên dầy  
lấp không lưu được - nên phải gấp hạ.

Tiết 23

少陰病脈沈者急溫之宜四逆湯

Phiên âm: Thiếu âm bệnh mạch Trầm giả cấp ôn chi, nghi tứ  
nghịch thang.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm, mạch Trầm gấp ôn đi, nên tứ nghịch  
thang.

Chú giải: Tiết này nói về cái khí của Thiếu âm không thể do dưới mà  
dẫn lên. Mạch Trầm mà tứ nghịch thời cũng như: thổ, lợi, phiền, táo...  
đã ngấm phục ở trong rồi. Bởi vậy nên thấy mạch Trầm, nên gấp dùng  
ôn được, tức là một phương pháp tiêu bệnh lúc chưa hình thành vật.

Tiết 24

少陰病飲食入口則吐心中溫溫欲吐  
復不能吐始得之手足寒脈弦遲者此

胸中實不可下也當吐之若膈上有寒  
飲乾嘔者不可吐也急溫之宜四逆湯

Phiên âm: Thiếu âm bệnh ẩm thực nhập khẩu tắc thổ, tâm trung  
ôn ôn dục thổ, phục bất năng thổ thủy đặc chi thủ túc hàn, mạch  
Huyền, Trì giả, thư hung trung thực, bất khả hạ dã. Đường thổ  
chi, nhược cách thượng hữu hàn ẩm, càn ẩu giả, bất khả thổ dã.  
Cấp ôn chi, nghi tứ nghịch thang.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm, ăn uống vào miệng thời thổ ra. Trong  
tâm cứ nôn nao muốn thổ lại không thổ được. Khi mới mắc, tay chân  
lạnh, mạch Huyền và Trì. Ấy là trong hung "thực" không thể hạ, nên  
cho thổ đi. Nếu trong cách có hàn ẩm, ủa khan, không thể cho thổ. Gấp  
ôn đi, nên dùng tứ nghịch thang.

Chú giải: Đường Tôn Hải nói: "Tiết này cũng phải chia làm hai đoạn:

Đoạn trên: Bệnh ở Thiếu âm hoặc ăn uống vào miệng thời thổ,  
hoặc trong tâm nôn nao muốn thổ mà không thổ được. Hai chứng ấy  
khi mới mắc không nên phát ngay chứng "hư quyết", thế mà lúc mới  
mắc đã thấy tay chân lạnh ngay, ấy là tà phục ở trong. Dương không  
đạt ra ngoài được cho nên mạch Huyền, Trì mà không Vi, Tế. Đó là  
trong hung có Đàm thực, không phải là "hư" nữa. Và tà ở mãi trên  
hung, không nên dùng phép hạ, chỉ nên dùng phép thổ.

Đoạn dưới: Đến như trên cách mô có hàn ẩm, phát ra chứng ủa  
khan, trong tâm không có cái ý nôn nao như trên, lại không phải là  
chứng ăn uống vào thời thổ và cũng không phải là chứng muốn thổ  
không thổ được... Đó chỉ là trong hung vì hư hàn mà sinh ra ẩm, chứ  
không phải là trong hung "thực" nên không thể thổ. Phải gấp dùng  
phép ôn. Tiết này nghĩa rất khúc chiết.

Tiết 25

少陰病下利脈微澀嘔而汗出必數更  
衣反少者當溫其上灸之

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Bài này là chủ về chứng hạ lợi, đều là dẫn thủy cho trở về đường cũ, vào trong mô của tam tiêu, khiến cho theo tiểu tiện mà tiết ra ngoài thời không chảy vào trong Đại trường, chứng lợi sẽ dứt. Phàm chứng Lợi không dứt Trọng sơ đều nói nên làm cho thông lợi tiểu tiện. Vậy, ở tiết này, tất là tiểu tiện không thông lợi, thủy không vào ở trong mô, thời cái Thiếu dương hỏa ở trong mô ngược lên thành chứng ho, chứng ư. Trong mô không có thủy thời không thể hóa khí dẫn lên làm tân dịch nên thành chứng miệng khát, chất âm tân không giao lên với tâm thời phiền, không ngủ được... Ấy, đều vì thủy không vào trong mô, không hóa làm tân dịch và tiểu tiện không thông lợi mà gây nên cả. Dùng Trư linh, Phục linh do tỳ để lợi thủy. Nhưng nếu không dẫn thủy vào trong mô thời tỳ cũng không thể thành công. Cho nên dùng Hoạt thạch sắc trắng vào trong mô. Rồi dùng A từ dầu nguồn của thủy, khiến cho nó chảy vào trong mô. Rồi dùng A giao bám thụ cái "chảy ở nơi ngầm" của A tĩnh, khiến cho nó lại chảy vào đường cũ, lại dùng Trạch tả để dẫn thủy khí về. Thủy đã dẫn được về trong mô, hai vị Linh liên nhân đó mà thấm lợi đi, hóa cái chất của nó làm ra khí để cho bốc lên, tức là tân dịch. Tân dịch đã dẫn lên thời các chứng khát, khát, Phiền, Ấu tự dứt... Phương nghĩa rất tinh phải suy xét kỹ mới hiểu thấu".

**Tiết 20**

少陰病得之二三日口燥咽乾者急下之宜大承氣湯

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh đắc chi nhị tam nhật, khẩu táo, yết càn giả, cấp hạ chi nghi Đại thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm mắc phải 2, 3 ngày, miệng ráo, họng khô, gấp hạ đi, nên dùng Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tâm khai khiếu ở lưỡi. Phía dưới lưỡi có hai huyết: Liêm toàn (tuyền) và Ngọc anh. Tân dịch do đó mà nhuần ra khắp n. V. V. khai khiếu ra ở miệng. Cái táo khí của Vị không đốt hại tân dịch thì miệng không ráo. Giờ Thiếu âm tâm hỏa hợp với Dương minh Vị thành ra cái hiện tượng hỏa "ráo". Dưới

lưỡi đã không có tân dịch nhuần ra, mà cái táo khí ở trong miệng lại đốt mạnh, vì thế thành chứng "miệng ráo". Mạch của Thiếu âm tâm bám lên huyệt. Nội kinh nói: "Hai âm một Dương kết lại thành chứng hầu tý..." Chứng họng khô này cũng tức là hai âm một Dương. Hỏa với nhiệt cùng hiệp cùng một thể lệ với chứng hầu tý (tê ở trong họng). Bốn chữ "họng ráo miệng khô" đã chỉ rõ cả ba thứ táo, hỏa, nhiệt hợp dồn lại làm một thật cố cái nguy cơ đốt cháy đến nơi, nên phải gấp hạ đi."

**Tiết 21**

少陰病自利清水色純青心下必痛口乾燥者急下之宜大承氣湯

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh tự lợi thanh thủy sắc thuần thanh, tâm hạ tất thống, khẩu càn táo giả, cấp hạ chi, nghi Đại thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, tự lợi ra nước trong, sắc thuần xanh, dưới tâm hần đau, miệng khô ráo, gấp hạ đi, nên Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "... "toàn xanh" tuy là sắc của Mộc mà lại chính là cái bản sắc của Đàm trấp hiện ra. Đến như câu "dưới tâm hần đau" ấy là chỉ về cách mô ở trước hung mà nói. Cách liên với Can mà thông với Đàm hệ. Đàm hỏa thịnh, trấp nhiều do Can hệ mà rót vào trong Cách đến tâm hạ, làm cho cái thủy hành trong Cách bị cản lại, trở vào trong Vị theo phía dưới mà tiết ra... Vì thế nên mới thành ra nước trong và sắc xanh. Bởi cách mô là cái đường đi lại của thủy. Thủy cần phải do Vị vào Cách. Cái hỏa trấp của Đờm cũng cần phải do Cách mà vào Vị... Nó bị nghịch cự ở trong cách phía dưới tâm, cho nên tâm hạ tất phải đau. Đờm trấp đã vào Vị mà thủy không vào được cách, lại theo Đờm trấp tiết xuống nên mới hạ lợi ra nước trong mà xanh. Thủy đã do trong Vị tiết xuống, mà trong Cách mô lại không có thủy hay "hóa khí thăng tân cho nên miệng khô ráo. Thủy tân chủ ở thận cho nên chứng này phải trách cứ ở Thiếu âm thận kinh".

**Tiết 22**

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh, tứ nghịch, kỳ nhân hoặc khái, hoặc quý, hoặc tiểu tiện bất lợi, hoặc phúc trung thống, hoặc tiết lợi hạ trọng giả, tứ nghịch tán chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, chỉ quyết nghịch, người bệnh hoặc ho, hoặc quý, hoặc tiểu tiện không lợi, hoặc trong bụng đau, hoặc tiết lợi, hạ trọng, tứ nghịch tán chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Thiếu âm tứ nghịch cũng có do Lý nhiệt gây nên. Hoặc ho, hoặc lợi, hoặc tiểu tiện không lợi... giống với chứng của bài tiểu thanh long, quyết mà tâm quý, giống với chứng của bài Phục linh, Cam thảo; hoặc khái, hoặc lợi, hoặc tiểu tiện không lợi lại giống chứng của bài Chân Vũ... Các chứng đó đều do thủy khí gây nên. Thân là thủy tạng, tính của thủy không nhất định mà dù biến chứng đến đâu cũng không rời được bản tính của nó.

Đường Tôn Hải nói: "... tứ nghịch là chủ chứng của Thiếu âm. Hoặc do "nội hàn" mà tứ nghịch, thuộc về những bài Thông mạch, Chân vũ... Hoặc do ngoại uất mà tứ nghịch, thời tức là bài này. Bài này với cái ý của bài Sài hồ hơi giống nhau, thấy chỉ vì bàn về chứng tứ nghịch mà nói thêm tiết trên.

### Tứ nghịch tán phương

#### 四逆散方

甘草 Cam thảo (chích)  
枳實 Chi thực (rửa, nướng)  
柴胡 Sài hồ  
芍藥 Thuộc dược

Mỗi vị đều 10 phân, tán bột, rây. Dùng 1 thìa nhỏ hòa với nước sôi mà uống, ngày ba lần.

### Phép gia giảm

-Ho, gia Ngũ vị tử 五味子, Can khương 乾薑, mỗi vị 5 phân. Lại trị cả chứng Hạ lợi.

-Nếu Quý, gia Quế 桂 5 phân.

-Nếu trong bụng đau, gia Phụ tử 附子 1 củ, nướng cho nứt ra.

-Nếu tiểu tiện không lợi, gia Phục linh 茯苓 5 phân.

-Nếu tiết lợi hạ trọng, dùng 5 thăng nước đun giới bạch 1 lượng, cạn còn 3 thăng, bỏ bã, dùng 3 thìa bột hòa vào, lại đun cạn còn một thăng rưỡi, chia đôi, uống nóng.

**Chú giải:** Trương Lệnh Thiếu nói: "Phạm các chứng tứ nghịch thuộc về kinh Thiếu âm, đều do Dương khí hư hàn. Nhưng cũng có khi vì Dương khí uất ở trong không đạt ra ngoài được mà thành chứng tứ nghịch. Lại nên dùng bài Tứ nghịch tán làm chủ. Chỉ thực hình tròn, vị thơm là một thứ tuyên thông của Vị gia dùng để tuyên thông Vị lạc. Thực được làm sơ tiết huyết mạch ở Kinh lạc. Cam thảo điều trung, Sài hồ mở dẫn Dương khí cho hành ra bên ngoài. Dương khí thông được thời tay chân sẽ ấm. Nếu ho do Phế hàn mà khí nghịch dùng ngũ vị, Can khương để ôn liễm Phế khí. Sở dĩ trị cả chứng Hạ lợi là vì hai vị đó có tính ôn để làm cho tan và toan để làm cho thấu. Quế là do tâm khí hư, gia Quế chi để giữ tâm khí, tiểu tiện không lợi là do thủy đạo không thông, gia Phục linh để hành thủy. Trong bụng đau là thuộc Lý hàn, gia Phụ tử để làm cho ôn lại sự "hàn"; tiết lợi hạ trọng là do Dương khí uất ở dưới, dùng Bạch giới để thông Dương khí.

### Tiết 19

少陰病下利六七日欬而嘔渴心煩不得眠者豬苓湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh hạ lợi lục thất nhật, khái nhi ẩu, khát, tâm phiền bất đắc miên giả, Tru linh thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm hạ lợi 6, 7 ngày, ho mà ụa, khát, tâm phiền không ngủ được, Tru linh thang chủ về bệnh ấy.



3. Nếu hạ lợi, giảm bỏ Thuộc dược (芍藥) gia Can khương (乾薑) 2 lượng.

4. Nếu ư, giảm bỏ Phụ tử (附子), gia khương với trước thành nửa cân

### Tiết 17

少陰病下利清穀裡寒外熱手足厥熱脈微欲絕身反不惡寒其人面赤色或腹痛或乾嘔或咽痛或利止脈不出者通脈四逆湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh hạ lợi thanh cốc, lý hàn ngoại nhiệt, thủ túc quyết nhiệt mạch vi dục tuyệt, thân phản bất ố hàn, kỳ nhân diện xích sắc, hoặc phúc thống, hoặc càn ầu, hoặc yết thống, hoặc lợi chỉ, mạch bất xuất giả, thông mạch tứ nghịch thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, hạ lợi nguyên đồ ăn, lý hàn, ngoại nhiệt, tay chân quyết nhiệt, mạch Vi muốn tuyệt, mình trở lại không ghé lạnh, người bệnh mặt sắc đỏ, hoặc bụng đau, hoặc ư khan, hoặc họng đau, hoặc lợi dứt, mạch không ra. Thông mạch tứ nghịch thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về Thiếu âm trong thực hàn mà ngoài giả nhiệt.

### Thông mạch tứ nghịch thang

#### 通脈四逆湯

甘草 Cam thảo 2 lượng

附子 Phụ tử 1 củ lớn (dùng sống, bỏ vỏ, bỏ làm 8)

乾薑 Can khương 3 lượng

Dùng ba thăng nước đun còn một thăng 2 hợp, bỏ bã, chia hai uống nóng, thấy mạch hiện ra dần sẽ bớt.

### Phép gia giảm

1. Mặt đỏ bừng gia thêm Thông bạch 通白 9 khóm

2. Bụng đau bỏ Thông bạch gia Thuộc dược 芍藥 2 lượng.

3. ư, gia Sinh khương 生薑 2 lượng.

4. Họng đau, giảm bỏ Thuộc dược, gia cát cánh 桔梗 1 lượng.

5. Lợi dứt, mạch lại hiện ra, bỏ Cát cánh, gia Nhân sâm 人參 2 lượng.

**Chú giải:** (Tham khảo ý kiến chung của các nhà chú giải)

Dương khí không vận hành nên dùng bài tứ nghịch thang, nguyên Dương hư lắm nên dùng bài Phụ tử thang, Âm thịnh ở dưới ngăn dương lên trên nên dùng bài Bạch thông thang, Âm thịnh ở trong, ngăn dương ra ngoài nên dùng bài Thông mạch tứ nghịch thang. Bởi vì sinh khí đã lìa, chết ở phút chốc, nếu dùng các vị châm chạp như Cam thảo làm quân, lẽ nào gọi ngay được cái khí dương đã "tàn" kia cho nó trở về? Cho nên mượn dùng Can khương vậy mà không dám bỏ vị Cam thảo, e rằng trong khi lìa tan, không thể đương được cái sức mạnh của Cương, Phụ nên mới nhờ Cam thảo để thu toàn công. Nếu "mặt đỏ bừng" là hư dương bốc lên trên, gia Thông bạch để dẫn Dương khí xuống dưới; "trong bụng đau" là tỳ lạc không hòa, giảm bỏ Thông bạch, gia Thuộc dược để thông tỳ lạc; "ư" là do Vị khí nghịch lên, giảm bỏ cái vị khổ tiết là Thuộc dược, gia thêm Cát cánh để cho khai đề. Lợi dứt mà mạch không hiện ra, ấy là cốc khí hư ở trong, mạch không nhờ đầu mà sinh ra được, nên mới giảm bỏ Cát cánh, gia Nhân sâm để cho sinh mạch.

### Tiết 18

少陰病四逆其人或欬或悸或小便利或腹中痛或泄利下重者四逆散主之

Dùng ba thăng nước đun cạn còn một thăng, hòa Trư đàm trấp, đồng tiện vào, hòa đều chia hai lần, uống nóng. Nếu không có mặt heo cũng được.

**Chú giải:** Trần Nguyên Tê nói: "Bài Bạch thông chủ về Thiếu âm thủy hỏa không giao, trung hư không vận hóa được. Dùng Sinh Phụ tử để mở cái khí dương của thủy tạng, cho thừa lên với tâm, dùng Thông bạch để dẫn cái hỏa của Quân chủ, cho giao xuống với Thận, dùng Can khương để làm cho ấm trung thổ, thông trên dưới, thủy hỏa điều hòa thời trung thổ hòa, chứng lợi tự dứt".

Trương Lệnh Thiệu nói: "Mạch bắt đầu ở túc Thiếu âm thận, chủ ở Thiếu âm tâm, sinh ra ở túc Dương minh Vy. Bệnh ở Thiếu âm mà hạ lợi mạch Vi, do cái sinh dương của thận tạng không thăng lên được. Cho uống Bạch thông thang để mở lối cho cái khí sinh dương hạ hãm. Nếu lợi không dứt, quyết nghịch, không có mạch, ụ khan và phiền... thế là tâm mất cái công năng làm chủ, Vị mất cái công năng sinh ra, và thận cũng mất cả cái công năng bắt đầu. Bài Bạch thông thang trị cả ba mặt chu đáo, lại gia thêm Đằm trấp, đồng tiện hòa vào sau, sinh khí hây còn, công hiệu càng chóng. Lại khổ với hàm (đắng và mặn) hợp làm một nhà, sau khi uống khỏi cổ, vị khổ vào ngay tâm rồi theo với vị hàm mà thăng giao xuống với thận. Thận nhờ được sự giúp sức của tâm quản, thời cái khí sinh dương thăng lên, Bạch thông ở trên để khai thông ra. Nhờ đó, lợi sẽ dứt, quyết sẽ hồi, không phiền, không ụ, mạch tức dần dần hiện ra, nguy chứng nhờ đó mà khỏi. Nhưng nếu uống thuốc vào mà mạch vụt hiện ra ngay như ngọn đèn sắp tắt mà bùng to, thời cũng không sao cứu vẫn được nữa.

### Tiết 16

少陰病二三日不已至四五日腹痛小便不利四肢沈重疼痛自下利者此有水氣其人或欬或小便利或下利或嘔者真武湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh nhị tam nhật bất dĩ, chí tứ ngũ nhật, phúc thống, tiểu tiện bất lợi, tứ chi trầm trọng đồng thống tự hạ lợi giả, thủ vi hữu thủy khí, kỳ nhân hoặc khái, hoặc tiểu tiện lợi, hoặc hạ lợi, hoặc ẩu giả Chân Võ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm 2, 3 ngày không dứt, đến 4, 5 ngày, bụng đau, tiểu tiện không lợi, tứ chi trầm trọng, đau nhức, tự hạ lợi, đó là có thủy khí, người bệnh hoặc ho, hoặc tiểu tiện lợi, hoặc hạ lợi, hoặc ụa. Chân Võ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái sinh dương của Thiếu âm hư mà trung thổ mắc lầy.

Đường Tôn Hải nói: "Tu Viên sở trường về trị chứng Hàn thủy, cho nên chú giải những tiết thuộc về hàn chứng phần nhiều không sai. Duy thuộc về hai chữ "thủy khí" thường vẫn nhận lẫn làm một, cái đó không đúng. Nên biết: nếu chỉ chuyên có hàn thủy đình trệ, thời chỉ phát ra chứng: tiểu tiện không lợi, tứ chi trầm trọng và tự hạ lợi mà thôi, không thể lại phát ra cả chứng phúc thống và chứng tứ chi đau đốn nữa. Bởi có khí muốn hành, gặp phải thủy ngăn cản, nên mới đau. Phàm khí đều sinh ra ở Thận, dẫn lên phế... mà đến lúc bị uất lại phải nhờ cái tính thứ tán của Can mộc để đạt nó ra. Vậy phải có Can mộc không thứ tán mới uất át làm thành đau, hoặc là do huyết ngăn trở, thủy ngăn trở mới thành đau. Cho nên phàm những vị thuốc để "lý khí" như Chi, Phác, Mộc hương... đều hàm có cái khí của mộc. Thuốc được bình can chỉ thống cũng là tiết bỏ cái sự át uất của mộc khí. Chứng này có thủy lại có khí cho nên dùng Khương, Phụ, Sinh, Truật để tụ thủy mà lại gia thêm Thuốc được để tiết bỏ khí! Nếu là chứng hạ lợi, khí đã tiết xuống, không nên lại làm cho tiết nữa, nên mới giảm bỏ Thuốc được. Xem đó thời biết thủy với khí khác nhau là thế nào.

### Phép gia giảm của bài Chân Võ thang

1. Nếu khát gia Ngũ vị tử (五味子) nửa thăng, Tế tân (細辛), Can khương (乾薑) mỗi vị một lượng.

2. Nếu tiểu tiện lợi, giảm bỏ Phục linh (茯苓)

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh yết trung thống, Bán hạ tán cấp thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, trong họng đau, Bán hạ tán và thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói về phong hàn do ngoài cảm vào, tụ ở Hội áp, phạm vào Thiếu âm kinh mà thành chứng họng đau. Chứng này thấy rất nhiều, ở chỗ họng hiện ra sắc hồng, lại có đàm dãi, tiếng nói khàn khàn, đau đốn, nhức nhối... Ngày nay thường dùng bài Nhân sâm bại độc tán khỏi ngay. Ấy tức là theo cái ý của bài Bán hạ tán và thang của Trọng sư.

#### Bán hạ tán cấp thang phương

半夏散及湯方

半夏 Bán hạ (rửa)

桂枝 Quế chi (bỏ vỏ)

甘草 Cam thảo (nướng)

Ba vị bằng nhau, tán riêng, rây kỹ rồi trộn làm một. Dùng nước lã hòa một thìa nhỏ ngày ba lần. Nếu không uống tán được, dùng nước một盞 đun sủi lên bảy lần, hòa vào hai thìa bột, lại đun sủi lên vài lần nữa, để nguội, nhấp dần.

#### Tiết 14

少陰病下利白通湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh, hạ lợi, Bạch thông thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm hạ lợi, Bạch thông thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Từ đây trở xuống 6 tiết nói về chứng tứ nghịch ở kinh thiếu âm có hàn, có nhiệt, có hư, có thực không giống nhau, chứ không riêng gì một chứng Dương hư.

#### Bạch thông thang

#### 白通湯

通白 Thông bạch 4 củ (cả lá)

乾薑 Can khương 1 lạng

附子 Phụ tử 1 củ (dùng sống, bỏ vỏ, bỏ làm tám)

Dùng 3盞 nước đun cạn còn một盞, bỏ bã chia hai, uống nóng.

#### Tiết 15

少陰病下利脈微者與白通湯利不止厥逆無脈乾嘔煩者白通加豬膽汁湯主之服湯脈暴出者死微續者生

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh hạ lợi, mạch Vi giả, dữ Bạch thông thang, lợi bất chỉ, quyết nghịch vô mạch, can ẩu, phiên giả, Bạch thông gia Trư đảm trấp thang chủ chi, phục thang mạch bạo xuất giả tử, vi tục giả sinh.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, hạ lợi, mạch Vi, cho dùng Bạch thông thang. Lợi vẫn không dứt, quyết nghịch không có mạch, ợa khan và phiên... bạch thông gia Trư đảm trấp thang chủ về bệnh ấy. Uống thang rồi, mạch vụt hiện ra, chết - thấy hiện ra dần dần, sống.

#### Bạch thông gia Trư đảm trấp thang phương

白通加豬膽汁湯方

通白 Thông bạch 4 củ (cả lá)

乾薑 Can khương 1 lạng

附子 Phụ tử 1 củ (dùng sống, bỏ vỏ, bỏ làm 8)

人尿 Nhân niệu 5 hợp (nước tiểu trẻ con)

豬膽汁 Trư đảm trấp 1 hợp (nước mật lợn)

Cam thảo thang, chủ về tả hỏa mà thôi. Trọng sư không dùng đến tam hoàng, vì là cứ thế đã là chủ phương rồi, ngoài ra đều có thể tùy ý mà gia giảm. Vả, tam hoàng di mạnh trở xuống sợ không chút ngừng, e lại không thể tả được cái hỏa ở thượng tiêu khiến cho lui dần. Cho nên dùng Cam thảo để từ từ dẫn xuống, khiến cho tả hỏa mà sinh thổ, thời hàn khí sẽ phải lui. Gần đây có vị Bằng sa hay hóa đàm sinh hỏa, làm một thứ yếu được để trị chứng đau họng. Vị nó cũng hơi ngọt ai này đều biết dùng để trị họng đau nhưng thực cũng là theo cái ý của bài Cam thảo thang của Trọng sư cả. Uống rồi không bớt, sợ họng nghẹn lấp cho nên gia thêm Cát cánh. Người sau dùng kim thích bỏ máu, tức cũng là noi theo cái ý "khai lợi" cả. Trọng sư chỉ lập ra phương pháp để làm khuôn mẫu. Bài thuốc coi như ít mà trị pháp thời là hoàn toàn không sót".

### Cam thảo thang phương

#### 甘草湯方

甘草 Cam thảo 2 lượng

Dùng 3 thăng nước, đun còn một thăng rưỡi, bỏ bã, uống nóng 7 hợp ngày 3 lần.

### Cát cánh thang phương

#### 桔梗湯方

桔梗 Cát cánh 1 lượng

甘草 Cam thảo 2 lượng

Dùng 3 thăng nước đun cạn còn 1 thăng, bỏ bã, chia làm 2 lần, uống nóng.

**Chú giải:** Mạch của Thiếu âm, do tâm hệ dẫn lên đến họng, hai, ba ngày tức là cái thời kỳ chủ khí của ba kinh Dương. Quân hỏa của Thiếu âm, bên ngoài hợp với ba kinh Dương, rồi noi theo lên kinh mạch cho nên họng đau. Cam thảo dùng sống hay thanh được cái hỏa ở thượng tiêu mà điều hòa kinh mạch. Nếu không bớt, dùng bài Cát cánh

thang để khai đở (mở ra, đưa lên) Phế khí, không để cho hỏa khí nghẽn tức ở Hội áp là một nơi chật hẹp.

### Tiết 12

少陰病咽中傷生瘡不能語言聲不出者苦酒湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh yết trung thường sanh sang, bất năng ngữ ngôn, thanh bất xuất giả, Khổ tửu thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, trong họng đau rát, mọc mụn, không nói năng được, giọng khàn không thành tiếng. Khổ tửu thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Chứng "mọc mụn" ở tiết này, ngày nay người ta gọi là "Hầu ung", "Hầu nga" sưng nghẽn không nói được, khi người ta dùng mũi dao hoặc kim thích cho vỡ ra, hoặc dùng Bã đậu đốt cháy rồi áp vào... cũng đều là công phá cho khỏi nghẽn tắc. Trọng sư dùng Sinh Bán hạ cũng là công phá cho vỡ. Bĩ nhân thường chữa chứng Trùng thiệt, cho đắp Bán hạ, tức thời ngồi lại và vỡ ra. Xem đó đủ biết chứng yết hầu sưng đau, cũng có thể vỡ được. Vả, Bán hạ lại là một yếu được về việc giáng đàm. Phàm hệ họng sưng thời đờm tất phải nghẽn, nên Trọng sư dùng Bán hạ, vừa làm cho vỡ mà lại tiêu được đờm, so với những phương pháp của người sau, lại càng tinh mật.

### Khổ tửu thang

#### 苦酒湯

半夏 Bán hạ 1 củ (to bằng hạt táo, rửa, bỏ nhỏ ra)

雞子青 Kê tử thanh 1 quả (khoét thủng), rót bỏ lòng đỏ, rồi bỏ Bán hạ và rót đầy khổ tửu vào. Để trứng lên một cái vòng tròn đun nhỏ lửa cho sủi dội lên ba lần, bỏ bã, thỉnh thoảng ngâm một ít. Chứa khỏi, ngâm thêm 2, 3 lần nữa.

### Tiết 13

少陰病咽中痛半夏散及湯主之

少陰病吐利手足厥冷煩躁者欲死者  
吳茱萸湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh thổ lợi thủ túc quyết lạnh, phiền táo giả  
dục tử giả Ngô thù du thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm thổ và Lợi, tay chân quyết lạnh, phiền  
táo như muốn chết. Ngô thù du thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Trần Úy nói: "Cái tạng Thiếu âm đều gốc ở cái khí thủy cốc  
của Dương minh để giúp sự sống mà lại giao hội ở Trung thổ. Nếu trên  
thổ dưới lợi, thời trung thổ đại hư. Trung thổ hư thì khí không dẫn ra tứ  
chi cho nên tay chân nghịch lạnh. Trung thổ hư không dẫn được cái khí  
của túc Thiếu âm giao lên trên thời thành chứng táo... Quá lắm thời  
phiền táo như muốn chết. Trong bài dùng Ngô thù du một vị đại tân,  
đại ôn, để cứu cái khí dương muốn tuyệt, dùng nhân sâm có cái tính  
xung hòa làm tá để giúp yên trung khí, dùng Khương, Táo để hòa Vy  
cho dẫn ra tứ chi. Thấy đối với nguy chứng, không nỡ bỏ tay ngồi  
trông, nên lập ra phương pháp chuyên cứu Dương minh, thật là linh  
diệu vô cùng. Sở dĩ bài này cùng một chân vạc với hai bài thông mạch tứ  
nghịch, Bạch thông gia Trư đảm trấp... đều là những bài cứu chứng  
nguy cấp".

Lược nói: "Ấn tay vào muốn ủa ấy, thuộc Dương minh. Ngô thù  
du thang chủ về bệnh ấy"... Xem đó thời biết bài này lại là chính  
phương của Dương minh.

#### Tiết 10

少陰病下利咽痛胸滿心煩者猪膚湯  
主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh hạ lợi, yết thống hung mãn, tâm phiền  
giả, Trư phu thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, hạ lợi, họng đau, hung đầy, tâm phiền...  
Trư phu thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Bệnh ở Thiếu âm sở dĩ sinh ra chứng "họng đau" bởi mạch  
của kinh thiếu âm bám lên họng (tả khí bách kết lên họng thời đau)

Tiết này chỉ nói hai chữ "hạ lợi" thời đích không phải là hư hàn  
hạ lợi. Và, hợp với chứng bụng đầy, tâm phiền mà xét, thời biết chứng  
hung đầy không phải là hư, chứng tâm phiền không phải là hàn mà chỉ  
là chứng "uất nhiệt rớt xuống". Như chứng Lợi của bài tứ nghịch tán  
cũng là nhiệt cả. Vì thủy âm theo nhiệt rớt xuống, không dẫn lên được,  
cho nên tâm phiền, họng đau mà thôi" (Đường Tôn Hải).

#### Trư phu thang

猪膚湯

猪膚 1 cân  
Trư phu 1 cân

Dùng một đấu nước, đun còn 5 thăng, bỏ bã, gia một thăng Bạch  
truat, 5 hợp Bạch phấn, đun lên cho bốc mùi thơm, khuấy cho đều,  
chia làm 6 lần, uống nóng.

#### Tiết 11

少陰病二三日咽痛者可與甘草湯不  
差者與桔梗湯

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh nhị tam nhật, yết thống giả khả dĩ  
Cam thảo thang, bất sai giả, dĩ Cát can thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm 2, 3 ngày, họng đau, có thể dùng Cam  
thảo thang, không bớt, dùng Cát can thang.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Chứng "họng đau" ở tiết này phải nên  
nhận là một chứng "hồng thũng" (sưng đỏ), khác với chứng "Trư phu  
thang" ở tiết trên. Chứng bài "Trư phu" là lở nát mà sắc trắng nên  
dùng các chất "thanh nhuận" để sinh cơ (mọc da). Chứng ở tiết này là  
"hồng thũng", nên phải tả hỏa, để "khai lợi" rồi hỏa sẽ sinh thổ mà hỏa  
khí thời lui xuống, cho nên dùng Cam thảo dẫn hỏa sinh thổ mà làm  
một phép chính về phương pháp tả hỏa. Người sau dùng Cẩm, Liên,  
Đại hoàng thời sức càng mạnh, nhưng vẫn chỉ là theo cái ý của bài

### Đào hoa thang phương

### 桃花湯方

赤石脂	Xích thạch chi	1 cân (một nửa để nguyên, một nửa tán bột, rây)
乾薑	Can khương	1 lượng
硬米	Ngạnh mễ	1 thăng

Dùng 7 thăng nước đun, chờ gạo chín nhừ, bỏ bã, mỗi lần dùng 7 hợp, hòa với một thìa bột thạch chi, uống nóng, ngày uống ba lần. Nếu dùng một lần khỏi, thôi đừng uống nữa.

#### Tiết 7

痛

少陰病二三日至四五日腹<sup>痛</sup>小便不利  
下利不止便膿血者桃花湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh nhị tam nhật chí tứ ngũ nhật. Phúc thống tiểu tiện bất lợi, hạ lợi bất chỉ, tiện nồng huyết giả, Đào hoa thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm hai ba ngày đến 4, 5 ngày, bụng đau, tiểu tiện không lợi, hạ lợi không dứt, tiểu tiện ra máu mủ. Đào hoa thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này thừa theo tiết trên nói: tiện nùng huyết phát ra không có định kỳ, nhân niêm mô của Trường, Vị bị tổn thương, thủy đôn vào Đại trường, lại thấy bụng đau, tiểu tiện không lợi, đã thuộc Thiếu âm cũng nên dùng Đào hoa thang.

#### Tiết 8

少陰病下利便膿血者可刺

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh hạ lợi, tiện nồng huyết giả khả thích.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm hạ lợi và tiện ra nồng huyết... khả dùng phép thích (bởi đó là bệnh thuộc về kinh mạch)

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Ở tiết trên và tiết này, một lần nói rằng "hạ lợi", hai lần nói rằng "hạ lợi không dứt", không chỗ nào nói đến "hạ trọng" dù biết là "hư lợi" không phải thực chứng. Cho nên trong bài thuốc dùng "Mễ" để dưỡng trung, dùng Khương để ôn trung, dùng thạch để lấp đầy trung cung. Xem bài Xích thạch chi, Vô dư lượng chủ về "lấp đầy" để dứt chứng Lợi, thì biết bài này cũng chủ về "đầy lấp" cho dứt chứng Lợi. Lợi đã dứt thì chứng tự nùng huyết cũng nói theo mà dứt. Bởi chứng nùng huyết vốn theo nhiệt hóa. Giờ nhân tỳ hư, dùng phương pháp "tùng trị" dẫn cái nhiệt của Thiếu âm khiến cho quay về Trung thổ, không can phạm vào huyết mạch nữa. Nùng huyết cũng nhân đó mà dứt. Nhưng cái phương pháp "tùng trị dụ dịch" chỉ có thể dùng tạm, không thể dùng lâu được... E lâu rồi nó lại hóa làm nhiệt lại động đến nùng huyết. Cho nên thầy dạy: "uống một lần bệnh khỏi thì thôi, đừng uống thêm nữa" để cho khỏi quá tể mà sinh biến.

Ở tiết này lại nói: "hạ lợi, tiện nùng huyết có thể dùng phép thích" ngầm tỏ ra rằng: chứng hạ lợi nên dùng ôn... nhưng ôn được lại sợ không trừ được cái nhiệt ở trong huyết mạch... nên chia đường liệu trị, trong dùng ôn được cho dứt lợi, ngoài dùng châm thích để tả bỏ cái nhiệt ở trong huyết mạch, thời dù tả kinh mạch mà không động đến tạng hàn, làm cho ôn lại tạng hàn mà không động đến kinh mạch. Thật là một phương pháp liệu trị rất khéo.

Nên biết: chứng này là do tỳ thổ có hàn, tâm kinh có nhiệt. Nhiệt thời hóa ra nùng huyết, hàn thời hóa ra lợi không dứt. Bài Đào hoa thang" chính trị và chứng Lợi không dứt, "phản trị" về chứng tiện nùng huyết, lại theo phép thích, thời bài Đào hoa thang chỉ chuyên dứt chứng Lợi mà phép thích chuyên trị về chứng Nùng huyết... những chỗ hư thực đó, rất khó hạ thủ.

Trọng sự rất cẩn thận. Lại dùng Thạch chi, Ngạnh mễ rất nhiều mà dùng Khương rất ít, chỉ là sợ dùng nhiều động đến huyết - thuộc về chứng hậu này, nếu không tinh tế, cẩn thận lắm không sao thi trị được".

#### Tiết 9

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm mắc phải 1, 2 ngày, trong miệng hòa (tức là không ráo, khô). Bệnh nhân lưng ghét lạnh, nên cứu đi, bài Phụ tử thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói về cái khí Nguyên dương ở trong thận của Thiếu âm mắc bệnh, chứ không phải nói do "tâm hỏa không tuyên thông" mà chính là nói cái chân dương của Mạng môn không xung đạt được. Cái khí nhất dương ở trong Khảm của Thận thủy, sinh ra ở khoảng giữa hai quả thận, tức là Mạng môn. Cái Dương khí ấy hợp với cái khí thiên dương hít vào, trong Đan điền khí hải ở phía dưới rốn, hun nấu cái thủy ở trong Bàn quang thời hóa khí mà làm Vệt, theo đường kinh của Thái dương để chia khắp ra bên ngoài. Bởi vậy, nên Thái dương ở trong thận. Cái khí dương ở trong thận không phần chấn lên được, đến nỗi Thái dương kinh phải ố hàn, nên dùng Phụ tử thang cho ấm cả kinh mạch để giúp khí Dương, nên mới dùng Phụ tử để vào Thận thủy.

#### Phụ tử thang phương

#### 附子湯方

附子	Phụ tử	2 củ (bỏ vỏ, bào, bỏ làm 8)
茯苓	Phục linh	2 lượng
人參	Nhân sâm	2 lượng
白朮	Bạch truật	4 lượng
芍藥	Thược dược	3 lượng

Dùng tám thăng nước, đun còn ba thăng, bỏ bã, uống nóng một thăng. Ngày uống ba lần.

#### Tiết 5

少陰病身體痛手足寒骨節痛脈沈者  
附子湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh, thân thể thống, thủ túc hàn, cốt tiết thống, mạch Trầm giả, phụ tử thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, thân thể đau, tay chân lạnh, khớp xương đau, mạch Trầm, Phụ tử thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Minh đau là khí sinh dương không đạt ra thân thể được, tay chân lạnh là khí sinh dương không đạt tới tứ chi được, mạch trầm là khí sinh dương hãm xuống, không bốc lên được.

Quân hỏa là cái tâm hỏa quân chủ ở Thượng tiêu. Cái khí sinh dương ở trong thủy của Hạ tiêu tức là cái chân hỏa của tiên thiên. Bệnh ở Thiếu âm không được nhờ cái nhiệt hóa của Quân hỏa thời chết. Nhiệt hóa thái quá thì mắc bệnh, không được nhờ cái khí sinh dương thời chết, khí sinh dương hồi phục lần lần thì sống.

Đường Tôn Hải nói: "Cái thuyết Quân hỏa... đều là cái danh mục đời sau đặt thêm ra. Ở nội kinh nói: "Trên Thiếu âm, nhiệt khí chủ dấy" chứ không nói Quân hỏa... nhưng cũng đều là nhiệt khí mà gốc ở trong thận thời là Khảm dương, chứa ở tâm thời là Ly hỏa. Vì danh phận khác nhau nên gọi là Quân hỏa với sinh dương nghĩa cũng thông. Tu Viên chú giải đoạn trên nghĩa cũng rõ ràng. Đến như tiết này, thời Trọng sư chuyên nói về sinh dương không xung đạt được ra ngoài cho nên ra hai chữ "mạch Trầm" để tỏ rằng Dương khí bị hạ hãm".

#### Tiết 6

少陰病下利便膿血桃花湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh hạ lợi, tiện nồng huyết. Đào hoa thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm hạ lợi, tiểu tiện ra máu mủ, Đào hoa thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này hợp với hai tiết dưới nói về Thiếu âm cảm cái nhiệt hóa của Quân hỏa, không bệnh ở khí hóa vô hình, mà bệnh ở kinh mạch hữu hình.

附子, Phụ tử 1 củ (bào)

Dùng 7 thăng nước, trước đun Ma hoàng sôi vài lượt, gạt bỏ bọt, cho hai vị kia vào đun cạn còn ba thăng, bỏ bã, uống nóng một thăng. Ngày uống ba lần.

**Chú giải:** Trần Uyên nói: "Bệnh ở Thiếu âm từ lúc mới mắc đến 2, 3 ngày, không có những chứng "Quyết nghịch, hạ lợi, đại hàn" là những chứng thuộc về Lý, lại không có những chứng "trong tâm phiền, không nằm được" là những lý chứng do nhiệt hóa, lại không có cả những chứng Lý như "miệng ráo, họng khô, tự lợi ra nước trong, bụng trướng không đại tiện được, phải hạ gấp..."

Xem đó đủ biết rằng bệnh ở Thiếu âm mà gặp biểu chứng của Thái dương, không phát hàn thời không sao giải được, nhưng lại sợ hàn quá thời làm thương đến cái chân dịch (chất nước màu) của tâm thận. Cho nên dùng bài thuốc giảm bỏ Tế tân, gia Cam thảo để bổ trung, để dẫn cái chất tân dịch do thủy cốc sinh ra để làm hàn... thời hên trong không thương đến Âm mà tà sẽ do hãn để giải. Nên biết: bài này là biến cái phương pháp giao thông Âm Dương làm phương pháp "vi phát hàn".

### Tiết 3

少陰病得之二三日以上心中煩不得臥黃連阿膠湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh, đắc chi nhị tam nhật dĩ thượng, tâm trung phiền, bất đắc ngọa, Hoàng liên, A giao thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm mắc phải 2, 3 ngày trở lên, trong tâm phiền, không nằm được. Hoàng liên, A giao thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái nhiệt hóa của Quân hỏa ở thượng tiêu.

Hoàng liên, A giao thang phương

黃連阿膠湯方

黃連 Hoàng liên 4 lượng

黃芩 Hoàng cầm 1 lượng

芍藥 Thược dược 2 lượng

雞子黃 Kê tử hoàng 2 quả

阿膠 A giao 3 lượng

Dùng 5 thăng nước, trước đun Liên, Cầm, Thược còn hai thăng, bỏ bã, cho A giao vào, đun cho tan, để hơi nguội, cho Kê tử hoàng vào khuấy cho đều, uống nóng 7 hợp. Ngày ba lần.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói về chứng bệnh thuộc về âm huyết của Thiếu âm tâm. Hỏa làm nhiều loạn huyết không được yên nên phiền mà không nằm được..."

Trần Nguyên Tê nói: "Bệnh ở Thiếu âm, lấy "chỉ muốn ngủ" làm đề cương. Tiết này nói: "trong tâm phiền không nằm được, thế là do cái chứng hàn "chỉ muốn ngủ" mà biến ra "trong tâm phiền"... đủ biết rằng cái khí thủy âm, không giao được lên với Quân hỏa, vì tâm phiền quá mà sinh ra "không nằm được", lại đủ tỏ rằng cái khí của Quân hỏa, không hạ được xuống tới Thủy âm. Đó là cái chứng hậu do nhiệt hóa của Thiếu âm. Trong bài dùng Hoàng liên, Hoàng cầm có cái tính khổ hàn để "chiết" đi, dùng Thược dược có tính khổ bình để giáng xuống. Lại dùng Kê tử hoàng để bổ cái "khí" ở trong Lý, dùng A giao để bổ cái "tinh" ở trong Khâm (thận), khiến cho khí huyết giao hợp, thủy hỏa cùng giúp, tức thời chứng tâm phiền dứt mà nằm được ngay. Phương pháp này rất là tinh giản".

### Tiết 4

寒陰病得之一二日口中和其背惡寒者當灸之附湯主之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh đắc chi nhất nhị nhật, khẩu trung hòa, kỳ bối ố hàn giả, đương cứu chi, Phụ tử thang chủ chi.



nhật, tuy mạch không đến cũng có thể dùng phép cứu mong khỏi chết, nếu chuyển hết ra Dương chứng, đến khắp mình, tay chân đều nhiệt, thời lại nhiệt bức Bằng quang mà sinh tiểu tiện ra huyết. Âm bệnh có âm, không Dương là nghịch, cho nên bệnh ở Thiếu âm, mình co mà lợi, tay chân nghịch lãnh, hoặc thổ, lợi, phiền táo, hoặc hạ lợi dứt mà đầu choáng váng, tự mạo, hoặc mạch không đến, không phiền mà táo, hoặc thổ cao, đều là chứng chết, do Dương khí bại tuyệt. Cho nên mỗi khi thấy mạch Vi, tế, Trầm, muốn nằm, hạn ra, thời nên gấp ôn, không thể kéo dài sự nhầm lẫn, khiến cho chuyển ra tử chứng: tự lợi, phiền táo, không nằm.

## CHƯƠNG II

### Tiết 1

少陰病始得之反發熱脈沈者麻黃附子細辛湯主之

Phiên âm: Thiếu âm bệnh khởi đắc chi phản phát nhiệt mạch Trầm giả, Ma hoàng Phụ tử, Tế tân thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm khi mới phát, "lại" phát nhiệt, mạch Trầm, Ma hoàng, Phụ tử, Tế tân thang chủ về bệnh ấy.

Ma hoàng, Phụ tử, Tế tân thang phương

麻黃附子細辛湯方

麻黃 Ma hoàng 2 lượng (bỏ đốt)

細辛 Tế tân 2 lượng

附子 Phụ tử 1 củ (hào, bỏ vỏ, bổ làm 8 mảnh)

Dùng 1 đấu nước, trước đun Ma hoàng, cạn bớt 2 thăng, gạt bỏ bọt cho 2 vị kia vào, đun lấy 3 thăng, uống nóng 1 thăng. Ngày 3 lần.

Chú giải: Trần Úy nói: "Bệnh ở Thiếu âm khi mới mắc, cứ lẽ thời không phát nhiệt, mà lại phát nhiệt, đó là cái tiêu dương của Thái

dương phát hiện ra ngoài. Mạch Trầm là cái sinh khí của Thiếu âm không thăng lên được. Sơ âm dương trong ngoài không cùng tiếp nên dùng Phụ tử giúp cái tiêu dương của Thái dương, để cho hợp vào với Thiếu âm. Ma hoàng, Tế tân mở đường cho phần thủy âm của Thiếu âm, để cho ngoài hợp với Thái dương. Bài này không phải là phương pháp phát hãn mà là phương pháp giao thông Âm Dương".

Đường Tôn Hải nói: "hai tiết này tóm nói cái Biểu của Thiếu âm tức là Thái dương. Nếu khi mới mắc bệnh, tà do biểu vào hợp với kinh Thái dương mà ố hàn, phát nhiệt, và không một chút lý chứng (như phiền táo, hạ lợi...) nào, thời vẫn nên theo về Biểu mà dùng phương pháp hãn giải, khiến theo Vệ khí của Thái dương mà do Vệ để giải, cho nên dùng Ma hoàng để giải ngoại. Lại dùng Phụ tử để làm cho phần chân cái khí dương trong thận. Khí Dương trong có phần chân mới có thể đạt ra ngoài. Nếu chú ý chỉ làm cho phát hãn, thời dùng Cam thảo, Đại táo cũng đủ rồi. Chỉ mạch Trầm là do khí Dương hãm muốn cho đi ngang nên dùng "bổ", cử dương muốn cho thăng lên nên dùng "thăng". Bài này nghĩa rất rõ.

### Tiết 2

少陰病得之二三日麻黃附子甘草湯微發汗以二三日無裡症故微發汗也

Phiên âm: Thiếu âm bệnh đắc chi nhị tam nhật Ma hoàng, Phụ tử, Cam thảo thang vi phát hãn, dĩ nhị tam nhật vô lý chứng cố vi phát hãn dã.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm mắc phải 2, 3 ngày, nên dùng Ma hoàng, Phụ tử, Cam thảo thang cho hơi phát hãn. Vì 2, 3 ngày không có lý chứng nên mới cho hơi phát hãn.

Ma hoàng, Phụ tử, Cam thảo thang phương

麻黃附子甘草湯方

麻黃 Ma hoàng 1 lượng (bỏ đốt)

甘草 Cam thảo 2 lượng (bỏ đốt)

Tiết 17

少陰病下利止而頭眩時時自冒者死

Phiên âm: Thiếu âm bệnh hạ lợi chỉ nhi đầu huyền, thời thời tự mạo giả tử.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm hạ lợi dứt mà đầu choáng váng, thỉnh thoảng tự mạo. Ấy là chết.

Chú giải: Tiết này nói cớ Dương của Thiếu âm thoát lên trên là chết. Câu "thỉnh thoảng tự mạo", chữ "tự" cho thấy không phải bệnh ngoài đến mà lúc khí thoát tự lộ ra nguy tượng.

Tiết 18

少陰病四逆惡寒而身踈脈不至不煩而躁者死

Phiên âm: Thiếu âm bệnh tứ nghịch ố hàn nhi thân quỵện, mạch bất chí, bất phiền nhi táo giả, tử.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm, tứ nghịch (tay chân giá lạnh), ghét lạnh, nằm co, mạch không đến, không phiền mà táo, chết.

Chú giải: Tiết này nói về Thiếu âm chỉ có Âm không có Dương, tất phải chết.

Tiết 19

少陰病六七日息高者死

Phiên âm: Thiếu âm bệnh lục thất nhật, tức cao giả tử.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm 6, 7 ngày, thở cao ấy, chết (cao nghĩa mỗi hơi thở ra thấy mạnh, hình như rõ ngực lên. Khi thở ra thuộc về Tâm với Phế, khi hít vào thuộc về Thận với Can. Giờ thở "cao" là khí của Thiếu âm tuyệt ở dưới, chỉ thở ra mà không có hút vào, dinh khí thoát ra hết nên chết).

Chú giải: Tiết này nói về bệnh Thiếu âm sinh khí thoát thời chết.

Tiết 20

少陰病脈微細沈但欲臥汗出不煩自欲吐至五六日自利復煩躁不得臥寐者死

Phiên âm: Thiếu âm bệnh, mạch Vi, Tế, Trầm, đản dục ngoạ, hạn xuất bất phiền, tự dục thổ, chí ngũ lục nhật tự lợi, phục phiền táo bất đắc ngoạ my giả tử.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm, mạch Vi, Tế, Trầm, chỉ muốn nằm, hãn ra, không phiền, tự muốn thổ, đến 5, 6 ngày tự lợi, lại phiền táo, không nằm ngủ được - chết.

Chú giải: Hãn ra là vì Dương khí không đạt ra ngoài, không phiền, muốn thổ là không được nhờ cái sức "hóa" của Quân hỏa ở Thượng tiêu. Đó là cái bản bệnh thuộc âm hàn của Thiếu âm, tự hãn là Dương vong ở Biểu, tự lợi lại là Dương vong ở Lý. Phiền táo là hàn tà bức vào tạng, chân hàn lại hóa làm giả nhiệt. Không nằm được là chân dương bị bức mà phi việ.

KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 20 tiết, luận về chứng trạng chủ yếu của bệnh Thiếu âm và phép trị liệu, điều cấm kỵ cho đến chứng trạng nghịch, thuận. Để cương chứng Thiếu âm là mạch Vi, Tế, ghét lạnh, chỉ muốn ngủ. Nhân bản kinh hữhàn, bệnh phần nhiều thuộc về âm hàn, nếu tự lợi mà khát, tiểu tiện sắc trắng, hoặc họng đau mà thổ, hoặc hãn ra, hoặc mạch Tế, Trầm. Sác, hoặc mạch Xích Nhược, Sáp là bệnh âm hàn, phép nên ôn bổ, không thể phát hàn, cũng có thể đưa đến Vị táo, tân thương mà thêm ngũ, tiểu tiện khó. Nếu chỉ quyết, không có hãn mà ép phát đi, tất bức huyết đi bậy, vượt lên ra ở miệng, mũi, mắt thành chứng chết, "dưới quyết trên kiệt". Âm bệnh được Dương là thuận, cho nên Thiếu âm bạo phiền, hạ lợi, tay chân ấm hoặc phát nhiệt, hãn ra ghét gió, mạch Dương vi, Âm Nhược, tất tự lạnh. Lợi dứt, ghét lạnh, nằm co, tay chân ấm hoặc tự phiền, muốn bỏ áo chăn, đều là có thể trị. Thiếu âm thổ lợi, nếu tay chân không nghịch lãnh, phát

ra ngoài, thời không có tân khí nên không có hãn. Vậy mà y giả lại cưỡng phát ra, thời ở khoảng cơ tấu đã không có tân khí, chỉ có doanh huyết, nên riêng phần huyết bị cưỡng ép, tất phải động mà vọt lên trên. Bởi thế nên mới thành chứng "ân huyết kiệt ở trên". Quyết ở dưới nên dùng Nhiệt dược, Quyết ở trên nên dùng lương dược. Cùng trái nhau, cùng hại lẫn nhau, nên mới khó chữa. Nên biết Thiếu âm là hai tạng thủy với hỏa, có khi hợp bệnh, cũng có khi phân bệnh. Nếu vợ vào lẫn lộn thời không sao chữa được. Lại nên biết cái chứng "Quyết" ở Thiếu âm so với chứng "Quyết" ở quyết âm không giống nhau. Thuộc kinh Quyết âm thì quyết phiền nhiệt cũng nhiều. Nếu ở Thiếu âm thì Quyết là Dương hư. Ở tiết này, thoát tiên đã nêu lên ba chữ "Thiếu âm bệnh" thời biết là chứng Quyết có kiêm cả "mạch Tế, chỉ muốn ngủ"... tức là thuộc về Dương hư rồi".

#### Tiết 15

少陰病惡寒身蹇而利手足逆冷者不治

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh ố hàn, thân quỵện nhĩ lợi, thủ túc nghịch lãnh, bất trị.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, ghét lạnh, nằm co mà lợi, tay chân nghịch lãnh, không chữa được.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "tuy nói rằng "Quần hỏa vốn nhiệt" nhưng thực ra thời do cái khí Dương ở trong Thiếu âm thận, giao lên với tâm mà thành nhiệt. Bởi cái khí Dương ở trong thận tức là cái khí sinh dương ở trong trời đất, bốc lên trên thời làm thành mặt trời. Cái âm dương ở trong thân con người, cũng như mặt trời ở trên trời. Cho nên tâm dương thực gốc ở thận dương mà thận dương lại là một vật rất hệ trọng vì có nó mới sinh ra được tâm dương. Cho nên Trọng sư nói chứng "nghịch lãnh" không chữa được tức là chỉ về trong thận không có dinh dưỡng. Tuy vậy, tâm dương với thận dương, dù là một mà thực lại có chỗ không giống nhau. Trên thuộc về huyết phận, cái khí Dương của nó gọi là nguyên khí. Khí ấy dẫn đi trong Cao mô thời Cao du đầy đủ thành ra khí nguyên dương ở trong tỳ. Đó tức là cái nghĩa thủy hỏa

cùng giao ở trung thổ. Cái khí sinh dương ở tam tiêu cũng chỉ là thận dương mà thôi. Cái khí "tiêu dương" về ở bên ngoài mà cái gốc thời vẫn ở trong thận, không có thận dương thì không sinh ra được tiêu dương. Vậy, có khi nào cái khí dương làm gốc của thận đã không có, mà lại chức cầu cứu đến tiêu dương bao giờ?"

#### Tiết 16

少陰病吐利躁煩四逆者死

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh thổ lợi, táo phiền, tứ nghịch giả tử.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm thổ và lợi, táo phiền, tứ chi nghịch lãnh sẽ chết.

**Chú giải:** Tiết này nói về Thiếu âm nhờ cái khí của trung thổ (tỳ) giao trên dưới, đạt ra bốn bên. Nếu Vị khí tuyệt thời Âm Dương ly cho nên chết.

Đường Tôn Hải nói: "Trung thổ thuộc về hậu thiên, tâm thận thuộc về tiên thiên. Hậu thiên thực phải nhờ thủy hỏa của tâm thận... Một đằng là khí, một đằng là huyết, cùng giao nhau ở khoảng mô vông để sinh ra Cao du. Chỗ đó tức là trung thổ ở trong thân người. Cao du không hun nấu thủy cốc, trên thời nghịch, dưới thời bằng, gây nên chứng thổ và lợi. Chứng đó dù thuộc về trung thổ bị mất cơ năng, mà thực thời do tâm thận không cùng giao nhau mà thủy với hỏa ly quyết vậy. Xem đó biết rằng: trung thổ phải nhờ khí của Thiếu âm giao tới chứ không phải là Thiếu âm phải nhờ của trung thổ giao tới. Lẽ đó không thể đảo lộn được.

Lại như chứng "Dương phiền", "Âm táo" nghĩa cũng rất khó! Nên biết: Phiền là do Dương khí mất chỗ nương nhờ, vì như trong đèn hết dầu không thể cháy được tắt tàn rơi xuống mà khói bốc lên... Đó tức là cái hình tượng của chứng Phiền. Táo là do Dương khí muốn lia... tỳ như đèn nhỏ dầu nhiều, lửa bị dầu tràn lên mà tắt, thời là lửa phải chấp chờn nổ lên thành tiếng, rồi sau mới phụt đi khỏi bắc. Ấy, cái lúc "chấp chờn : ỏ" tức cũng như hình tượng của chứng Âm táo. Cái lẽ phiền táo do đó có thể biết được".

**Chú giải:** Đây nói về cái mạch muốn khởi của chứng Thiếu âm trũng Phong. Suy đó thời biết được cả cái mạch của chứng Thiếu âm thương hàn.

### Tiết 11

少陰病欲解從子至寅上

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh dục giải, tùng tý chí Dần thượng.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm khi muốn khởi, từ giờ tý đến đầu giờ Dần.

### Tiết 12

少陰病吐利手足不逆冷反發熱者不死脈不至者灸少陰七壯

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh thổ lợi, thủ túc bất nghịch lãnh, phản phát nhiệt giả, bất tử. Mạch bất chí giả, cứu Thiếu âm thất tráng.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm thổ, lợi, tay chân không giá lạnh, lại phát nhiệt, không chết. Nếu mạch không đến, nên cứu ở mạch Thiếu âm (Thái Khê<sup>1</sup>) bảy tráng.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói về trên thổ dưới lợi, thủy và thổ đều vỡ lở. Nếu chân Dương tuyệt thì chết. Giữ tay chân không quyết lãnh, lại phát nhiệt, biết là chân Dương hãy còn. Dầu âm hàn thổ cũng không đến nổi chết."

### Tiết 13

少陰病八九日一身手足盡熱者以熱在膀胱必便血也

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh bát cửu nhật, nhất thân thủ túc tận nhiệt giả, dĩ nhiệt tại Bàng quang tất tiện huyết dã.

<sup>1</sup> Huyệt Thái Khê ở sau mắt cá chân trong 0,5 tấc chỗ lõm trên xương gót, có mạch động.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm 8, 9 ngày, suốt mình mẩy, tay chân đều nhiệt... ấy là nhiệt ở Bàng quang, tất sinh ra chứng tiện huyết.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Nguyên văn nói nhiệt ở Bàng quang thời biết chứng "tiện huyết" tức là chỉ về tiểu tiện. Nên biết Thái dương bàng quang chủ về khắp mình. Đây, bệnh ở Thiếu âm tức là những chứng "Mạch Tế, chỉ muốn ngủ", mà lại thấy suốt mình tay chân đều nhiệt, thời là cái tâm hỏa của Thiếu âm nhiệt, theo cái du mô của tiểu trường hợp xuống Bàng quang. Tâm hỏa ở trong vốn không có chứng mình nhiệt, vì hợp với Bàng quang mới thông ra Biểu nên mới thành suốt mình nhiệt. Tâm chủ về huyết mạch, vì nhiệt phạm vào khiến cho huyết tràn, tất phải hợp với cái thủy của Bàng quang mà dẫn xuống, nên mới thành chứng tiểu tiện ra huyết. Tiết này là một chứng "tâm hỏa huyết phạm" phạm xuống thận phủ (Bàng quang). Tiết dưới là một chứng "cái khí Dương ở trong thận thủy hư, vì chữa nhầm làm thương đến huyết phạm của tâm hỏa". Bệnh ở huyết lầy đến thủy, bệnh ở thủy lầy đến hỏa... Hợp xem các cơ quan liên thuộc của tâm thận sẽ biết được cơ đó."

### Tiết 14

少陰病但厥無汗而強發之必動其血未知從何道出或從口鼻或從目出是名下厥上竭為難治

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh đản quyết vô hàn; nhi cường phát chi tất động kỳ huyết, vị tri tùng hà đạo xuất hoặc tùng khẩu, tỷ, hoặc tùng mục xuất, thị danh hạ quyết thượng kiệt vì nan trị.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, chỉ Quyết, không có hàn. Nếu cường phát ra ắt động đến huyết, chưa biết theo đường nào ra. Hoặc do miệng, mũi, hoặc do mắt. Ấy gọi là "hạ quyết thượng kiệt". Là chứng khó chữa.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Quyết ở dưới vốn là Dương hư ở dưới. Dương hãm xuống mà không thăng lên được, thì Vệ khí không thể đạt ra cơ tấu, cho nên không có hàn. Thế là đã nói rõ Vệ dương không đạt

少陰病脈緊七日八日自下利脈暴微  
手足反溫脈緊反去者為欲解也雖煩  
下利必自愈

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh mạch Khẩn, thất nhật, bát nhật tự hạ lợi, mạch bạo Vi, thủ túc phản ôn, mạch Khẩn phản khứ giả, vi dục giải dã, tuy phiền hạ lợi tất tự dĩ.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm mạch Khẩn, 7 ngày, 8 ngày tự hạ lợi, mạch vội biến ra Vi, tay chân lại ấm, mạch Khẩn không thấy nữa, là muốn giải đó. Dù Phiền và Hạ lợi, hẳn tự khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói về bệnh Thiếu âm, gặp cái khí Dương nhiệt mà giải.

Đường Tôn Hải nói: "Hai tiết trên, mạch Trầm, Tế, Vi, Nhược, Sác... đều nói về hư chứng của Thiếu âm. Tiết này, mạch Khẩn là nói về thực chứng của Thiếu âm. Hàn khí đóng kết, đến lúc Dương trở về, khí phục lại, thời mạch biến Khẩn thành Vi, thế là "kết" đã do "Phiền" mà giải hóa rồi. Tiết trên mạch Vi là thuộc về hư mà không muốn khỏi, tiết này, mạch Vi ấy là "hòa" mà muốn khỏi. Chỗ đó, học giả cần phải tham khảo. Lại như câu "mạch Khẩn..." tất phải hàm có cái ý "tay chân quyết lạnh" ở trong. Xem hai chữ "lại ấm" ở dưới, thời biết trước kia tay chân lạnh, sau vì "hạ lợi" muốn giải nên mới "lại ấm".

#### Tiết 8

少陰病下利若利自止惡寒而蹇臥  
手足溫者可治

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh, hạ lợi, nhược lợi tự chỉ, ố hàn nhi quyện ngọa, thủ túc ôn giả khả trị.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm hạ lợi, nếu lợi tự dứt, ghét lạnh mà nằm co, tay chân ấm, có thể chữa được.

**Chú giải:** Tiết này nói về Thiếu âm được nhờ cái khí của thổ là chứng hậu còn có thể trị được.

Đường Tôn Hải nói: "Cái Dương khí ở trong thận của Thiếu âm, dưới gốc ở chân, trên suốt đến tay, mà đầy khắp ở trong cao mô. Cao thuộc về thống trị của tỳ. Cái Dương khí ở Cao của tỳ đủ thời hun nấu lên thủy cốc, không đến nổi thủy cốc do trong trường ỉa thẳng ra mất. Nếu thận dương không đầy đủ lên tỳ, khiến cái đạo của tỳ bị giảm mất năng lực, thủy cốc không chia riêng (bí biệt), khí hãm mà trệt xuống, thành ra hạ lợi. Cái thủy cốc ở trong Trường sau khi tống ra hết, lợi đã dứt... thấy ghét lạnh, nằm co. Nếu là sinh dương đã kiệt thời tắt tay chân đã lạnh mà chết. Nhưng tay chân lại ấm ấy là sinh Dương ở trong thận hãy còn cho nên có thể điều trị được. Những bài như Bạch thăng thang... có thể dùng cho trường hợp này.

#### Tiết 9

少陰病惡寒而蹇時自煩若去衣被者  
可治

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh ố hàn nhi quyện, thời tự phiền, dục khử y bị giả khả trị.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm ghét lạnh mà nằm co, thỉnh thoảng tự phiền, muốn gạt bỏ áo chăn... Có thể chữa được.

**Chú giải:** Đây nói về Thiếu âm, nhờ được cái khí của Quân hỏa mà có thể chữa được.

Đường Tôn Hải nói: "Thủy hàn ở dưới mà Hỏa phù ra ngoài, ấy là thủy mắc bệnh mà hỏa hãy còn. Dương khí còn chưa dứt. Phải dẫn cho hoá trở xuống giao với thủy thời khỏi.

#### Tiết 10

少陰中風脈陽微陰浮者為欲愈

**Phiên âm:** Thiếu âm trúng Phong mạch Dương Vi Âm Phù giả vi dục dĩ.

**Dịch nghĩa:** Thiếu âm trúng Phong, mạch Dương (Thốn) Vi, Âm (Xích) Phù. Ấy là muốn khỏi.

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh khái nhi hạ lợi thêm ngữ, bị hỏa khí kiếp cố dã; tiểu tiện tất nan dĩ cương trách Thiếu âm hạn cố dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, khái mà hạ lợi, thêm ngữ... Ấy là bị hỏa khí làm bất ép. Tiểu tiện hẳn khó. Vì cố cương làm cho Thiếu âm phải hẳn ra vậy.

**Chú giải:** Đây nói về bệnh ở Thiếu âm không thể phát hãn, nếu dùng hỏa bất ép, cái vậy lại càng tệ hơn. Bệnh ở Thiếu âm vốn có thể dùng phép "cứu" nhưng nếu là nhiệt chứng của Thiếu âm lại lấy hỏa làm "thù".

Đường Tôn Hải nói: "Tu Viên giải tiết này cho là nhiệt chứng của Thiếu âm không đúng. "Khái" mà kiêm "hạ lợi", chỉ thuộc về hàn thủy mới có chứng ấy. Chứng thuộc về hàn thủy, vốn không có thêm ngữ, mà giờ lại bỗng dưng có thêm ngữ. Đó là do dùng hỏa để "ép" nó phải phát hãn, khiến cho tâm thần phi việt không biết nương tựa vào đâu nên mới phát ra thêm ngữ. Sao lại biết là do hỏa bất ép? Xét ở chứng tiểu tiện khó khăn. Bởi cương ép Thiếu âm phải phát hãn, hẳn ra thời thủy của Bàng quang tiết ra ngoài cho nên tiểu tiện khó. Xem vậy, thời cái chứng tiểu tiện khó đó vốn không phải nhiệt chứng, mà thêm ngữ cũng không phải là nhiệt chứng. Đều bởi "bất ép" hãn mà thần phi việt gây nên cả".

### Tiết 5

少陰病脈細沈數病為在裏不可發汗

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh, mạch Tế, Trầm, sác, bệnh vi tại Lý, bất khả phát hãn.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm, mạch Tế, Trầm, Sác, ấy là bệnh ở Lý không thể phát hãn.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tế là do huyết ở trong mạch quản ít. Thuộc về tâm kinh... Trầm là do khí không thăng lên, thời mạch quản trụt xuống. Khí không thăng lên thuộc về thận kinh, bởi khí sinh ra ở thận. "Sác" là kiêm cả Trầm, Tế mà nói. Mạch Sác không kỵ hãn,

nhưng vì thấy phát hiện ra cùng với Trầm, Tế thời là bệnh ở Lý thuộc kinh Thiếu âm, nên không phát hãn.

### Tiết 6

少陰病脈微不可發汗亡陽故也陽已虛尺脈弱瀆者復不可下之

**Phiên âm:** Thiếu âm bệnh mạch Vi bất khả phát hãn, vong Dương cố dã. Dương dĩ hư xích mạch Nhược, Sác dã, phục bất khả hạ chí.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu âm mạch Vi, không thể phát hãn vì cố làm cho vong dương. Nếu Dương đã hư mà mạch Nhược, Sác cũng lại không thể hạ được.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng của Thiếu âm mà thuộc về hư, không thể phát hãn, cũng không thể công hạ, không nên chữa nhầm mà hại đến căn bản.

Đường Tôn Hải nói: "Tiết này bàn về tâm với thận. Một đàng thuộc về khí phân, một đàng thuộc về huyết phận, con đường đi lại của huyết. Bên ngoài mạch quản là cơ tấu. Nhược và Sác là do huyết ở trong mạch quản ít, vốn thuộc tâm kinh. Tâm hỏa quá gắng, vốn là một chứng cần phải hạ. Nhưng nếu thấy xích mạch Nhược và Sác thời là tâm huyết đã hư ở dưới. Dù gặp cái chứng nên hạ, cũng không thể hạ được. Bên ngoài mạch quản thuộc về khí phận. Khí phận đầy đủ thời đen mạch quản đầy ra rất là rõ ràng, quyết không còn Vi nữa. Nếu mạch Vi là do Dương khí ở trong thận không thể đẩy ra ngoài. Dù cái tà thuộc về khí phận, vốn nên do hãn mà giải, nhưng cũng có khi không nên phát hãn, vì e cái dương hư kia nó đã không có gốc, lại theo hãn mà đi nốt. Trọng sư đem cả âm dương hai mạch hợp bàn ở đây, đến như chứng thời phần nhiều là phân kiến (nói riêng), không cần phải hợp nữa. Tóm lại, thánh huấn, lúc phân lúc hợp, cần phải tế tâm mà suy xét mới khỏi sai lầm.

### Tiết 7

## Bàn về mạch chứng của bệnh thuộc kinh Thiếu âm

### Thiên Đ

#### CHƯƠNG I

##### Tiết 1

少陰之為病脈微細但欲寐也

Phiên âm: Thiếu âm chi vi bệnh, mạch Vi tế đản dục my dã.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm, mạch Vi tế, chỉ như muốn ngủ.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói cả về khí huyết. Huyết do tâm sinh ra, mà lưu hành ở trong mạch. Tâm mắc bệnh thì tâm huyết ít mà mạch Tế. Khí do thận sinh ra mà phát ra thời là Vệ dương. Lúc Vệ dương dẫn ra thì tỉnh, dẫn vào thời ngủ. Bởi thế nên mới có ngày đêm. Giờ thận khí mắc bệnh thời bị khốn ở trong mà Vệ dương không dẫn ra được, cho nên chỉ muốn ngủ. Một chữ "Tế" và ba chữ "chỉ muốn ngủ" đã đem được hết cả cái lẽ Tâm, Thận, Thủy, Hỏa, huyết khí như vẽ ra trước mắt. Câu đề cương của Trọng sư thật là gọn gàng mà bao quát rất rộng.

##### Tiết 2

少陰病欲吐不吐心煩但欲寐五六日自利而渴者屬太陰也虛故引水自救若小便色白者少陰病形悉具小便白者以下焦虛有寒不能制水故令色白也

Phiên âm: Thiếu âm bệnh dục thổ, bất thổ, tâm phiền, đản dục my, ngũ lục nhật tự lợi nhi khát giả, thuộc thiếu âm dã, hư cố dẫn thủy tự cứu. Nhược tiểu tiện sắc bạch giả, thiếu âm bệnh hình tất cụ, tiểu tiện bạch giả dĩ hạ tiêu hư hữu hàn, bất năng chế thủy, cố linh sắc bạch dã.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thiếu âm muốn thổ, không thổ được, chỉ muốn ngủ. Trải qua 5, 6 ngày tự lợi mà khát, ấy thuộc về Thiếu âm, hư cho nên dẫn thủy để tự cứu. Nếu tiểu tiện sắc trắng ấy là cái bệnh hình của Thiếu âm đã đủ. Tiểu tiện sở dĩ sắc trắng là vì hạ tiêu hư hàn, không kiềm chế được thủy, cho nên thành ra sắc trắng.

**Chú giải:** Tiết này nói về bệnh trên thủy dưới Hỏa của Thiếu âm.

Đường Tôn Hải nói: "Đây là tổng luận cả kinh Thiếu âm trên thuộc về tâm hỏa, dưới thuộc về Thận thủy. Cái phần âm của tâm ở thượng tiêu hư, thời dẫn nước tự cứu, cái phần Dương của thận ở hạ tiêu, hư, thời có hàn, không thể chế trị được thủy. Thiếu âm là một tạng kiêm cả thủy và hỏa nên thường phát hiện ra chứng hậu trên hỏa dưới thủy như vậy. Phạm bệnh hoặc thủy hoặc hỏa chia khác nhau, thời dùng thuốc hoặc hàn hoặc nhiệt chia ra mà trị. Phạm thủy hỏa cùng mắc bệnh thời dùng cả hai thứ thuốc Hàn nhiệt hợp lại mà điều trị. Hiểu lẽ đó thời dùng phương pháp của Trọng sư mới dễ.

##### Tiết 3

病人脈陰陽俱緊反汗出者亡陽也此屬少陰法當咽痛而復吐利

Phiên âm: Bệnh nhân mạch Âm Dương câu khẩn phản hàn xuất giả, Vong Dương dã. Thủ thuộc Thiếu âm, pháp đương yết thống nhi phục thổ lợi.

Dịch nghĩa: Bệnh nhân, mạch Âm Dương đều Khẩn, thế là Thiếu âm nguyên có hàn mà lại bị ngoại hãn, giữ lại hàn ra là vong dương. Ấy là thuộc về Thiếu âm, cứ phép nên họng đau mà lại thổ lợi.

**Chú giải:** Hãn ra vong Dương, vốn thuộc Thiếu âm, không Dương thời âm thanh, cho nên mạch Âm Dương đều Khẩn. Âm hàn nghịch lên thời yết đau, âm hàn đi xuống thời sanh hạ lợi.

##### Tiết 4

少陰病咳而下利譫語者被火氣劫故也小便必難以強責少陰汗故也

suy ra mà dùng thời không sao xiết được. Chỉ đáng ngờ là thuộc về chứng Trúng phong, tứ chi môi nứt, chỉ nói về cái mạch lúc muốn khỏi thời dùng phương pháp gì để trị. Bệnh ở Thái âm mạch Phù nên dùng Quế chi thang mà không nói: nếu mạch không Phù dùng phương pháp nào để trị? Chỉ thuộc về chứng "tự lợi" không khát và tạng hàn... bấy giờ mới lập ra phương cho dùng bộn tứ nghịch. Lại thuộc về chứng Thái dương nhâm hạ, do chuyển thuộc mà bụng đau... cho dùng bài Quế chi gia thực được thang... Ngoài ra không còn thấy phương pháp nào khác nữa. Nói rằng ít thì thật là ít quá. Nhưng nên biết. Trong có hai tiết mà đã hai lần lập ra phương trị thật đã rất kinh quyền. Ta nên chia làm hai đoạn mà xét. Trọng sự nói về chứng trị của Thái âm, đề cương đều nói về khí "hàn", "thấp" gây nên bệnh. Dùng bộn tứ nghịch làm phép chính điều trị bên trong, dùng bài Quế chi làm phép chính điều trị bên ngoài.

Từ tiết một đến tiết 5 đều theo về một ý thế cả. Đó là thuộc về nửa trên. Tiết thứ sáu nói về Thái âm thấp thổ, không hợp với hàn mà hợp với nhiệt. Nếu tiểu tiện lợi thời không phát hoàng, nếu bạo phiền hạ lợi thời các chất hủ ứ nên tự tiết đi... Đó là ngoài các chứng thường, hơi có biến đổi đôi chút. Đó lại là một đoạn nhỏ. Tiết thứ bảy nói: bệnh ở Thái dương, do nhâm hạ chuyển thuộc Thái âm, bụng đầy, thỉnh thoảng đau và đại thực mà đau... dùng bài Quế chi gia Đại hoàng, Thực được làm chủ trị, một đảng để cho hòa cái kinh của Thái âm, lược biến cái phương pháp "giải ngoại" của Quế chi mà làm phép thông điều cả nội ngoại. Đó là do chỗ có dùng phương để tỏ phép quyền biến. Lại một phương diện, lấy Tỳ Vị cùng liên nhau, không theo về sự "khai" của Thái dương, tức là sẽ theo về sự "hạp" của Dương minh để trừ bỏ cái hủ ứ của tỳ gia. Nên biết ở đề cương, cấm dùng phép hạ, bởi "bụng thỉnh thoảng đau" mà nói. Đó là do từ chính diện xét tới đối diện để lập pháp. Lại ở tiết "bạo phiền hạ lợi, ngày hơn 10 lần" chưa nói đến dùng bài gì. Ấy là do sau khi các vật hủ ứ đã hạ rồi, nghĩ tới cái trị pháp khi không tự hạ. Đó tức là do ở chỗ không nói ra phương mà xét tới chỗ quyền biến. Nói tóm lại, bộn tứ nghịch, Quế chi thang và Quế chi gia thực được... đều là những phương rất thiết yếu của Thái âm. Nếu không khát thời tất phải dùng

bộn tứ nghịch, nếu mạch Nhược thì những vị Thực, Hoàng nên dè dặt. Mạch Phù là có cái thể bệnh hướng ra ngoài, rất nên dùng cái năng lực lợi đạo của Quế chi thang, còn giữa khi chứng phiền đông chưa thật khỏi, bài Quế chi gia Thực được thang, cũng có thể thông dụng.

## KẾT TOÀN THIÊN

Thiên này gồm 8 tiết luận về bệnh Thái âm. Thiên Thái âm văn giản lược mà chứng trị ít. Các chứng Hoắc loạn, bụng đầy, thổ lợi, Trường, Vị hư hàn đều là chứng Thái âm đã nói rõ ở bộ phận tạp bệnh trong Kim quỹ (xem Kim quỹ ngọc hàn kinh - cùng người dịch), cho nên ở bộ phận Thượng hàn chỉ giản lược. Dương minh táo kết là Vị khí thực, Thái âm tự lợi là Vị khí nhược, bởi thực thời là Dương minh, Hư thời là Thái âm. Cho nên lấy chứng bụng đầy mà thổ, ăn không xuống, tự lợi không khát nên dùng bộn tứ nghịch ôn đi, là yếu quyết về phép trị liệu và biện chứng của kinh Thái âm. Âm bệnh ưa được Dương, cho nên Thái âm trúng phong, tứ chi phiền đông là muốn khô. Tay chân ấm mà phát hoàng, tiểu tiện tự lợi, không phát hoàng được, bạo phiền hạ lợi, tuy ngày hơn 10 lần, hủ ứ nên tự đi mà lợi tự dứt. Bệnh ở Thái âm mà thấy Biểu mạch (Phù) nên trước dùng Quế chi giải biểu làm chủ mà gia Thực được cho bớt đau. Trong trường có thực là cũng nên hạ, nhưng người vị khí vốn yếu, loại Đại hoàng Thực được phải châm chước cẩn thận trong khi dùng.



生薑 Sinh khương 3 lượng

大棗 Đại táo 12 quả (bửa, bỏ hạt)

Bảy thăng nước đun còn 3 thăng, bỏ bã, chia ba lần uống nóng.

Quế chi gia Đại hoàng thang phương

桂枝加大黃湯方

Tức là bài trên gia thêm Đại hoàng 大黃 2 lượng.

**Chú giải:** Bài Quế chi gia Thược dược thang, gấp dùng vị Thược dược có cái tính khổ giáng, có thể khiến Quế chi vào thẳng các bộ phận chí âm, mang bỏ cái tà ngộ hãm đi mà chứng "bụng đau" tự khỏi. Bài Quế chi gia Đại hoàng, dùng hai vị Quế, Khương có cái tính thăng được tà, rồi gấp dùng vị thược dược cho dẫn vào Thái âm, để khu động cái tà bị hãm, gia Đại hoàng cho chuyển vận trung khu, thông dạ đạo, trừ "thực mãn", lại dùng Cam thảo, Đại táo để giúp sự chuyển thù, khiến cho tà hoặc do ngoài giải hoặc do hạ hành mà vẫn không tráingược nhau.

Tiết 8

太陰為病脈若其人續自便利設當行  
大黃芍藥者宜減之其人胃氣弱易動  
故也

**Phiên âm:** Thái âm vi bệnh, mạch Nhược kỳ nhân tục tự tiện lợi, thiết đương hành Đại hoàng, Thược dược giả, nghi giảm chi, kỳ nhân Vị khí nhược dị động cố dã.

**Dịch nghĩa:** Thái âm mắc bệnh mạch Nhược, bệnh nhân lại thêm tự tiện lợi, vì phòng phải dùng Đại hoàng, Thược dược... cũng nên giảm đi, bởi bệnh nhân Vị khí yếu, đại tiện dễ đi.

**Chú giải:** Tiết này nói về giảm bớt Đại hoàng, Thược dược vì không làm cho thương Vị khí.

Trần Nghiêu Phong nói: Thái âm, Dương minh đều thuộc thổ, cùng chủ về Trung châu. Hễ mắc bệnh thời hiện ra ngay ở Phúc bộ (bụng). Dương minh là Dương thổ, Dương đại "thực" nên hễ mắc bệnh thì Vị gia "thực", chứ không phải là "mãn". Thái âm là âm thổ. Âm đạo "hư", cho nên hễ mắc bệnh thì phúc mãn mà không thể thực. Phạm những khí "Phong, Táo, Nhiệt" ba thứ dương tà ấy phạm vào Dương minh, "Hàn" với "thấp" hai thứ âm tà phạm vào Thái âm. Dương tà phạm vào Dương thời ăn được mà không ọ. Âm tà phạm vào âm thời không ăn được mà thổ. Dương tà phạm vào Dương thời không đại tiện, âm tà phạm vào âm thời tự lợi. Chứng hậu đều khác nhau, có thể nhận qua mà biết. Nếu nhầm hạ thì trong Vy không hư, khách khí động lên cách, thuộc về Dương tà thì ức nùng mà phiền, thuộc về âm tà thời dưới hung kết rắn. Nếu lại nhầm công thêm nữa, tất đến lợi mãi không dứt mà chết.

Đó là cái để cương cái bệnh chứng thuộc về kinh Thái âm. Phạm gọi là Thái âm tức là chỉ về phúc bộ mà nói".

Đường Tôn Hải nói: "Vy gia đã "thực" lẽ nào lại không "mãn"? Câu Dương đạo thực mà không phải là mãn..." không đúng. Lại như câu "Âm đại hư cho nên mãn mà không thực" cũng sai. Đã nói là "Âm đạo hư" thời nên rỗng không, không có gì, sao lại còn mãn được nữa? Nên biết, Vị tức là Vị quản tý tức là Du vông. Du vông ở bên ngoài Vị quản. Trong Vy quản thường có căn bã nên hay kết rắn, trong Du vông không có căn bã, nếu tà ở trong trong Du vông, chỉ có thể làm nghẽn thủy với huyết mà làm thành chứng trường mãn. Một đàng "thực", một đàng "mãn" giới hạn rất khác xa nhau. Trần thị giải không xác".

Kha Vận Bá nói: "Mạch Thái âm khắp ở Vị, chẳng lên họng cho nên chứng bụng đầy, họng khô là do nhiệt làm thương Thái âm, tức là một chứng do Dương bộ mà phạm vào kinh, chứ không phải là một chứng do bản kinh tự bệnh".

Trần Tu Viên nói: "Trọng sự về mạch và chứng của kinh Thái âm chỉ có 8 chứng, người sau ngờ là thất lạc không đủ. Nhưng xét trong đoạn, có thể, có dụng, có pháp, có phương. Nếu xem xét cho kỹ

傷寒脈浮而緩手足自溫者繫在丸陰  
 太陰當發身黃若小便自利者不能發  
 黃至七八日雖暴煩下利日十餘行必  
 自止以脾家實腐穢當去故也

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Phù nhi Hoãn, thủ túc tự ôn giả, hệ tại Thái âm. Thái âm đương phát thân hoàng, nhược tiểu tiện tự lợi giả, bất năng phát hoàng, chí thất bát nhật, tuy bạo phiền hạ lợi nhật thập dư hành, tất tự chỉ, dĩ tỳ gia thực, hủ uest đương khứ cố dã.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mạch Phù mà Hoãn, tay chân tự ấm, ấy là "hệ" ở Thái âm. Thái âm nên phát chứng mình vàng. Nếu tiểu tiện tự lợi, chẳng hay phát hoàng. Lưu đến 7, 8 ngày, dẫu bạo phiền, hạ lợi, ngày hơn 10 lần, rồi hẳn tự dứt. Vì nhờ được tỳ gia "thực", nên các chất hủ uest phải tiết ra".

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng Thái âm thương hàn tự lợi muốn giải. Thành Vô Kỷ nói: "Hạ lợi phiền táo thời chết" ấy là bảo trước "lợi" mà sau "phiền" tức là do chính khí muốn thoát ra mà tà khí làm rối loạn. Ở đây, trước thì phiền mà sau lợi ấy là chính khí của tỳ gia thực, nên không bị tà mà lại cùng với tà tranh, nên mới bạo phát ra chứng phiền nhiệt".

Đường Tôn Hải nói: "Chữ "hệ" có cái ý như "ràng buộc". Thái âm là chỉ về Cao du ở trong thân mình mà nói. Cao du sinh ra ở trên Mô vòng khắp trong thân thể, giữ tà phạm vào Cao du, có cái trạng thái như ràng buộc lấy nhau nên nói là "hệ" ở Thái âm. Trong mô vòng là đường thủy của tam tiêu. Thủy đạo nếu bị nghẽn tắc thời hợp với nhiệt của Cao du hấp nhau mà thành thấp, rồi liền phát ra chứng Hoàng đản. Nếu tiểu tiện tự lợi thời thấp không bị nghẽn mà nhiệt không bị hấp, không phát hoàng. Nhưng tiểu tiện lợi, lại dễ sinh chứng kết rắn. Dù không phát hoàng, lại e hợp với cái táo của Dương minh mà sinh chứng phiền và không đại tiện nữa. Rồi đến 7, 8 ngày, dù phát ra chứng bạo phiền, tựa như đã bị cái táo của Dương minh, nhưng lại thấy đại tiện không kết mà lại hạ lợi, ngày tới hơn 10 lần... thời chứng

phiền không phải do tỳ hư, chỉ là bởi tỳ gia "thực" có thể tự tổng bỏ hủ uest đi, nên bệnh mới tự khỏi.

### Tiết 7

本太陽病醫反下之因而腹滿時痛者  
 屬太陰也桂枝加芍藥湯主之大屬痛  
 者桂枝加大黃湯主之

**Phiên âm:** Bản Thái dương bệnh, y phản hạ chi, nhân nhi phúc mãn, thời thống giả, thuộc Thái âm dã. Quế chi gia thực dược thang chủ chi, đại thuộc thống giả Quế chi gia Đại hoàng thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Vốn bệnh ở Thái dương, y giả lại hạ đi, nhân đó mà bụng đầy, thỉnh thoảng đau, ấy là chuyển thuộc Thái âm, Quế chi gia Thực dược thang chủ về bệnh ấy. Nếu đại thực mà đau, Quế chi gia Đại hoàng thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Đây nói về chứng bệnh ở Thái dương chuyển thuộc về Thái âm.

Uông Tiểu Sơn nói: "Thái dương tiêu nhiệt, nhâm hạ đi không những chuyển thuộc vào Thái âm mà cũng chuyển thuộc cả vào Dương minh. "Bụng đầy, thỉnh thoảng đau" ấy là do tỳ khí không thấm nhuần, nên dùng bài Quế chi gia Thực dược để chovào Thái âm dẫn ra Thái dương. "Đại thực mà đau" ấy là chuyển thuộc vào Dương minh, dùng bài Quế chi gia Đại hoàng là để cho vào Dương minh dẫn ra Thái dương.

### Quế chi gia Thực dược thang phương

#### 桂枝加芍藥湯方

桂枝	Quế chi	3 lượng
芍藥	Thực dược	6 lượng
甘草	Cam thảo	2 lượng

太陰中風四肢煩疼陽微陰澀而長者  
為欲愈

**Phiên âm:** Thái âm trúng phong, tứ chi phiền đống, Dương Vi, âm Sáp nhi trường giả vi dục dĩ.

**Dịch nghĩa:** Bệnh Thái âm trúng phong, tứ chi phiền, đau, mạch Dương phận Vi, âm phận Sáp, mà lại Trường. Ấy là muốn khỏi.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Trong sự bàn về mạch, đều là hợp với chứng, không một chút vu vơ. Tiết này nói Thái âm trúng phong mạch nếu thấy Dương Đại mà âm Hoạt, thời tức là tà thịnh đã hãm ở trong rồi. Giờ Dương không Đại mà Vi, âm không Hoạt mà Sáp, thời tà không thịnh và không nội hãm nữa. Nhưng Vi với Sáp tuy là tà không nội hãm, nếu lại "chính hư" thời cũng không thể tự khỏi, tất phải vừa Vi, Sáp mà lại thấy có cả Trường nữa, thế mới thật Vi, Sáp là tà không thịnh, không phải là chính khí hư. Trường là chính khí đầy đủ, dù có Vi, Sáp cũng không ngại mấy nên mới là muốn khỏi. Biện mạch đến như thế thật là rõ ràng linh hoạt, chớ có lỡ mờ chấp nê như mạch pháp người đời sau đâu?"

### Tiết 3

太陰病欲解時從亥至丑上

**Phiên âm:** Thái âm bệnh dục giải thời, tòng Hợi chí Sửu thượng.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái âm muốn giải, từ giờ Hợi đến giờ Sửu.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Thái âm kinh là một bộ phận chí âm ở trong âm, mà không vượng về Dương cho nên từ Hợi đến Sửu là thời kỳ dạ khí hãy còn, tức là chí âm, tỳ kinh gặp được cái khí chí âm của ban đêm, thời vượng lên mà bệnh giải. Phạm trong 6 kinh, đều thừa lúc vượng mà giải. Cho nên có người, ban ngày không ăn được, đến đêm lại ăn được đó là nhờ cái vượng khí của tỳ âm".

### Tiết 4

太陰病脈浮者可發汗宜桂枝湯

**Phiên âm:** Thái âm bệnh mạch Phù giả, khả phát hàn, nghi Quế chi thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái âm mạch Phù, nên phát hàn, dùng Quế chi thang.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Bệnh ở Thái âm" là chỉ về chứng "phúc mãn" tức là thấp khí gây nên bệnh thấp ở trong, mạch nên Trầm. Giờ mạch lại Phù, ấy là cái hiện tượng thấp do ngoài đến, giờ lại muốn theo bên ngoài mà ra. Cho nên dùng bài Quế chi, do trong đẩy ra ngoài, khiến từ trong Du vòng đẩy ra ngoài cơ để làm hàn. Tỳ thái âm với Phế Thái âm cùng hợp, Phế chủ về bì mao cho nên ứng theo mạch của Phế mà Phù và nên phát hàn".

### Tiết 5

自利不渴者屬太陰以其臟有寒故也  
當溫之宜服四逆湯

**Phiên âm:** Tự lợi bất khát giả, thuộc Thái âm dĩ kỳ tạng hữu hàn cố dã. Đương ôn chi nghi phục tứ nghịch thang.

**Dịch nghĩa:** Tự lợi không khát, ấy là thuộc về Thái âm, bởi cố tỳ tạng có hàn, nên theo phép ôn. Dùng bọn "tứ nghịch"

**Chú giải:** Tiết này nói về Thái âm bệnh ở trong "tự lợi", là không "hạ" mà cũng lợi. Phạm thuộc về chứng Lợi thời tân dịch rút cả xuống, nên phần nhiều có chứng miệng khát, chỉ bệnh ở Thái âm thấp thổ là không khát.

Hoàng Dịch Nhuận nói: "Lấy chứng "không khát" để nhận bệnh ở Thái âm, đó chính là một phương hướng để biện chứng "hàn, nhiệt lợi".

Hai tiết này nói: Thái âm bệnh ở ngoài nên dùng bài Quế chi để giải cơ, nếu trong không khát, không có táo hóa của Dương mình mà chỉ là bệnh của bản tạng, có hàn, nên dùng bọn "tứ nghịch" tức là các bài thuốc về ôn tể như Lý trung thang, hoàn..."

### Tiết 6

Đường Tôn Hải nói: "Cái thuyết của Kha Văn Bá với Trần Bình Bá vốn không sai mấy. Chỉ có một điều đem gán tất cả các phương kia vào kinh Thiếu dương là không phải mà thôi. Nên biết: cái giới hạn của Thiếu dương trở ra thời là Thái dương, Dương minh, trở vào thời là Thiếu âm, Thái âm, Quyết âm... Cái đường lối giao thông đều do ở trong Mô. Cho nên ở các kinh kia đều có chứng của Thiếu dương xen vào. Không hiểu được cái mô của Thiếu dương tam tiêu, không thấu được cái lý của các kinh. Đã hiểu được cái mô của Thiếu dương tam tiêu thời lại nên theo cái mô nó ở chỗ nào mà chia ra các kinh, cũng không thể đem bài của các kinh kia gán vào vào vào Thiếu dương".

### TỔNG KẾT TOÀN THIÊN

Toàn thiên gồm 10 tiết đều luận về bệnh Thiếu dương. Chính phương của Thiếu dương, các chứng thuộc Sài hồ thang đã nói rõ ở kinh Thái dương, cho nên thiên này chỉ nói qua về phép trị liệu và sự truyền biến của kinh Thiếu dương mà thôi.

Thiếu dương chủ nửa Biểu, nửa Lý. Đề cương của nó là: miệng đắng, họng khô, mắt mờ. Cứ theo trình tự tiến hành của nhiệt bệnh, Thiếu dương nên ở trước Dương minh vì lúc đến từ Thái dương mà đi thì vào Dương minh. Lúc đến từ Thái dương, tuy đầu đau, phát nhiệt mà mạch Huyền, Tế tức là thuộc Thiếu dương; phát nhiệt, hân ra, ghét gió, tai điếc, mắt đỏ, phiền mãn, cũng không được nhận là Thái dương trúng phong, lúc đi thì vào Dương minh, cho nên lầm phát hân thì thêm ngữ, là đã thuộc Dương minh. Ba kinh Dương hiệp bệnh: ưa nằm, ra mồ hôi trộm, và đủ chứng của Sài hồ thang mà mạch Trầm, Khẩn, vẫn nên dùng Tiểu sài hồ thang để hòa giải vì vẫn ở Thiếu dương. Bệnh ở Thiếu dương nếu nhằm thổ, nhằm hạ, nhằm phát hân, hoặc sinh Quý và Kinh, hoặc Phiên và Quý, hoặc thêm ngữ, về phép tắc cứu nghịch đã nói rõ ở thiên Thái dương rồi, không nói lại nữa. Lại truyền biến của bệnh ở Thiếu dương về mạch tiểu là bệnh muốn giải, trở lại ăn được mà không ọ, Lý không bị tà, Thiếu dương chứng đã hết. Nếu ngoài không có đại nhiệt, người bệnh phiền táo, là bệnh đã hoàn toàn rời Biểu vào Lý!

## Bàn về mạch và chứng của bệnh thuộc về kinh

### Thái âm

### Thiên D

#### Tiết 1

太陰之為病腹滿而吐食不下自利益甚時腹自痛若下之必胸下結硬

**Phiên âm:** Thái âm chi vi bệnh, phúc mãn nhi thổ, thực bất hạ, tự lợi ích thậm, thời phúc tự thống, nhược hạ chi tất hung hạ kết ngành.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái âm (nói về phần khí), bụng đầy mà thổ, ăn không tiêu, tự lợi càng nhiều, thỉnh thoảng bụng tự đau. Nếu hạ đi tất dưới hung kết cứng.

**Chú giải:** Tiết này nói về đề cương chứng của Thái âm.

Đường Tôn Hải nói: "Bụng là bộ vị ở bên ngoài Trường Vị, bên trong bì phu. Chỗ đó, các chất cao du trùng điệp, hết lần nọ đến lượt kia, nên gọi là "phúc". Phúc thuộc về chuyên ty của tỳ. Ăn uống vào Vị, nhờ cao du ấy hun nấu, thủy mới hóa khí dẫn xuống hạ tiêu, thức ăn mới hóa dịch, để cung cấp tâm huyết. Nếu Thái âm mắc bệnh, cái Cao du của tỳ không hun nấu được thời thức ăn không dẫn xuống, lâu lại thổ ra, thủy với cốc (thức ăn) đã đọng ở trong Trường mà cái khí hân nhiệt lại rút cả xuống Trường thời tự lợi càng lắm. Hàn khí ngăn trở thời thỉnh thoảng bụng lại tự đau. Nếu dùng thuốc mát lạnh để hạ đi, thời Cao du ở trong phúc gặp Hàn mà kết lại như "băng giá đọng", cho nên "kết rắn". Nói: "dưới hung" tức là chỉ về cả phúc bộ mà nói. Cũng như chứng Đại kiến trung ở trong Kim quỹ. Đó đều là chỉ về Cao du mô vông mà nói cả.

#### Tiết 2

**Dịch nghĩa:** Thương hàn đã ba ngày, mạch của Thiếu dương lại thấy hiện ra tiểu (vốn là mạch Huyền) ấy là muốn khởi.

**Chú giải:** Chứng thiếu dương vốn không ưa, không ăn được, giờ trở lại ăn được mà không ưa, triệu chứng Lý khí hóa mà tà thiếu dương cũng tự giải. Chỉ bằng vào chứng, không nên câu nệ số ngày.

### Tiết 10

少陽病欲解時從寅至辰上

**Phiên âm:** Thiếu dương bệnh dục giải, thời tòng Dần chí Thìn thượng.

**Dịch nghĩa:** Bệnh của Thiếu dương muốn giải nên từ khoảng giờ Dần đến giờ Thìn (Bởi cái khí của Thiếu dương vượng ở hai giờ Dần. Mạo đến giờ Thìn khí đã hóa, Dương khí đã vượng. Chính có thể thắng được tà cho nên khởi).

**Chú giải:** Tiết này nói về bệnh ở Thiếu dương gặp được giờ vượng mà khởi.

Kha Vận Bá nói: "Xét cả sáu kinh, đều có đề cương, thời đều nêu phương pháp để ứng dụng.

-Như đề cương của kinh Thái dương chủ về Biểu nên dùng phương pháp hãn giải. Nhưng Biểu có Hư, thực không giống nhau. Cho nên lập hai phép: Quế chi và Ma hoàng.

-Đề cương của Kinh Dương minh chủ về Vị thực nên dùng phương pháp hạ giải. Mà thực cũng có nhẹ nặng khác nhau cho nên lập hai bài Đại, Tiểu thừa khí.

-Đề cương của Kinh Thiếu dương có những chứng "miệng đắng, họng khô, mắt mờ" nên dùng phương pháp thanh hỏa. Nhưng hỏa cũng có hư, thực khác nhau. Nếu tà ở nửa Biểu thời lập ra bài Tiểu sài hồ để giải cái hư hỏa nó du hành, lập ra bài Đại sài hồ để giải cái tướng hỏa nhiệt kết. Đó là hai phương pháp trị về chứng "Hàn nhiệt vãng lai" của kinh Thiếu dương. Nếu tà phạm vào bộ phận của Lý và Phúc... thời có những bài Bán hạ tả tâm, Hoàng liên, Hoàng cầm..."

Trần Bình Bá nói: "Một kinh Thiếu dương ở vào cái giới hạn nửa Biểu nửa Lý. Phạm cái tà thương hàn ở kinh (do dương vào Âm bên do đẩy truyền vào, nên gọi là "Dương khu". Nó không rời nửa Biểu mà vẫn không chủ ở Biểu, cho nên không thể dùng phương pháp phát hãn. Nó không rời nửa Lý mà vẫn không chủ ở Lý cho nên không thể dùng phương pháp thổ và Hạ. Chỉ có một phương pháp "hòa giải" của bài Tiểu sài hồ là một bài đích đối của kinh này. Nhưng bệnh cơ có khi hoặc thiên về Biểu, hoặc thiên về Lý khác nhau. Bởi thế nên bài Ma hoàng, bài Quế chi không có gia giảm mà bài tiểu sài hồ tất phải có gia giảm. Nói tóm lại "vãng lai hàn nhiệt" là một chứng tất hữu của kinh này, cho nên vị Sài hồ là một vị tất phải dùng đến ở bài này. Học giả phải nên tùy nghi mà gia giảm mới được".

Trần Tu Viên nói: "Kha Vận Bá cho hai bài Đại, Tiểu sài hồ là một phương thuốc thuộc về bán biểu của kinh thiếu dương, con những bài Bán hạ, tả tâm... đều là những phương thuốc thuộc về Bán Lý của kinh Thiếu dương. Lại nói: Thiếu dương chủ về hàn nhiệt thuộc về nửa Lý, cái "hàn nhiệt" dù không vãng lai ở bên ngoài mà cũng tranh giành nhau ở bên trong... cho nên những bài như Hoàng liên thang, Bán hạ tả tâm thang, Hoàng cầm thang, Hoàng cầm gia Bán hạ, Sinh khương thang... chữa về các chứng Bĩ, thống, lợi, ẩu... đều thuộc kinh ấy cả"... lời nói cũng phải lẽ nhưng thiếu cận lắm. Đến như Trần Bình Bá nói: cái tà thương hàn ở kinh Dương do Dương vào Âm... đều bởi đó truyền vào..." chỉ là một lời nói mò, không lấy gì làm đích xác. Lại như nói: "chỉ một bài Tiểu sài hồ là một phương pháp đối chứng của kinh này..." Ý nghĩa tuy phải nhưng mà câu nệ lắm. Hai ông không biết Tiểu sài hồ chỉ là phương thuốc dùng để "chuyển khu" của kinh Thái dương. Phạm Dương minh với các âm kinh cần phải nhờ "khu chuyển" cho tà ra ngoài đều phải dùng đến bài ấy. Thiếu dương chủ về "khu", vậy bảo là bài của Thiếu dương, kể cũng được nhưng nếu bảo là chuyên phương của Thiếu dương, thời quyết không thể được... Nên biết: trong Luận nêu ra ba chữ "chứng Sài hồ" thật không khác một ngọn đuốc dẫn đường trong bóng tối... Nhưng rút lại, chứng Sài hồ có phải là chuyên chứng của Thiếu dương đâu".

tai mà lọt vào, tai bị lấp cho nên điếc, thần hồn do mất mà ra, mắt bị trâm mê nên chỉ muốn ngủ. Bởi tà nhiệt ở Lý, thời thần hồn không được vào mà thành chứng hư phiền không ngủ được, tà nhiệt ở Biểu thời thần hồn không ra được mà chỉ muốn ngủ. Thần hồn thuộc về Dương, với Vệ khí làm một thể. Thần hồn trở vào trong thời Vệ khí không thể ra để vệ ngoại (giữ gìn bên ngoài) được, cho nên hễ nhắm mắt thì hãn ra. Cái đường lối của hãn lại do mô mà hấp ra cơ nhục, do cơ nhục mà thấm ra bị mao. Xem đó, đủ thấy rằng: mô vòng của Thiếu dương tam tiêu, ngoài thông với hai kinh Dương... và hết thấy các đường lối do ngoài vào trong, do trong ra ngoài có thể hiểu được hết.

### Tiết 7

傷寒六七日無大熱其人煩躁者此為陽去入陰故也

**Phiên âm:** Thương hàn lục thất nhật, vô đại nhiệt, kỳ nhân phiền táo giá, thủ vi Dương khứ nhập Âm cố dã.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 6, 7 ngày không nhiệt lắm mà bệnh nhân lại nhâm táo... ấy là chứng của Dương (Thái dương) đã hết mà vào Âm rồi vậy (tà nhiệt đã vào Thiếu âm).

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói về chứng hậu của kinh Thiếu dương do con đường của Lý mà lấn vào trong âm kinh. Cái mô vòng của Thiếu dương tam tiêu, hết thấy cùng liền với các tạng thuộc về ba kinh Âm. Nếu bên ngoài không có đại nhiệt mà cái tà nhiệt đã do mô vòng phạm vào tâm bào thời sinh ra phiền, phạm vào thận thời sinh ra táo. Bởi cái mô của tam tiêu phát sinh từ thận hệ rồi dẫn lên trên mà sinh ra hung cách. Lại do hung cách noi theo lồng ngực mà sinh ra tâm bào lạc. Bởi thế nên mới có thể do Mô cách mà phạm vào tâm, thận được.

### Tiết 8

傷寒三日三陽為盡受邪其人反弋食而不嘔此為三陰不受邪也

**Phiên âm:** Thương hàn tam nhật, tam dương vi tận thọ tà, kỳ nhân phản năng thực nhi bất ẩu, thủ vi tam âm bất thọ tà dã.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn trải qua ba ngày, các chứng hậu của ba kinh dương đã hết. Ba kinh âm nên lần lượt bị tà phạm tới. Bệnh nhân lại ăn được mà khỏi ọ. Ấy là ba kinh âm không bị tà phạm vào nữa.

**Chú giải:** Tiết này nói về kinh Thiếu dương cũng có thể lần lượt truyền bệnh vào các kinh khác ở trong.

Đường Tôn Hải nói: "Câu "ba kinh Dương đã hết; ba kinh Âm nên bị tà truyền vào", hai câu ấy đã đem cái mặt thực của kinh Thiếu dương phô bày ra hết. "Ba kinh đã hết..." là nói: do từ bộ phận bì mao của Thái dương tới bộ phận cơ nhục của Dương minh và bộ phận mô cách của Thiếu dương... đều đã qua hết cả rồi. Nếu tà do mô mà vào Bào lạc, vào Can cách... thời là vào tới kinh Quyết âm, nếu tà do mô mà noi theo bào lạc để vào tâm, do theo cái căn nguyên của mô để tới thận hệ... thời là vào tới kinh Thiếu âm. Nếu tà do mô cách mà vào bản du, vòng du thời là vào tới kinh thái âm tý. Cho nên nói rằng: "ba kinh âm nên bị tà lần lượt phạm tới..." tý như, nếu tà phạm vào kinh thái âm tý thời sẽ thấy chứng "ọ và không ăn được". Giữ lại ăn được mà không ọ, ấy là tà vẫn còn ở mô, không phạm vào thái âm. Tà chỉ ở trong mô, không phạm vào trong, tức là ba kinh âm không bị tà phạm tới.

Tiết trên nói "Phiền, Táo" là tà đã phạm tới Quyết âm và Thiếu âm. Tiết này nói "không ọ và ăn được" là tà không phạm vào Thái âm.

Lại hợp với ba tiết trên nói về chứng "ba kinh Dương hợp bệnh" mà xem, thời phạm nói là "xuất Dương nhập Âm" cũng đều do trong mô mà đi lại. Cái nghĩa của kinh thiếu dương nhân đó lại càng rõ.

### Tiết 9

傷寒三日少陽脈小者欲已也

**Phiên âm:** Thương hàn tam nhật, Thiếu dương mạch tiểu giá, dục dĩ dã.

本太陽病不解轉入少陽者脅下硬滿  
乾嘔不能食往來寒熱尚未吐下脈沈  
緊者與小柴胡湯

**Phiên âm:** Bản Thái dương bệnh bất giải, chuyển nhập Thiếu dương giả, hiệp hạ ngạnh mãn, càn ẩu bất năng thực, vãng lai hàn nhiệt, thượng vị thổ hạ, mạch Trầm Khẩn giả, dĩ Tiểu sài hồ thang.

**Dịch nghĩa:** Vốn bệnh ở Thái dương không giải, chuyển vào Thiếu dương, dưới hiệp cứng đầy, ợa khan, không ăn được, nóng lạnh qua lại... chưa từng dùng phương pháp thổ, hạ, mạch Trầm, Khẩn... dùng bài Tiểu sài hồ thang.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng của Thái dương chuyển thuộc vào Thiếu dương, chứ không phải là Thiếu dương tự mắc bệnh.

Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói tam tiêu có mô, trên mô có cao. Tà do bộ phận cơ nhục của Thái dương vào trong cao du, phạm tới hiệp hạ ở vào trong bản du, thời dưới hiệp đầy đau. Cao du chủ về việc tiêu thực, giờ Cao du mắc bệnh, nên không ăn được. Tà do bì mao mà vào tới Mô, tức là Lý, ở vào chỗ âm dương giao giới, cho nên nóng lạnh qua lại. Khí ở trong mô phùng (cái khe, tức là tấu lý) dẫn ngược lên, thành chứng ợa khan. Mạch Trầm là cái hiện tượng tà đã hãm vào trong, cho nên dùng tiểu sài hồ thanh lợi, sơ đạt mà bao cái tà khí trong mô, trong du... đều phải tấu ra mà giải. Đó tức là cái nghĩa chữ "khu" của Thiếu dương.

Tiểu sài hồ thang phương

小柴胡湯方

(Đã có trên thiên Thái dương)

Tiết 5

若已吐下發汗溫針譫語柴胡症罷此  
為壞病知犯何逆以法治之

**Phiên âm:** Nhược dĩ thổ, hạ, phát hàn, ôn châm, thiêm ngữ, Sại hồ chứng bãi, thử vi hoạt bệnh, tri phạm hà nghịch dĩ pháp trị chi.

**Dịch nghĩa:** Nếu đã thổ, hạ, phát hàn, lại dùng ôn châm (bốn phương pháp này phải cấm, không được dùng ở kinh này) thời phát thiêm ngữ, Sại hồ đã hết. Thế là hoạt bệnh, xét xem phạm vào điều kiện trái nghịch nào, dùng phép cứu trị đi.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói "Sại hồ thang" tức là một chính phương và chính trị của các chứng hậu trong mô võng thuộc về Thiếu dương tam tiêu. Nếu chứng của Sại hồ đã hết thời tà nghịch vào Phủ, thành hoại chứng của ba kinh Âm. Thiêm ngữ tức là một cái dấu hiệu của tà nghịch vào tạng, Phủ vậy. Dù không có chứng thiêm ngữ nhưng cũng phải tìm xem phạm vào điều kiện trái nghịch nào, dùng phương pháp để cứu chữa. Vậy phương pháp ở chỗ nào? Xem đây đủ biết là Trọng sư đã nói rõ ở hai kinh Dương và ba kinh Âm, mình có thể cứ theo đó mà điều trị. Học giả phải nên suy đó mà ngầm nghĩ mới được.

Tiết 6

三陽合病脈浮大上關上但欲眠睡目  
合則汗

**Phiên âm:** Tam dương hiệp bệnh, mạch Phù, Đại thượng quan thượng dẫn dục miên thóa, mục hiệp tắc hàn.

**Dịch nghĩa:** Ba kinh Dương hiệp bệnh, mạch Phù Đại lên tới trên bộ Quan. Chỉ muốn ngủ, hở nhắm mắt thì hãn ra.

**Chú giải:** Tiết này tuy nói về ba kinh Dương hợp bệnh mà lấy Thiếu dương làm chủ.

Đường Tôn Hải nói: "Thiếu dương thuộc về nửa Biểu, nửa Lý. Nếu do nửa Biểu mà ngoài hợp với Dương minh, Thái dương, thời ba kinh Dương hợp bệnh. Về mạch cũng ứng theo cái hiện tượng của ba kinh Dương chủ ở bên ngoài mà Phù, Đại đó, đều là chủ về Biểu cả. Đường kinh của ba kinh Dương đều khởi từ mắt, mà mô tấu của tam tiêu, thông lên các không khiếu như tai, mắt... Phạm các thứ tiếng do

nên gọi là Thiếu dương. Đờm gởi mình ở Can, bấp khí phong hóa mà sinh hỏa nên lại là chủ của Phong hỏa. Nếu Thiếu dương tam tiêu và Đờm đều không mắc bệnh, thời phong hỏa thanh sương, sinh dương điều đạt, người ta còn biết đó là dấu. Giả sử bệnh thuộc về hỏa của Thiếu dương Đờm mộc hỏa do trong Mô, xông lên Vị, khẩu mà thành chứng miệng đắng, họng khô. Giả sử bệnh thuộc về Phong của Thiếu dương Đờm mộc thời Phong do mô, chạy lên không khiếu, vào mục hệ, hợp với Can mạch, Can mạch qua óc vào mắt. Đờm kinh với nó cùng hợp thời phong với hỏa cùng quạt lẫn nhau, sẽ sinh ra chứng mục huyền (mắt mờ trông cứ như hoa lên...). Đó là bởi trong phong có cái khí của uất hỏa. Đó là cái bệnh do tự mình gây nên của Thiếu dương Đờm kinh. Trọng sự lấy ba chứng ấy làm đề cương, đã thấy được cái đường lối của tam tiêu cách mô và cái lý tương thông của Thiếu dương với các kinh, muốn cho học giả nhân đó mà hội thông được tất cả".

## Tiết 2

少陽中風兩耳無所聞目赤胸中滿而煩者不可吐下吐下則悸而驚

**Phiên âm:** Thiếu dương trúng phong lưỡng nhĩ vô sở văn, mục xích hung trung mãn nhi phiến giả bất khả thổ, hạ; thổ, hạ tác quý nhĩ kinh.

**Dịch nghĩa:** Thiếu dương trúng phong, hai tai không nghe tiếng gì, mắt đỏ, trong hung đầy mà sinh phiến... Không thể thổ và hạ. Nếu thổ hạ sẽ Quý và Kinh.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái phong tà do Thiếu dương tự mắc phải mà rần không nên thổ, hạ. Tiết trên đề cương chuyên nói về khí hóa, tiết này bổ thêm chứng bệnh của kinh mạch.

Đường Tôn Hải nói: "Câu "trong hung đầy" chính là một cái then khóa của kinh Thiếu dương. Trước hung có Cách. Cách mô trên thời vòng theo lồng ngực, tức là trong hung. Cách mô ấy lại liền với tâm bào mà phụ gắn vào Vị. Tà ở trong Cách mô cho nên trong hung đầy. Lấn lên tâm bào cho nên tâm phiến. Chứng bệnh ấy chỉ ở trong

Cách mà không có ở trong Vị, thời cái thủy khí của bàng quang tất phạm lên mà thành chứng Quý, làm thương đến khí Âm của Vị thời cái hỏa của tâm bào sẽ bay vọt lên mà thành chứng kinh.

## Tiết 3

傷寒脈弦細頭痛發熱者屬少陽少陽不可發汗發汗則譫語此屬胃胃和則愈胃不和則煩而悸

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Huyền, Tế, đầu thống phát nhiệt giả, thuộc Thiếu dương, Thiếu dương bất khả phát hàn, phát hàn tác thêm ngữ, thử thuộc Vy, Vy hòa tác dữ, Vy bất hòa tác phiến nhi quý.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn (thuộc Thiếu dương) mạch Huyền, Tế, đầu nhức, phát nhiệt... Ấy là thuộc Thiếu dương. Thiếu dương không thể phát hàn. Phát hàn thời thêm ngữ, ấy là thuộc về Vị. Vị hòa thời khỏi, Vị không hòa thời Phiến và Quý.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái hàn tà do kinh Thiếu dương tự mắc phải mà rần không nên phát hàn.

Đường Tôn Hải nói: "Câu "Ấy là thuộc Vị" là nói phát hàn, thêm ngữ, tà sẽ chuyển thuộc về Vị. Bởi trong mô tấu của Thiếu dương tam tiêu là cái đường đi lại của thủy với hỏa. Phát hàn thời thủy tiết ra ngoài mà hỏa thịnh ở trong cho nên hợp với cái tảo của Dương mình mà phát sinh chứng thêm ngữ. Coi như sau khi hãn rồi, Dương mình Vị không tảo, thời thanh hỏa mà khỏi. Ấy là Vị không có tảo nhiệt, không hợp với tà của tam tiêu. Nếu Vị không thanh hòa mà có tảo nhiệt, hợp với tam tiêu, do hung cách phạm lên tâm bào, thời sinh ra phiến. Cũng có khi Dương theo hãn tiết ra ngoài, làm động đến thủy khí ở bên trong mà thành ra bệnh Quý. Tóm lại, đều là do phát hàn làm thương đến cái khí thủy hỏa mà gây nên.

## Tiết 4



phải là thực nhiệt kết tụ, nên dùng Điều Vị thừa khí hoặc tiểu thừa khí cho lợi chút ít. Dương minh Vỵ nhiệt chưa thành thực thời ăn được, trong Vỵ táo kết thời không ăn được, nhưng ăn vào lại ọạ là Vỵ hư hàn không dung nạp được thức ăn, nên dùng Ngô thù du thang để ôn đi. Dương minh bệnh, có ngoại chứng không hiểm ác lắm, nên dùng Đại thừa khí thang gấp hạ đi, như kết nhiệt xung lên, mắt trông không rõ ràng, gương mặt không hòa, nhiệt tà đốt mạnh, phát nhiệt, hàn nhiều, phát hãn không giải, nhiệt thể bên trong dữ tợn, bụng đầy đau, tuy không có thực chứng trào nhiệt, đầy, rắn, nếu không gấp hạ đi, nguy cơ sẽ đến. Do đó, biết chứng thích ứng với Đại thừa khí thang vẫn không cần có những chứng trào nhiệt, thêm ngủ, tay chân hãn ra, rắn, đầy. Nếu bụng đầy, hạ đi, đầy không giảm, giảm không đủ kể, hoặc hạ rồi tâm phiền, bụng lớn, đầy, không thông, tuy có táo khí, quanh rốn đau, hoặc Vỵ thực, hạ lợi, mạch Hoạt, Sác mà không có túc thực, hoặc tiểu tiện không lợi, đại tiện chọt khó, chọt dễ, suyễn mao, không nằm được hoặc chấp tối phát nhiệt như Ngược mà mạch thực, đều là nên dùng Đại thừa khí hạ đi. Nhưng Dương minh chứng, đại tiện rắn mà sác đen, trở lại dễ đi, người bệnh hay quên là chứng Để đáng thang, không thể dùng thừa khí thang. Dương minh chứng trị hạn, thời nhiệt vượt ra ngoài được, không phát hoàng nếu tiểu tiện không lợi, không hạn hoặc đầu có hạn, khát uống nước, thời nhiệt ở ở Lý, bụng hơi đầy, mình phát vàng, sác như quả quít, nên dùng Nhân trần cao thang. Biểu tà chưa giải, không hãn, ghét lạnh mà không khát, nên dùng ma hoàng, Liên kiều, Xích tiểu đậu thang, đã không có biểu chứng có thể phát hãn, lại không có lý chứng có thể hạ, nhưng mình vàng, phát nhiệt nên dùng chi tử, Bá bì thang. nếu phát hãn rồi mà mình, mắt đều vàng, không phải chứng Dương minh, đó là do hàn thấp của Thái âm không giải nên sinh ra như vậy".

## Bàn về chứng và mạch của bệnh

### thuộc kinh Thiếu dương

#### Thiên C

##### Tiết 1

少陽之為病口苦咽乾目眩也

**Phiên âm:** Thiếu dương chi vi bệnh: khẩu khổ, yết can, mục huyền dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thiếu dương, miệng đắng, họng khô, mắt mờ.

**Chú giải:** Tiết này nêu đề cương cái chứng hậu của kinh Thiếu dương, chủ về phần khí hóa của kinh ấy mà nói.

Kha Vận Bá nói: "Thái dương chủ về Biểu lấy "đầu nhức, cổ cứng làm đề cương; Dương minh chủ về Lý, lấy "Vị gia thực" làm đề cương; Thiếu dương chủ về nửa Biểu, nửa Lý. Trọng sư nêu: "miệng đắng, họng khô, mắt mờ" làm đề cương. Thật là rất đúng, không làm sao thay đổi được. Bởi miệng, họng, mắt... ba nơi đó không thể cho là Biểu, cũng không thể cho là Lý, mà chỉ là một nơi Biểu đi vào Lý, Lý đi ra Biểu. Tức là nửa Biểu, nửa Lý. "Đắng, khô, mờ" đều là cái bệnh từ trong ra ngoài, người ngoài không thể biết, chỉ bệnh nhân tự biết. Cho nên y giả tất phải biết phương pháp để "chẩn", "vấn" mới được".

Xét: ba chứng trên là bệnh cơ của Thiếu dương, kèm cả Phong, Hàn và tạp bệnh mà nói.

Đường Tôn Hải nói: "Thiếu dương là tam tiêu, thận hệ trong mạng môn, một thứ Dương ở trong thủy nên gọi là Thiếu dương. Do thận hệ, tới Can hệ mà cùng thông với Đờm. Cái khí Dương ở trong thủy, bên trên sinh ra Đờm mộc, tức là cái khí dương xuân sinh, cho

## Tiết 26

傷寒瘵熱在裡身必發黃麻黃連翹赤  
小豆湯主之

Phiên âm: Thương hàn ứ nhiệt tại Lý, thân tất phát hoàng, Ma hoàng, Liên kiều, Xích tiểu đậu thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thương hàn ứ nhiệt ở Lý, mình hẳn phát vàng, Ma hoàng, Liên kiều, Xích tiểu đậu thang chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Tiết này nói về thấp nhiệt ứ ở trong.

Xét: chứng phát vàng của kinh Thái dương là do cái tiêu nhiệt của Thái dương hợp với cái thấp khí của thái âm, chứng phát hoàng của kinh Dương minh, hợp với cái thấp hóa của thái âm ở trong. Nếu chỉ bản khí mắc bệnh mà không hợp với thái âm, đều phát hoàng. Cho nên nói rằng: "nếu ở Thái âm, mình sẽ phát vàng". Nếu tiểu tiện tự lợi cũng không khi nào phát vàng.

Ma hoàng, Liên kiều, Xích tiểu đậu thang phương

### 麻黃連翹赤小豆湯方

麻黃	Ma hoàng	2 lượng (bỏ đốt)
赤小豆	Xích tiểu đậu	1 thăng
連翹	Liên kiều	2 lượng
杏仁	Hạnh nhân	40 hạt (bỏ vỏ và chóp)
大棗	Đại táo	12 quả (bửa, bỏ hạt)
生梓白皮	Sinh tử bạch bì	1 thăng
生薑	Sinh khương	2 lượng
甘草	Cám thảo	2 lượng (nướng)

Dùng 1 đấu nước, trước đun Ma hoàng sôi lên vại lần, gạt bỏ bọt, rồi mới cho các vị kia vào, đun còn 3 thăng, chia làm 3 lần, uống nóng. Nửa ngày phải uống cho hết.

Xét: nếu không có tử bạch bì dùng Nhân trần thay cũng được.

Chú giải: Đường Tôn Hải nói: "Ở Lý" là chỉ về phía trong cơ nhục. Đối với bên ngoài bì mao mà nói thì là Lý. "Cơ" tức là phi nhục (thịt nạc) nơi ở của khí phạm, "nhục" tức là sấu nhục, nơi ở của huyết phạm. Nếu nhiệt phạm vào cơ nhục, khiến khí huyết cùng nung nấu, thời ô trệ (những chất bản đục) không dẫn đi được gọi là ứ nhiệt. Khí ứ thì thành thủy, huyết ứ thì thành hỏa. Thủy với hỏa nung nấu ở trong cơ nhục, hiện ra cái bản sắc của thổ mà thành chứng phát hoàng. Cho nên dùng Ma hoàng, Hạnh nhân mở bì mao để tán thủy ở bên ngoài, dùng Tử bạch bì để lợi thủy bên trong. Ba vị đó là để trừ bỏ cái nhiệt ở thủy phạm. Liên kiều làm cho tan cái ứ nhiệt ở huyết phạm. Xích tiểu đậu có thể khử được cái kết ở huyết phạm. Hai vị đó là để trừ bỏ cái ứ nhiệt ở huyết phạm. Lại càng phải dùng Cam thảo, Sinh khương để tuyên thông Vy khí hợp với các thuốc để đạt ra ngoài cơ nhục. Lại rất hay là thứ nước mới mưa để đun thuốc, thời giải các uất nhiệt của thủy với hỏa lại càng chóng. Cứ do bài thuốc để xét về chứng hậu, rất là rõ ràng để hiểu.

## KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 26 tiết nói thêm về ý nghĩa chứng Dương minh táo nhiệt và chứng gấp hạ, nên hạ và phép trị chứng Dương minh phát vàng. Dương minh vốn tự hẳn ra, nhưng ra nhiều là thái quá, tân dịch vượt ra ngoài, nhân đó, đại tiện rắn, tiểu trường hấp thu mạnh (Vy khí mạnh), thời tiểu tiện luôn, tân dịch thấm ra theo tiểu tiện, đại tiện hơi khó (loại chứng này không đại tiện 10 ngày cũng không thấy khó chịu), đây không phải là nhiệt kết thành thực, nên dùng Ma hoàng hoàn chậm rãi thông đi. Dương minh phát hẳn rồi mà hầm hập phát nhiệt là nội nhiệt quá lắm, thổ rồi, bụng đầy nhẫy, khí nghịch chưa bình, hạ, thổ, hạ rồi hơi phiền, tiểu tiện luôn, nhân đó đại tiện rắn, đó không

cùng hấp nhau mà phát nhiệt, thời chỉ nên thanh giải. Nếu lâu đến 7, 8 ngày thời dùng phép để thanh, không thể giải ngay được, phải dùng bài Điều Vy thừa khí thang, dùng Đại hoàng, Cam thảo, nhân cái sắc vàng của nó dẫn vào Cao du, để đưa nhiệt và Trường, Vy cho tả bỏ xuống, thời nhiệt sẽ giải và Phù, Sắc cũng thôi. Vì phỏng đã hạ, mạch Phù đã giải mà nhiệt thể không dứt, mạch Sắc vẫn không giải, thế là cái nhiệt ở trong Cao du, vì hạ mà lọt vào Vị. Cái táo khí của Vy vốn hay tiêu cốc, giờ lại hợp với cái tả nhiệt của Cao du, thời sẽ biến thành chứng Trung tiêu, mà tiêu cốc, hay đói. Nếu không thành chứng Trung tiêu (chữ trung tiêu đây là tên bệnh) mà thành ra chứng "hạ rồi vong tân dịch", đến 6, 7 ngày không đại tiện, cái tả nhiệt tất phải kết ở khoảng Cao du thuộc hạ tiêu huyết dịch rớt xuống vào Đại trường, thời đại tiện điều hòa. Giữ ứ huyết ở vào bộ phận Cao du mà không rớt xuống vào Đại trường nên phải dùng Để đàng thang để trục bỏ ứ huyết. Nếu sau khi hạ rồi nhiệt vẫn nhiều mà mạch Sắc không giải, lại vì hạ rồi mà lợi không dứt, cái tả nhiệt tất hợp với Đại trường mà thành đại tiện ra nùng huyết. Chứng ấy ngày nay gọi là Kết lỵ.

Tóm lại, tả nhiệt ở trong Cao du hợp với Vị, thời thành chứng tiêu cốc, kết với huyết thời thành chứng ứ huyết, hợp với Đại trường mà hạ lợi thời thành chứng Đại tiện ra nùng huyết".

### Tiết 23

傷寒發汗已身目為黃所以然者以寒溼在裡不解故也以為不可下也於寒溼中求之

**Phiên âm:** Thương hàn phát hàn dĩ, thân mục vi hoàng, sở dĩ nhiên giả, dĩ hàn thấp tải lý bất giải cố dã, dĩ vi bất khả hạ dã, ư hàn thấp trung cầu chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn phát hàn rồi, suốt mình, mắt đều vàng. Sở dĩ như thế do Hàn, Thấp ở Lý vẫn không giải được. Bởi hàn, thấp nên không thể hạ (nếu là nhiệt thấp thì hạ được). Phải do trong Hàn thấp mà tìm phép để điều trị.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng Hàn, Thấp phát hoàng, không thể nhằm dùng phép trị chứng thấp nhiệt để điều trị. Thuộc về chứng này, bài Ngũ linh tán, Chân vô đầu là chính trị. Theo thời pháp gia thêm Nhân Trần cao càng hay.

Từ tiết này đến tiết 26 bàn về cái nhiệt của Dương minh hợp với cái thấp của Thái âm mà gây nên chứng phát hoàng.

### Tiết 24

傷寒七八日身黃如橘子色小便不利腹微滿者茵陳蒿湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn thất bát nhật, thân hoàng như quýt tử sắc, tiểu tiện bất lợi, phúc vi mãn giả, Nhân trần cao thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn đã 7, 8 ngày, mình vàng như sắc quả quýt, tiểu tiện không lợi, bụng hơi đầy... Nhân trần cao thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng thấp nhiệt uất ở trong và ngoài.

### Tiết 25

傷寒身黃發熱者梔子柏皮湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn thân hoàng phát nhiệt giả, Chi tử Bá bì thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mình vàng phát nhiệt, Chi tử Bá bì thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng thấp nhiệt phát cả ra bên ngoài.

Chi tử, Bá bì thang

梔子柏皮湯

梔子 Chi tử 15 quả (bửa đôi)

甘草 Cam thảo 1 lượng (nướng)

黃柏 Hoàng bá 2 lượng

14, 15 nói về sau khi hàn, thổ, hạ rồi, tà nhiệt phạm vào Trường, Vị, tức là một chứng ở vào trong phủ. Nên dùng Điều Vị thừa khí thang để hòa trong trường. Hai tiết 19, 20 nói về "bụng đầy và đau", cái kết đã quá lắm, cho nên "dù giảm 1, 2 phần không đủ kể". Vì đau thời "gấp" cho nên phải nói "gấp hạ đi", vì "giảm" thời "hoãn" cho nên nói nên hạ đi... đều là làm cho trục bỏ cái "thực" ở trong Trường, Vị cả. Cái "thực" trong trường cũng chỉ là "táo nhiệt" cùng hợp lại mà thành chứng "kết"... Dem mà hợp xem với 4 tiết trên thời cái tăng thứ của kinh Dương minh với cái sự nhẹ nặng của chứng táo nhiệt đều rất rõ ràng.

Dương minh chỉ có một táo khí, hợp với tà nhiệt thì thành táo nhiệt. Chứng còn nhẹ có thể dùng phương pháp để chậm rãi điều hòa. Chứng đến nặng tất phải dùng phương pháp hạ gấp mới có thể cứu lại "kháng dương" để giữ lấy "cô âm", tức là một phép lớn để chính trị về chứng táo nhiệt. Chứ không phải là cái chứng táo nhiệt của Dương minh lại còn có một thứ gọi là hàn nhiệt nữa đâu".

#### Tiết 21

陽明少陰合病必下利其脈不負者順  
也貧者失也互相剋賊名為負也脈滑  
而數者有宿食也當下之宜大承氣湯

Phiên âm: Dương minh thiếu âm hợp bệnh, tất hạ lợi, kỳ mạch bất phụ giả thuận dã, phụ giả thất dã, hồ tương khắc tặc danh vi phụ dã. Mạch Hoạt nhi Sác giả hữu túc thực dã, đương hạ chi, nghi Đại thừa khí thang.

Dịch nghĩa: Dương minh và thiếu dương hiệp bệnh, tất hạ lợi. Nếu mạch không "thua" ấy là thuận (nghĩa là cái mạch Đại của Dương minh với mạch Huyền của Dương minh ngang nhau không hơn không kém...). Nếu thua (tức là chỉ thấy mạch Huyền của thiếu dương, mà không thấy mạch Đại của Dương minh, thế là Dương minh thua) ấy là chính khí bị mất vậy. Nếu cùng khắc hại lẫn nhau, cũng gọi là thua. (nghĩa câu này là: Mộc, Hỏa vốn có thể nhân cái sở thắng của nó mà khắc mộc hỏa, bên này dư c thì bên kia tất phải thua, cùng khắc lẫn

nhau, rút lại, cả ba đều bị bại, nên đều gọi là thua). Nếu mạch Hoạt mà Sác, ấy là túc thực, nên hạ đi, dĩng Đại thừa khí thang.

Chú giải: Tiết này nói về Dương minh - Thiếu dương hợp bệnh, xét nên hạ thì hạ đi, tụt trung có ngụ quái ý: thổ uất thời phải "đọt" đi, Mộc uất thời làm cho "đạt" đi.

#### Tiết 22

病人無表裡症發熱七八日雖脈浮數  
者可下之假令已下脈數不解合熱則  
消穀善飢至六七日不大便者有瘀血  
也宜抵當湯若脈數不解而下不止必  
協熱而便膿血也

Phiên âm: Bệnh nhân vô Biểu Lý chứng, phát nhiệt thất bát nhật tuy mạch Phù, Sác giả khả hạ chi, giả linh dĩ hạ mạch Sác bất giải, hiệp nhiệt tắc tiêu cốt tiện cơ, chí lực thất nhật bất đại tiện giả, hữu ứ huyết dã. Nghi Đễ đáng thang. Nhược mạch Sác bất giải nhi hạ bất chí tất hiệp nhiệt nhi tiện nồng huyết dã.

Dịch nghĩa: Bệnh nhân không có chứng Biểu với Lý, phát nhiệt đến 7, 8 ngày, đều mạch Phù. Sác cũng có thể hạ đi. Vì phỏng để hạ, mạch Sác vẫn không giải, hợp với Vị thành nhiệt, mà tiêu cốt, hay đói. Đến 6, 7 ngày vẫn không đại tiện ấy là có ứ huyết, dùng Đễ đáng thang. Nếu mạch Sác không giải mà lại hạ lợi vẫn không dứt, thế tất lại hiệp với cái nhiệt của Trường Vị mà đại tiện ra nùng huyết (mũ và máu).

Chú giải: Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói về bệnh ở khoảng cơ nhục và cao huyết. Tắm thân con người, cả trong lẫn ngoài, đều lấy mô để cùng liền nhau, trong mô có "khe" để hành thủy, hành khí. Trên mô sinh ra cao du, phì nhục. Mà ở trong Cao du, phì nhục thấy đều là huyết đi quanh cơ dẫn đi (Tây y gọi là lâm ba quản). Đây chỉ nói chứng bệnh thuộc về cao huyết cơ nhục. Cho nên nêu ra mấy chữ "không có chứng ở Biểu, Lý" làm nhãn mục (xem tiết 17, lời chú của Đường Tôn Hải). Nghĩa là nói: không có chứng biểu như ở bì mao và cái chứng Lý như ở Trường, Vị mà chỉ ở khoảng cơ nhục, cao huyết

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 6, 7 ngày, mắt trong không rõ ràng, mắt không hòa, không có chứng gì thuộc biểu lý, đại tiện khó, mình hơi nhiệt. Ấy là thực đó, gấp hạ đi. Nên dùng Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Thương hàn đến 6, 7 ngày, tà nhiệt đã lấn vào trong mà hợp với Dương minh. Cứ lẽ thời mình nên đại nhiệt (sốt nóng lắm) và đại tiện phải nên rất rắn. Vậy mà lại không có cái chứng cơ biểu của Dương minh, mà mình chỉ hơi nhiệt, không có cái chứng ở Lý và thuộc về Vị của Dương minh, mà đại tiện chỉ hơi khó... Xem thời tựa như chứng cũng không nặng lắm. Nhưng ngờ đâu cái khí táo nhiệt, dẫn theo trong cái khe của mô mà lên não tủy, thẳng ra mục hệ, bởi thế mà mắt trong không được rõ ràng. "Mắt không hòa" là một chứng thuộc về não tủy thần đồng rất là nguy cấp. Vậy phải làm cách "rút bỏ củi ở dưới trôn nôi" mà gấp hạ ngay đi, mới mong vẫn hồi được. Hợp với tiết trên "nếu thổ, nếu hạ, nếu ghét hẳn, hơi phiền, tiểu tiện luôn, cũng cùng là chứng trong cách mô. Nhưng phiền bởi tiểu tiện luôn còn là nhiệt noi theo Cách mô, dẫn lên vào tâm bào rồi chạy xuống ngay Bàng quang. Cái "thần" của tâm bào không đến nỗi mất ngay. Cái "thủy" của Bàng quang không đến nỗi kiệt ngay... Đổ tức là chứng táo nhiệt hãy còn nhẹ, cho nên chỉ dùng bài tiểu thừa khí thang để "hòa" đi. Tiết này, nhiệt do Cách mô xung thẳng lên tủy hải. Xâm phạm vào thần thủy có cái nguy cơ "thần vong" ngay tức khắc. Đó là chứng táo nhiệt rất nặng và thế rất nguy, nên phải gấp hạ đi. Nội kinh nói: "Vị lạc thống lên với óc". Tây y nói: "Não khí cân phần nhiệm hệ ở Vị", nhưng dù nói là "lạc", nói là "cân" mà thực thời đều do Cách mô mà thông lên. Cho nên trên nguyên văn, câu "không có Biểu, Lý chứng"... đã chỉ rõ ra là nhiệt ở trong khe mô vông, hợp với chứng "hơi phiền, tiểu tiện luôn" ở tiết trên, chỉ có nhẹ, nặng khác nhau, chứ không phải trên kia là thuộc về "táo nhiệt" mà dưới đây là thuộc về hàn khí đầu".

#### Tiết 18

陽明病發熱汗多者急下之宜大承氣湯

**Phiên âm:** Dương minh bệnh phát nhiệt, hãn đa giả, cấp hạ chi, nghi Đại thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh, phát nhiệt hãn nhiều, gấp hạ đi, nên dùng Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này, so với tiết 13 "hâm hấp phát nhiệt" chia nặng nhẹ mà thôi. Kinh Dương minh bên trong, chủ về Cao du, bên ngoài chủ về cơ nhục. Tà nhiệt ở trong cơ nhục thời hâm hấp phát nhiệt. Nếu hãn ra không nhiều, thế nhiệt còn nhẹ. Cứ như tiết 13, dùng bài Điều Vị thừa khí thang cũng đã đủ rồi. Chứng "hãn ra" ở tiết này, lại thuộc về sức nhiệt mạnh quá, sợ rằng Cao dịch sẽ bị kiệt ngay, cho nên phải gấp hạ đi, để tả bỏ cái thể táo nhiệt. Vậy so với tiết 13 chỉ là nhẹ nặng khác nhau".

#### Tiết 19

發汗不解腹滿痛者急下之宜大承氣湯

**Phiên âm:** Phát hãn bất giải, phúc mãn thống giả, cấp hạ chi, nghi Đại thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Phát hãn rồi bệnh không giải, bụng đầy và đau, nên gấp hạ đi. Nên dùng Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết 17, 18, 19 là chứng cần hạ gấp của Dương minh.

#### Tiết 20

腹滿不減減不足言當下之宜大承氣湯

**Phiên âm:** Phúc mãn bất giảm, giảm bất túc ngôn, đương hạ chi, nghi Đại thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Bụng đầy không giảm, dù giảm 1, 2 phần không đủ kể, nên hạ đi. Dùng Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết 19, 20 so với tiết 14 nói về chứng "bụng đầy, dùng Điều Vị thừa khí thang" chia nặng nhẹ mà thôi. Tiết

Tiết 15

太陽病若吐若下若發汗微煩小便數大便因硬者與小承氣湯和之愈

Phiên âm: Thái dương bệnh, nhược thổ, nhược hạ, nhược phát hàn, vi phiền, tiểu tiện sác, đại tiện nhân ngạnh giả, dĩ tiểu thừa khí thang hòa chi dĩ.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thái dương nếu thổ, nếu hạ, nếu phát hàn rồi, hơi phiền, tiểu tiện đi luôn, đại tiện nhân đó lại rắn, chodùng tiểu thừa khí thang hòa đi sẽ lành.

Chú giải: Tiết này tổng luận về sau khi đã phát hàn, đã thổ, đã hạ... Bệnh chứng đều có thể chuyển thuộc sang Dương minh được.

Đường Tôn Hải nói: "Hai tiết trên đây nói về tà khí vào trong Vị, phiền cho nên đều dùng bài Điều Vị thừa khí. Còn có con đường để cho tà lọt vào được, một đường do sự "hãm hập" ở cơ nhục mà vào Vị, một đường do sự thổ làm thượng Vị âm mà vào Vị. Vị liên với tiểu trường, đều ở cả vào khoảng phúc, cho nên nói: "phúc môn". Hai chứng có Biểu Lý khác nhau mà tà đều vào cả ở Vị cho nên đều dùng bài Điều Vị thừa khí thang. Đến tiết này nói: sau khi hàn, thổ, hạ rồi đều có thể làm thượng đến thủy tân ở trong mô vông. Thủy tân không rót vào trường được nữa cho nên đại tiện khó. Dùng bài Tiểu thừa khí để hòa tức là hòa cái khí ở trong tiểu trường và mô vông.

Tiết 16

得病而三日脈若無太陽柴胡症煩燥  
心下硬至四五日雖能食以小承氣湯  
少少與微和之令小安至六日與承氣  
湯一升若不大便六七日小便少者雖  
不能食但初頭硬後必澹未定成硬攻  
之必澹須小便利屎定硬乃可攻之宜  
大承氣湯

Phiên âm: Đắc bệnh nhi tam nhật, mạch Nhược vô Thái dương Sài hồ chứng, phiền táo, tâm hạ ngạnh chí tứ ngũ nhật, tuy năng thực dĩ tiểu thừa khí thang thiếu thiểu dĩ vi hòa chi, linh tiểu an, chí lục nhật dĩ thừa khí thang nhất thăng, nhược bất đại tiện lục thất nhật, tiểu tiện thiếu giả, tuy bất năng thực, đản sơ đầu ngạnh, hậu tất đường vị định thành ngạnh, công chi tất đường, tu tiểu tiện lợi, dĩ định ngạnh, nãi khả công chi. Nghi Đại thừa khí thang.

Dịch nghĩa: Mắc bệnh 2, 3 ngày mạch Nhược, không có Sài hồ chứng ở kinh Thái dương, phiền táo, tâm hạ rắn. Đến 4, 5 ngày, dù ăn được, cũng nên dùng tiểu thừa khí thang cho uống chút ít để hơi hòa đi, khiến cho tạm yên, đến 6 ngày vẫn không đại tiện, lại cứ dùng tiểu thừa khí thang thêm đến 1 thăng. Nếu vẫn phiền táo, tâm hạ rắn và không đại tiện đến 6, 7 ngày... nhưng tiểu tiện lại rất ít. Dù không ăn được, mà chỉ rắn lúc đầu, rồi sau tất nát, chưa hẳn đã rắn cả, nếu công đi tất sẽ nát. Nên xét có tiểu tiện lợi phân tất rắn mới có thể công hạ. Dùng bài Đại thừa khí thang.

Chú giải: Tiết này chia làm hai đoạn:

-Đoạn trên nói mạch Nhược, dù có phân táo cũng không nên công hạ, chỉ dùng tiểu thừa khí thang hòa đi. Bởi trị chứng "phân táo" phải lo đến sự hư mới được.

-Đoạn trên nói: tiểu tiện ít chưa chắc phân đã rắn cả, không nên vội vàng dùng phép công hạ. Nên xét xem tiểu tiện có lợi mới thật là phân đã rắn cả và mới có thể dùng phép công hạ.

Tiết 17

傷寒六七日目中不了了睛不和無表  
裡症大便難身微熱者此為實也急下  
之宜大承氣湯

Phiên âm: Thương hàn lục thất nhật, mục trung bất liễu liễu, tình bất hòa vô biểu lý chứng, đại tiện nan, thân vi nhiệt giả, thử vi thực dã. Cấp hạ chi nghi Đại thừa khí thang.

跌陽脈浮而澀浮則胃氣強澀則小便  
數浮澀相搏大便則難其脾為約麻仁  
丸主之

**Phiên âm:** Trật dương mạch Phù nhì Sáp, Phù tắc Vị khí cường, Sáp tắc tiểu tiện sác, Phù Sáp tương bác, đại tiện tắc nan, kỳ tỳ vi ước, ma nhân hoàn chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Trật dương mạch Phù mà Sáp, Phù thời Vị khí mạnh. Sáp thời tiểu tiện luôn. Phù với Sáp cùng chọi nhau, thời Đại tiện khó, tỳ sẽ bị ước (rút xoắn lại). Ma nhân hoàn chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này đi theo đoạn trên nói về mạch Dương tuyệt ở tiết trên mà bổ thêm cái mạch âm hư và lập ra phương trị. Ba tiết trên đây (10, 11, 12) đều nói về chứng tỳ ước mà cái nguyên nhân thì không giống nhau, tiết 10 nói: hãn ra nhiều quá làm "vong tân dịch" thì Dương khí cô tuyệt ở Lý, hun đốt lên cái cao du của tỳ, khiến cho cao du khô rạp lại, không thể thấm nhuần xuống Đại trường thời đại tiện khó. Tiết 11 nói: Phù là Dương khí quá gắng, khổng là Âm huyết bị hư, cái khí Vị dương sẽ cùng với tỳ âm cách tuyệt nhau khiến cho cái cao du của tỳ, bị cái sức nhiệt của Vị đốt lên, cũng thành ra khô rạp lại. Tiết 12 này lại nói nếu không ra hãn, không huyết hư... mà lại tiểu tiện luôn, thời tân dịch lại do tiểu tiện bài tiết ra ngoài, trong mô không có gì thấm nhuần, bị Vị nhiệt đốt khô mất cao, thời tỳ du cũng rạp lại thành chứng tỳ ước mà không đại tiện được.

**Ma nhân hoàn phương**

**麻仁丸方**

麻子仁	Ma tử nhân	2 thăng
芍藥	Thược dược	nửa cân
梔子	Chi tử	nửa cân (nướng)
大黃	Đại hoàng	1 cân (bỏ vỏ)
厚朴	Hậu phác	1 cân (nướng)

杏仁 Hạnh nhân

1 thăng (bỏ  
vỏ, chóp, nghiền nát)

Tán bột luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên, ngày 2 lần, dần thêm nhiều lần, thấy đại tiện được nhuận mới thôi.

**Chú giải:** Tỳ vị Vị để dẫn hành tân dịch. Giờ Vị nhiệt mà tân dịch khô, tỳ không lấy gì dẫn đi được mà thành ra "ước" (xoắn lại) cho nên dùng Ma nhân là một vị nhiều chất mỡ để nhuận táo, Đại hoàng, Thược dược có tính khổ tiết để phá kết, chỉ thực, Hậu phác có tính thuận khí để hành trệ. Hoàn bằng mật là trị chứng ở tỳ muốn cho được "hoãn" (chậm) khiến tỳ không tiết xuống, thành chứng tiểu tiện luôn, mà đem tân dịch trở về Vị, thời chứng đại tiện khó sẽ tự khỏi.

**Tiết 13**

太陽病三日發汗不解蒸蒸發熱者屬  
胃也調胃承氣湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh tam nhật phát hàn bất giải, chưng chưng phát nhiệt giả, thuộc Vị dã. Điều Vị thừa khí thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương phát hàn mà nhiệt vẫn không giải, vẫn hầm hập phát nhiệt, ấy là thuộc Vị. Điều Vị thừa khí thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về nhiệt tà do hãn ra rồi. Lại truyền Vị phủ.

**Tiết 14**

傷寒吐後腹脹滿者與調胃承氣湯

**Phiên âm:** Thương hàn thổ hậu phúc trương mãn giả, dĩ Điều Vị thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn cho thổ rồi, bụng trương đầy, cho dùng Điều Vị thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này nói về sau khi thổ mà nhiệt tà vẫn lưu luyện không giải đi được.

Trúng phong, "không ọa" thời trong Vị không mắc bệnh, mà "chỉ thấy tâm hạ bì" ấy là Bĩ không ở trong Vị mà ở trong Cách mô, tức là chứng của bài tả tâm ở trên thiên Thái dương. Đã thuộc về phong chứng, nên dùng bài Quế chi, thế mà y giả lại cho hạ sớm quá, nên tà mới hãm vào hung cách, không thể thấy chứng Bĩ mãn mà tưởng lầm là chứng Vy gia thực của kinh Dương minh. Nếu không vì hạ mà bĩ mãn, lại không ố hàn... thời là không có phong chứng của kinh Thái dương, mà chỉ miệng khát, lại hiện ra táo chứng của kinh Dương minh. Đó tức là đã chuyển thuộc sang chứng thực nhiệt ở trong Vị của kinh Dương minh rồi. Ấy là một đoạn trên, biện rõ chứng Bĩ của Vị với Cách khác nhau là thế.

Đoạn dưới lại biện về chứng đại tiện rần: Dương minh đại trường táo nhiệt, vốn gây nên đại tiện rần, nhưng cũng có khi không vì đại trường táo. Bởi phạm bàng quang, tiểu tiện sắc (nặng đi) thủy bài tiết ra ngoài quá nhiều, không có gì thấm nhuần vào Đại trường, thời đại tiện tất phải rần, coi tựa như chứng táo kết ở Đại trường. Nếu là chứng táo kết ở Đại trường, lâu không đại tiện tất phải sinh ra trào nhiệt, mãn cấp. Giờ chỉ vì tiểu tiện lâm, thủy tiết ra mất nhiều, khiến cho Đại trường rần... thời dù đến 10 ngày, không đại tiện cũng không sinh ra trào nhiệt mãn cấp. Thủy đã không lưu, thì "tân" không thể thăng lên được, khát muốn uống nước, nên cho uống chút đỉnh... Vậy chỉ nên lấy cái phương pháp làm cho Bàng quang hóa khí để cứu chữa. Nếu mà khát tức là khí không hóa được "tân" nên dùng bài Ngũ linh tán, khiến cho hóa khí, hóa thủy để dẫn "tân dịch" lên, thì tự nhiên sẽ đại tiện. Y giả không nên nhầm dùng Đại thừa khí!

Đó là một đoạn dưới, biện rõ về chứng Đại tiện rần ở Đại trường với Bàng quang không giống nhau. Cái áo nghĩa của hai đoạn trên, ít người hiểu thấu. Duyệt giả nên chú ý".

#### Tiết 10

脈陽微而汗出少者為自和也汁出多者為太過陽脈實因發其汗出多者亦

為太過太過為陽絕於裡芒津液大便因硬也

**Phiên âm:** Mạch Dương vi nhi hạn xuất, thiếu giả vi tự hòa dã, hạn xuất đa giả vi thái quá. Dương mạch thực nhân phát kỳ hạn xuất đa giả, diệc vi thái quá, thái quá vi Dương tuyệt ư Lý, vong tân dịch, đại tiện nhân ngạnh dã.

**Dịch nghĩa:** Mạch Dương Vi (tức là Thốn Hoãn) mà hãn ra ít. Ấy là tự hòa (tức là Âm Dương điều hòa). Hãn ra nhiều là thái quá (bởi âm dịch mát mà Dương lại đột thịnh nên gọi là thái quá). Dương mạch thực, y giả lại cho phát hãn vì đó mà hãn ra nhiều, cũng là thái quá. Thái quá là Dương với Âm cách tuyệt, mà không hòa ở Lý. Bởi vong tân dịch nên đại tiện mới rần.

**Chú giải:** Tiết trên chính là ý nói về "vong tân dịch" mà dùng bài Ngũ linh tán chỉ là một phương pháp biến trị về chứng chuyển thuộc... mà không phải là chủ của chứng "vong tân dịch".

Tiết này lại nói thêm cho đủ cái ý "vong tân dịch" ở tiết trên, mà về trị pháp thời đã "hàm" ở ngoài lời nói. Uông Linh Hữu nói: có thể dùng được Ma nhân hoàn.

#### Tiết 11

脈浮而芤浮為陽芤為陰浮芤相搏胃氣生熱其陽則絕

**Phiên âm:** Mạch Phù nhi Khổng, Phù vi Dương, Khổng vi âm, Phù Khổng tương bác Vị khí sanh nhiệt kỳ Dương tắc tuyệt.

**Dịch nghĩa:** Mạch Phù mà Khổng, Phù là Dương, Khổng là âm, Phù Khổng chọi cùng chọi lẫn nhau, Vị khí sẽ do đó mà sinh nhiệt. Dương sẽ gắng quá mà tuyệt (tức là Âm dương cùng cách tuyệt)

**Chú giải:** Tiết này diễn theo tiết trên mà nói rõ về mạch Dương tuyệt.

#### Tiết 12



**Phiên âm:** Bệnh nhân tiểu tiện bất lợi, đại tiện sạ nan sạ dị, thời hữu vi nhiệt, suyễn mạo bất năng ngoạ giả, hữu táo thì dã, nghi Đại thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh nhân tiểu tiện không lợi, đại tiện lúc khó, lúc dễ, có lúc hơi nhiệt, khí suyễn và uất mạo, không thể nằm được, đó là có phân ráo. Nên dùng Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này nói thêm về cải biến pháp của phân táo, để cho y giả biết đường thông biến.

### Tiết 8

食穀欲嘔者屬陽明也吳茱萸湯主之  
得湯反劇者屬上焦也

**Phiên âm:** Thực cốc dục ầu giả, thuộc Dương minh dã, ngô thù du thang chủ chi, đắc thang phản kịch giả, thuộc thượng tiêu dã.

**Dịch nghĩa:** Ăn thực ăn vào muốn ọ, ấy là thuộc Dương minh. Bài Ngô thù du thang chủ về bệnh ấy. Nếu uống vào mà ọ lại kịch hơn, ấy là thuộc thượng tiêu.

**Chú giải:** Năm tiết trên bàn về chứng thực nhiệt của Dương minh. Tiết này lại nêu một chứng hư hàn để tổng kết ý nghĩa của năm tiết trên.

Đường Tôn Hải nói: "Vị tức là thực quản, thượng tiêu tức là Cách mô, trong thực quản hàn, không chứa được thủy cốc, mà muốn ọ, cho nên dùng bài Ngô thù du để làm ấm lại, khiến cho khí hàn tan đi, tức thời mới có thể tiêu hóa được. Nếu uống vào lại ọ kịch hơn, thời không phải là trong Vị hàn, mà chỉ là nhiệt ở trong Cách mô trên thượng tiêu. Trong Cách gặp nước thuốc ở ngoài uống vào lại giúp thêm sự nhiệt, nhiệt hùn vào Vị, thời ọ lại thêm. Trên đã nói: "thuộc Dương minh" rồi, lại nói thuộc "thượng tiêu..." ấy là muốn duyệt giả phân biệt từng thứ cho rõ.

Ngô thù du thang phương

吳茱萸湯方

吳茱萸	Ngô thù du	1 thăng (rửa rượu)
人參	Nhân sâm	3 lạng
生薑	Sinh khương	6 lạng (thái)
大棗	Đại táo	12 quả (bửa, bỏ hạt)

Dùng 9 thăng nước đun cạn còn hai thăng, bỏ bã uống nóng 7 hợp, ngày uống 3 lần.

### Tiết 9

太陽病寸緩關浮尺弱其人發熱汗出  
復惡寒不嘔但心下痞者此以醫下之  
也如其不下者病人不惡寒而渴者此  
轉屬陽明也小便數者大便必硬不更  
夜十日無所苦也渴欲飲水少少與之  
但以法救之渴者宜五苓散

**Phiên âm:** Thái dương bệnh thốn hoãn, Quan Thù, Xích nhược, kỳ nhân phát nhiệt hàn xuất, phục ố hàn, bất ầu, đản tâm hạ bĩ giả, thử dĩ y hạ chi dã. Như kỳ bất hạ giả, bệnh nhân bất ố hàn nhi khát giả, thử chuyển thuộc Dương minh dã. Tiểu tiện sắc giả, đại tiện tất ngạnh, bất canh y thập nhật vô sở khổ dã, khát dục ẩm thủy, thiếu thiếu dĩ chi, đản dĩ pháp cứu chi, khát giả nghi Ngũ linh tán.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương thốn bộ Hoãn, Quan bộ Phù, xích bộ nhược. Bệnh nhân phát nhiệt, hàn ra, lại ố hàn, không ọ, chỉ dưới tâm bĩ, đó là do y giả hạ sớm mà gây nên. Nếu không nhân nhằm hạ, bệnh nhân không ố hàn mà miệng khát. Ấy là chuyển thuộc vào Dương minh. Hễ tiểu tiện luôn, đại tiện tất rắn. Dù không đi đại tiện đến hơn 10 ngày cũng không khó chịu. Khát muốn uống nước, nên cho uống ít ít. Chỉ nên dùng phương pháp cứu trị, dùng Ngũ linh tán.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Phù mà Nhược" ấy là mạch của chứng trúng phong. Bệnh nhân "phát nhiệt hân ra lại ố hàn" ấy là chứng

tất đường, bất khả công chi, nhược hữu táo thì giả, nghi Đại thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh đã hạ rồi, trong tâm trạo trọc mà phiền trong Vị nên có phân táo, khó dùng phép công hạ. Nếu bụng chỉ hơi đầy, lúc bắt đầu đi thì rắn, sau nát, không thể dùng phép công hạ nữa. Nếu là có phân táo, nên dùng bài Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này nói về bệnh ở Dương minh hạ rồi, tất tâm phiền và trong Vị có phân ráo, cả hai chứng đều hiện ra mới có thể quyết dùng Đại thừa khí. Trong Vị có phân ráo, tất phúc bộ cứng đầy. Nếu bụng hơi đầy, Vị chưa thành thực (trước cứng sau nát, cẩn thận, không thể công).

#### Tiết 4

病人不大便五六日繞臍痛煩躁發作  
有時者此有燥屎故使不大便也

**Phiên âm:** Bệnh nhân bất đại tiện ngũ lục nhật, nhiễu tể thống, phiền táo, phát tác hữu thời giả, thủ hữu táo thì cố dĩ bất đại tiện dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh nhân không đại tiện 5, 6 ngày, quanh rốn đau, phiền táo, phát lên có lúc. Đó là vì có phân ráo, cho nên khiến không đại tiện.

**Chú giải:** Tiết này diễn theo tiết trên "trong Vị có phân ráo" khó dùng phép công.

#### Tiết 5

病人煩熱汗出則解又如虐狀日晡所  
發熱者屬陽明也脈實者宜下之脈浮  
虛者宜發汗下之與大承氣湯發汗宜  
桂枝湯

**Phiên âm:** Bệnh nhân phiền nhiệt, hàn xuất tác giải. Hậu như ngược trạng nhật bô sở phát nhiệt giả, thuộc Dương minh dã.

Mạch thực giả nghi hạ chi, mạch Phù hư giả nghi phát hàn, hạ chi dĩ Đại thừa khí thang, phát hàn nghi Quế chi thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh nhân phiền nhiệt, hàn ra thời giải. nếu lại hiện ra chứng trạng như ngược, đến sẫm tối thời phát nhiệt, ấy là thuộc về Dương minh. Mạch thực thì nên hạ đi, nếu mạch phù, Hư (bệnh ở biểu), nên phát hàn. Hạ dùng bài Đại thừa khí thang; phát hàn, dùng bài Quế chi thang.

**Chú giải:** Tiết này bằng vào sự "hư", "thực" của mạch để phân biệt bệnh ở Biểu hay ở Lý và để thi hành phương pháp Hãn hay Hạ, chứ không thể một mực dùng bài thì khí cả.

#### Tiết 6

大下後六七日不大便煩不解腹滿痛  
者此有燥屎也所以然者本有宿食故  
也宜大承氣湯也

**Phiên âm:** Đại hạ hậu lục nhật bất đại tiện, phiền bất giải, phúc mãn thống giả, thủ hữu táo thì dã. Sở dĩ nhiên giả bản hữu túc thực cố dã, nghi Đại thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Sau khi đại hạ rồi, 6, 7 ngày không đi đại tiện, bụng đầy và đau, ấy là có táo phân. Sở dĩ như thế là vì bệnh nhân vốn có túc thực (thức ăn cũ) chưa hết. Nên dùng Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này diễn theo tiết trên mà nói. Về chứng này, nên chú ý ở chỗ "6, 7 ngày không đại tiện". Trong thời gian 6, 7 ngày không đại tiện ấy thời những thức ăn vào trong 6, 7 ngày ấy, tất lại sẽ biến làm túc thực... Bởi thế nên có thể dùng bài Đại thừa khí.

#### Tiết 7

病人小便不利大便乍難乍易時有微  
熱喘冒不能臥者有燥屎也宜大承  
氣湯

hãn, khiến cái "hoàng" ở trong bộ phận cơ nhục theo hãn mà tiết ra ngoài. Tâm hung là phần Lý của Thái dương và là Biểu của Dương minh. Phải dùng "hàn dược" mới "thắng" được cho nên dùng bài "chi tử bá bi thang" tức là một phương pháp thanh hỏa. Trường với Vị là phần Lý của Dương minh, nên tả ngay bỏ từ bên trong, cho nên đặt ra bài này, tức là một phương pháp trực uế. Nhân trần bảm thụ cái sắc của Bắc phương, trải qua mùa đông mà lá không rụng, gôi sương tẩm tuyết, hấp thụ được cái khí đại hàn, cho nên cơ thể trừ được chứng nhiệt tà lưu kết, đem chi tử để thông thủy nguyên... dẫn Đại hoàng để điều Vị khiến hết thấy cái khí ư nhiệt ở khắp thân thể đều do tiểu tiện mà ra. Chứng phúc mãn sẽ tự giảm, mà Trường, Vị lại không bị thương... Đó là cái phương pháp hợp sức để làm cho kiệt đi. Bài này thật là một thánh tế để lợi thủy thuộc về kinh Dương minh".

Lại xét: Trọng sự trị chứng khát ảm của kinh Dương minh có ba phương pháp mà như bài Ngũ linh tán làm cho hơi phát hãn để tan thủy khí ở kinh Thái dương không dư gì đến.

-Nếu đại khát, phiền táo, tiểu tiện tự lợi, thời dùng bài Bạch hổ gia Nhân sâm để thanh hỏa mà sinh tân.

-Nếu mạch Phù, phát nhiệt, tiểu tiện không lợi, thời dùng bài Trư linh thang để ty âm mà lợi thủy.

-Nếu tiểu tiện không lợi mà phát hoàng, bụng đầy... thời dùng bài Nhân trần cao thang để tiết nhiệt, khiến chứng "hoàng" do tiểu tiện mà ra.

Bệnh tình trị pháp rất là tinh tế, chu đáo.

Lại nghĩ: Trọng sự lợi tiểu tiện, tất phải dùng đến các vị thuốc có công năng hóa khí, thông đại tiện tất phải dùng các vị thuốc có công năng thừa khí... bởi tiểu tiện do khí hóa mà ra. Ở đây chứng tiểu tiện không lợi, không dùng hai vị Linh là vì sao? Bản luận nói: "Bệnh ở Dương minh, hãn ra nhiều mà khát... không thể cho uống bài Trư linh thang bởi hãn nhiều, trong Vị táo mà Trư linh thang lại lợi tiểu tiện. Nên biết: ở kinh Dương minh, hãn ra nhiều mà khát... còn không thể dùng một vị có cái công năng "trừ cũ đổi mới" là Nhân trần và một vị

có cái công năng quanh co dẫn xuống là Chi tử. Không dùng đến những vị để thừa khí như Chi thực, Hậu phác và các vị tuần lợi như Mang tiêu... thì một mình vị Đại hoàng kia chỉ có thể nhuận trường, tiết nhiệt, ung dung dẫn đi... Cho nên qua một đêm mà phúc bộ mới giảm, chứng "hoàng" sẽ do tiểu tiện mà ra, không phải dẫn xuống Đại trường nữa. Về phép lập phương của Trọng sư thật là thần diệu hết sức.

## Tiết 2

陽明症其人善忘者必有蓄血所以然者本有久瘀血故令善忘屎雖硬大便反易其色必黑宜抵當湯下之

**Phiên âm:** Dương minh chứng kỳ nhân thiện vong giả, tất hữu Súc huyết, sở dĩ nhiên giả, bản hữu cửu ứ huyết, cố linh thiện vong, thi tuy ngạnh, đại tiện phản dị, kỳ sắc tất hắc, nghi Đễ đáng thang hạ chi.

**Dịch nghĩa:** Chứng thuộc Dương minh, bệnh nhân hay quên hẳn có súc huyết. Sở dĩ như thế, bệnh nhân vốn có ứ huyết đã lâu, cho nên khiến hay quên. Phân dẫu rắn, đại tiện lại dễ mà sắc hẳn đen. Nên dùng Đễ đáng thang hạ đi.

**Chú giải:** Tiết này nói về nhiệt uất ở trong huyết phân mà là chứng của bài Đễ đáng. Xét: thầy biện về chứng Súc huyết thuộc kinh Thái dương tất nghiệm ở tiểu tiện lợi, biện về chứng Súc huyết thuộc kinh Dương minh, tất nghiệm ở Đại tiện dễ. Đó là đều theo về cái phủ của nó mà nói.

## Tiết 3

陽明病下之心中懊儂而煩胃中有燥屎者可攻腹微初頭更後必澹不可攻之若有燥屎者宜大承氣湯

**Phiên âm:** Dương minh bệnh hạ chi, tâm trung áo nồng nhi phiền, Vị trung hữu táo thì giả khả công. Phúc vị mãn sơ đầu ngạnh, hậu

phải là Vị nhiệt thực kết, chỉ nên dùng Bạch hổ thang thanh nhiệt, không thể dùng thừa khí. Như thượng tiêu táo nhiệt, Bằng quang tích thủy không đi, cũng mạch Phù, phát nhiệt, khát muốn uống nước mà tiểu tiện không lợi, nên dùng Trừ linh thang ú nhuận để lợi thủy. Nhưng Dương minh hãn nhiều mà khát, tiểu tiện không lợi, lại không thể dùng Trừ linh c động thương đến tân dịch. Cho nên tự hạn, tiểu tiện lợi, tân thương, Vị táo mà đại tiện không thể cho là nhiệt kết mà xông đi, nên đợi lúc tự muốn đại tiện, dùng Mật tiên đạo và Trừ đả thấp theo phép trị ngoài để dẫn đi.

## CHƯƠNG IV

### Tiết 1

陽明病發熱汗出此為熱越不能發黃  
也但頭汗出而身無汗劑頸而還小便  
不渴引水漿者此為瘵熱在裡身必發  
黃茵陳蒿湯主之

**Phiên âm:** Dương minh bệnh phát nhiệt, hãn xuất thử vì nhiệt việt, bất năng phát hoàng dã, đản đầu hãn xuất nhi thân vô hãn, tế cảnh nhi hoàn, tiểu tiện bất lợi, khát dẫn thủy tương giả, thử vì ử nhiệt tại lý, thân tất phát hoàng, Nhân trần cao thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh, phát nhiệt, hãn ra. Ấy là nhiệt việt (nghĩa là nhiệt đã theo hãn mà vượt ra ngoài rồi), không thể lại phát hoàng nữa. Nếu chỉ trên đầu hãn ra, mà mình không có hãn, chỉ có từ ngang cổ trở lên, tiểu tiện không lợi, khát muốn đòi uống nước... Ấy là vì nhiệt ở Lý, mình hãn phát hoàng. Bài Nhân trần cao thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Đây là nói về nhiệt uất ở khí phân, tức thuộc về chứng của bài Nhân trần cao thang. Hợp với tiết dưới, nói về Dương minh là một kinh thuộc về táo nhiệt, thông trị cả khí huyết, cho nên có thể bệnh về khí, mà cũng có thể bệnh về huyết.

Đường Tôn Hải nói: "Sắc của thổ vốn vàng. Tỳ của con người thuộc về thổ. Cho nên trong Vị có hoàng dịch (nước vàng). Phạm chứng ẩu thổ, đôi khi cũng có thể ra nước vàng. Vỵ thông với Du mô. Phạm cao du đều thuộc về Tỳ. Cái sắc của Cao du, vốn cũng có kèm hơi vàng. Tiểu thủy ở trong mô được thông lợi, thời các cái ghét bẩn sạch mà vàng không hấp lên. Nếu tiểu tiện không lợi, thời hấp lên mà hiện ra cái sắc của thổ. Cho nên dùng Nhân trần để lợi tiểu tiện, dùng Chi tử, Đại hoàng để rửa sạch cái hoàng dịch ở trong Vị. Cái dịch ở trong Vị bị hấp, tất phải thành ra ghét bẩn rồi mới phát ra sắc vàng, cho nên sau khi uống thuốc vào, tiểu tiện ra màu như nước hồ kết và sắc đỏ sẫm. Đó tức là cái biến tượng của Vị dịch vậy. Có hiểu thế, mới rõ được nguyên nhân của chứng phát hoàng."

### Nhân trần cao thang phương

#### 茵陳蒿湯方

茵陳	Nhân trần cao	6 lượng
梔子	Chi tử	14 quả
大黃	Đại hoàng	2 lượng (hỗ vò)

Dùng một đấu nước đun Nhân trần trước, cạn còn 6 thăng, cho 2 vị kia vào, đun lấy 3 thăng, bỏ bã, chia 3, uống nóng. Tiểu tiện sẽ lợi, nước nó sẽ như nước hồ kết, và sắc đỏ sẫm, một đêm bụng giảm. Bởi bao chứng Hoàng dã do tiểu tiện bài tiết ra rồi.

**Chú giải:** Kha Vận Bá nói: "Thái dương - Dương minh đều có chứng phát hoàng. Chỉ trên đầu có hãn mà mình không có, thời nhiệt không việt ra ngoài, tiểu tiện không lợi, thời nhiệt không dẫn xuống được. Cho nên ử nhiệt ở Lý mà phát hoàng. Chứng phát hoàng ở kinh Thái dương, bởi cái tiểu dương của Thái dương hợp xuống với cái thấp khí của thái âm mà gây nên. Mà chứng phát hoàng của kinh dương minh, cũng do cái táo nhiệt của Dương minh hợp vào với cái thấp hóa của thái âm mà gây nên. Nhưng về phần Lý thời không giống nhau. Cơ nhục là phần Lý của Thái dương, nên dùng phép "hãn" cho phát ra, cho nên dùng bài Ma hoàng, Liên Kiều, Xích tiểu đậu thang để phát bỏ

Dùng một cái mật lợn, hòa với ít dấm thanh, đổ vào trong cốc đạo, một lát sẽ đại tiện ra được.

Xét về phép Mật tiên đạo theo sách Ngoại đài còn chép: sau khi nặn mật lại phải lăn vào bột Bồ kết rồi mới dùng. Cổ lẽ đúng.

### Tiết 13

陽明病脈遲汗出多微惡寒者表未解  
也可發汗宜桂枝湯

**Phiên âm:** Dương minh bệnh mạch Trì hãn xuất đa, vi ố hàn giả, biểu vị giải dã, khả phát hãn, nghi Quốc chi thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh mạch Trì, hãn ra nhiều, hơi ố hàn, ấy là Biểu vẫn chưa giải hết, khả lại phát hãn. Dùng bài Quốc chi thang.

**Chú giải:** Tiết này hợp với tiết dưới, nói về bệnh của Dương minh còn ở cơ Biểu, mà có thể dùng phép hãn giải được. Bởi Dương minh lấy cơ tấu làm Biểu, ở kinh Thái dương thời gọi là giải cơ, ở Dương minh thời gọi là phát hãn (ở Thái dương mà phát hãn là phải dùng Ma hoàng thang).

### Tiết 14

陽明病脈浮無汗而喘者發汗則愈宜  
麻黃湯

**Phiên âm:** Dương minh bệnh mạch Phù, vô hãn, nhi suyễn giả, phát hãn tắc dĩ, nghi Ma hoàng thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh, mạch Phù, không có hãn mà suyễn. Phát hãn thời khỏi. Nên dùng Ma hoàng thang.

**Chú giải:** Đây là nói: Mạch thuộc về chứng của kinh Dương minh. Hai chứng trên đều là chứng của Thái dương mà lại bảo thuộc về Dương minh là vì cơ không có chứng "đầu nhức, cổ cứng" vậy. Lại nên biết hai phương thuốc trên, đều vì Biểu tà mà đặt ra, không phải vì kinh Thái dương mà đặt ra. Hễ thấy có chứng của bài Ma hoàng, thời dùng ngay bài Ma hoàng, hễ thấy chứng của bài Quốc chi thời dùng ngay bài

Quốc chi. Không cần phải hỏi nó thuộc về kinh Thái dương hay Dương minh. Nếu chứng ố hàn đã dứt thời lại cảm không thể dùng hai bài ấy nữa.

## KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 14 tiết nói thêm về nguyên lai của bệnh Dương minh và chứng Thái âm cùng bộ vị với Dương minh, cùng chứng nhiệt hóa của bản kinh

-Bệnh Dương minh có khi do Thái dương, hãn ra nhiều mà thành, tuy thuộc Dương minh mà Biểu chưa giải, hãn ra, hơi ố hàn, vẫn nên dùng Quốc chi thang, không mồ hôi mà suyễn, vẫn dùng ma hoàng thang.

-Ba kinh dương hợp bệnh, bệnh quá 10 ngày, mạch chỉ Phù mà không có chứng gì khác cũng nên dùng Ma hoàng thang.

-Nhằm hạ, biểu nhiệt hãm vào trong mà không kết hung, tay chân ấm, đầu hãn ra, đói không ăn được, trong tâm ức nùng, trên lưỡi có gai, đều là Lý chưa thành thực, chỉ nên dùng kinh tế chi tử thụ thang.

Từ thiếu dương chuyển Dương minh, dưới hiệp cứng, đầy mà ọ, trên lưỡi có thai trắng, tuy không đại tiện mà không thể hạ.

-Hoặc phát triều nhiệt mà đại tiện nát, hung hiệp vẫn đầy, cũng là chứng thiếu dương chưa hết, đều nên dùng Sài hồ thang.

-Ba kinh dương hiệp bệnh, sau 10 ngày, mà mạch còn Phù là hiện tượng từ Lý ra Biểu, cũng nên hòa giải.

-Dương minh, Thái âm cùng chủ về Trường, Vị, bệnh Dương minh thấy chứng không ăn được, uống nước thời ọ, là trong Vị lạnh. Biểu nhiệt, mạch Trì mà hạ lợi thanh cốc (Trường, Vị hư hàn), gấp nên cứu Lý, không thể khái quát cho là thuộc Dương minh, mà dùng Hãn trị nhiệt. Nhiệt tà hãm vào Dương minh bản kinh, miệng khô, lưỡi ráo, khát muốn uống nước hoặc ăn được, mũi ráo mà Nục, đó không

tâm đau. Lấy tay ấn lâu vào, khí không thông, mũi khô, không mở hôi, ưa nằm, khắp mình và mặt, mắt đều vàng, tiểu tiện khó, có trào nhiệt, thường thường ọc, phía trước, phía sau tai đều sưng... Dùng phép thích, hơi bớt, bên ngoài vẫn không giải. Bệnh đã quá 10 ngày lại thấy hiện ra Phù, cho uống Tiểu sài hồ thang. Nếu không tiểu tiện, bụng đầy và lại ọc thêm... không chữa được nữa.

**Chú giải:** Tiết này chỉ phát minh cái nghĩa "Thái dương - Dương minh, Thiếu dương - Dương minh" ở chương đầu. Cho nên nêu ra hai chữ "mạch huyền" để làm nhân mục cho kinh thiếu dương, nêu ra hai chữ "mạch Phù" làm nhân mục cho kinh Thái dương. Từ đây trở xuống, trước nói về Thiếu dương - Dương minh: ở trong Du mô của Thiếu dương tam tiêu, thủy không được lợi, thời khí không thể hóa mà thành ra khí đờn (thở vắn). Cái mô du của tam tiêu, trải ra ở trong phúc bộ, cho nên phúc bộ đầy. Hiệp hạ là nói bộ vị của bản du, tâm hạ là nói bộ vị cách mô, cho nên "kết" mà thành đau. Ấn tay vào lâu mà khí không thông được, thời cái khí ở trong mô bị kết quá lắm... Đó đều là cái bệnh thuộc về trong Du mô của thiếu dương tam tiêu. Cái nhiệt của Dương minh kinh mạch lại dẫn lên mũi mà thành chứng "mũi khô". Mô với Du cùng liên nhau. Cao du thuộc về quyền thống trị của Dương minh. Cao du bị hun hấp, khắp mình mỗi mặt, cho nên ưa nằm, liền hiện ra cái bản sắc vàng của Cao du. Trong mô thủy không thông lợi thời tiểu tiện khó, có trào nhiệt tức là một chứng phát sinh ra có giờ giấc cũng như ngược. Đó là bởi trong mô thực, trong Vị hư. Trong mô, khí nghịch vào Vị thời ọc, đó là bệnh của tam tiêu. Khí ấy theo đường kinh của thiếu dương lên tai, nên trước, sau tai đều sưng. Dùng phép "thích" tức là thích vào đường kinh của thiếu dương... Sau khi thích thời cái chứng ở kinh mạch đã bớt mà cái chứng ở bên ngoài chưa khỏi, lại thấy hiện ra mạch Phù... đó là đã có cái ý muốn thoát ra biểu. Cho nên cho uống bài Tiểu sài hồ, khiến đạt ra ngoài.

Câu "nếu mạch chỉ Phù, không còn chứng gì khác." Tức là nói không có chứng của kinh thiếu dương, mà chỉ còn có chứng của kinh Dương minh. Bởi có mạch Phù nên có thể do theo kinh Thái dương mà hàn giải được. Tiết này bàn về chứng của kinh Dương minh, cho nên

những chứng của kinh thiếu dương có hiện ra, đều gọi là dư chứng (tức là các chứng khác).

## Tiết 12

陽明病自汗出若發汗小便自利者此  
為經液內竭雖硬不可攻之當須自欲  
大便蜜煎導而通之若土瓜根及與大  
豬膽汁皆可為導

**Phiên âm:** Dương <sup>minh</sup> bệnh tự hàn xuất, nhược phát hàn, tiểu tiện tự lợi giả, thử vi kinh dịch nội kiệt, tuy ngạnh bất khả công chi đương tu tự dục đại tiện, mật tiên đạo nhi thông chi, nhược thổ qua căn cấp dĩ Đại trư Đảm trấp giai khả đạo.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh tự hàn ra, nếu lại phát hàn và lại tiểu tiện tự lợi... Đó là tân dịch kiệt ở trong. Đại tiện dẫu rắn, không thể công được. Nên đợi lúc tự muốn đại tiện, nên dùng mật tiên đạo cho thông. Như thổ qua căn với Trư đảm trấp, đều có thể dùng làm phép đạo.

**Chú giải:** Tiết này nói về khí cơ của Dương minh, cốt phải được toàn chuyển (xoay được chuyển lại), tân dịch kiệt ở trong, không nên nội công, mà chỉ nên ngoại tán. Bởi vì ngoài không có trào nhiệt, trong không có thêm ngữ, so với chứng "có thể công được" khác nhau nên cần phải "đợi".

### Mật tiên đạo phương

#### 蜜煎導方

Dùng Mật 7 hợp, đổ vào trong đồ bằng đồng đun nhỏ lửa, dần dần đặc lại, đừng để cháy, nặn lại bằng ngón tay cái, dài độ 2 tấc, 1 đầu hơi nhọn, luồn vào trong cốc đạo, vẫn để tay giữ, khi muốn đại tiện mới lôi ra.

### Trư đảm trấp phương

#### 豬膽汁方

**Phiên âm:** Dương minh bệnh phát triều nhiệt, đại tiện đường, tiểu tiện tự khứ, hung hiệp mãn bất khứ giả, Tiểu sài hồ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh phát triều nhiệt, đại tiện nát, tiểu tiện dễ dàng, hung hiệp đầy vẫn không trừ được. Tiểu sài hồ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái khí của Dương minh bị "hạ" (đóng lại) ở khoảng hung hiệp, nên do "khu" chuyển mà ra.

Đường Tôn Hải nói: "Chứng trào nhiệt ở đây, cũng như chứng Ngược phát ra có giờ nhất định. Bởi kết đầy ở hung hiệp, cái khí xung dương đi đến chỗ kết, liền cùng giao nhau mà phát nhiệt... chứng ngược như thế là chứng của thiếu dương. Dương minh chỉ nhiệt không hàn cũng như thế. Cho đến cả chứng đại tiện rắn mà trào nhiệt ở Thân, Đậu, cái nghĩa cũng không khác. Học giả nên xét".

#### Tiết 10

陽明病脅下硬滿不大便而嘔舌上白  
胎者可與小柴胡湯上焦得通津液得  
下胃氣因和身濺然而汗出解也

**Phiên âm:** Dương minh bệnh hiệp hạ ngạnh mãn, bất đại tiện nhi ẩu, thiết thượng bạch thai giả, khả dĩ tiểu sài hồ thang, thượng tiêu đắc thông, tân dịch đắc hạ, Vị khí nhân hòa, thân tập nhiên nhi hàn xuất, giải dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh dưới hiệp rắn đầy, không đại tiện mà ụa, trên lưỡi có rêu trắng, nên cho uống bài Tiểu sài hồ. Khiến cho thượng tiêu thông được, tân dịch xuống được. Vị khí nhân đó mà hòa, mình sẽ nhâm nhấp hãn ra mà khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói về bài tiểu sài hồ thang không những làm cho đạt được cái khí của kinh Dương minh ra ngoài, lại hay điều hòa cái khí trên dưới và lưu thông tất cả tân dịch ở trong ngoài vậy.

Đường Tôn Hải nói: "Bài Tiểu sài hồ chính là một bài để thanh cái hỏa ở thượng tiêu. Phạm bệnh thuộc về mô cách của tam tiêu thời

lưỡi hãn trắng, tức là hiện ra cái bản sắc của tam tiêu. Cho nên chứng có nhiệt ở Đan điền cũng nói: "lưỡi có bạch thai"... Đan điền tức là Du mô của Hạ tiêu. Đây nói về thượng tiêu, tức là ở trước hung ngay vào chỗ con đường phân tán thủy đi các nơi của Vị. Cái nhiệt của Dương minh, hợp lại ở đây, thời thủy không vào được trong Du mô mà lại ụa ra... Đó là do thượng tiêu không thông, tất phải dùng bài Sài hồ để làm cho thấu đạt hung mô... thời thượng tiêu sẽ được thông, thủy đạo sẽ dẫn được trở xuống, tân dịch nhờ đó cũng được hạ hành. Trong tiết, thủy không còn lưu nghịch, do đó mà được hòa bình. Cái đường thủy đạo ở Du mô, phía trong đã thông thời cái khí đạo ở Du mô bên ngoài sẽ được thư sướng, cho nên mình nhâm nhấp có hãn mà khỏi. Nên biết: Bạch thai chỉ ứng về tam tiêu chứ không thể nhằm đó để phân biệt hàn nhiệt được.

#### Tiết 11

陽明中風脈弦浮大而短氣腹都滿脅  
下及心痛久按之氣不通鼻乾不得汗  
嗜臥一身及面目悉黃小便難有潮熱  
時時噦耳前後腫刺之少差外不解病  
過時十日脈續浮者與小柴胡湯脈但  
浮無餘症者與麻黃湯若不屎腹滿加  
噦者不治

**Phiên âm:** Dương minh trúng Phong mạch Huyền, Phù, Đại nhi hoãn khí, phúc đô mãn hiệp hạ cập tâm thống, cửán chi khí bất thông, tử can bất đắc hạ, thị ngoại, nhất thân cập diện mục tất hoàng, tiểu tiện nan, hữu triều nhiệt, thời thời uest, nhĩ tiền hậu thống, thích chi thiếu sai, ngoại bất giải, bịnh qua thời thập nhật, mạch tục phù giả, dĩ tiểu sài hồ thang, mạch đản Phù vô dư chứng giả, dĩ ma hoàng thang, nhược bất niệu, phúc mãn gia uest giả bất trị.

**Dịch nghĩa:** Dương minh trúng phong mạch Huyền (thiếu dương), Phù (Thái dương), Đại (Dương minh), mà thờ vấn, bụng đều đầy, hiệp hạ và

hành hữu hình. Cho nên Trọng sư nói: "Hãn nhiều, Vị táo, dù khát mà Lý không có nhiệt, không nên dùng" chính vì lẽ đó.

#### Tiết 4

陽明病汗出多而渴者不可與豬苓湯  
以汗多胃中燥豬苓湯服利其小便故  
也

**Phiên âm:** Dương minh bệnh hãn xuất đa nhi khát giả, bất khả dữ Trư linh thang, dĩ hãn đa Vị trung táo, Trư linh thang phục lợi kỳ tiểu tiện cố dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh hãn ra quá nhiều mà khát... không thể dùng bài Trư linh thang. Bởi, hãn nhiều, trong Vị táo, bài Trư linh thang lại lợi tiểu tiện vậy.

**Chú giải:** Từ tiết một đến đây, xem tựa như bốn tiết, nhưng thực ra vẫn chỉ là 1 tiết... Xem kỹ sẽ thấy rất là liên lạc.

#### Tiết 5

脈浮而遲表熱裡寒下利清穀者四逆  
湯主之

**Phiên âm:** Mạch Phù nhi Trì, biểu nhiệt, lý hàn, hạ lợi thanh cốc giả, tứ nghịch thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Mạch Phù mà Trì, Biểu nhiệt, Lý hàn, hạ lợi ra thanh cốc (nguyên đồ ăn). Tứ nghịch thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng hạ tiêu hư hàn của kinh Dương minh. Chương này tất cả có 3 tiết chia ra thượng trung hạ cả 3 trên để bàn về cái chứng hàn, lãnh, táo nhiệt của kinh Dương minh.

#### Tiết 6

若胃中虛冷不能食者飲水則噦

**Phiên âm:** Nhược Vị trung hư lãnh, bất năng thực giả, ẩm thủy tác 噦.

**Dịch nghĩa:** Nếu trong Vị hư lãnh, không ăn được, uống nước vào thời

đó.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng trung tiêu hư lãnh của kinh Dương minh.

#### Tiết 7

脈浮發熱口乾鼻燥能食者必發衄

**Phiên âm:** Mạch Phù, phát nhiệt, khẩu càn, tỷ táo, năng thực tất phát Nục.

**Dịch nghĩa:** Mạch Phù, phát nhiệt, miệng khô, mũi ráo, nếu ăn được... sẽ phát ra chứng Nục.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng kinh mạch táo nhiệt của kinh Dương minh.

#### Tiết 8

陽明病下之其外有熱手足溫不結胸  
心中懊憹飢不能食但頭汗出者梔子  
豉湯主之

**Phiên âm:** Dương minh bệnh hạ chi, kỳ ngoại hữu nhiệt, thủ túc ấm, bất kết hung, <sup>tâm trướng</sup>áo nong cơ, bất năng thực, đản đầu hãn xuất giả, Chi tử thị thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh, hạ đi, bên ngoài có nhiệt, tay chân ấm, không kết hung (vì nhiệt ở bên ngoài), trong tâm trướng trọc, đói mà không ăn được, chỉ trên đầu có hãn ra. Chi tử thị thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái khí của Dương minh không thể giao thông trên dưới, mà là cái chứng của bài Chi tử thị thang.

#### Tiết 9

陽明病發潮熱大便溏小便自可胸脅  
滿不去者小柴胡湯主之

17



mạch rung giật mà tay chân phiền táo. Chứng này Trọng sư không lập phương, xin để đợi xét. Nếu tà ở trong mô du, thuộc cơ nhục mà y giả nhầm cho là ở trong Vị mà hạ đi, thời trong Vị rỗng không, khách nhiệt động trong mô cách, dẫn vào Vị lạc, phạm lên tâm, sẽ thành chứng áo nùng (nôn nao). Nên dùng Chi tử thị thang chủ về bệnh ấy".

Tiết này chia làm 3 đoạn mà giải. Nghĩa rất rõ ràng, học giả nên lưu ý.

### Chi tử thị thang phương

### 梳子鼓湯方

(Đã có trên thiên Thái dương)

#### Tiết 2

若渴欲飲水口乾舌燥者白虎加人參湯主之

Phiên âm: Nhược khát dục ẩm thủy, khẩu càn thiết táo giả, Bạch hổ gia nhân sâm thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Nếu khát muốn uống nước, miệng khô, lưỡi ráo... Bạch hổ gia Nhân sâm thang chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Tiết này nhân theo tiết trên nói về Chi tử thị thang mà nói thêm lên một bước.

#### Tiết 3

若脈浮發熱渴欲飲水小便不利者豬苓湯主之

Phiên âm: Nhược mạch Phù phát nhiệt, khát dục ẩm thủy, tiểu tiện bất lợi giả, Trư linh thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Nếu mạch Phù, phát nhiệt, khát muốn uống nước, tiểu tiện không lợi, trư linh thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Cửu "nếu" ở đây là nói: nếu sau khi hoặc hàn hoặc thổ, hoặc hạ... nếu không lại biến ra các chứng như trên, mà chỉ biến ra chứng "khát muốn uống nước, miệng khô, lưỡi ráo" tức là cái chứng của bài Bạch hổ gia Nhân sâm. Nếu lại biến ra "mạch Phù, phát nhiệt, khát và tiểu tiện không lợi... tức là cái chứng của bài Trư linh thang. Trọng sư đã đem các chi tiết ở các đoạn trên lược bỏ hết, chỉ trông vào các chứng trạng hiện ra ngay ở đây để lập phương liệu trị, ý nghĩa rất minh bạch.

### Trư linh thang

### 豬苓湯

豬苓 Trư linh 1 lượng (bỏ vỏ)

茯苓 Phục linh 1 lượng

阿膠 A giao 1 lượng

滑石 Hoạt thạch 1 lượng (đập vụn)

澤瀉 Trạch tả 1 lượng

Dùng 4 thăng nước trước đun 4 vị cạn còn hai thăng, bỏ bã, bấy giờ mới cho A giao vào, hòa cho tan, uống nóng 7 hợp, ngày uống ba lần.

**Chú giải:** Bài này với bài Ngũ linh tán, cái công dụng khác nhau rất xa. Bài Ngũ linh tán trị về thủy của Kinh Thái dương. Thái dương coi về hàn thủy, cho nên gia Quế để làm cho ôn. Đó tức là làm cho ấm thân để hành thủy.

Bài này trị về chứng kết nhiệt ở Dương minh, Thiếu âm. Hai kinh đều quan hệ đến tân dịch, nên chỉ cốt ~~hàn~~ âm để hành thủy. Bởi bệnh Thương hàn thuộc về Biểu chứng, rất kỵ vong Dương, mà Lý nhiệt lại e vong âm. Vong âm tức là vong cái âm trong thân, với cái tân dịch ở trong Vị. Nếu dùng phương pháp thẩm lợi quá thời tân dịch ~~lại đến~~ hao kiệt... nên chi, trong bài dùng vị A giao, tức là do sự lợi thủy để dưỡng âm. Chính là một phương pháp ty dưỡng vô hình để

lạnh), chỉ phát ra trào nhiệt, tay chân nhâm nhấp hân ra... Đại tiện khó mà thêm ngữ, hạ đi thời khởi. Nên dùng bài Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này nói về 2 kinh Dương đôn bệnh mà thành chứng thêm ngữ.

### KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 18 tiết, luận về bệnh ở Dương minh có những chứng có thể hạ, có những chứng không thể hạ, mà chứng có thể hạ được cũng có nhẹ nặng khác nhau vì thế mới có chia ra Đại, tiểu thừa khí thang.

Đại thừa khí thang thích ứng với những chứng bụng đầy, thổ ngắn mà suyễn, chiều tối trào nhiệt, tay chân nhâm nhấp hân ra, hoặc thêm ngữ, hoặc trong trường có táo kết, không ăn được, hoặc đại tiện hơi rắn, uống tiểu thừa khí thang chuyển thất khí, mạch lại Trầm hoặc trì. Đó đều là chứng hậu Vị nhiệt, thực kết.

Tiểu thừa khí thang thích ứng với những chứng: bụng hơi đầy, không thông, hoặc hân ra, thêm ngữ, đại tiện rắn mà ít, hoặc nói lầm nhảm, trào nhiệt mà mạch Hoạt, tât, đó đều là hiện tượng Vị thực chưa cứng, cho nên chỉ dùng tiểu thừa khí thang cho lợi chút ít.

Chứng Dương minh không thể hạ, rất nên xét kỹ, nếu đại tiện tuy rắn, tiểu tiện đi luôn mà ít, tân dịch trở lại vào trong Vị. Ụa là chứng thiếu dương chưa hết, rắn đầy không ở phúc bộ mà ở tâm hạ. Bệnh độc theo huyết hướng ra ngoài mà mặt sắc đỏ. Ba Kinh Dương hợp bệnh mà mình nặng, mặt nhờn. Chưa trải qua thổ, hạ mà chỉ tâm phiền, và chứng nhiệt vào huyết thất sinh ra thêm ngữ lại thêm nói lặp đều là những chứng gần giống với chứng thừa khí thang nhưng tất cả đều không phải do nội nhiệt kết tụ thành thực của bệnh Dương minh. Nếu có chứng thuộc chứng của Dương minh, phải thanh giải nhiệt tà thời dùng Bạch hổ thang, điều hòa Vị khí nên dùng Điều Vị thừa khí thang đều không thể nhâm dùng Đại, Tiểu thừa khí.

### CHƯƠNG III

#### Tiết 1

陽明病脈浮而緊咽燥口苦腹滿喘發  
熱汗出不惡寒反惡熱身重若發汗則  
躁心憤憤反譫語若加燒針怵惕煩燥  
不得眠若下之則胃中空虛客氣動膈  
心中懊儂舌上胎者宜梔子豉湯主之

**Phiên âm:** Dương minh bệnh mạch Phù nhi Khẩn, yết táo khẩu khổ, phúc mãn nhi suyễn, phát nhiệt hân, xuất bất ố hàn, phản ố nhiệt, thân trọng. Nhược phát hàn tác táo, tâm hội hội, phiền thêm ngữ, nhược gia thiêu châm, truat dịch phiền táo bất đắc miên, nhược hạ chi tác vị trung không hư, khách khí động cách, tâm trung áo nồng, thiết thượng thai giả, nghị Chi tử thị thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh mạch Phù mà Khẩn, hong ráo, miêng đắng, bụng đầy mà Suyễn, phát nhiệt, hân ra không ghét lạnh, lại ghét nóng, mình nặng (thế là cả Biểu và Lý đều bệnh). Nếu nhâm phát hân thời táo (nhiều), tâm hội hội (tựa như mè man không biết gì, vì làm thương tổn đến dịch), lại thêm nói lầm nhảm. Nếu lại nhâm dùng thiêu châm, tất hiện ra truat dịch (đường gân rung giật), phiền táo không ngủ được. Nếu hạ đi thì trong Vị không hư, khách khí sẽ động lên Cách, trong tâm sẽ áo nồng, trên lưỡi có rêu. Nên dùng Chi tử thị thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về bệnh ở Dương minh, kèm cả Biểu, Lý, không thể dùng Hãn, Hạ, Ôn châm điều trị được.

Đường Tôn Hải nói: "Từ câu "bệnh ở Dương minh" đến câu "hình nặng ấy" nói về nhiệt ở Dương minh cơ nhục với ở trong khoảng mô du. Nếu ngoài phát bỏ hân ở bì mao, thời tân dịch tiết ra bên ngoài, tà nhiệt liền hãm vào trong, liền biến ra thêm ngữ. Về phương pháp liệu trị chứng thêm ngữ đã nói ở trên. Lại như tà nhiệt ở cơ nhục, nếu dùng thiêu châm, thời nhiệt làm thương đến cơ nhục, tất sinh ra cần

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng hạ huyết thiếu ngữ. Đây là nhiệt vào huyết thất mà thiếu ngữ, không phải thiếu ngữ do Dương minh táo kết.

### Tiết 15

汗出譫語者以有燥屎在胃中此為風也須下之過經乃下之下之若早語言必亂以表虛裡實故也下之則愈宜大承氣湯

**Phiên âm:** Hãn xuất thiếu ngữ giả, dĩ hữu táo sí tại Vị trung, thử vi phong dã, tu hạ chi. Quá kinh nãi khả hạ chi. hạ chi nhược táo ngữ ngôn tất loạn, dĩ biểu hư, lý thực cố dã, hạ chi tắc dĩ, nghi Đại thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Hãn ra mà thiếu ngữ vì có táo phân ở trong Vị. Ấy là phong đó. Nên hạ đi, nhưng phải đợi "quá kinh" mới nên hạ. Nếu hạ đi sớm quá nói năng tất sinh loạn bậy, bởi do Biểu hư, Lý thực. Cứ hạ đi sẽ khỏi, nên dùng bài Đại thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái tà của phong nhiệt làm ráo mất tân dịch, thành chứng thiếu ngữ.

### Tiết 16

傷寒四五日脈沈而喘滿沈為在裡而反發其汗津液越出大便為難表虛裡實久則譫語

**Phiên âm:** Thương hàn tứ ngũ nhật mạch Trầm nhi Suyễn mãn. Trầm vi tại Lý, nhi phản phát kỳ hãn, tân dịch việt xuất, đại tiện vi nan, biểu hư lý thực cửu tắc thiếu ngữ.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 4,5 ngày, mạch trầm mà suyễn mãn. Trầm là bệnh ở Lý, mà "lại" phát bỏ hãn, tân dịch vượt ra ngoài, đại tiện sẽ khó, vì đó là biểu hư (vì phát hãn), Lý thực (vì đại tiện khó), lâu sẽ thiếu ngữ.

**Chú giải:** Tiết này nhân tiết trên nói về Biểu hư, Lý thực mà bổ thêm cái nguyên nhân của một chứng Lý thực xoàng khác để cùng so sánh.

### Tiết 17

三陽合病腹滿身重難以轉側口不仁而面垢譫語遺尿發汗則譫語下之則額上生汗手足逆冷若自汗出者白虎湯主之

**Phiên âm:** Tam dương hiệp bệnh, phúc mãn thân trọng, nan vi chuyển trắc, khẩu bất nhân nhi diện cấu, thiếu ngữ, di sí, phát hãn tắc thiếu ngữ, hạ chi tắc ngạch thượng sinh hãn, thủ túc nghịch lãnh, nhược tự hãn xuất giả, Bạch hổ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Ba kinh dương hợp bệnh: bụng đầy (Dương minh), mình nặng (Thái dương), khó trở mình (Thiếu dương), miệng bất nhân (như đại đi không biết mùi), mà mặt nhìn như có ghét bẩn (đó là nhiệt hợp với phủ của Thiếu dương), thiếu ngữ (nhiệt hợp với phủ của Dương minh), di niệu (són dãi - nhiệt hiệp với phủ của Thái dương)... Nếu lại phát hãn thì thiếu ngữ, nếu hạ đi thì trên trán có hãn, tay chân giá lạnh. Nếu chỉ một chứng hãn thôi, bạch hổ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói 3 kinh Dương hợp bệnh mà thành chứng thiếu ngữ.

### Tiết 18

二陽併病太陽症罷但發潮熱手足微汗出大便難而譫語者下之則愈宜大承氣湯

**Phiên âm:** Nhị dương tịnh bệnh, Thái dương chứng bãi, đản phát nhiệt, thủ túc vi vi hãn xuất, đại tiện nan nhi thiếu ngữ giả, hạ chi tắc dĩ, nghi Đại thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Hai kinh Dương đôn bệnh (Thái dương - Dương minh)... đến lúc chứng của Thái dương đã thôi rồi (tức là chứng đầu đau, ghét

Tiết 12

陽明病譫語發潮熱脈滑而疾者小承  
氣湯主之因與承氣湯一升腹中轉失  
氣者更服一升若不轉失氣勿更與之  
明日不大便脈反微澀者裡虛也為難  
治不可更與承氣湯也

Phiên âm: Dương minh bệnh thêm ngữ phát triệu nhiệt mạch hoạt nhi tật giả, Tiểu thừa khí thang chủ chi, nhân dĩ thừa khí thang nhất thăng, phúc trung chuyển thất khí giả, canh phục nhất thăng, nhược bất chuyển thất khí vật cánh dĩ chi, minh nhật bất đại tiện, mạch phản vi sáp giả lý hư dã, vi nan trị, bất khả dĩ thừa khí thang dã.

Dịch nghĩa: Bệnh ở dương minh thêm ngữ, phát ra trào nhiệt, mạch hoạt mà tật, Tiểu thừa khí thang chủ về hệnh ấy. Nhân cho uống 1 thăng thừa khí thang trong bụng thấy "chuyển thất khí" sẽ lại cho uống thêm 1 thăng. Nếu không thấy "chuyển thất khí", dừng cho uống nữa. Ngày hôm sau sẽ không đại tiện, mạch lại biến ra Vi, Sáp ấy là Lý hư, khó chữa, không thể lại cho uống bài thừa khí nữa.

Chú giải: Tiết này lấy mạch để xét sự thực, hư của chứng thêm ngữ. Trước kia muốn uống bài Đại thừa khí, dùng bài tiểu thừa khí làm phép thử. Đây, muốn cho uống bài Tiểu thừa khí, lại dùng bài Tiểu thừa khí làm phép thử...xem đó đủ biết cổ nhân cẩn thận là dường nào.

Đường Tôn Hải nói: "Lý hư là chỉ về trong vị không có táo phẩn. Nghĩa đó Trọng sư đã nói rõ... Nên biết thêm ngữ là bệnh của tâm chủ. Cái thực nhiệt của vị hun lên mà gây nên chứng thêm ngữ... triệt bỏ cái thực ấy đi thời khỏi. Giờ lý hư mà Vị không thực không nên hạ. Nếu mạch hoạt là do âm huyết của tâm chủ còn đủ, gấp trừ bỏ cái nhiệt ở trong tâm, thời chứng thêm ngữ sẽ khỏi. Nếu mạch lại Vi, Sáp...bởi âm huyết trong tâm đã kết, cho nên mạch cũng theo mà Sáp...Huyết kiệt mà dương thần lại loạn, thêm ngữ không dứt thời chính đã suy mà tà lại thịnh, bởi thế mới khó chữa. Chứng này với

chứng thêm ngữ mạch đoan ở trên, đều chỉ về tâm chủ mà nói. Duyệt giả nên hợp lại mà xem mới khỏi nhầm."

Tiết 13

陽明病譫語有潮熱反不能食者胃中  
必有燥屎五六枚也若能食者但硬爾  
宜大承氣湯主之

Phiên âm: Dương minh bệnh thêm ngữ hữu trào nhiệt phản bất năng thực giả, Vị trung tất hữu táo sí ngữ lục mai giả. Nhược năng thực giả đản ngạnh nhi nghi đại thừa khí thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Bệnh ở dương minh, thêm ngữ, có trào nhiệt lại không ăn được, trong Vị tất có phân táo 5,6 cục. Nếu ăn được chỉ đại tiện rắn thôi, Đại thừa khí thang chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Tiết này lấy ăn được hay không ăn được để nghiệm xem chứng thêm ngữ có phân táo hay đại tiện rắn khác nhau, lại tỏ thêm cái nghĩa "lại hư, lại mãn" của trường với Vị nữa. Vị chủ về thu nạp thủy cốc, Vị "mãn" nên không ăn được. Trường chủ về việc biến hóa, trường mãn thời khó biến hóa, cho nên đại tiện chỉ rắn. Nhưng dù chỉ mãn ở Trường mà Vị lại hư, nên vẫn không ăn được.

Tiết 14

陽明病下血譫語者此為熱入血室頭  
汗出者刺其門隨其實而泄之澱然汗  
出則愈

Phiên âm: Dương minh bệnh hạ huyết thêm ngữ giả, thủ vi nhiệt nhập huyết thất, đản đầu hàn xuất giả, thích kỳ môn, tùy kỳ thực nhi tiết chi, tập nhiên hàn xuất tắc dĩ.

Dịch nghĩa: Bệnh ở dương minh, hạ huyết, thêm ngữ. Đó là nhiệt vào huyết thất. Nếu chỉ hàn ra ở trên đầu, nên thích huyết kỳ môn, theo cái thực của nó mà tiết bỏ đi, khắp mình nhâm nhấp hàn ra thì khỏi.

發汗多若重發汗者亡其陽譫語脈短者死脈自和者不死

**Phiên âm:** Phát hàn đa, nhược trùng phát hàn giả vong, kỳ dương, thiêm ngữ, mạch đoãn giả tử, mạch tự hòa giả bất tử.

**Dịch nghĩa:** Đã phát hàn nhiều rồi, nếu lại phát hàn thêm nữa sẽ vong mất Dương, sinh thiêm ngữ, mạch đoãn sẽ chết. Nếu mạch không đoãn mà tự hòa không chết.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng vong dương thiêm ngữ.

Đường Tôn Hải nói: "Xem đó thời biết "thiêm ngữ" không riêng gì thuộc chứng vị thực mà tâm thần hư phạp, cũng có thể thành ra thiêm ngữ. Lại càng biết rằng: "Tâm thần tàng ở trong huyết, huyết mạch đến lúc đã hết mất thời thần không thể hồi phục cho nên chết. Huyết mạch lưu lợi thời thần có thể trở về cố trạch nên không chết". Tây y nói: "Tâm thể triệu động, huyết quản cũng theo đó mà động". Trung y tuy không nói vậy nhưng xem bài Phục mạch thang của Trọng sư (tức bài chích cam thảo thang ở Thái dương kinh) điều trị về tâm huyết, thật không ngờ gì nữa. mạch đoãn là do tâm huyết kết mà thần xuất, mạch hòa là do tâm huyết đủ mà thần phục... xem đó đủ biết Trọng sư thiết giáo rất là chu đáo".

**Tiết 10**

傷寒若吐若下後不解不大便五六日上至十餘日日晡所發潮熱不惡寒獨語如鬼狀若劇者發則不識人循衣摸床惕而不安微喘直視脈弦者生瀋者死微者但發熱譫語者大承氣湯主之若一服利止後服

**Phiên âm:** Thương hàn nhược: thổ, nhược hạ hậu bất giải, bất đại tiện ngũ lục nhật thượng chí thập dư nhật, nhật bồ sở phát triều nhiệt, bất ố hàn, độc ngữ như kiến quý trạng, nhược kịch giả phát tác bất thức nhân, tuấn y mô sàng, dịch nhi bất an, vi suyễn, trực

thị, mạch huyền giả sinh, sắc giả tử, vi giả đản phát nhiệt, thiêm ngữ giả, đại tiện khí thang chủ chi, nhược nhất phục lợi chỉ hậu phục.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn, nếu thổ, nếu hạ rồi vẫn chẳng giải... không đại tiện đến 5, 6 ngày, quá đến hơn 10 ngày, gần chập tối, phát ra triều nhiệt, không ố hàn, nói một mình giống như thấy quỷ, nếu kịch lắm, khi phát không còn biết ai, lăn áo sờ giường trong tâm rùng rợn không yên, hơi suyễn nếu mạch huyền sẽ sống. Nếu thể bệnh còn nhẹ, chỉ phát nhiệt, thiêm ngữ, dùng bài Đại thừa khí thang chủ về bệnh ấy. Nếu uống một nước thấy lợi thôi không uống nước sau.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng vong âm thiêm ngữ

Kha Vận Đả nói: " Sau khi đã thổ, hạ rồi, bệnh chẳng giải có nhẹ, nặng khác nhau. nhẹ là chứng tà khí còn thực nên dùng phép để giải. nặng là chứng tà với chính cùng tranh nhau, nên lấy mạch để đoán sống hay chết. Mạch huyền là khí thực, còn được là chứng có thể hạ, cho nên sống, mạch sắc là chính khí hư, đã là chứng không thể hạ cho nên chết."

**Tiết 11**

陽明病其人多汗洋以津液外出胃中燥大便必硬硬則譫語小承氣湯主之若一服譫語止更莫後服

**Phiên âm:** Dương minh bệnh kỳ nhân đa hàn dĩ tân dịch ngoại xuất, vị trung táo, đại tiện tất ngạnh, ngạnh tác thiêm ngữ, Tiểu thừa khí thang chủ chi. Nhược nhất phục, thiêm ngữ chỉ, cánh mạch hậu phục.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh, bệnh nhân hãn nhiều. Vì tân dịch tiết ra ngoài nên trong vị táo, đại tiện tất rắn, rắn thời sinh ra thiêm ngữ. Tiểu thừa khí thang chủ về bệnh ấy. Nếu uống một nước thì thôi thiêm ngữ, dùng uống nước thứ hai nữa.

**Chú giải:** Tiết này nói vì xuất tân dịch mà thiêm ngữ.



trẻ, dùng đại hoàng để rửa bỏ hủ uest, dùng mang tiêu để dẫn bỏ nhiệt khí. Bài tiểu thừa khí là cốt làm cho thông tiết tiểu trường, mà trên thời vắng theo vị khí. Cho nên nói rằng: "Hơi hòa vị khí", ấy là chỉ chế bỏ cái khí thái quá của vị phủ mà thôi. Vì thế nên không dùng mang tiêu. bài Điều vị thừa khí là làm cho điều hòa vị khí mà trên thời dẫn theo cái nhiệt của quân hỏa. Vì thuộc vào thời kỳ chưa thành ra căn bã, nên không cần phải dùng đến chỉ thực, hậu phác để tiêu trừ lưu trệ... Đó là cái nghĩa phân biệt của 3 bài thừa khí."

Kha Vận Bá nói: "Mọi bệnh đều sinh ra bởi khí. Uế vật sở dĩ không bài tiết đi được, chỉ là do khí hành không được thuận. Cho nên, phạm những bài thuốc "công tích", ắt phải dùng thứ thuốc thuộc về khí phân. Bởi thế mới dùng chữ "thừa khí" để đặt tên bài thuốc. Bài thuốc chia ra "Đại, Tiểu" có 2 nghĩa khác nhau. Hậu phác gấp đôi đại hoàng, ấy là dùng khí được làm quân, đặt tên là Đại thừa khí. Đại hoàng gấp đôi hậu phác, là dùng khí được làm thân, đặt tên là tiểu thừa khí. Vị nhiều, tính mạnh, thang to, uống nhiều là muốn nó đại tiết hạ. Vị ít, tính chậm, thang nhỏ, uống ít là muốn cho chỉ hơi hòa vị khí. Cái sự phân biệt Đại, Tiểu ở đó. Lại đến phép đun cũng có thâm nghĩa nên xét. Bài Đại thừa khí dùng nước 1 đấu, đun hậu phác, chỉ thực còn 5 thăng, bỏ đại hoàng vào lại đun, cạn còn 2 thăng, bỏ bã bấy giờ mới cho mang tiêu vào... Bởi cái vị "sống" khí mạnh mà dẫn đi trước, cái vị "chín" khí chậm mà hòa hoãn. Trọng sư muốn khiến mang tiêu trước hóa bỏ táo phẩn, rồi mới tới đại hoàng làm cho khai thông đại đạo, rồi sau mới dùng chỉ thực, hậu phác để trừ bỏ bã mẫn. Còn như bài tiểu thừa khí thời cả 3 vị cùng đun, không chia sau trước... cùng một vị đại hoàng mà cách đun khác nhau như thế, học giả phải nên xét kỹ."

Đường Tôn Hải nói: "Ba bài thừa khí, không những được lực có nhẹ, nặng khác nhau mà đến chủ trị cũng phải có bộ vị khác nhau. Ở bài Điều vị thừa khí thang, Trọng sư nêu ra 2 chữ "tâm phiền" để tỏ ra vị lạc thông lên tâm, mà bài điều vị thừa khí chủ ý trị về chứng vị táo. Cho nên dùng Đại hoàng, sắc vàng, thuộc thổ mà khí mạnh, vị khổ, có thể đại tả được cái nhiệt ở trung thổ... làm quân được, dùng mang tiêu làm tá là cốt để nhuận táo, mà lại hợp với cam thảo là

muốn cho được lực chậm lưu ở trong để trừ bỏ cái nhiệt ở trong vị... Bởi thế nên đặt tên là điều vị."

Ở bài Đại thừa khí, Trọng sư nêu ra 4 chữ "đại tiện đã rắn" ấy là chuyên chỉ vào đại trường mà nói. Đại trường bộ vị ở dưới, được lực muốn cho đạt thẳng xuống, không muốn cho lưu chuyển ở trung cung nên không dùng cam thảo. Đại trường với vị cùng bẩm thụ táo khí. Cho nên cùng dùng mang tiêu, đại hoàng để nhuận, giáng bỏ cái táo, dùng chỉ thực, hậu phác là nhờ cái khí sơ tiết của mộc khí, để giúp nó giáng xuống cho mau.

Đến bài Tiểu thừa khí thang thì chỉ trọng ở tiểu trường, cho nên Trọng sư nêu ra chữ "phúc đại mẫn" (bụng cả đầy) làm nhãn mục. Bởi tiểu trường ở ngay trong đại phúc. Khấp xung quanh tiểu trường, tiếp liền với du võng. Mà "du" lại thuộc quyền thống nhiếp của tỳ. Mô võng, trên lại liền với can hệ. Can khí dẫn xuống, thời sơ tả tỳ thổ, cao du vì đó mà hoạt lợi. Can thuộc mộc, chỉ thực, hậu phác hàm có mộc khí, cho nên mới hay sơ lợi tỳ thổ, khiến cái khí của du mô đạt xuống tiểu trường mà ra. Lại dùng Đại hoàng là một thứ thuốc thuộc về tỳ thổ, để tả bỏ thực nhiệt ở trong cao du với tiểu trường. Đó, bài Tiểu thừa khí sở dĩ trọng ở tiểu trường là thế. Sở dĩ không dùng mang tiêu, là vì tiểu trường không bẩm thụ táo khí, nên không dùng cái tính hoạt nhuận của nó. Đến bài đại thừa khí, cũng dùng chỉ thực, hậu phác, là vị cái khí Can mộc do du mô tiếp xuống đại trường.

Cả ba bài thừa khí được lực đều phải đi qua vị rồi do đại trường ra. Nhưng sự dụng ý đều có phân biệt, người dùng nên nhận xét kỹ.

Người dịch xét: ngay đến tên 3 bài thuốc đã nói lên cái công dụng của mỗi bài ở mỗi bộ phận khác nhau rồi: Điều vị, tiểu thừa, đại

thừa.

**Tiết 7**  
陽明病潮熱大便微硬者可與大承氣湯  
陽明病潮熱大便微硬者不與之若不大便六七日恐

tiểu "khổ hàn thăng nhiệt" để cứu cái phần âm sắp mất, để bớt cái phần dương quá gắng...Đó tức là cái ý nghĩa của bài thừa khí vậy."

Trần Úy nói: " Bài thừa khí có cái công năng khởi tử hồi sinh, chỉ người chịu đọc sách của ông Trạng Cảnh mới hiểu rõ được cái hay của nó. Tục y dùng những vị tư nhuận như chi ma du, Đương quy, hỏa ma nhân, úc lý nhân, Nhục thung dung để thay chảng qua chỉ hạ được cái táo phần, mà không thể quét rửa được tà khí, thời chính khí không sao phục được, không thể tả mạnh bỏ hòa đi, thời chân âm không sao phục được... Vì thế, thường khi táo phần ra được rồi mà lại chết. Họ không biết là nhầm tại mình, lại còn thì thảo bảo nhau: đến những thứ thuốc đó nhuận còn làm chết được người, huống chi là bài Đại thừa khí! Bài Đại thừa khí vì đó mà đành bỏ xó, không ai còn dám ngó tới - Nghĩ mà ngán thay"

Trương Ấn Am nói: "Trong 6 kinh thuộc về thương hàn, chỉ kinh dương minh với kinh thiếu âm là có chứng phải gấp hạ. Bởi dương minh bảm thụ cái khí bản nhiệt, thiếu âm do sự hóa của quân hòa. Ở dương minh mà táo nhiệt quá lắm, nếu để chậm, âm sẽ bị tuyệt. Ở thiếu âm mà hỏa khí mãnh liệt, không dẹp đi sẽ bị cháy lây. Chính ra thời không phải thực mẫn ở Trường vị đâu. Nếu "thực" ở trường vị thì dù đến 10 ngày không đại tiện cũng không khó chịu. Vậy, 6 chứng mà Trạng sư cho là phải "gấp hạ" nếu không theo cho đúng mà gấp hạ đi, e khó sống được."

### Tiểu thừa khí thang phương.

#### 小承氣湯方

大黃	Đại hoàng	4 lượng
枳實	Chi thực	3 quả
厚朴	Hậu phác	2 lượng (nướng, bỏ vỏ)

Dùng 4 thăng nước đun còn 1 thăng 2 hớp, bỏ bã chia 2 uống nóng. Uống 1 lần sẽ đi đại tiện, nếu chưa đi, hãy uống hết.

**Chú giải:** Trần Nguyên Tế nói: "ba bài thừa khí đều là chính phương của kinh dương minh. Bài Điều vị thừa khí đã chép ở kinh Thái dương, nên đây không chép lại. Luận nói: "Bệnh ở Thái dương không thổ, không hạ, tâm phiền... nên cho uống bài Điều vị thừa khí..." Nói "bệnh ở dương minh" tức là chỉ về chứng trong vị không hòa, nói "không thổ, không hạ"... tức là chỉ về trong vị không hư. Vị lại thông lên với tâm, cái táo hỏa của dương minh với Quân hỏa của thiếu âm cùng hợp nhau cho nên tâm phiền... Bởi thế mới nên uống bài ấy. Đến như bài Đại thừa khí là lấy cái nghĩa phải "gấp hạ". Phạm những chứng như "Thiểm ngữ", "trào nhiệt", dương minh hạ rồi, trong tâm ảo nóng mà phiền, trong vị có táo phần, và sau khi đại hạ rồi 6,7 ngày không đại tiện, chứng phiền không giải, bụng đầy và đau, vốn có tức thực. Với chứng ở thiếu âm, miệng ráo, lưỡi khô, tự lợi ra nước trong hoặc sắc xanh... Dùng bài này thể thu công trong chốc lát.

Bài Tiểu thừa khí lấy cái nghĩa làm cho hòa vị khí, không làm cho tiết hạ quá, như những chứng: bệnh ở dương minh, nhiệt chưa "tho", đại tiện không rắn quá và sợ có phân rắn... Hãy tạm cho uống bài này, thấy chuyển thất khí (dánh rắm), mới có thể dùng bài Đại thừa khí để công hạ. Nếu không thấy "chuyển thất khí" thời không thể dùng. Với những chứng ở kinh Thái dương sau khi hãn, thổ, hạ rồi mà vị phiền, tiểu tiện luôn, đại tiện nhân đó mà rắn... dùng bài này khiến cho tà đi mà chính không bị thương. Trong luận, đoạn nào nói đến cũng đều có thâm nghĩa, học giả phải suy xét mới được.

Trương Lệnh Thiệu nói: "Vị với Đại trường, tiểu trường cùng quân thông với nhau. Vị tiếp với tiểu trường, tiểu trường tiếp với đại trường. Vị chủ việc tiêu ma thủy cốc, hóa thành các chất tinh vi, trong thời ấm tươi cho tạng phủ, ngoài thời đầy tràn ra bì mao. Bao cái cận thì dẫn xuống tiểu trường, tiểu trường lại vận hoá thêm 1 lần nữa mới truyền xuống đại trường. Ở đại trường mới biến hóa truyền tống xuống trực trường. Cho nên nói: "tiểu trường là một cơ quan chứa đựng, hóa vật do đó mà ra, đại trường là một cơ quan truyền đạo, biến hóa do đó mà ra. Bài Đại thừa khí cốt là làm cho thông tiết đại trường mà dẫn nhiệt khí ở trên, cho nên dùng hậu phác, chỉ thực để trừ bỏ lưu



**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh mặt hiện sắc đỏ, không thể dùng phép công. Nếu nhầm dùng phép công tái phát nhiệt rồi sắc mặt sẽ biến vàng, và tiểu tiện không lợi.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng "ngoại thực trong hư" không thể hạ.

Đường Tôn Hải nói: "Mô, tức là tam tiêu, tiếp với trường vị. Vị chia rẽ thủy cho dẫn vào trong mô mà đi... tức là một cơ quan quyết độc của tam tiêu. Trên cái mô của tam tiêu đều có chất cao du (mỡ) mà cái cao du đó thuộc về quyền thống, nhiếp của tỳ, vị. Nhiệt hãm vào cao du làm cho thủy uất, nghẽn, lại không thể dẫn đi thông hoạt ở trong mô, liền gây nên chứng tiểu tiện không lợi, nó lại hun hấp vào cái bản sắc của cao du khiến phát ra sắc vàng ở bên ngoài. Vậy, màu vàng tức là sắc của thủy - hỏa cùng hấp dẫn nhau.

**Tiết 5**

陽明病不吐不下心煩者可與調胃承氣湯

**Phiên âm:** Dương minh bệnh bất thổ bất hạ, tâm phiền giả khả dã điều vị thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh không thổ không hạ mà tâm phiền nên dùng bài Điều vị thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này nói về dương minh vị phủ không hòa, nên dùng bài Điều Vị thừa khí thang.

**Tiết 6**

陽明病脈遲雖汗出不惡寒者此欲解也發汗不可攻裏也硬者不可攻也惡寒者若微重短氣裏也大便未硬者若微已惡寒者若微

必解大便發熱承氣湯  
欲此大發熱承氣湯  
外此多未承  
者此者多未承  
寒者出汗潮與  
惡熱汗若不可  
不潮然而之熱者  
出有然主其熱者  
汗喘而足氣湯也  
雖而手足承氣湯  
遲滿手承氣湯  
脈也大便未硬者  
病裏也大便未硬者  
明短氣裏也大便未硬者  
陽重短氣裏也大便未硬者

**Phiên âm:** Dương minh bệnh mạch trì, tuy hạn xuất bất ố hàn giả, kỳ thân tất trọng, đão khí, phúc mãn nhi suyễn, hữu triều nhiệt giả, thủ ngoại dục giả khả công lý dã. Thủ túc tập nhiên nhi hạn xuất giả, thủ đại tiện dĩ ngạch dã. Đại thừa khí thang chủ chi. Nhược hạn đa, vị phát nhiệt ố hàn giả, ngoại vị giải dã. Kỳ nhiệt bất triều vị khả dĩ thừa khí thang. Nhược phúc đại mãn bất thống giả, khả dĩ tiểu thừa khí thang vị hòa vị khí, vật linh đại tiết hạ.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh mạch trì, tuy hạn ra mà không ghét lạnh, mình hẳn nặng, đão khí, bụng đầy mà suyễn, nếu có "trào nhiệt" là ở ngoài muốn giải, có thể dùng phép công lý được. Tay chân nhảm nháp có hẳn ra là đại tiện đã rắn, dùng đại thừa khí thang chủ về bệnh ấy. Nếu hẳn nhiều, phát nhiệt ghét lạnh là ngoài chưa giải, không có "trào nhiệt", chưa có thể dùng đại thừa khí thang. Nếu phúc bộ đầy lắm, đại tiện không thông, nên dùng tiểu thừa khí thang khiến cho vị khí hơi hòa, dùng để cho tiết xuống nhiều quá.

**Đại thừa khí thang**

**大承氣湯**

大黃	Đại hoàng	4 lượng (dùng nước rửa)
厚朴	Hậu phác	nửa cân (nung, bỏ vỏ)
枳實	Chỉ thực	5 quả (nung)
芒硝	Mang tiêu	3 hợp

Dùng 1 đấu nước, trước đun chỉ thực, hậu phác còn 5 thăng, cho mang tiêu vào đun nhỏ lửa sôi lên vài lượt, uống vừa nóng, cho 2 lần, nếu đã hạ nóng, đừng uống phần còn lại.

**Chú giải:** Võ lăng Trần thị nói: "Trời đất một lý, muôn vật một khí, cho nên hàn cực thì sinh ra nhiệt, nhiệt cực thì sinh ra hàn. Phạm vật cũng thì biến là lẽ rất thường. Thương hàn là nhiệt vào vị, tân dịch hao, chân âm hư, dương đã thịnh thì âm tất bệnh, theo phép: "Dương thịnh, âm hư, phát hàn thời chết, hạ đi sẽ khỏi" phải gấp dùng phương

陽明病必自汗出醫更重發汗病以差  
 尚微煩不了了者此大便必硬故也以  
 亡津液胃中乾燥故令大便硬當問其  
 小便幾日行若本小便日三四行今日  
 再行故知大便不久出今為小便數少  
 以津液當還入胃中故知不久必大便  
 也

**Phiên âm:** Dương minh bệnh tất tự hãn xuất, y cánh trùng phát hãn, bệnh dĩ sai, thượng vị phiến bất liễu liễu giả, thử đại tiện tất ngạnh cố dã, dĩ vong tân dịch vị trung can táo, cố linh đại tiện ngạnh, đương vấn kỳ tiểu tiện kỷ nhật hành, nhược bồn tiểu tiện nhật tam tứ hành, kim nhật tái hành, cố tri đại tiện bất cử xuất, kim vị tiểu tiện sắc thiếu dĩ tân dịch đương hoàn nhập vị trung cố tri bất cử tất đại tiện dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh vốn tự hãn ra. Y giả lại phát hãn thêm, ngoại nhiệt đã bớt mà trong còn hơi phiến, không được tỉnh táo ấy là cái cơ đại tiện tất phải rắn. Bởi xuất tân dịch, trong vị khô ráo, cho nên khiến đại tiện rắn. Nên hỏi về tiểu tiện: ngày mấy lần, nếu ngày hãn ra, tiểu tiện 3,4 lần, cái ngày hơi phiến lại chỉ tiểu tiện có vài lần, cho nên biết là đại tiện không lâu sẽ tự ra. Giữ vì tiểu tiện ít, bởi tân dịch sẽ lại trở vào vị, cho nên biết không lâu sẽ đại tiện.

**Chú giải:** Tiết này nói về tân dịch của dương minh lại trở vào trong vị.

### Tiết 2

傷寒嘔多雖有陽明症不可攻之

**Phiên âm:** Thương hàn ấu đa, tuy hữu dương minh chứng, bất khả công chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn ấu nhiều, tuy có chứng của dương minh, cũng không được công hạ.

**Chú giải:** Tiết này nói về vị khí hư không được hạ.

Xét: Dương minh có vị khí, có táo khí, có hàn khí khác nhau. Vị khí là một thứ khí nhu hòa, hàn khí là một thứ khí mạnh tợn, hoạt lợi, chạy riêng về dương minh. Táo khí là một thứ khí thuộc về táo hàn. Bệnh ra phát bởi hàn khí có thể công, bệnh phát ra bởi táo khí cũng có thể công, bệnh phát ra bởi vị khí không thể công. Cho nên 3 tiết: tiết 24 chương I và tiết 1,2 chương II đều nói không thể công.

Lại xét: Thấy hay nói là không thể công nhưng chắc không phải là cứ ngồi trông đó mà không cứu chữa đâu. Vậy ta phải suy xét mà tìm ra phương pháp để bổ túc vào những trường hợp ấy.

### Tiết 3

陽明病心下硬滿者不可攻之攻之利遂不止者死止者愈

**Phiên âm:** Dương minh bệnh, tâm hạ ngạnh mãn giả, bất khả công chi, công chi lợi toại bất chi giả, tử, chi giả dĩ.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh, tâm hạ rắn đầy, đây không thể công được. Nếu lợi nhâm mà công đi, lợi vì thể không dứt, sẽ chết, nếu lợi dứt, khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói về hư là giả thực, không nên hạ.

Đường Tôn Hải nói: "Tâm hạ rắn đầy" là nói về chứng bì ở trong cách mô phía trước hung, bệnh không ở trong vị nên không thể công"

Tiết Bộ Văn nói: "Tâm hạ thuộc về "cách" của dương minh. Cách bộ dù thực, phúc bộ hãn hư, khí do hư mà bế... ấy là chứng giả thực của dương minh, nếu dùng phép công sẽ bị hư thêm.

### Tiết 4

陽明病面合赤色不可攻之攻之必發熱色黃小便不利也

**Phiên âm:** Dương minh bệnh, diện hiệp xích sắc bất khả công chi, công chi tất phát nhiệt sắc hoàng, tiểu tiện bất lợi dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh mạch Phù, khẩn, tất trào nhiệt, phát tác có lúc. Nếu chỉ Phù tất ra mồ hôi trộm.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng trào nhiệt ở dương minh đại trường.

Đường Tôn Hải nói: "Đây nói về mạch khẩn, tức là ứng về trong đại trường có phân ráo đã kết lại thành hình cho nên tất phải có chứng trào nhiệt. Phạm Trọng sư nói đến trào nhiệt đều là chỉ về trong đại trường có thực kết... thuộc về mạch pháp của Trọng sư như nói "mạch khẩn", tất có chứng "yết thống", nói "mạch trì, mình mát" là chỉ chứng nhiệt vào huyết thất... khác hẳn với mạch quyết của người đời sau... Đạo hẳn là dương thịnh không vào âm phân.

## Tiết 24

陽明病口燥但欲漱水不欲嚥者必衄

**Phiên âm:** Dương minh bệnh khẩu táo, đản dục thẩu thủy, bất dục yển giả, tất nục.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh miệng ráo, chỉ muốn súc miệng, không muốn nuốt, rồi tất phát ra chứng nục (vì nhiệt ở kinh nên chỉ muốn súc miệng cho đỡ nóng, nhiệt không ở trong vị nên không muốn uống. Dương minh là một kinh khí huyết đều thịnh, trong kinh nhiệt thịnh mà bức huyết đi vậy mà thành nục).

**Chú giải:** Đây là nói về tân dịch ở dương minh thông ra kinh mạch mà thành nục.

## KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 24 tiết luận về:

- Căn nguyên của bệnh ở dương minh và đề cương về chứng ngoài, chứng trong. Dương minh chủ về Lý. Nhiệt nhiều ở Lý, bụng đầy, tiện kết tức là bệnh dương minh. Có khi do Thái dương, thiếu dương chuyển biến mà ra, hoặc do bản kinh nhiệt hóa. Cho nên có phân biệt chứng tý ước, chứng đại tiện khó, chứng vị gia thực. Những chứng chuyển thuộc dương minh đều do hãn, hạ, lợi tiểu tiện hoặc hãn

ra quá nhiều khiến cho tân dịch xuất nhiều lần. Cho nên vị gia thực là đề cương về nội chứng của dương minh. Bệnh đến giai đoạn dương minh không còn hàn, nhiệt truyền biến nữa, tuy mới mắc phải một ngày mà ổ hàn cũng tự lành.

- Luận về chứng hàn, nhiệt của dương minh: dương minh, thái âm vốn cùng bộ vị. Chỉ khác nhau ở hàn nhiệt. Như tay chân ấm, mình phát vàng, tiểu tiện lợi, không ăn được, hoặc tiểu tiện không lợi, đại tiện trước rắn sau nát đều là thái âm chứng, cũng tức là dương minh hàn chứng. Nếu nhận lầm là tà nhiệt hạ đi tất sinh hạ nghịch.

- Luận về chứng hư, chứng thực của dương minh. Dương minh vị khí thịnh, phần nhiều là thực chứng, bên trong phần nhiều là trường Vị táo kết bên ngoài tuy có biểu chứng, cũng chợt phát cuồng, nhâm nhấp hãn ra rồi giải. Nhưng chứng dương minh nóng lại không có mồ hôi, mình như trùng bò ngoài da là chứng hư. Lại bụng đầy, mạch trì không ăn no được, mà tiểu tiện khó, đó là lây đến thái âm, đều không phải thực tà ở dương minh.

Tóm lại, phân ra hàn, nhiệt, hư, thực thì chứng dương minh phần nhiều thuộc trường, vị có thực nhiệt, thái âm chứng tức là trường vị hư hàn.

- Luận về bệnh dương minh có kiêm chứng: dương minh nội thực, phép trị lấy hạ làm chủ, mạch đại kiêm co chứng của kinh Thái dương, thiếu dương mà mạch phù khẩn đều không thể hạ, như kiêm có hàn tà buộc bên ngoài, tất ho mà ọc, tay chân quyết, đầu đau, như là nhiệt xung lên tất ho mà trong họng đau, hoặc choáng váng mà đưa đến tình trạng tý niêm mô sung huyết mà thành nục. Như nhiệt nhiều không vượt ra ngoài, tiết xuống dưới được, hoặc chỉ trên trán có hàn, hãn đốm nhiệt tiết ra mà phát vàng.

Đã

## CHƯƠNG II

### Tiết 1

陽明病反無汗而小便利二三日嘔而  
欬手足厥者必若頭痛若不欬不嘔手  
足不厥者頭不痛

**Phiên âm:** Dương minh bệnh phản vô hàn nhi tiểu tiện lợi nhị tam  
nhật, ẩu nhi khái, thủ túc giá, tất nhược đầu thống nhược bất khái  
bất ẩu thủ túc bất quyết giá, đầu bất thống.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh lại không có hàn mà tiểu tiện lợi. Trải  
2,3 ngày, ụa mà khái, tay chân quyết, thời đầu không đau (mạch của  
dương minh dựa theo mái tóc lên đỉnh đầu). Hàn khí của dương minh  
dắt diu cả chính khí mà nghịch lên nên đầu đau. nếu không ho, không  
ụa, không quyết tức là hàn khí đã trừ, chính khí của dương minh có thể  
đạt ra ngoài mà không nghịch lên nữa, nên không đau đầu.

**Chú giải:** Tiết này nói về khí của dương minh hiệp với hàn khí  
nghịch lên đầu mà không thấm nhuần ra được khắp mình.

#### Tiết 20

陽明病但頭眩不惡寒故能食而欬其  
人必咽痛若不欬者咽亦不痛

**Phiên âm:** Dương minh bệnh đản đầu huyền, bất ó hàn cố năng  
thực nhi khái kỳ nhân tất yết thống, nhược bất khái giá, yết điệc  
bất thống.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh chỉ đầu choáng váng, không ghét lạnh  
nên ăn được (ăn được là dương minh vị nhiệt, nhiệt khí xung lên, thể bị  
hỏa hun nên) ho, bệnh nhân tất yết đau. Nếu không ho, tất yết cũng  
không đau.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái khí của dương minh hợp với phong nhiệt  
mà nghịch lên yết, không lưu thông được xuống dưới.

Trình Phù Sinh nói: "Âm là hạ lợi, cho nên không có hàn mà  
tiểu tiện lợi, phong tà dẫn lên cho nên không ghét lạnh mà đầu choáng  
váng. Hàn thời đầu đau, phong thời yết đau, hàn thời ụa mà không ăn  
được. Đó là chỗ phân biệt của phong với hàn phạm vào vị."

#### Tiết 21

陽明病無汗小便不利心中懊儂者身  
必發黃

**Phiên âm:** Dương minh bệnh vô hàn, tiểu tiện bất lợi, tâm trung  
áo nồng giá, thân tất phát hoàng.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh không có hàn, tiểu tiện không lợi,  
trong tâm áo nồng (vì trung thổ bị uất mà thành nhiệt, nhiệt khí gây  
nên phiền) mình sẽ phát hoàng.

**Chú giải:** Tiết này hợp với tiết dưới đều nói về cái khí của dương  
minh uất ở trung thổ mà không thể đạt ra ngoài và dẫn xuống dưới.

#### Tiết 22

陽明病被火額上微汗出小便不利者  
必發黃

**Phiên âm:** Dương minh bệnh bị hỏa, ngạch thượng vi hàn xuất,  
tiểu tiện bất lợi giá, tất phát hoàng.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh bị hỏa (tức là cứu, do y giả nhầm vì  
thấy không có hàn nên dùng hỏa bức cho hàn ra), trên trán hơi có hàn,  
tiểu tiện không lợi, tất phát vàng.

**Chú giải:** Tiết này cũng như tiết trên, dẫn thêm sự "bị hỏa" để tả cho  
sự nguy hiểm. Phạm gặp chứng này mà uống phải những vị như  
khương hoạt, độc hoạt, kinh giới, phòng phong, can khương, quế chi, ô  
đầu, thu tử... đều có thể coi như bị hỏa cả.

#### Tiết 23

陽明病脈浮而緊者必潮熱發作有時  
但浮者必盜汗出

**Phiên âm:** Dương minh bệnh mạch Phù nhi khẩn giá, tất triệu  
phát tác hữu thời, đản phù giá, tất đạo hàn xuất.

nhục, cùng với cái hàn của Thái dương "đồn" lại làm một mà ra, cho nên giải được". Thấy lại chưa thêm rằng: "mạch khẩn thì khởi". Đó cũng là cái mạch Thái dương "bế" ở ngoài, dương minh "đồn" ở trong.

### Tiết 15

陽明病欲解時徒申至亥戌上

**Phiên âm:** Dương minh bệnh dục giải thời tòng thân chí tuất thượng.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Dương minh muốn giải từ giờ thân đến giờ tuất (bởi dương minh vượng ở hai giờ thân, dậu, bệnh khí nhờ cái sức giúp của thiên thời nên mới khởi. Nhưng đó là chỉ nói về biểu chứng của dương minh, ra vì hàn mà giải, còn như nếu là vì gia thực, gặp lúc vượng, tất lại phát cuồng nói lảm nhảm).

### Tiết 16

陽明病不能食攻天其熱必噦所以然者胃申虛冷故也以其人本虛故攻其熱必噦

**Phiên âm:** Dương minh bệnh bất năng thực, công kỳ nhiệt tất uest, sở dĩ nhiên giả, trung hư lãnh cố dã, dĩ kỳ nhân bản hư cố công kỳ nhiệt tất uest.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh không ăn được, nếu lại đem công nhiệt tất sinh ra ọc. Sở dĩ như thế, vì có trong vị hư lãnh. Bởi bệnh nhân vị khí vốn hư, cho nên hệ công nhiệt tất phải ọc.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng bệnh gây nên bởi dương minh trung khí hư hàn.

Đường Tôn Hải nói: "Tiết này nói về vị khí hư lãnh, không có "táo sĩ", dù có thân nhiệt là chứng của dương minh, cũng không nên nhằm mà dùng phép công hạ, chứ không phải là trong vị có táo sĩ mà không nên công hạ đâu.

### Tiết 17

陽明病脈遲食難用飽飽則微煩頭眩  
必小便難此欲作穀疸雖下之腹痛如  
故所以然者脈遲故也

**Phiên âm:** Dương minh bệnh, mạch trì, thực nan dụng bão, bão tác vi phiền, đầu huyễn tất tiểu tiện nan, thử dục tác cốc đản, tuy hạ chí phúc thống như cố, sở dĩ nhiên giả mạch trì cố dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh mạch lại trì, ăn không thể no, no thời hơi phiền, đầu choáng váng, hẳn tiểu tiện khó. Ấy là muốn thành chứng cốc đản, đầu đã hạ rồi mà bụng vẫn đầy. Sở dĩ như thế là vì có mạch trì.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Chứng "tiểu tiện khó" thuộc về mô vông của tam tiêu. Mô vông không thanh lợi, "cốc" lại không hóa, thời ung trệ "hun hấp" lên sẽ thành chứng hoàng đản. ba chữ "dương minh bệnh" là nói về minh nhiệt, thuộc về dương chứng, "mạch trì" là nói về dương chứng hiện ra âm mạch, "ăn không thể no" là nói về mạch. Trì do trong vị hư lạnh, minh dù nhiệt mà vị vẫn không nhiệt, "no thời hơi phiền" là nói về vị lạc thông lên tâm, ăn chứa đọng thời tâm khí bị trở rét cho nên phiền... Hai chữ "cốc đản", cốc là bệnh ở vị, đản là bệnh ở cơ tiêu."

### Tiết 18

陽明病法多汗反無汗其身如蟲行皮  
中汗者此以火虛故也

**Phiên âm:** Dương minh bệnh, pháp đa hàn phản vô hàn kỳ thân như trùng hành bì trung hàn giả, thử dĩ hỏa hư cố dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh, theo phép nên nhiều hẳn. Giữ lại không có hẳn, ở mình hình như có kiến bò ở trong da. Ấy là vì có trong vị hư đã lâu ngày.

**Chú giải:** Đây là nói vị khí hư, không dẫn tinh ra bì mao nên mới hiện ra chứng trung như vậy.

### Tiết 19

minh, nên mượn thiếu dương để đạt ra biểu, không nên hạ xuống trường vị mà dẫn vào lý. Thiếu dương tam tiêu coi về việc quyết độc (khởi thảo đường nước) cho nên dẫn vào lý thời tiểu tiện khó.

### Tiết 12

陽明病若能食名中風不能食名中寒

**Phiên âm:** Dương minh bệnh nhược năng thực danh trúng phong, bất năng thực, danh trúng hàn.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh nếu ăn được gọi là trúng phong (vì phong hay cổ động cái khí của dương minh nên ăn được), nếu không ăn được gọi là trúng hàn (bởi hàn làm vùi lấp cái khí của dương minh nên không ăn được).

**Chú giải:** Tiết này đem sự ăn được hay không ăn được để biện rõ xem chứng thuộc phong hay hàn và để nghiệm cả vụ khí xem còn khỏe hay yếu.

### Tiết 13

陽明病若中寒不能食小便不利手足  
澀然此欲作固瘕必大便初硬後溏所  
以然者以胃中冷水穀不別故也

**Phiên âm:** Dương minh bệnh nhược trúng hàn, bất năng thực, tiểu tiện bất lợi, thủ túc tập nhiên thủ dục tác cố giả, kố đại tiện sở ngạnh hậu đường. Sở dĩ nhiên giả, dĩ vị trung lãnh, thủy cốc bất biệt dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở dương minh trúng hàn, không ăn được, tiểu tiện không lợi, tay chân nhảm nháp ra mồ hôi, ấy là muốn thành chứng "cố giả" (đại tiện rắn thành lộn), tất đại tiện lúc đầu thì rắn, sau nát. Sở dĩ như thế là vì trong vị lạnh, thủy cốc không bi biệt (chưa lọc) được.

**Chú giải:** Tiết này nói về dương minh trúng hàn

Đường Tôn Hải nói: Năm chữ "thủy cốc không bi biệt" ở trên, thật đã chỉ rõ ra thủy từ trong vị tan ra mà chạy vào mô cách. "Trong vị lạnh" tức là "trong vị không đủ táo khí".

### Tiết 14

陽明欲食小便反不利大便自調其  
人骨節疼翕翕如有熱狀奄然發狂澀  
然汗出而解者此水不勝穀氣與汗共  
併脈緊則愈

**Phiên âm:** Dương minh dục thực, tiểu tiện phản bất lợi, đại tiện tự điều, kỳ nhân cốt tiết đông, hấp hấp như hữu nhiệt trạng, yểm nhiên phát cuồng, tập nhiên hàn xuất nhi giải giả, thủ thủy bất thắng cốc khí dĩ hàn cộng tinh mạch khẩn tắc dĩ.

**Dịch nghĩa:** Dương minh mắc bệnh muốn ăn (tức là bệnh trúng phong), tiểu tiện lại không lợi, đại tiện lại điều hòa. Bệnh nhân khớp xương đau nhức, hầm hập như có nhiệt. Bỗng dưng như phát cuồng, nhảm nháp hàn ra mà giải. Ấy là thủy không thắng được cốc khí, với hàn cùng dồn lại làm một, mạch nếu khẩn thì khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói về dương minh trúng phong.

Đường Tôn Hải nói: "Muốn ăn và đại tiện tự điều hòa, thế là cốc khí của dương minh thắng, tiểu tiện không lợi là thủy của Thái dương không hòa, "bệnh nhân khớp xương đau nhức" tức là chứng mình đau nhức của kinh Thái dương, "hầm hập phát nhiệt" tức là chứng què què hầm hập phát nhiệt của kinh Thái dương. Như vậy, đều do cái khí ở trong thủy của kinh thái dương hóa ra nghẽn vùi ở khoảng cơ nhục, đều thuộc về bệnh của kinh thái dương cả và chưa từng giải được. Chỉ nhờ cái cốc khí của dương minh còn thắng, ngoài hợp với Thái dương, hai dương cùng "dồn" lại, gọi là "trùng dương". Nội kinh nói: "trùng dương thời cuồng"... cho nên tất bỗng nhiên phát cuồng, nhảm nháp ra mồ hôi. Trọng sự lại tự giải thêm cho rõ nghĩa: "thế là cái khí do trong thủy của Thái dương hóa ra, không thắng được cốc khí ở trong vị, vì thế nên cốc khí có quyền, có thể phát tiết ra ngoài khoảng cơ

**Dịch nghĩa:** *Vốn bệnh ở Thái dương, lúc mới mắc bệnh, dùng phép phát hãn, hãn ra không thấu triệt, nhân thể, chuyển thuộc về dương minh... Thương hàn phát nhiệt không có hãn, ủa, không ăn được mà hãn lại ra nhâm nháp. Đó, tức là chuyển thuộc về dương minh.*

**Chú giải:** Tiết này nói thêm một trường hợp chuyển thuộc dương minh. Ngoài cái chứng vì hàn nhiều quá đến nỗi mất tân dịch (tiết 3) lại còn cái chứng vì "hàn ra không thấu triệt" mà cũng chuyển thuộc về dương minh... tức là nói đến cả thường lẫn biến.

### Tiết 8

傷寒三日陽明脈大

**Phiên âm:** Thương hàn tam nhật, dương minh mạch đại.

**Dịch nghĩa:** *Thương hàn đến ngày hiện chứng của dương minh mà mạch đại (thế là ta đã phạm vào trung thổ, không do khu của thiếu dương mà giải nữa).*

**Chú giải:** Từ đây trở lên 6 tiết (3-8), hàn về cái khí của dương minh chủ về biểu mà hợp với Thái dương ở bên ngoài, chủ về lý mà trong lấy tân dịch làm quan hệ.

### Tiết 9

傷寒脈浮而緩手足自溫是為繫在太陰太陰者身當發黃若小便自利者不能發黃至七日大便硬者為陽明也

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Phù nhi hoãn, thủ túc tự ôn, thị vi hệ tại thái âm, thái âm giả, thân dương phát hoàng, nhược tiểu tiện tự lợi giả, bất năng phát hoàng, chí thất nhật đại tiện ngưng giả, vi dương minh dã.

**Dịch nghĩa:** *Thương hàn mạch Phù mà hoãn, tay chân tự ấm. Đó là hệ ở thái âm (vì dương minh với thái âm cùng biểu lý). Ở thái âm, mình tất phát vàng. Nếu tiểu tiện tự lợi, thời không thể phát vàng, trải qua 7,8 ngày đại tiện rắn, ấy là chứng ở dương minh.*

**Chú giải:** Tiết này nói về cái nghĩa dương minh với thái âm cùng là biểu lý với nhau. Do Thái dương chuyển hệ vào thái âm nên nói rằng mạch Phù.

### Tiết 10

傷寒轉繫陽明者其人澀然微汗出也

**Phiên âm:** Thương hàn chuyển hệ dương minh giả, kỳ nhân tập nhiên vi hàn xuất dã.

**Dịch nghĩa:** *Thương hàn đã chuyển hệ vào "dương minh", bệnh nhân nhâm nháp hơi có hãn.*

**Chú giải:** Tiết này là do Thái dương chuyển hệ vào dương minh, tức là bởi chứng tự hàn ở du mô mà vào vị.

Tiết 9-10 nói rõ thêm cái nghĩa Thái dương - dương minh ở chứng đầu mà thôi.

### Tiết 11

陽明中風口苦咽乾腹滿微喘發熱惡寒脈浮而緊若下之則腹滿小便難也

**Phiên âm:** Dương minh trúng phong khẩu khổ yết càn, phúc mãn, vi suyễn phát nhiệt, ố hàn, mạch Phù, nhi khẩn, nhược hạ chi, phúc mãn, tiểu tiện nan dã.

**Dịch nghĩa:** *Dương minh trúng phong miệng đắng, họng khô, bụng đầy hơi suyễn, phát nhiệt, ghét lạnh, mạch Phù mà khẩn, nếu hạ đi thời bụng đầy, tiểu tiện khó vậy.*

**Chú giải:** Tiết này nói về khí của dương minh, không những với thái âm làm biểu lý mà lại trong hợp với thiếu dương, ngoài hợp với Thái dương.

Đường Tôn Hải nói: "Tiết này chỉ nói rõ chứng trạng của thiếu dương - dương minh. Mạch Phù mà khẩn tức là huyền rồi. Phát nhiệt, ố hàn là chứng của Thái dương, miệng đắng, họng khô là chứng của thiếu dương. Chỉ có chứng "bụng đầy hơi suyễn" là kiêm ở dương

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tiết này theo tiết trên, nói về cả thái, thiếu dương minh, lại nói rõ thêm cái nghĩa Vị, gia thực để làm tổng cương cho chứng trạng của dương minh. Trong sự dù không nêu ra 2 chữ thiếu dương nhưng như câu "nếu lợi tiểu tiện"... thế là đã diễn theo "thiếu dương điều" ở tiết 1 rồi. Ngay như ở thiên Thái dương, gặp những trường hợp có lây sang chứng của thiếu dương, mà thực nào có nêu ra 2 chữ thiếu dương bao giờ đâu, duyệt giả nên xét kỹ.

#### Tiết 4

問曰陽明病外症云何答曰身熱汗自出不惡寒反惡熱也

**Phiên âm:** Vấn viết: Dương minh bệnh ngoại chứng vân hà? Đáp viết: Thân nhiệt, hàn tự xuất, bất ố hàn phản ố nhiệt dã.

**Dịch nghĩa:** Hỏi rằng: ngoại chứng của kinh Dương minh thế nào? Đáp rằng: Minh nhiệt, hàn tự ra, không ghét lạnh trở lại, ghét nóng.

**Chú giải:** Tiết này nói thêm ngoại chứng của kinh dương minh để làm tổng cương cho cả trong lẫn ngoài.

Đường Tôn Hải nói: "Minh nhiệt, tự hàn ra, rất giống với chứng của kinh Thái dương, ở vào bộ phận cơ nhục thời hâm hấp phát nhiệt, nhâm nhấp tự hàn... Cơ nhục tức là "phì nhục", nó với cao du ở bên trong thuộc về tỳ, vị cho nên vị nhiệt cũng phát ra cơ nhục mà thành chứng minh nhiệt, tự hàn, giống với chứng của Thái dương. Duy có chứng "không ố hàn", lại "ố nhiệt" mới là đích chứng táo nhiệt của dương minh khác hẳn với chứng ố hàn của kinh Thái dương.

#### Tiết 5

問曰病有得之一日不惡熱而惡寒者何也答曰雖得之一日惡寒將自罷即自汗出而惡熱也

**Phiên âm:** Vấn viết: Bệnh hữu đắc chi nhất nhật bất ố nhiệt nhi ố hàn giả hà dã? Đáp viết: Tuy đắc chi nhất nhật, ố hàn tương tự bãi, tức tự hàn xuất nhi ố nhiệt dã.

**Dịch nghĩa:** Hỏi rằng: bệnh có khi mới phát ra một ngày, không phát mà ố hàn là vì sao? Đáp rằng: Dầu mới phát ra một ngày mà ố hàn nhưng sẽ tự thôi, rồi lại tự hàn mà ố nhiệt.

**Chú giải:** Tiết này diễn theo tiết trên "không ố hàn" mà "ố nhiệt" mà nói thêm. Tiết trên nói về cái biểu chứng từ trong đạt ra ngoài. Tiết này nói về cái biểu chứng phong, hàn do bên ngoài phạm vào.

#### Tiết 6

問曰惡寒何故自罷答曰陽明居中土也萬物所歸無所復傳始難惡寒二日自止此為陽明病也

**Phiên âm:** Vấn viết: Ố hàn hà cố tự bãi? Đáp viết: Dương minh cư trung thổ dã. Vạn vật sở quy vô sở phục truyền thủy nan ố hàn nhị nhật tự chi, thử vi Dương minh bệnh dã.

**Dịch nghĩa:** Hỏi rằng: Dã ố hàn cố sao lại tự thôi? Đáp rằng: Bộ vị của dương minh ở trung thổ, muôn vật đều theo về đấy không còn truyền đi đâu nữa nên lúc mới vẫn ố hàn mà đến ngày thứ hai sẽ tự thôi. Ấy là cái gốc bệnh của dương minh.

**Chú giải:** Tiết này giải cho rõ thêm tiết trên về cái cơ "ố hàn tự thôi" mà nêu ra cái gốc "vị gia thực".

#### Tiết 7

本太陽病初得病時發其汗汗先出不徹因轉屬陽明也傷寒發熱無汗嘔不能食而反汗出濇濇然者是轉屬陽明也

**Phiên âm:** Bản Thái dương bệnh, sơ đắc bệnh thời, phát kỳ hàn, hàn tiên xuất bất triệt, nhâm chuyển thuộc dương minh dã. Thương hàn phát nhiệt vô hàn, ẩu bất năng thực nhi phản hàn xuất tập tập nhiên giả, chuyển thuộc dương minh dã.



## Bàn về mạch và chứng của kinh Dương minh

### Thiên B

#### CHƯƠNG I

##### Tiết 1

問曰病有太陽陽明有正陽陽明有少  
陽陽明何謂也答曰太陽陽明者脾約  
是也正陽陽明者胃家實是也少陽陽  
明者發汗利小便胃中燥煩大便難是  
也

**Phiên âm:** Vấn viết: Bệnh hữu Thái dương Dương minh, hữu chính dương, Dương minh, hữu thiếu dương Dương minh, hà vị dã? Đáp viết: Thái dương Dương minh giả, tỳ ước thị dã, chính dương Dương minh giả, Vị gia thực thị dã, thiếu dương Dương minh giả, phát hàn, lợi tiểu tiện, Vị trung táo phiền, đại tiện nan thị dã.

**Dịch nghĩa:** Hoặc hỏi rằng: "Bệnh có chứng thuộc về Thái dương Dương minh, có chứng thuộc về chính dương Dương minh, có chứng thuộc về thiếu dương Dương minh... là thế nào? Đáp rằng: "Thái dương Dương minh tức là chứng tỳ ước, chính dương Dương minh tức là chứng Vị gia thực, thiếu dương Dương minh tức là chứng do nhằm phát hãn, nhằm lợi tiểu tiện, khiến cho trong vị, táo phiền, thực và đại tiện khó".

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng ở Dương minh, có chia ra: thái, thiếu, chính khác nhau.

Đường Tôn Hải nói: "Sở dĩ có chứng Thái dương Dương minh là vì tà khí từ bộ phận cơ nhục của thái dương xâm lấn vào mô du ở trong. Tỳ chủ về cao du, bị nhiệt hun đốt, khiến cho cao du khô quắt lại, rồi trường cũng nhân đó mà khô rít (vì trường được bao bọc bởi lớp mô vông, có cao du thấm nhuận). Nên mới gọi là chứng tỳ ước (Ước là

hạn chế, thắt, bó). Sở dĩ có chứng thiếu dương Dương minh là vì mô vông với Vị cùng thông nhau. Cái thủy ở mô vông, do bên ngoài tẩu lý mà "hãn", do bên dưới tiểu tiện mà "tiết", khiến cho hao thủy ở trong, thủy đều đi hết, mới thành ra chứng can táo.

Đoạn này, để cương đã đem ngay cái nghĩa cao du, mô vông với trường Vị cùng thông nhau để phát minh. Do đó mà các biến chứng của toàn thiên này có thể hiểu biết được cả.

##### Tiết 2

陽明之為病胃家實也

**Phiên âm:** Dương minh chi vi bệnh, Vị gia thực dã.

**Dịch nghĩa:** Chứng bệnh của Dương minh là Vị gia thực.

**Chú giải:** Tiết này... Đề cập về chứng trạng của kinh Dương minh. Từ đây trở xuống, sẽ nói đến chứng Dương minh là đã hàm có 3 chữ "Vị gia thực", là lấy tay ấn vào bộ phận của Vị thấy rắn, đặc.

##### Tiết 3

問曰何緣得陽明病答曰太陽病若發汗若下若利小便此亡津液胃中乾燥因轉屬陽明不更衣內實大便難者此名陽明也

**Phiên âm:** Vấn viết: Hà duyên đắc Dương minh bệnh. Đáp viết: Thái dương bệnh, nhược phát hàn, nhược hạ, nhược lợi tiểu tiện, thử vong tân dịch, vị trung can táo, nhân chuyển thuộc Dương minh, bất canh y, nội thực, đại tiện nan giả, thử danh Dương minh dã.

**Dịch nghĩa:** Hỏi rằng: Bởi cớ sao mắc chứng Dương minh? Đáp rằng: Bệnh ở Thái dương, nếu phát hãn, nếu hạ, nếu lợi tiểu tiện..., đều làm mất tân dịch trong Vị, trung vị khô ráo. Nhiệt tà của Thái dương liên chuyển thuộc về Dương minh. Không đại tiện vì trong thực. Trong trường đã "thực", đại tiện rất khó. Đó là bệnh thuộc Dương minh.

脈按之來緩而時一止復來者名曰結  
又脈來動而中止更來小數中有還者  
反動名曰結陰也脈來動而中止不能  
自還因而復動者曰代陰也得此脈者  
必難治

Phiên âm: Mạch án-chi lai hoàn, nhi thời nhất chỉ phục lai giả.  
Danh viết Kết, hựu mạch lai Động, nhi trung chỉ cánh lai tiểu, Sác  
trung hữu hoàn giả, phản Động, danh viết kết, âm dã... Mạch lai  
Động, nhi trung chỉ, bất năng tự hoàn, nhân nhi phục Động giả, viết  
Đại, Âm dã, đắc thử mạch giả, tất nan trị.

Dịch nghĩa: Mạch ấn tay vào thấy đến Hoàn (không được 4 nhịp 1 hơi  
thở), mà cứ một lần "ngừng" rồi mới nhịp "lại", trong hiện tượng tiểu,  
Sác có khi "trở lại" rồi lại Động, gọi là Kết, thuộc âm thịnh.

Mạch lại Động mà khoảng giữa "ngừng" không thể "trở lại"...  
Rồi mà lại Động... gọi là Đại, thuộc về chỉ có Âm. Thấy hiện ra mạch  
ấy, hẳn khó chữa.

Chú giải: Tiết này nói rõ thêm cái trạng thái của mạch Đại, Kết sai  
khác nhau rất xa.

## KẾT TOÀN CHƯƠNG

Đường Tôn Hải nói: "Đổi sau mạch quyết càng nói nhiều, mà  
cái mạch ý càng tối. Vì chưa mạch biện chứng, không hội thông được  
cái lý của mạch nên mới sinh ra như vậy. Thử nghĩ: trong mạch quyết  
chỉ có 28 thứ mạch mà thuộc về bệnh chứng không chỉ có 28 môn.  
Nếu không hiểu thấu cái toàn lý của mạch, thời sao chỉ có thể trong 28  
mạch ấy mà đoán được hết cả 100 chứng bệnh. Cho nên thường có  
người cho là mạch Pháp của Trọng sư không được rõ ràng lắm. Nhưng,  
không biết Trọng sư nói về mạch đều là lấy "một điều" có thể suốt  
được tới "muôn điều", nếu học giả biết suy một ra mười, thời không  
chút nào thiếu sót nữa.

Hãy xem ba tiết này, chỉ nêu ra bốn thứ: Phù, Hoạt, Đại, Kết để  
chứng minh cho mạch lý. Hiểu được bốn thứ mạch này, thời các mạch  
khác cũng có thể thông hiểu được hết. Nên biết: mạch tức là huyết  
mạch, huyết sinh ra ở tâm. Tây y nói: "Tâm có huyết mạch quản, tâm  
thể triệu động không ngừng, thời mạch cũng theo đấy mà động.. Mạch  
Kinh nói: "Mạch là huyết phủ". Bài Phục mạch thang của Trọng sư lại  
đều dùng những vị đại bổ tâm huyết... Xem đó đủ biết là: mạch sinh  
ra bởi tâm, không còn ngờ gì nữa. Cho nên phạm những mạch Trì, Sác,  
Kết, Đại thời đều kết, Đại. Đều là theo tâm mà động, nên không chia  
gi ba bộ cả. Hiểu lẽ đó, sẽ biết được cái nguyên lý của các hiện tượng  
trong mạch quản như Tế, Tái, Khổng, Sáp, Cách, Nhược... nó ra làm  
sao. Cho nên Trọng sư chỉ nêu ra hai mạch Kết, Đại để tán rõ cái công  
dụng của mạch quản: bên ngoài mạch quản, tức là cơ nhục, du mô, là  
đường đi lại của tam tiêu, khí phận, khí dựa vào mạch để đi. Nội kinh  
nói: "Về khí một ngày đi khắp mình một lượt mà lại đại hội ở Thủ thái  
âm Phế"... cho nên mạch Động mà khí cũng ứng theo. Khí "thăng" thì  
mạch Phù, khí "giáng" thì mạch Trầm, khí "thanh" thì mạch Hồng, khí  
"suy" thì mạch Vi, khí "doanh" thì mạch Hoạt... đều là theo khí mà  
hiện ra ở mạch cho nên mới có Thốn Phù, Xích Trầm, Thốn Hồng,  
Xích Vi khác nhau mà theo các bộ phận của khí mà chia sự mạnh hay  
yếu nên mới có sự phân biệt của ba bộ. Hiểu lẽ đó thời sẽ biết tất cả  
các mạch tượng như Huyền, Khẩn, Lao, Nhu thuộc về công việc của  
khí phận ở ngoài mạch quản, không còn hàm hồ gì nữa. Xem kỹ ba tiết  
này của Trọng sư, thuộc về mạch lý có thể hiểu thấu được hết".

chưa hẳn là thực nên không phải cái vị khổ hàn có thể trị liệu được. Thạch cạo vị tân, tính hàn, tân có thể giải được cái nhiệt ở cơ. Hàn có thể thắng được cái hỏa ở Vị, cho nên dùng nó làm Quân. Trí mấu chốt mà nhuận, khổ để tả bỏ hỏa, hàn để nhờ đó mà hoãn lại tính hàn, khổ để nhờ nó mà hóa được cái tính khổ, khiến cho cái tính trầm giáng quanh quần ở trong mà không hại gì đến tỳ Vị. Cái tinh khéo của cách lập phương là ở đó".

## Tiết 2

### 傷寒脈結大心動悸炙甘草湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Kết, Đại tâm động quý, Chích Cam thảo thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mạch Kết. Đại, tâm động, quý, chích Cam thảo thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Trần Tu Viên nói: "Mạch phát nguyên ở túc thiếu âm thân, sinh ra bởi túc Dương minh Vị, chủ ở thủ Thiếu âm tâm. Khí của thiếu âm không hợp với Dương minh, khí của Dương minh không hợp với Thiếu âm, trên dưới không giao, huyết dịch không sinh nên mới sinh ra mạch tượng và chứng trạng như trên".

Trần Sư Lượng nói: "Đại là một thứ mạch rất khó trị liệu, thế mà cũng còn có phép trị. Phạm bệnh: khí huyết nội thoát đi, cũng có thể vội phục lại. Nếu bệnh lâu ngày mà "hư thoát", thời không sao phục lại được nữa. Bởi bệnh lâu dần mòn, trong tạng khí ngày càng hao kiệt, mạch hiện ra Đại tức là cái hiện tượng của năm tạng đã đến thời kỳ vô khí! Thương hàn là một bạo bệnh, cái cơ sống chết chóng như trở bàn tay. Bởi thế nên mạch Đại cũng chỉ là khí thiếu trong chốc lát, nên còn có thể vẫn hồi... Nhưng cũng là vạn tử nhất sinh, không dám chắc".

### Chích Cam thảo thang phương

#### 炙甘草湯方

桂枝 Quế chi 3 lượng

甘草	Cam thảo	4 lượng (nướng)
人參	Nhân sâm	2 lượng
生薑	Sinh khương	3 lượng
生地	Sinh địa	1 cân
麥門冬	Mạch môn đông	nửa thăng
麻子仁	Ma tử nhân	nửa thăng
阿膠	A giao	2 lượng
大棗	Đại táo	30 quả (bỏ hạt)

Các vị trên, dùng thanh tửu 7 thăng, nước 8 thăng, trước đun 8 vị, cạn còn 3 thăng, bỏ bã, cho A giao vào, đun cho tan hết, uống nóng 1 thăng, ngày 3 lần. Bài này, một tên là "Phục mạch thang".

**Chú giải:** Chu Võ Tài nói: "Tiết này không nói đến ngoại chứng, đã biết là hàn, nhiệt đã không còn nữa, không nói đến nội chứng, đủ biết đại, tiểu tiện đã điều hòa rồi. Chỉ vì bệnh đã lâu ngày, chính khí suy quá, không dương để tuyên được khí, không âm để nuôi cho tâm, nên mới gây cái hiện tượng mạch kết, Đại mà tâm động, quý. Trong bài dùng những vị như Nhân sâm, Địa hoàng, a giao, Mạch môn, Đại táo, Ma nhân đều là những vật có cái tính chất nhu nhuận, cốt để dưỡng âm, nhưng lại phải nhờ cái vị có tính tân ôn là Quế chi, Sinh khương để hành dương khí mà cái mạch Kết, Đại mới có thể phục được. Lại càng chú trọng ở vị Chích Cam thảo để chủ trị Vị khí giúp cho cái nguồn gốc của mạch, đun bằng thanh tửu cho nó dẫn ra mạch quản được chóng. Thật là phương pháp rất chu đáo. Tuy nhiên, theo ý của thầy, hãy gặp chứng mạch Kết, Đại thời nên dùng bài này để cho phục hồi lại. Chứ không phải bài này cứu được cả chứng mạch "thoát" đâu. Không nên câu nệ ở tên bài mà chữa nhầm".

## Tiết 3

Dùng 6 thăng nước, đun còn ba thăng, bỏ bã, uống nóng một thăng, ngày ba lần. Mỗi uống, ra mồ hôi nhâm nháp thời giải, ăn được, hãn dứt. Nếu lại phiền, uống 3 hợp. Số uống 1 thăng nhiều quá, lúc đầu nên uống 6, 7 hợp.

**Chú giải:** Vương Tấn Tam nói: "Bài Cam thảo Phụ tử thang là một thứ ngẫu dược (số chẵn, đi đôi), trị về cả 2 Biểu, hai Lý. Phong phạm vào Biểu, thấp lan quan tiết (khớp xương), trị nên chiếu cố cả 2 mặt. Bạch truật, Phụ tử trị Lý để làm cho thăng thấp, Quế chi, Cam thảo trị Biểu để làm cho thăng phong. Sở dĩ lấy riêng 1 vị Cam thảo để đặt tên bài là vì bệnh sâu ở nơi quan tiết thế tất phải dùng phương pháp trị hoãn để điều trị. Nếu đôn đi quá mạnh, 2 phong đi mà thấp vẫn còn, lại gây thêm tai vạ về sau".

Tham khảo thêm về phong, thấp ở phần tạp bệnh: cảnh, thấp, yết trong "Kim quỹ ngọc hàm kinh" cùng dịch giả)

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Tám tiết trên đem cả cái khí phong, hàn, thấp, nhiệt, táo, hỏa, để tổng kết các chứng bệnh thuộc về thiên Thái dương và để tỏ cho biết rằng trong bộ Thương hàn luận này bàn đủ cả cái tà của Lục âm (sáu thứ khí làm hại) chứ không riêng gì 2 chữ "Phong, Hàn".

## CHƯƠNG VIII

### Tiết 1

傷寒脈浮滑此表有熱裡有寒白虎湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Phù, Hoạt. Thử biểu hữu nhiệt, Lý hữu hàn. Bạch hổ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mạch Phù, Hoạt. Ấy là Biểu có (tiêu) nhiệt. Lý có (bản) hàn. Bạch hổ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** E có sự lẫn lộn giữa hai từ "Biểu, Lý". Thực ra là nhiệt kết ở Lý làm uất biểu khí ở bên ngoài, kết hợp với mạch Hoạt mới đúng. Cho nên dùng để hàn lương để thanh lý nhiệt.

### Bạch hổ thang phương

#### 白虎湯方

知母	Tri mẫu	6 lượng
石膏	Thạch cao	1 cục (đập vụn)
甘草	Cam thảo	2 lượng
粳米	Ngạnh mễ	6 hợp

Dùng 1 đấu nước, đun đến khi gạo chín như là được, bỏ bã uống nóng một thăng, ngày 3 lần.

**Chú giải:** Trần Úy nói: "Bạch hổ thang, trong thương hàn luận thấy dùng 3 lần:

-Thuộc thiên Thái dương, trị chứng mạch Phù, Hoạt.

-Thuộc thiên Quyết âm, trị chứng mạch Hoạt lại Quyết.

-Lại trị kinh dương hợp bệnh phát sinh ra những chứng: bụng đầy, mình nặng, không tự trở mình được, miệng không phân biệt được mùi vị, mặt mắt mờ, nói làm nhảm, són đái...

Theo nguyên bản, bài này chép ở thiên kinh Thái dương, dưới bài Cam thảo Phụ tử thang, dù tỏ ra rằng: tất cả các khí Phong, hàn, thấp, táo, hỏa... đều tổng quát ở trong thiên Thái dương. Lại ngay ở phía dưới, đến ngay bài chích Cam thảo thang càng thêm tỏ là: thương hàn luận không phải chỉ chuyên trị phong hàn mà thôi".

Kha Vận Bá nói: "Cái tà ở Dương minh theo nhiệt hóa cho nên không ghét lạnh mà ghét nóng. Nhiệt hấp vượt ra ngoài, nên mồ hôi tự ra, nhiệt hun trong Vị, nên khát, uống nước, tà thịnh mà thực nên mạch Hoạt, nhưng vì còn ở Kinh cho nên kiêm cả Phù. Bởi Dương minh thuộc Vị, chủ về cơ nhục ở bên ngoài. Dầu có nóng lắm, mà

生薑	Sinh khương	3 lạng (thái)
附子	Phụ tử	3 củ (bào)
大棗	Đại táo	12 quả (bỏ hạt)
甘草	Cam thảo	2 lạng (nướng)

Dùng 6 thăng nước đun còn hai thăng, bỏ bã, chia 3, uống nóng.

Xét: bài này với bài Quế chi khử Thược dược gia Phụ tử giống nhau. Duy phân lượng nhẹ nặng khác nhau, nhân đó mà chủ trì về bệnh, chứng cũng khác. Dược phẩm của Trọng sư nghiêm mật tinh tế là dường nào?

#### Quế chi khử Quế gia bạch truật thang

#### 桂枝去桂加白朮湯方

白朮	Bạch truật	4 lạng
甘草	Cam thảo	2 lạng (nướng)
附子	Phụ tử	3 củ (bào)
大棗	Đại táo	12 quả (bỏ hạt)
生薑	Sinh khương	3 lạng (thái)

Dùng bảy thăng nước đun còn 3 thăng, chia làm 3 lần, uống nóng.

Khi mới uống, bệnh nhân như tê đi, quá nửa ngày lại uống: Sau khi uống hết, bệnh nhân có cái trạng thái như mao (đầu nặng như đội vật gì), đứng lấy làm lạ mà sợ. Đó là bởi Phụ tử với truật dồn cả ra bì mao để trục thủy khí, khu trục chưa hết nên mới có cái trạng thái như vậy. Lại nên gia thêm Quế chi 4 lạng. Đó là một phương mà thi hành 2 phép.

#### Tiết 8

風溼相搏骨節煩疼掣痛得屈伸近之  
則痛劇汗出氣短小便不利惡風不欲  
去衣或身微腫者甘草附子湯主之

Phiên âm: Phong thấp tương bác, cốt tiết phiến đông, xiết thống bất đắc khuất thân, cận chi tác thống kịch, hạp xuất, khí đoản, tiểu tiện bất lợi, ố phong bất dục khứ y hoặc thân vi thũng giả, Cam thảo, Phụ tử thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Phong thấp xung đột nhau, cốt tiết phiến đông, xiết thống (đau từng lúc, thường chợt như bị bóp, bị chém...) không thể co duỗi, gần tay vào đau tợn, hãn ra, hơi thở ngắn, tiểu tiện không lợi, ghét gió, không muốn bỏ áo, hoặc mình hơi sưng, Cam thảo, Phụ tử thang chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Tiết này diễn theo tiết trên, nói về chứng Phong thấp cũng xung đột nhau, nếu bệnh còn nhẹ nên trừ đi cho chóng, nếu bệnh đã vào sâu, nên khéo dùng phép "hoãn công".

Đường Tôn Hải nói: "Phiến đông xiết thống, không thể co duỗi" cũng như câu "không thể trở mình" ở tiết trên, đều do cân trường mà sinh ra. Vậy thì tự mình đã không thể cử động huống người ngoài va chạm vào, lại không đau thêm sao được? Hàn phong làm thương Vệ, thời hãn ra mà ố phong và không muốn bỏ áo. Thấp động lại thành thủy, cho nên tiểu tiện không lợi, mình hơi sưng... cho nên dùng Phụ tử, Quế chi làm cho phần chấn Vệ dương, Bạch truật, Cam thảo để dẫn bỏ khí thấp của tỳ.

#### Cam thảo, Phụ tử thang

#### 甘草附子湯

甘草	Cam thảo	2 lạng (nướng)
白朮	Bạch truật	2 lạng
附子	Phụ tử	2 củ (bào, bỏ vỏ, bỏ tử)
桂枝	Quế chi	6 lạng

Hoàng liên thang phương

黃連湯方

黃連	Hoàng liên	3 lượng
甘草	Cam thảo	3 lượng (nướng)
乾薑	Can khương	3 lượng
桂枝	Quế chi	3 lượng
人參	Nhân sâm	3 lượng
半夏	Bán hạ	nửa thăng (rửa)
大棗	Đại táo	12 quả (bỏ hạt)

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Trong hung là phía trong hung cách, tức là chỉ vào tâm bào mà nói. Nếu không biết Cách mô thì không biết hung trung là chỗ nào. Chứng này chỉ tâm bào có nhiệt, còn như trong Vị, trong phúc trong Đại, tiểu trường đều có hàn khí, cho nên chỉ dùng 1 vị Hoàng liên để thanh cái nhiệt ở tâm bào, còn các vị khác đều trị hàn cả".

Ba tiết trên này đều nói về thái - thiếu hợp bệnh. Chỉ thấy tâm hạ bĩ, cổ, gáy cứng mà huyền là tà ở kinh cho nên dùng phép châm để trị. Chỉ thấy ư, lợi, không có biểu chứng gì khác là nhiệt ở trường. Vị cho nên dùng Hoàng cầm, thực được, Đại táo, Cam thảo, Can khương, Quế chi, Bán hạ, Đại táo hàn, ôn chung dùng.

Tiết 7

傷寒八九日風溼相搏身體疼煩不能  
自轉側不嘔不渴脈浮虛而瀉者桂枝  
附子湯主之若其人大便硬小便自利  
者去桂枝加白朮湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn bát cửu nhật, phong thấp tương bác, thân thể đông phiến, bất năng tự chuyển trắc, bất ẩu, bất khát, mạch

Phù hư nhi Sắc giả, Quế chi, Phụ tử thang chủ chi nhược kỳ nhân đại tiện ngạnh, tiểu tiện tự lợi giả, khứ Quế chi thang, gia Bạch truật thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 8, 9 ngày (thuộc về thời kỳ chủ khí của thiếu dương), phong với thấp cùng xung đột nhau, thân thể đau nhức, buồn bực, không tự trở mình được, không ư, không khát, mạch Phù, Hư mà Sắc, Quế chi, Phụ tử thang chủ về bệnh ấy. Nếu người bệnh, đại tiện rắn, tiểu tiện tự lợi, khứ Quế gia Bạch truật thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này với tiết dưới đều nói về chứng bệnh phong với thấp cùng xung đột nhau.

Riêng tiết này chia làm 2 đoạn:

-Phong với thấp cùng xung đột nhau ở bên ngoài.

-Phong với thấp cùng xung đột nhau ở bên trong.

Đường Tôn Hải nói: "Trong sách của Trọng sư, phạm thuộc về hai chữ Phong, hàn có thể thông xung, không hề phân biệt: đại khái như chứng ngoại cảm do hàn theo-phong đến, hoặc do phong đem hàn lại... cho nên hai chữ ấy đều thông xung. Đến như chữ Phong, thấp ở đây lại thuộc về hàn phong mà không phải là nhiệt phong... Chữ phiến ở tiết này không phải là tâm phiến mà chỉ là cốt tiết phiến đông (đau nhức, buồn bực trong khớp xương) tức là chứng hậu nó phát tác luôn luôn khiến cho buồn bực khó chịu. Phong muốn đi mà thấp ngăn trở lại cho nên phiến đông. Thấp nhiều quá thì gân mở to ra không chuyển động được, nên không thể trở mình. Bởi gân sinh ra ở hai đầu sấu nhục. Mô du mà phạm vào cân tiết, mô lại thuộc về tam tiêu. Đường hư thì tiểu tiện tự lợi, cái cao du của tỳ bị thấp, không vận hành được cho nên đại tiện lại rắn. Có hiểu lẽ đó, thời so sánh bài thuốc của Trọng sư mới hợp".

Quế chi, Phụ tử thang phương

桂枝附子湯方

桂枝 3 lượng Quế chi 4 lượng

太陽少陽併病心下硬頸項強而眩者，  
當刺大椎肺俞肝俞慎勿下之。

**Phiên âm:** Thái dương, Thiếu dương tịnh bệnh, tâm hạ ngạnh, cảnh hạ cường nhị huyệt giả, dương thích Đại chùy, Phế du, Can du, thận vật hạ chi.

**Dịch nghĩa:** Thái dương và Thiếu dương tịnh bệnh (cả hai kinh cùng có bệnh dồn lại làm một), tâm hạ rắn, cổ gáy cứng mà huyệt (hoa mắt, chóng mặt). Nên thích ở huyệt Đại chùy, Phế du, Can du, nhất thiết đừng hạ đi (trên chứng tiểu kết hung khuyên đừng phát hãn là sợ thành chứng thiêm ngũ, ở đây khuyên đừng hạ, là sợ thành ra chứng thực kết hung).

**Chú giải:** Tiết này nói về Thái dương hợp với Thiếu dương mà gây nên bệnh.

### Tiết 5

太陽與少陽合病自下利者與黃芩湯  
若嘔者黃芩加半夏生薑湯主之

**Phiên âm:** Thái dương dữ Thiếu dương hiệp bệnh tự hạ lợi giả, dữ Hoàng cầm thang, nhược ẩu giả, Hoàng cầm gia Bán hạ, sinh khương thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thái dương và Thiếu dương hợp bệnh, nếu tự hạ lợi, cho uống bài Hoàng cầm thang. Nếu lại ọ, dùng Hoàng cầm gia Bán hạ, Sinh khương thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Thái - thiếu hợp bệnh, biểu tà giải nhưng tự hạ lợi. Đây là nhiệt tà truyền vào Trường Vị gây ra, cho nên dùng Hoàng cầm thanh nhiệt, Bạch thực sơ trệ, táo, thảo hòa Vị, gia Khương, Hạ để giáng nghịch.

Hoàng cầm thang phương

黃芩湯方

黃芩 Hoàng cầm 3 lượng

甘草 Cầm thảo 2 lượng (nướng)

芍藥 Thược dược 2 lượng

大棗 Đại táo 12 quả (bỏ hạt)

Dùng một đấu nước, đun còn ba thăng, bỏ bã uống nóng 1 thăng, ngày hai lần, đêm một lần.

**Chú giải:** Trần Úy nói: "Trọng sự đối với chứng hạ lợi đều không dùng Thược dược, chỉ ở điều này tạm dùng Thược dược là cốt để bỏ cái nhiệt hãm vào lý, không phải là định pháp như thế".

Trương Lệnh Thiếu nói: "Bài này trị về chứng Thái dương với Thiếu dương hợp bệnh mà gây nên chứng Hạ lợi và ẩu. "Hợp" nghĩa là hai bên cùng hợp lại khác với "tịnh" (dồn), tịnh là bệnh ở kinh kia đổ dồn cả lại ở kinh này. Thái dương chủ về "khai", thiếu dương chủ về "khu". Thái dương không thể do "khu" để ra ngoài mà lại theo "khu" để hãm vào trong, cho nên hạ lợi. Dùng bài Hoàng cầm thang để thanh cái nhiệt hãm ở Lý mà đạt cái khí của Thái dương ra ngoài. Nếu "ẩu" là cái "khu" của thiếu dương muốn theo cái "khu" của Thái dương mà đạt lên... Cho nên gia Bán hạ, Sinh khương để đạt bỏ khí nghịch và giúp cái dự "khai" của Thái dương vậy".

### Tiết 6

傷寒胸中有熱胃中有邪氣腹中痛欲  
嘔者黃連湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn hung trung hữu nhiệt, Vị trung hữu tà khí, phúc trung thống, dục ẩu giả, Hoàng liên thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn trong hung có nhiệt, trong Vị có tà khí, trong bụng đau lại muốn ọ, Hoàng liên thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Chứng này trên nhiệt dưới hàn, hàn nhiệt ngăn cách ở khoảng Vị uyển và Cách mô. Trên thời ọ mưa, dưới thời bụng đau, cho nên dùng Hoàng liên. Bán hạ để thanh nhiệt ở trên, Quế chi, Can khương để ôn hàn ở dưới, táo, thảo, Nhân sâm để hòa trung.

Từ chương III đến chương này. Trọng sư nói về các chứng từ Hung mô, tỳ, Vỵ. Và Du mô ở hạ tiêu. Thật là Thượng, Trung, hạ tiêu không còn sót một chỗ nào.

Nên biết Bào cung là một bộ phận thuộc về Can, Thận. Khi dương của Can, thận có suy bại mới thành chứng kết. Tạng kết tới ngày nay, gọi là chứng Âm xúc (âm hành rút vào). Câu "vào cả âm cân", tức là đem âm cân co rút vào trong, cùng với câu "đau rút tới thiếu phúc" ở trên, nghĩa cùng liền nhau. Nói là "thiếu phúc, nói là "âm cân" thời "tạng kết" đích xác là chứng hậu ở Bào cung rồi không còn nghi ngờ gì nữa".

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 19 tiết luận về loại chứng Bĩ, rắn. Chứng Bĩ tức là Vỵ viêm, Vỵ khoáng trướng. Phần nhiều do Biểu tà, nhằm hạ mà gây nên, khác với chứng thủy nhiệt cùng kết ở tâm hạ, rắn, đầy, và đau. Chứng này chỉ thấy tâm hạ bĩ, đầy, ấn tay vào mềm.

Chứng kết hung, phép nên hạ, nhưng kết hung mà tâm hạ bĩ, rắn, tâm phiền, hạ lợi, cũng nên theo phép trị chứng Bĩ. Chứng Bĩ cũng có hàn, nhiệt, hư, thực khác nhau. Chứng hàn, tâm hạ bĩ mà ghét lạnh, mồ hôi ra, nên dùng tam hoàng, Phụ tử, Chứng nhiệt tâm hạ bĩ mà mạch Phù lên trên bộ Quan, nên dùng Đại hoàng, Hoàng liên. Chứng hư chỉ đầy, không đau, nhân ụ mà phát sinh, nên dùng Bán hạ làm chủ, không dùng Sinh khương. Chứng thực, tất tâm hạ bĩ, rắn kèm có tích thủy thì đau dẫn tới dưới hiệp, ụ khan, thở vắn, có lúc mồ hôi ra, nên dùng Cam toại, nguyên hoa, Đại kích, Đại táo, kèm có thực tích thời dưới hiệp có thủy khí, lời mình hạ lợi (ruột sôi như sấm) ợ khan ra mùi đồ ăn, nên dùng Sinh khương làm chủ, chỉ ợ mà không có mùi đồ ăn, tâm hạ bĩ thời không phải thực chứng, nên dùng toàn phúc, Đại giả thạch thang. Bĩ mà không có chứng ngoài như nóng lạnh, nên dùng Hoàng cầm, Hoàng liên, Đại táo, Sinh khương, Nhân sâm, Càn khương, Bán hạ, Cam thảo... tùy theo chứng chọn dùng làm chủ được. Tâm hạ bĩ có uống tả tâm thang mà không giải, phiền khát, tiểu tiện

không lợi nên dùng Ngũ linh tán lợi thủy. Có khi nhầm hạ hai lần, Bĩ không giải, hạ lợi không dứt nên dùng Xích thạch chi, Võ dư lương thang để làm bền chặt lại. Nhầm hạ có thể sinh ra Bĩ, như ụ ngoài chứng vẫn chưa giải, như trong ngoài đều hàn (lý chính hạ lợi), có thể kiêm dùng ôn trung giải biểu, nên dùng Quế chi, Nhân sâm thang. Biểu hàn, Lý nhiệt (chứng ngoài ghét lạnh không mồ hôi), công Bĩ, phát biểu không thể dùng chung, nên trước dùng Quế chi thang, sau dùng tả tâm. Bĩ tỳ do biểu tà, nhầm hạ mà sinh ra, nhưng cũng có khi nhầm hạ mà không sinh ra Bĩ, như biểu nhiệt vít lấp ở Phế, nên dùng Ma, hạnh, Thạch, Cam thang. Cũng có khi không vì hạ mà sinh ra Bĩ, chứng ngoài ghét nhiệt, ụ nghịch, trong hạ lợi, nên dùng Đại sài hồ thang. Lại có khi chính khí hiệp với đàm xung lên, mà trong hung vít lấp, bệnh như Quế chi chứng mà không có đầu, cổ cứng, đau, nên dùng Qua để tán thổ đi. Nếu trong hung có hàn, hung bĩ, khí xung lên sinh Huyền, Mạo, mạch rất Vĩ, lại không được cho thổ. Bĩ đã là hư tà nội hãm, nếu mặt xanh mình rung giật là Dương hư quá, là Bĩ thuộc tử chứng.

## CHƯƠNG VII

### Tiết 1

傷寒病若吐若下後七八日不解熱結  
在裡表裡俱熱時時惡風大渴舌上乾  
燥而煩欲飲水數升者白虎加人參湯  
主之

Phiên âm: Thương hàn bệnh nhược thổ nhược hạ hậu thất bát nhật bất giải nhiệt kết tại lý, biểu lý câu nhiệt, thời thời ố phong, đại khát, thiết thượng can táo, nhi phiền, dục ẩm thủy số thăng giả, Bạch hổ gia Nhân sâm thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Bệnh thương hàn nếu thổ, nếu hạ rồi, trải qua 7, 8 ngày không giải, nhiệt kết ở Lý. Biểu lý đều nhiệt. Thịnh thoảng ghét gió, cổ



Tiết 17

傷寒發熱汗出不解心中痞硬嘔吐而  
下利者大柴胡湯主之

Phiên âm: Thương hàn phát nhiệt hạp xuất bất giải, tâm trung bì  
ngạnh, ẩu thổ nhĩ hạ lợi giả, Đại sài hồ thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thương hàn phát nhiệt, hãn ra không giải, trong tâm bì,  
rắn, ẩu, thổ mà lại hạ lợi. Đại sài hồ thang chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Tiết này tổng kết cái nghĩa của chứng Bĩ. Xét: chứng này  
nên dùng bài Đại sài hồ mà không có Đại hoàng vì chú ý đạt cái khí  
của Thái dương ra ngoài hơn.

Tiết 18

病如桂枝症頭不痛項不強寸脈微浮  
胸中痞硬氣上衝咽喉不得息者此為  
胸有寒也當吐之宜瓜蒂散

Phiên âm: Bệnh như Quế chi chứng, Đầu bất thống, hạp bất  
cường, thốn mạch vi Phù, hung trung bì ngạnh, khí thượng xung  
yết hầu bất đắc tức giả, thủ vi hung hữu hàn dã, dương thổ chi,  
nghi Qua đế tán.

Dịch nghĩa: Bệnh như chứng của bài Quế chi, đầu không nhức, cổ  
không cứng, thốn bộ mạch hơi Phù, trong hung bì, rắn. Khí xung lên  
yết hầu, không thể thở được. Ấy là vì trong hung có hàn. Nên dùng  
phép thổ đi. Nên dùng Qua đế tán.

Chú giải: Tiết này nói nốt về chứng Kết hung.

Qua đế tán phương

瓜蒂散方

瓜蒂 Qua đế 1 phân (sao vàng)

赤小豆 Xích tiểu đậu 1 phân

Hai vị tán riêng, rây rồi trộn làm một, xúc một thìa nhỏ, dùng  
hương thị một hợp, hòa với 7 hợp nước sôi, đun lên như cháo loãng, bỏ  
bã, hòa thuốc bột vào, uống mạnh làm một lần. Không thổ, thêm một  
ít thuốc nữa. Thổ được nhiều thì thôi. Phàm các chứng vong huyết và  
người thể chất hư yếu không thể dùng bài này.

Chú giải: Trần Úy nói: "... Cái khí của Thái dương ra vào ở Tâm,  
hung. Giờ nói: tâm hung bì rắn, khí xung lên yết hầu, không thể thở  
được..." thế là tà khí muốn theo cái khí của Thái dương để vượt lên.  
Thốn bộ mạch Phù tức là cái hiện tượng khí muốn vượt lên đó. Nhưng  
"muốn vượt" mà vẫn không "vượt" lên được. Cái khí hàn thủy không  
lưu ở kinh, cũng không ở Biểu mà chỉ ở trong hung cho nên nói rằng  
"trong hung hàn". Bài này dùng Qua đế có cái tính "khô đắng", hương  
thị sắc "đen" mà khí "thăng" có thể khiến cho tâm thận cùng giao với  
nhau, dù dương khí đại thổ mà thần khí vẫn được như thường. Thật là  
một phương pháp dùng thổ rất thần hiệu.

Tiết 19

病脅下素有痞連在臍傍痛引少腹入  
陰筋者名臟結死

Phiên âm: Bệnh hiệp hạ tố hữu Bĩ liên tại tễ bàng dẫn thiếu phúc  
nhập âm cân giả, danh tạng kết, tử.

Dịch nghĩa: Bệnh nhân, dưới hiệp vốn có chứng Bĩ, lan tới bên rốn,  
đau rút xuống thiếu phúc, vào cả âm cân (tức âm hành), gọi là chứng  
tạng kết, chết.

Chú giải: Tiết này tổng kết cái nghĩa của chứng tạng kết.

Đường Tôn Hải nói: "Chữ "tạng" ở đây, cũng như chữ "tạng táo"  
thuộc chứng bệnh đàn bà ở trong Kim quỹ tức là chỉ về Huyết thất, Bào  
cung mà nói. Phàm đàn ông, đàn bà đều có huyết thất, Bào cung tức là  
một cái đại giáp thất ở hạ tiêu. Cái mô du của Giáp thất ấy, phía trên  
liên với Bản du ở dưới hiệp, phía dưới có khiếu thông ra tiền âm, cho  
nên đau rút đến âm cân.

**Phiên âm:** Thái dương bệnh, ngoại chứng vị trừ nhi sở hạ chi, toại hiệp nhiệt nhi lợi, lợi hạ bất chí, tâm hạ bĩ nghanh, biểu lý bất giải giả, Quế chi Nhân sâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, chứng ngoài chưa hết, mà hạ vài lần, bên hiệp nhiệt mà lợi, lợi mãi không dứt, tâm hạ bĩ, rắn, biểu lý không giải, cho dùng Quế chi Nhân sâm thang làm chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này với tiết dưới, đều nói về bệnh ở kinh Thái dương không giải.

Trần Tân Hữu nói: "Hai chữ "hiệp nhiệt" ở tiết này với các nơi không giống nhau. Vì ở đây, do chứng cơ nhiệt không giải ra ngoài được, nên trong bài vẫn phải dùng Quế chi.

#### Quế chi, Nhân sâm thang phương

#### 桂枝人參湯方

桂枝	Quế chi	4 lạng
甘草	Cam thảo	4 lạng (nướng)
白朮	Bạch truật	3 lạng
人參	Nhân sâm	3 lạng
乾薑	Can khương	3 lạng

Dùng 9 thăng nước, trước đun 4 vị, cạn còn 5 thăng, bây giờ mới bỏ Quế chi vào lại đun, cạn còn ba thăng, mỗi lần uống nóng một thăng. Ngày uống 2 lần, đêm 1 lần.

**Chú giải:** Trần Úy nói: "Bệnh ở Thái dương, ngoại chứng chưa hết mà hạ vài lần, chưa từng không gây nên hư... Ý hư thì ngoại nhiệt nội hãm, cho nên thành chứng "hiệp nhiệt lợi" không dứt. Hiệp nghĩa là cùng, là hợp... ý nói: chỉ nhiệt mà không hư, chỉ hư mà không nhiệt... đều không gây nên các chứng trạng ấy. Cái khí của Thái dương ra vào ở tâm hung. Giờ cái khí chủ dương của Thái dương vì hạ hãm mà hãm xuống dưới, thời cái khí của hàn thủy lại chiếm lên dương vị,

cho nên thành chứng tâm hạ bĩ, rắn. Trong bài dùng Nhân sâm để trị chứng Lý hư, Quế chi để giải Biểu tà. Đến phép đun cho Quế chi vào sau là muốn ở trong Lý được nên nó vượt ra Biểu để giải tà".

Trần Đan Thái nói: "Bài này với bài Cát căn, Hoàng liên thang, cùng là một chứng vì hạ hãm mà lợi không dứt... mà hàn nhiệt khác nhau, hư thiệt đối đãi, có thể cùng đem mà so sánh. Bài kia vì "thực nhiệt" mà dùng phép "thanh tà", bài này vì "hư hàn" mà dùng phép "bổ chánh". Bài kia được Hoàng cầm, Hoàng liên mà chứng Suyễn, chứng Hãn yên, bài này được các vị ở bài Lý trung mà chứng Bĩ, rắn khô. Bài kia được Cát căn để thăng hạ hãm mà chứng lợi dứt, bài này nhờ Quế chi để giải Biểu tà mà lợi cũng dứt".

#### Tiết 16

傷寒大下後復發汗心下痞惡寒者表未解者不可攻痞當先解表表解乃可攻痞解表宜桂枝湯攻痞宜大黃黃連瀉心湯

**Phiên âm:** Thương hàn đại hạ hậu, phục phát hãn, tâm hạ bĩ, ố hàn giả, biểu vị giải dã, bất khả công Bĩ, dương tiên giải biểu, biểu giải nãi khả công Bĩ, giải biểu nghi Quế chi thang, công Bĩ nghi Đại hoàng, Hoàng liên tả tâm thang.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn, sau khi đại hạ rồi, lại phát cả hãn, tâm hạ bĩ mà ố hàn, ấy là biểu chưa giải, không thể công chứng Bĩ. Nên trước giải chứng biểu, biểu giải mới được công Bĩ. Giải biểu nên dùng Quế chi thang, công bĩ nên dùng Đại hoàng, Hoàng liên tả tâm thang.

**Chú giải:** Tiết này nối theo tiết trên để nói lại cho biết rằng: cái tà nhiệt ở biểu đầu giống nhau, mà cái biến chứng ở trong Lý thời rất khác. Và, Biểu lý cùng trị, có khi dùng một bài mà thành phương pháp song giải, trong phép song giải, lại có "hoãn", "cấp" khác nhau. Hoặc dùng hai bài, lại có sự khôn khéo là có thể hợp làm một, hoặc xét cái trường hợp nên sau, nên trước như bài này. Văn tuy trùng xuất mà nghĩa lý mới thêm, học giả nên suy xét cho kỹ.

大棗	Đại táo	12 quả (bửa, bỏ hạt)
甘草	Cam thảo	3 lạng (nướng)
半夏	Bán hạ	nửa thăng (rửa)

Dùng một đấu nước đun còn 6 thăng, bỏ bã, lại đun lấy ba thăng, uống vừa nóng 1 thăng, ngày ba lần.

**Chú giải:** Du Lân Châu nói: Bài này tức là do bài Sinh khương tả tâm thang mà biến ra. Xét về hai bài đều có cái chứng "tâm hạ bí, rần" nhưng bài Sinh khương chú trọng về thủy khí dồn xuống mà thành lợi, toàn phúc, đại giã thang chú trọng về chứng Vỵ hư kèm cả ẩm, thủy khí nghịch lên mà thành ợ hơi. Thuộc về chứng thủy khí dồn xuống mà lợi, tất dùng Sinh khương để tán thủy; thuộc về chứng Vỵ hư kèm ẩm mà thành ợ hơi, tất dùng Giã thạch để trấn nghịch, hợp cả hai bài lại để so sánh, càng thêm rõ Trọng sư lập phương rất khéo.

La Đông Dật nói: "Bài này trị về chính hư mà khí không về nguồn. Bởi sau khi phát hãn, thổ, hạ rồi, tà dẫu đi mà Vỵ khí bị khuy tổn cũng nhiều. Tam tiêu cũng vì đó mà thất chức. Dương không về dẫu mà không thăng, âm chứa vào dẫu mà không giáng. Bởi thế, trợ tà lưu trệ, phục ẩm mà nghịch lên, cho nên tâm hạ bí rần, ợ hơi không dứt. Trong bài dùng Nhân sâm, Cam thảo để dưỡng chính bổ hư, Can khương, Đại táo để hòa tỳ nuôi Vỵ. Đối với cái phương pháp an định trung châu, thật là chu đáo hoàn toàn. Đến như sở dĩ dùng Đại giã thạch, là vì nó được cái tính "cam" của thổ mà lại "trầm" khiến cho liễm phù trấn nghịch, đất Nhân sâm để đem khí trở xuống, dùng toàn phúc hoa là vì nó có cái tính chất "tân - nhuận", nhờ đó để khai phế trừ ẩm. Dùng Bán hạ làm tá để khai Đàm ẩm ở trên. Nếu không có hai vị ấy thời trừ "ợ hơi" và "tâm hạ bí, rần" làm sao được? Xem Trọng sư trị chứng thủy khí của hạ tiêu phạm lên trên, run run muốn nhảy xuống đất thời dùng bài Châu Vô thang để nén xuống, trị về chứng "lợi ở hạ tiêu, đại trường hoạt thoát" thời dùng bài Xích thạch chi, Vô dư lương để làm cho bền và rít lại. Đến như thuộc về chứng trong Vỵ hư, khí không dẫn xuống được, lại dùng phép này để "điều đất". Thật là chu đáo vô cùng.

### Tiết 14

下後不可更行桂枝湯若汗出而喘無  
大熱者可與麻黃杏子甘草石膏湯

**Phiên âm:** Hạ hậu, bất khả canh hành Quế chi thang, nhược hạp xuất nhi suyễn vô đại nhiệt giả, khả dĩ Ma hoàng, Hạnh tử, Cam thảo, Thạch cao thang.

**Dịch nghĩa:** (Hạ sớm quá thành chứng Kết hung, chứng Bĩ, đó là cái lệ thường của chứng hậu. Đến cái biến ảo của chứng hậu lại phải nên bàn riêng: thuộc về ôn bệnh, phong ôn, chứng của kinh Thái dương... cái nhiệt do tự trong phát ra, nên dùng phương pháp "lương giải" đi, không nên hạ sớm quá. Vỵ...) Sau khi hạ rồi (dẫu không gây nên các chứng Kết, Bĩ... nhưng cái chứng nội nhiệt vẫn chưa trở về Vỵ phủ, chỉ hạ bỏ "phân", không hạ được nhiệt. Nhiệt càng lâu càng nặng, hẳn) không thể lại dùng Quế chi thang... (lấy nhiệt để thêm cho nhiệt... Nên biết ôn bệnh, phong ôn đều như ngọn lửa cháy đồng, chưa thể dập tắt được...) Nếu (hỏa bức ở ngoài, thời nhâm nhập mà...) hãn ra (hỏa nghịch lên trên thời khô khô) mà Suyễn (nội nhiệt đã nhiều mà bên ngoài lại thấy...) không đại nhiệt, nên cho dùng bài Ma hoàng, hạnh tử, Cam thảo, thạch cao thang (thuận thế nó mà lương giải đi. Đó, tức là sau khi hạ, không can thiệp gì đến chứng Kết, Bĩ mà lại riêng có một chứng khác nữa vậy).

**Chú giải:** Các nhà chú giải thường hàn luận trước Trần Tu Viên dùng đoạn trên này là thác giản (mất thể, mất tở) ở chỗ khác lẫn vào, hoặc có người ngờ là sao chép nhầm. Hơn nữa, chú giải kinh văn mà phải thêm chữ vào mỗi giải được, e không được ổn. Xin đợi ý kiến các bậc cao minh.

### Tiết 15

太陽病外症未除而數下之遂協熱而  
利利下不止心下痞硬表裡不解者桂  
枝人參湯主之

khát, trên lưỡi khô ráo mà phiền, muốn uống nước *đến vài thang*.  
*Bạch hổ gia Nhân sâm thang chủ về bệnh ấy.*

**Chú giải:** Trương Tiên Đường nói: "Tà khí trúng vào người, tất phải trước từ bì mao, rồi vào đến cơ, rồi vào đến lạc. Phế chủ bì mao, tỳ chủ cơ nhục, Dương minh chủ về lạc. Thái dương mắc bệnh, khí ở bì mao, tức là trong hợp với Phế cho nên dùng Ma hoàng thang cốt để lợi Phế khí, ở về cơ tức là trong hợp với tỳ, cho nên dùng Qué chi thang, Việt tỳ thang cốt để giúp tỳ khí, ở về lạc, tức là trong hợp với Dương minh. Vậy mà vẫn đều gọi là Thái dương bệnh, vì Thái dương là chủ khí của mọi khí Dương Bì mao, cơ, lạc đều thống thuộc về Thái dương cả".

Tiết này hợp với ba tiết dưới, đều nói về Thái dương bệnh ở lạc, hợp với Dương minh mà là nhiệt chứng của bài Bạch hổ thang.

Đường Tôn Hải nói: "... Lạc là cái vi ti huyết quản chạy khắp thân thể. Phần cái khí đạo thông khí hành huyết đều là cái vi ti quản ở trong du mô. Nội kinh gọi là lạc, tây y gọi là quản. Lạc ấy chính là cái đường lối để thông khí hành huyết, ở bên trong thời thống với Trường. Vì ở bên ngoài thời ra tới cơ nhục.

Chứng này nhiệt ở trong cơ nhục. Cơ là chỉ về bì nhục, nhục là chỉ về sấu nhục. Tà nhiệt ở đây do Lạc mà thông vào Trường Vị, cho nên hiện ra chứng lưỡi khô ráo. Sấu nhục thuộc về huyết ph. 4, bì nhục thuộc về khí ph. 4, đều thống thuộc về tỳ và Vị. Cho nên mới hay hợp vào Vị vậy.

## Tiết 2

傷寒無大熱口燥渴心煩背微惡寒者  
白虎加人參湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn vô đại nhiệt, khẩu táo khát, tâm phiền bối vi ố hàn giả, bạch hổ gia Nhân sâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn không đại nhiệt, miệng ráo khát mà tâm phiền. Lưng hơi ghét lạnh, bạch hổ gia Nhân sâm thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Nhiệt thịnh ở Lý mà chứng thấy phiền khát, Lý nhiệt nung đốt, mồ hôi ra, bì phu bốc hơi quá sức cho nên bên ngoài trở lại không nóng lắm mà lưng hơi ghét lạnh, cũng nên dùng thuốc hàn lương để thanh đi.

## Tiết 3

傷寒脈浮發熱無汗其表不解者不可  
與白虎湯渴欲飲水無表症者白虎加  
人參湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn, mạch Phù phát nhiệt vô hàn, kỳ biểu bất giải giả, bất khả dĩ Bạch hổ thang, khát dục ẩm thủy, vô biểu chứng giả, Bạch hổ gia Nhân sâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn, mạch Phù, phát nhiệt không mồ hôi, ngoài biểu không giải, không thể cho uống bạch hổ thang. Khát, uống nước, không có biểu chứng, bạch hổ gia Nhân sâm thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Hai tiết trên nói rõ bài Bạch hổ thang chỉ giải được tà nhiệt ở Lạc mà không giải được tà nhiệt ở Biểu.

Đạo Trứ nói: "Chứng của bài bạch hổ thang mạch tất phải Hồng, Đại. Nếu Phù mà không Đại, hoặc Phù mà kiêm Sác... đó là tỳ khí không thấm nhuần, thủy tản không bố tán, không còn hợp với bài Bạch hổ nữa".

Nguy Tử Can nói: "Tà nhiệt phạm vào Cơ, lạc nên dùng Qué chi thang, nếu có khí ở lý nên dùng Việt tỳ thang, lạc khí mà vào Lý thời nên dùng Bạch hổ thang.

Ba tiết trên này luận về chứng Bạch hổ gia Nhân sâm thang. Chứng trạng chủ yếu: mình nóng, tâm phiền, miệng ráo khát. Chỉ vì nội nhiệt nung đốt, mồ hôi ra, cơ thưa hờ mà ghét gió hoặc lưng hơi ghét lạnh.

## Tiết 4

ngân vít Đại trường. Nếu vẫn còn cử lợi thời nên phân lợi tiểu tiện. Thế tức là do trong mô du mà phân tiêu đi, khiến cho do đường tiểu tiện mà ra, thời thủy không còn lẩn vào trong Đại trường nữa.

Biết được cái Mô du của hạ tiêu, thời sẽ biết được làm cho lợi tiểu tiện tức là trị chứng đại tiện lợi và biết được cái nhảm về trị trung tiêu. Lại biết được bệnh ở hạ tiêu không thể gây nên chứng hung bì mà hạ nhảm, có thể gây nên chứng hạ lợi không dứt.

Vậy, nếu hiểu được các chứng Kết hung, bì mãn đều ở trong Cách mô của Thượng tiêu, cũng có khi lan tới Trung tiêu và Táo lý, đều bởi cái nguyên nhân là vồng mô cùng liền nhau... thời cái lẽ giống nhau đều có thể thấu triệt cả.

Xích thạch chi, Võ dư lương thang

赤石脂禹餘糧湯

赤石脂 Xích thạch chi 1 cân (đập vụn)

禹餘糧 Võ dư lương 1 cân (đập vụn)

Dùng 6 thăng nước, đun còn hai thăng, bỏ bã, chia làm 3, uống nóng.

**Chú giải:** Kha Vận Bá nói: "Cam, Khương, Sâm, Truật có thể bỏ được cái nguyên khí hư ở trung cung mà không thể giữ được cái chất chi cao bị thoát ở Hạ tiêu. Đây, chứng lợi hạ tiêu nên không dùng được bài Lý trung để thu công. Duy cái lỗi không giữ được kỹ quan môn, lại nên trách ở tỳ. Hai thứ đá trên đều có cái tính khí của thổ kết thành, có thể làm cho chặt và rít trường, để gấp trị cái tiêu của hạ tiêu mà chính là bồi thêm cái gốc cho trung cung vậy."

Tiết 12

傷寒吐下後發汗虛煩脈甚微八九日  
心下痞硬脅下痛氣上衝咽喉眩冒經  
脈動惕者久而成痿

**Phiên âm:** Thương hàn thổ hạ hậu, phát hàn, hư phiền, mạch thậm VI, bát cửu nhật, tâm hạ dĩ ngạnh, hiệp hạ thống, khí thượng xung yết hầu, huyền mao, kinh, mạch động dịch giả, cửu nhi thành Nuy.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn thổ, hạ rồi lại phát hàn, khiến cho hư phiền, mạch rất VI, tám chín ngày, tâm hạ dĩ, rắn, dưới hiệp đau, khí xông lên yết hầu, huyền và mao (chóng mặt và trên đầu có vẻ nặng nề), kinh mạch động dịch (giãn giật), lâu rồi thành chứng Nuy (tay chân không cử động được)

**Chú giải:** Tiết này tuy nói cả thổ, hạ và hãn nhưng chú trọng về bên hãm hãn.

Tiết 13

傷寒發汗若吐若下解後心下痞硬噫  
氣不除者旋覆代赭石湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn phát hàn nhược thổ, nhược hạ, giải hậu tâm hạ dĩ ngạnh, y khí bất trừ giả, toàn phúc Đại giả thạch thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn phát hãn, nếu thổ, nếu hạ, giải rồi, tâm hạ dĩ rắn, ợ hơi không hết. Toàn phúc Đại giả thạch thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về trị cái dư tà sau khi bệnh giải, nên ở trong phương pháp bổ dưỡng phải ngụ cả cái phương pháp tán mãn, trấn nghịch.

Toàn phúc Đại giả thạch thang phương

旋覆代赭石湯方

旋覆 Toàn phúc 3 lượng

人參 Nhân sâm 2 lượng

生薑 Sinh khương 5 lượng (thái)

代赭石 Đại giả thạch 1 lượng

**Phiên âm:** Thương hàn Trúng phong, y phản hạ chi, kỳ nhân hạ lợi, nhật số thập hành, cốc bất hóa, phúc trung lôi minh, tâm hạ bí ngạnh nhi mãn, Càn ấu, tâm phiền bất đắc an. Y kiến tâm hạ bí, vị bệnh bất tận. Phục hạ chi, kỳ bí ích thậm, thử phi nhiệt kết, đản dĩ vi trung hư, khách khí thượng nghịch cố sử ngạnh dã. Cam thảo tả tâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Hoặc thương hàn, hoặc trúng phong... y giả lại hạ đi, bệnh nhân hạ lợi ngày vài mươi lần, cốc không hóa, trong bụng lôi minh (kêu như sấm) tâm hạ bí, rần, ọa khan, tâm phiền, không được yên. Y giả thấy chứng tâm hạ bí, cho là bệnh chưa hết, lại hạ nữa, chứng Bí càng thêm. Ấy, không phải là nhiệt kết, chỉ vì trong Vị hư, khách khí nghịch lên cho nên khiến thành tâm hạ rần. Cam thảo tả tâm thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này, nhân theo tiết trên "Vị không hòa" mà nói về chứng "Vị trung hư".

#### Cam thảo tả tâm thang phương

#### 甘草瀉心湯方

甘草	Cam thảo	4 lượng
黃芩	Hoàng cầm	3 lượng
乾薑	Càn khương	3 lượng
半夏	Bán hạ	nửa thăng
黃連	Hoàng liên	1 lượng
大棗	Đại táo	12 quả (bỏ hạt)

Dùng một đấu nước, đun còn 6 thăng, bỏ bã, lại đun cạn còn ba thăng, uống nóng một thăng, ngày ba lần.

**Chú giải:** Trần Bình Bá nói: "tâm hạ bí vốn không phải là chứng thực nhiệt có thể hạ được. Chỉ vì hạ nhầm, khiến cho Vị hư, khách nhiệt nội hãm rồi mới nghịch lên tâm hạ. Vì vậy, Vị khí càng hư, bí kết

càng nặng. Đả hư thì nên bổ, nên dùng vị "Cam ôn" để bổ hư, là khách thời nên trừ nên mới mượn vị "khô hàn" để trừ nhiệt. Trong bài sử dĩ dùng gấp nhiều Cam thảo là vì "chứng lợi không dứt, cốc không hóa" không nhờ nó không thể ấm Vị mà hòa trung. Đặt tên là bài Cam thảo tả tâm, tỏ ra rằng dù muốn tiết nhiệt, cũng phải bổ trung thời công hiệu mới có thể nhanh chóng.

#### Tiết 11

傷寒服湯藥下利不止心下痞硬服瀉  
心湯已復以他藥下之利不止醫以理  
中與之利益甚理中者理中焦此利在  
下焦赤石脂禹餘糧主之復利不止者  
當利小便

**Phiên âm:** Thương hàn phục thang dược hạ lợi bất chỉ, tâm hạ bí ngạnh, phục tả tâm thang dĩ, phục dĩ tha dược hạ chi, lợi bất chỉ, y dĩ Lý trung dĩ chi, lợi ích thậm. Lý trung giả, lý trung tiêu, thử lợi tại hạ tiêu, Xích thạch chi, Võ dư lương chủ chi, phục lợi bất chỉ giả, đương lợi tiểu tiện.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn, uống thang dược để công hạ rồi hạ lợi không dứt, tâm hạ bí, rần. Uống tả tâm thang rồi lại dùng thuốc khác để hạ đi, lợi vẫn không dứt. Y giả cho uống bài Lý trung, lợi càng nhiều. Gọi là Lý trung tức là lý (trị) trung tiêu. Đây, chứng lợi hạ tiêu, nên dùng Xích thạch chi Võ dư lương thang chủ về bệnh ấy. Lại vẫn lợi không dứt, nên phân lợi tiểu tiện.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "... Tiết này nói về phép trị chứng Bí mà đến nỗi hạ lợi. Sau khi uống tả tâm thang rồi, thế là đã trị chứng Bí, rần. Câu nói "mà lại hạ đi" tức là lại hạ nhầm thêm lần nữa. Nói "lợi không dứt" tức là Bí đã hết rồi, chỉ còn lợi nữa thôi. Cho nên ở dưới chỉ nói "trị lợi" mà không nói trị Bí. Đến như Trọng sư nói "Lý trung" tức là lý trung tiêu... trung tiêu tức là cái mô du ở khoảng giữa tiểu trường và tỳ. Nói "lợi hạ tiêu", hạ tiêu tức là cái mô du ở Đại trường và Bàng quang. Cho nên dùng Xích thạch chi, Võ dư lương để

xung lên, nên thành chứng Can y. Vị chủ về chứa thủy cốc. Vị khí hòa thì cốc tiêu mà thủy hóa. Giờ Vị không hòa, cốc không tiêu, nên hơi ợ lên có mùi đồ ăn, dưới hiệp có thủy khí, trong bụng kêu như sấm, hạ lợi... Sinh khương tả tâm thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói Tỳ không chuyển tiêu mà thành Bĩ, tiết này với tiết dưới nói: Vị không hòa cũng thành Bĩ.

Đường Tôn Hải nói: "Trong sự nói rõ đã có "thủy" lại có "khí". Nếu có thủy không có khí thì thủy "dọng" mà khí không "đồn dập" vào, không khí nào thành "lôi minh". Có khí không có thủy, thời khí dẫn đi mà thủy không "sôi vổ" vào, cũng không sao thành Lôi minh. Chỉ có cả thủy lẫn khí cùng tranh nhau dẫn xuống mới gây nên chứng "lôi minh hạ lợi".

Lại xét: Các chứng thuộc bài tả tâm hỏa đều là bị kết ở khoảng hung cách. Vị lạc thông với Cách cho nên các bài tả tâm đều dùng những thứ thuốc hòa Vị, là mượn Vị khí để vận hành sang Cách.

Lại xét: các tiết trên, nói về bệnh ở Cách mà kiêm trị cả Vị. Tiết này là nói bệnh ở Vị mà kiêm đến cả Cách. Bệnh chuyên ở Cách thời trong thực quản không có bệnh, cho nên không có chứng "thực xú", trong trường cũng không có bệnh, cho nên không "hạ lợi". Chỉ vì trong Vị, thủy hòa không hòa mà lại kiêm có cả chứng Cách bĩ, không những cái khí hỏa nghịch ra ở Cách mà thành chứng Can y, lại luôn cả thực vật ở Vị quản, cũng ợ nghịch mà thành chứng có mùi thức ăn, không những thủy với khí do từ Cách lẫn xuống dưới hiệp mà đến cả Đại, tiểu trường vốn cũng liên với Vị ấy, cũng bị thủy khí xung đột nhau mà "lôi minh hạ lợi"

Xem kỹ tiết này, sẽ biết được chỗ phân biệt của trường, Vị, Cách mô và biết được cái nguyên nhân của chứng Hoả nghịch, thủy tả vậy".

### Sinh khương tả tâm thang phương

生薑瀉心湯方

生薑 Sinh khương 4 lượng (thái)

甘草	Cam thảo	3 lượng (nướng)
人參	Nhân sâm	3 lượng
乾薑	Can khương	1 lượng
黃芩	Hoàng cầm	3 lượng
半夏	Bán hạ	nửa thăng (rửa)
黃連	Hoàng liên	1 lượng
大棗	Đại táo	12 quả (bửa, bỏ hạt)

Dùng một đấu nước đun còn 6 thăng, bỏ bã, lại đun còn ba thăng, uống nóng một thăng. Ngày uống ba lần.

**Chú giải:** Trần Bình Bá nói: "Dùng một vị "tân ôn hay tán" là Sinh khương làm quân, để tiết thủy khí, lại dùng những vị có cái tính chất, Cam ôn thủ trung là Can khương, Sâm, thảo để bồi dưỡng trung châu, sau mới dùng những vị có cái tính "khổ hàn" là Hoàng cầm, Hoàng liên để rửa bỏ nhiệt, khai bỏ Bĩ. Đặt tên là "Sinh khương tả tâm" cốt để tả bỏ cái bĩ ở tâm hạ mà lại kiêm được cả cái sở trường là bổ trung tán thủy. Nếu không có thủy, khí tất không dùng đến những vị tân tán như Sinh khương, Bán hạ. Nếu không lấy đến chứng trung hư, cũng không dùng gì đến những vị Bổ trung là Can khương, Sâm, thảo. Nên biết, thuộc về phương pháp tả tâm của Trọng sư có 5 bài, nhưng chỉ có hai bài Đại hoàng, Hoàng liên tả tâm thang là phương pháp chính trị, ngoài ra còn đều là những phương theo chứng gia giảm cả.

### Tiết 10

傷寒中風醫反下之其人不利日數十  
行穀不化腹中雷鳴心下痞硬而滿乾  
嘔心煩不得安醫見心下痞謂病不盡  
復下之其痞益甚此非熱結但以胃中  
虛客氣上逆故使硬也甘草瀉心湯主  
之

Thượng tiêu mà thành chứng Nhiệt bì. Trong bài thuốc, những vị có tính đại khổ, đại hàn là Đại hoàng, Hoàng liên để giáng xuống. Hỏa giáng xuống mà lại tự thăng lên, mà cũng là một phương pháp chuyển Bì làm Thái vậy".

### Tiết 7

心下痞而復惡寒汗出者附子瀉心湯  
主之

Phiên âm: Tâm hạ bì nhi phục ố hàn, hàn xuất giả, phụ tử tả tâm  
thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Tâm hạ bì mà lại ghét lạnh, mồ hôi ra, Phụ tử tả tâm  
thang chủ chi.

Chú giải: Đường Tôn Hải nói: "Các bài tả tâm đều trị về chứng thủy, hỏa khí hư làm nên Bì. Duy có bài này là hỏa khí thực mà thủy khí hư... trong thủy hỏa khí, tức là cái dương khí vệ ngoại cho nên dùng Phụ tử để bổ cái Dương khí ở thủy phận.

Phụ tử tả tâm thang phương

附子瀉心湯方

大黃 Đại hoàng 2 lượng

黃連 Hoàng liên 1 lượng

黃芩 Hoàng cầm 1 lượng

附子 Phụ tử 1 củ (bỏ vỏ, bỏ ra,  
đun riêng lấy nước)

Mấy vị trên thái đều, dùng hai thăng nước sôi ngâm vào, chia làm hai lần uống nóng.

Chú giải: Trần Úy nói: "Chứng tâm hạ bì là cảm cái bản nhiệt của Thiếu âm Quân hòa. "Lại ố hàn" là lại phát hiện cái bản hàn của Thái dương hàn thủy. Hàn ra là vì bản của Thái dương hàn quá, mà tiêu dương rất hư muốn ly tán ra ngoài. Trị thượng hàn, lấy Dương khí

làm chủ. Vậy gặp trường hợp đó há dám vội dùng khổ hàn... Nhưng khôn vì cái chứng Bì không giải đi được. Bất đắc dĩ phải dùng đến Đại hoàng, Hoàng liên, Hoàng cầm đều có tính đại khổ, đại hàn để trừ bỏ cái bản nhiệt của Thiếu dương. Lại sợ không khéo lại vong dương nguy, vội dùng cái vị đại ôn là phụ tử để làm ấm cái tiêu dương của Thái dương... hàn nhiệt cùng đan, không cùng trái ngược, mà đều có thể lập nên kỳ công, thật là khôn khéo.

### Tiết 8

本以下之故心下痞與瀉心湯痞不解  
其人渴而口燥煩小便不利者五苓散  
主之

Phiên âm: Bản dĩ hạ chi cố tâm hạ bì, dĩ tả tâm thang, bì bất giải,  
kỳ nhân khát nhi khẩu táo, phiền, tiểu tiện bất lợi giả, Ngũ linh  
tán chủ chi.

Dịch nghĩa: Vốn do hạ nhằm nên tâm hạ bì, cho dùng tả tâm thang. Bì  
không giải. Bệnh nhân khát, miệng ráo, phiền, tiểu tiện không lợi. Ngũ  
linh tán chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Đường Tôn Hải nói: "Bì là hư khí của thủy hỏa. Nhưng cũng có Đơn thủy bì thuộc về chứng thực tức như chứng của bài thập táo thang. Lại cũng có Đơn thủy bì, thuộc về chứng hư tức như chứng của bài Ngũ linh tán. Thật là biện chứng rất tinh.

### Tiết 9

傷寒汗出解之後胃中不和心下痞硬  
乾噦食臭膈下有水氣腹中雷鳴下利  
者生薑瀉心湯主之

Phiên âm: Thương hàn hàn xuất giả chi hậu, Vị trung bất hòa,  
tâm hạ bì ngạnh can y, thực xú, hiếp hạ, hữu thủy khí, phúc trung  
lôi minh hạ lợi giả, Sinh khương tả tâm thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thương hàn hàn ra, sau khi đã giải, trong Vị không hòa...  
tâm hạ bì rắn, ợ khan có mùi thức ăn (vì Vị không hòa thời khí nghịch



Biểu liền (đến rồi) phát nhiệt, ổ hàn... (so với trước càng tệ hơn. Nếu lại theo phép dùng Quế chi thang, húp cháo loãng thì khỏi rồi, y giả không biết thế...) nhân lại hạ đi... (lại càng thêm hại cả tạng thái âm, mà hư cả Lý...) tâm hạ (thành) Bĩ... (trách ở Biểu, Lý đều hư, âm (khí) với Dương khí đều kiệt (đều kiệt thì không giao nhau mà thành Bĩ rồi. Và chẳng cái nghĩa âm dương rất là rộng lớn, nếu nói một cách nông nổi thời khí là dương, huyết là âm. Nếu nói theo nghĩa sâu xa, dương có dương khí mà âm cũng có âm khí. Là cái khí vô hình, theo dương khí dẫn đi khắp trong ngoài, khác với âm huyết hữu hình, chỉ dẫn đi ở trong kinh mạch. Âm huyết chỉ có thể gọi là Âm, Âm khí dù gọi là Âm cũng có thể gọi là Dương. Chứng này...) không Dương thì âm cô độc (cái lẽ dù sâu, y giả không thể không rõ. Nếu...) lại thêm thiếu châm (để giúp thêm cái khí Dương hỏa, nó...) liền (cộng lên) hung (mà làm) phiền (thở bị bại mà hiện ra cái sắc mộc làm hại, nên...) sắc mặt xanh vàng (tỳ bị thương mà kém mất cái thể trình tinh, nên cơ) phu "nhuận" (động mà không yên). Ấy, khó chữa. Giờ sắc (mặt xanh mà...) hơi vàng (ấy là thể không xuất cái bản chất của nó), tay chân ấm (còn thấy thể khí thấm nhuận ra tứ chi, bệnh còn) dễ khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói về cái khí âm dương bị thương mà thành chứng Bĩ, không nên dùng thiếu châm nữa.

Trên đây là những lời chú giải của Trần Tu-Viên (trong đầu ngoặc). Đường Tôn Hải chưa đồng ý nhưng cũng chưa có ý kiến gì vì nguyên văn đã nói "Âm dương khí đều kiệt", lại nói không dương thời Âm cô độc thực khó thông. Cho nên Đường Tôn Hải xin để khuyết lại, đợi các bậc cao minh.

### Tiết 6

心下痞按之濡其脈關上浮者大黃黃連瀉心湯主之

**Phiên âm:** Tâm hạ bĩ, án chi nhu, kỳ mạch Quan thượng Phù giả, Đại hoàng, hoàng liên tả tâm thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Tâm hạ bĩ, án tay vào mềm, mạch trên bộ Quan phù. Đại hoàng, Hoàng liên tả tâm thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng Bĩ cảm cái khí của Thiếu âm Quân hỏa mà gây nên, rồi lập ra một phương pháp chính trị về bệnh ấy. Từ đây về sau, các phương pháp tả tâm đều dựa theo kèm chứng mà gia giảm.

Đường Tôn Hải nói: "... Phàm nói "kết hung", "tả tâm", hung với tâm để chỉ vào Cách mô mà nói.

Cái hỏa của Tâm bào theo huyết dẫn xuống cũng phải do đó mà đi qua. Cái thủy ở Bàng quang do Vị mà thấm vào Tam tiêu. Cách mô là Thượng tiêu là cái nguồn trên của thủy. Cái thủy do tam tiêu khơi ra, cũng phải đi qua đấy. Cái khí do Bàng quang hóa ra, thấu vào Khí hải, dựa theo Du mô ở Hạ tiêu, mà dẫn lên miệng mũi, ra bì mao... cũng đều phải do Cách mô mà đi qua. Bởi thế nên ở Cách có những chứng Kết hung, Bĩ khí kết hung là hữu hình thực chứng, Bĩ khí là vô hình hư chứng. Kết hung, có chứng hàn nhiệt đều kết, lại có hàn thực, nhiệt thực khác nhau. Chứng Bĩ, có chứng thủy hỏa đều Bĩ, lại có đơn thủy bĩ, đơn hỏa bĩ (nghĩa là riêng có một thủy, hoặc một hỏa) khác nhau. Bài thập táo thang trị chứng Đơn thủy bĩ, bài này trị chứng Đơn hỏa bĩ.

Trọng sư cũng nêu lên cho học giả biết đường mà so sánh.

Đại hoàng, Hoàng liên tả tâm thang

大黃黃連瀉心湯

大黃 Đại hoàng 2 lượng

黃連 Hoàng liên 1 lượng

Dùng hai thăng nước đun sôi để ngâm, một lít, vắt bỏ bã, chia làm hai, uống nóng.

**Chú giải:** Trần Úy nói: "... Tâm hạ bĩ, án tay vào mềm, thế là cái tà nội hãm, cùng với cái khí vô hình đoàn tụ lại, không tan. Mạch Phù ở phía trên Quan bộ, cái thể rất cao, ấy là Quân hỏa găng ở trên, không thể giao xuống được với âm, lại cảm thêm cái khí hỏa của Quân hỏa ở

硬滿引脅下痛乾嘔短氣汗出不惡寒者此表解裡未和也十棗湯主之

**Phiên âm:** Thái dương Trúng phong hạ lợi ẩu nghịch, biểu giải giá, nãi khả công chi, kỳ nhân vi vi hạn xuất phát tác hữu thời, đầu thống, tâm hạ bì, ngạnh mẫn, dẫn hiệp hạ thống, càn ẩu, đoãn khí, hạn xuất bất ố hàn giả, thử biểu giải lý vị hòa dã, thập táo thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thái dương Trúng phong hạ lợi, ẩu nghịch... Biểu đã giải rồi mới có thể dùng phép công được. Nếu bệnh nhân "nhâm nhấp" hãn ra, phát tác có giờ, đầu đau, tâm hạ bì mà rần và đầy, đau dẫn đến dưới hiệp, nôn khan đoán khí, hãn ra, không ghé lạnh... Ấy là Biểu đã giải. Lý chưa hòa, dùng thập táo thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này, ngoài chứng Bĩ, lại bàn đến chứng trúng phong ở kinh Thái dương, làm kích động đến khí của Hàn thủy mà thành chứng Bĩ.

Đường Tôn Hải nói: "... Tiết này thủy lưu ở khoảng Cách mô, Vệ khí cùng với Thủy tranh hành thời phát tác, vệ khí đi khỏi thì thôi... So với chứng Ngược "phát tác có giờ" nghĩa cùng giống nhau. Vệ khí tranh mà ra được thời nhâm nhấp có mồ hôi. Cái khí hàn thủy theo kinh mạch của Thái dương công lên đầu thời thành chứng đau đầu. Cho nên chỉ dùng bài thập táo thang công bỏ thủy thời các chứng kia sẽ giải. Lại ở tiết này có hai chữ "rần", "đầy"... so với tiết trên "chỉ khí bĩ" không giống nhau đó là Trọng sư muốn cho người ta so sánh để ghi nhớ.

### Thập táo thang phương

#### 十棗湯方

芫花 Nguyên hoa (ngào)

甘遂 Cam toại

大戟 Đại kích

### 大棗 Đại táo 10 quả (bửa, bỏ hạt)

Ba vị trên ngang nhau, tán bột riêng. Dùng 1 thăng rượu, đun trước 10 quả Đại táo, cạn còn 8 hợp, bỏ bã, cho bột thuốc kia vào. Người mạnh uống một thìa (một đồng cân), người yếu uống một nửa, đều uống nóng. Sáng sớm uống, nếu hạ ít, bệnh chưa khỏi, sáng sau lại uống thêm lên nửa đồng cân. Sau khi đã "lợi" được nhiều, ăn cháo loãng để điều dưỡng.

**Chú giải:** Trần Ủy nói: "... Ba vị trong bài này đều là những thứ có cái tính "tân, khổ, hàn độc", thẳng khơi bỏ thủy là rất hại đến nguyên khí..."

Kha Vận Bá cho là: "Dù Sảm thuật không thể làm quân nổi, Cam thảo là một vị "tương phản" cho nên phải dùng 10 quả táo cho làm Quân vừa để đoái giữ lấy tỷ, Vị vừa để làm chậm bớt cái sức "tuần độc" của nó. Sau khi đã khơi lợi rồi, dùng cháo loãng để điều dưỡng, một là để cho cốc khí đầy đủ ở trong, hai là để cho tà khí không thể lại gây nên nữa. Đó là cái phương pháp dùng độc được trị bệnh của Trọng thánh, thật là khôn khéo, chu đáo vậy.

### Tiết 5

太陽病醫發汗遂發熱惡寒因復下之心下痞表裡俱虛陰陽氣並竭無陽則陰獨復加鏡針因胸煩面色青黃膚閉者難治今色微黃手足溫者易愈

**Phiên âm:** Thái dương bệnh, y phát hàn, toại phát nhiệt, ố hàn, nhân phục hạ chi, tâm hạ bì, biểu lý câu hư, âm dương khí tịnh kiệt, vô Dương tác âm độc, phục gia thiếu châm, nhân hung phiến, diện sắc thanh hoàng, phu nhuận giả nan trị, kim sắc vi hoàng, thủ túc ôn giả dị dĩ.

**Dịch nghĩa:** (Chứng Bĩ cũng có khi vì hãn, hạ làm hư đến Âm dương mà gây nên, cũng nên phân biệt mà xem...). Thái dương bệnh (nếu ở cơ tấu, nên dùng Quế chi thang để giải cơ, y giả nhâm dùng Ma hoàng thang để phát hãn (chỉ làm hại cái kinh của Thái dương, mà hư cả

có cái năng lực thấu được cách mô mà đạt ra ngoài tấu lý. Hãm hung có cái năng lực công thẳng vào cách mô mà thông Đại trường... Còn những bài tả tâm thời chỉ là làm cho hòa cách mô để vận hành đi. Dù đều chủ về chứng bệnh ở Cách mô mà có Nội, Ngoại, Hư, Thực rất khác nhau. Trọng sư nói tiếp liền làm một thật là rõ ràng chu đáo.

**Bán hạ tả tâm thang phương**

**半夏瀉心湯方**

- 半夏 Bán hạ nửa thăng (rửa)
- 黃芩 Hoàng cầm 3 lượng
- 乾薑 Can khương 3 lượng
- 甘草 Cam thảo 3 lượng (nướng)
- 人參 Nhân sâm 3 lượng
- 黃連 Hoàng liên 1 lượng
- 大棗 Đại táo 12 quả (bửa, bỏ hạt)

Dùng một đấu nước đun còn 6 thăng. Bỏ bã lại đun còn 3 thăng. Uống nóng một thăng, ngày ba lần.

Trần Úy nói: "... "chỉ "mãn" mà không "đau" thời là Bĩ, là khí trời không giáng xuống, khí đất không thăng lên, mới gây nên chứng ấy, dùng Hoàng cầm, Hoàng liên có cái tính đại khổ để "giáng" thiên khí, dùng Can khương, Đại táo, Nhân sâm có cái tính Tân, cam để "thăng" địa khí tức là chuyển quẻ Bĩ qua quẻ Thái. Dùng Bán hạ làm Quân (vì chứng ấy phát sinh bởi chứng ụ, mà Bán hạ có cái tính chỉ ẩu.) Cũng cùng một nghĩa với bài Sài hồ thang, bỏ Sài hồ (không cần thông mô cách) gia Hoàng liên, và đổi Sinh khương dùng Can khương".

**Tiết 2**

太陽少陽併病而反下之成結胸心下硬下利不止水漿不下其人心煩

**Phiên âm:** Thái dương, Thiếu dương tịnh bệnh nhi phản hạ chi thành kết hung, tâm hạ ng.ạnh, hạ lợi bất chỉ, thủy tương bất hạ, kỳ nhân tâm phiền.

**Dịch nghĩa:** Thái dương, Thiếu dương hợp bệnh mà "lại" hạ đi thành chứng kết hung, tâm hạ rắn, hạ lợi không dứt, thủy tương không nuốt vào được, bệnh nhân tâm phiền.

**Chú giải:** Tiết này nói Thái dương, Thiếu dương hợp bệnh, vì hạ nhầm mà xảy nên chứng nặng. Tiết này, Trọng sư không đề cập đến phương được. Tiết Bộ Văn có ý kiến muốn dùng "Bán hạ tả tâm". Nêu ra đây để độc giả cùng nghiên cứu.

**Tiết 3**

脈浮而緊而復下之反入裡則作痞按之自濡但氣痞耳

**Phiên âm:** Mạch Phù nhi Khẩn, nhi phục hạ chi, phản nhập Lý tác tác Bĩ, án chi tự nhu, đản khí bĩ nhĩ.

**Dịch nghĩa:** Mạch Phù mà Khẩn mà "lại" hạ đi, lại trở vào Lý, trở thành chứng Bĩ, ấn tay vào thấy mềm, ấy là chỉ khí Bĩ thôi.

**Chú giải:** Tiết này nói thêm về nguyên nhân của chứng Bĩ.

Đường Tôn Hải nói: "... Mạch Khẩn là do hàn làm vít mất hỏa. Phù Khẩn chủ ở Biểu, thời là thuộc về Bì mao, tấu lý. Trầm Khẩn đã chủ ở Lý. Thế mà đây nói "lại trở vào lý" tức là ý nói: vốn Phù mà lại Trầm, chủ về do ngoại mà vào nội... nên mới là hãm vào hung cách mà làm thành chứng Bĩ. Trọng sư lại nói: "ấy là chỉ khí Bĩ thôi", đó tức là ngài đã tự chú giải rồi. Nghĩa là: Bĩ chỉ là cái khí hàn, nhiệt vô hình, không giống kết hung, gây nên bởi cái đàm thuộc thủy hỏa hữu hình".

**Tiết 4**

太陽中風下利嘔逆表解者乃可攻之其人微微汗出發作有時頭痛心下痞

tay chân lạnh là Biểu, tâm hạ mãn, không muốn ăn, đại tiện rắn là Lý... Mạch Trầm cũng là Lý, hãn ra là Dương vi. Vì khiến thuần là âm, kết, không nên có ngoại chứng mà nhập vào Lý. Đây còn là nửa ở Lý, nửa ở Biểu. Mạch dẫu Trầm khẩn, vẫn không phải là bệnh ở Thiếu âm. Sở dĩ như thế vì "âm chứng không thể có hãn", nên biết không phải là bệnh ở Thiếu âm. Nên cho Tiểu sài hồ thang, hoặc hầu không được tỉnh táo lắm, khi đại tiện đùn sẽ khởi.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng Dương vi kết tựa như âm, dẫu thấy Lý mạch mà so với chứng Âm kết của thiếu âm vẫn là khác nhau.

### TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 3 tiết luận về Thái dương - Thiếu dương tình bệnh. Nhân đó, các chứng tâm hạ chi kết, hung hiệp đầy, vi kết, tâm hạ đầy cho liệt vào một loại. Chứng này thuộc về nửa biểu, nửa Lý, nhưng cũng có phân biệt: phát nhiệt, tay chân nhức, hơi ghét lạnh là ngoại chứng chưa hết, cho nên dùng Sại - Quế các bán; dẫu ra mồ hôi, tiểu tiện bí, khát mà ụ là kiêm có âm kết. Ngoài nguyên phương Sại Quế chỉ lấy Quế, Sại, Hoàng cầm, Cam thảo, gia Mẫu lệ, Can khương, Quất lâu căn. Bệnh thuộc về âm, không có chứng ra mồ hôi, tuy có lý chứng: không ăn, đại tiện rắn, mạch Tế... nhiều hơn biểu chứng vẫn là nửa ở Lý, nửa ở ngoài, chỉ dùng Sại hồ thang.

### CHƯƠNG VI

#### Tiết 1

傷寒五六日嘔而發熱者柴胡湯症具  
而以他藥下之柴胡症仍在者復與柴  
胡湯此雖已下之不為逆必蒸蒸而振  
卻發熱汗出而解若心下滿而硬痛者  
此為結胸也大陷胸湯主之但滿而不

痛者此為痞柴胡湯不中與之宜半夏瀉心湯

**Phiên âm:** Thương hàn ngũ lục nhật, ẩu nhi phát nhiệt giả, Sại hồ thang chứng cụ, nhi dĩ tha dược hạ chi, Sại hồ chứng nhưng tại giả, phục dĩ Sại hồ thang. Thủ tuy dĩ hạ chi, bất vi nghịch, tất chứng chứng nhi chấn khuếch phát nhiệt hạn xuất nhi giải. Nhược tâm hạ mãn nhi ngạnh thống giả, thử vi kết hung dã. Đại hãm hung thang chủ chi. Đản mãn nhi bất thống giả, thử vi bí, Sại hồ bất trúng dĩ chi. Nghi Bán hạ tả tâm thang.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn đến 5, 6 ngày, ụ mà lại phát nhiệt. Sại hồ chứng đủ cả, mà lại lấy thứ thuốc khác để hạ đi... Sại hồ chứng vẫn hã còn, lại cứ cho uống Tiểu sài hồ thang. Dù là đã hạ rồi, vẫn không phải là "nghịch". Hãn phải nhâm nhập mà run. Rồi phát nhiệt, hãn ra mà giải. Nếu tâm hạ đầy mà rắn, đau... ấy là kết hung. Đại hãm hung thang chủ về bệnh ấy. Chi mãn mà không đau, thế là Bí. Sại hồ không nên dùng nữa. Nên dùng Bán hạ tả tâm thang.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng Bí, chứng của bài Tả tâm thang.

Đường Tôn Hải: "... Bài Tiểu sài hồ trị về chứng ở Tấu lý thuộc Biểu. Tấu lý là một thứ mô du ở bộ phận Xích nhục. Nếu do ngoại mô mà vào nội mô, hợp ở hung cách, thời thành chứng Hãm hung. Bởi hung cách là một thứ nội mô lớn hơn, làm giới hạn cho trên dưới cho nên tà lên vào trong nhiều hơn, chính khí kết lại ở đây, khiến cho không dẫn lên được. Uống nước vào cũng tụ ở Cách, thời thành chứng thủy ẩm hữu hình. Tà khí hãm vào trong, hợp với hỏa của tâm bào ngăn ở hung cách thời thành chứng Đàm huyết hữu hình. Huyết sinh ra bởi tâm hỏa. Hỏa hành được thời huyết hành được, Hỏa bị trở thời huyết cũng bị trở. Huyết với thủy giao kết thời hóa làm Đờm, tức là kết hung thực chứng. Phải đoạt bỏ cái "thực" ấy đi, dùng bài Đại hãm hung thang. Chỉ "mãn" mà không "thống" thời không có huyết và thủy tức là không có cái thực chứng "ngưng tụ thành Đản", chỉ là cái khí vô hình, cái thủy hòa nghẽn lên hung cách làm cho hóa cái khí của thủy hòa mà chứng Bí tự giải, bất tất công hạ cái vật hữu hình nữa. Sại hồ

hạn xuất vãng lai phát nhiệt, tâm phiền giả, thử vi vị giải dã. Sài hồ, Quế chi Can khương thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn qua 5, 6 ngày, đã phát hãn mà lại hạ đi, hung hiệp đầy, hơi kết, tiểu tiện không lợi, khát mà không ụa. Chỉ trên đầu mồ hôi ra mà nóng lạnh qua lại, tâm phiền... ấy là chưa giải. Sài hồ, Quế chi, Can khương thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về bệnh Thái dương gặp thời kỳ chủ khí của kinh Quyết âm mà thành chứng "vi kết".

Sài hồ, Quế chi, Can khương thang phương

柴胡桂枝乾薑湯方

柴胡	Sài hồ	nửa cân
桂枝	Quế chi	3 lạng
乾薑	Can khương	2 lạng
括蔞根	Quát lâu căn	4 lạng
黃芩	Hoàng cầm	3 lạng
牡蠣	Mẫu lệ	2 lạng
甘草	Cam thảo	2 lạng (nướng)

Dùng 1 đấu 2 thăng nước, đun còn 6 thăng, bỏ bã, lại đun còn 3 thăng, uống nóng 1 thăng, ngày ba lần. Lúc mới uống hơi phiền, lại uống, hãn ra, khỏi.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Đã phát hãn thì Dương khí tiết ra ngoài rồi, thế mà lại hạ thêm, thời Dương khí hạ hãm, thủy âm động ở trong nghịch lên hung hiệp cho nên hung hiệp đầy, hơi kết, và tiểu tiện không lợi. Thủy kết thời tân dịch không dẫn lên được cho nên khát. Chứng ấy vốn chứng của bài ngũ linh tán cùng một ý nghĩa. Dương bị "át" ở bên ngoài, không thể tán bố ra khắp mình mà chỉ có thể bốc lên trên nên thành chứng hãn ra ở đầu. Khắp mình Dương khí muốn ra không được, thời thành chứng "vãng lai hãn nhiệt" cùng với chứng của

bài tiểu sài hồ cùng một ý nghĩa. Tóm lại, đều do cái khí của hàn thủy, làm vít hung cách, tấu lý mà hỏa không được phát tiết ra ngoài, đành phải quay trở về tâm bào mà thành chứng tâm phiền. Cho nên dùng Sài hồ để thấu suốt mô tấu, dùng Quế chi, Can khương để tan triệt bỏ hàn thủy, lại dùng Quát lâu, Hoàng cầm để thanh cái hỏa uất ở trong. Nghĩ như muốn tán hàn, trước phải nên giúp hỏa. Chứng này tâm phiền đã là hỏa uất ở trong, mới uống Quế, Khương, lại giúp cho hỏa, nên vẫn thấy hơi phiền. Lại uống thêm, thời cái tánh của Khương, Quế đã được thăng đạt lên, mà hỏa sẽ phát ra ngoài. Bởi thế nên hãn ra mà khỏi".

Tiết 3

傷寒五六日頭汗出微惡寒手足冷心下滿口不欲食大便硬脈細者此為陽微結必有表復有裡也脈沈亦在裡也汗出為陽微假令純陰結不得復有外症悉入在裡此為半在表半在外也脈雖沈緊不得為少陰病所以然者陰不得有汗今頭汗出故知非少陰也可與小柴胡湯設不了了者得屎而解

**Phiên âm:** Thương hàn ngũ lục nhật, đầu hãn xuất vi ố hàn, thủ túc lãnh, tâm hạ mẫn, khẩu bất dục thực, đại tiện ngạnh, mạch tế giả, thử vi Dương vi kết tất hữu Biểu phục hữu lý dã; mạch trầm đặc tại Lý dã, hãn xuất vi Dương vi, giả linh thuận âm. Kết bất đắc, phục hữu ngoại chứng tất nhập tại lý, thử vi bán tại biểu bán tại ngoại dã. Mạch tuy Trầm, Khẩn bất đắc vi thiếu âm bệnh, sở dĩ nhiên giả, âm bất đắc hữu hạn, kim đầu hãn xuất cổ tri phi thiếu âm dã, khả dĩ tiểu Sài hồ thang, thiết bất liễu liễu giả đắc thử nhi giải.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 5, 6 ngày, ra mồ hôi đầu, hơi ghét lạnh, tay chân lạnh, dưới tâm đầy, miệng không muốn ăn, đại tiện rắn... Mạch Tế. Ấy là Dương vi kết hãn có Biểu lại có Lý nữa (đầu hãn, hơi ở hàn,

Chương này gồm ba tiết luận về chứng nhiệt vào huyết thất và phép trị. Kinh thủy mà đến, hoặc vừa dứt thường gặp chứng này, nhưng không được đưa vào chỗ kinh thủy đến hay dứt mà quyết định hư hay thực.

Ngoại nhiệt trừ mà huyết kết ở trong, khiến cho hung hiệp, kinh mạch uất hệ như trạng kết hung, nên dùng phép châm để sơ tiết đi. Huyết kết ở trong mà nóng lạnh như Ngược nên dùng Sài hồ thang để hòa giải đi. Nhưng nhiệt vào huyết thất mà nói xâm lấn, không có các chứng kết hung, nóng lạnh thì nhiệt theo huyết tiết ra nên có thể tự lành. Sở dĩ gọi "trị đi, đừng phạm Vị khí với hai tiêu trên" là nêu cho y giả không được thấy "nói xâm lấn" mà nhằm công hạ, cũng không thể hạn hoặc thổ vì bệnh ở Hạ tiêu. Chứng này liên với điều cuối chương ba nêu về thái - thiếu hiệp bệnh đều có trạng thái như chứng kết hung, cho nên để vào sau chứng kết hung.

## CHƯƠNG V

### Tiết 1

傷寒六七日發熱微惡寒支節疼痛微  
嘔心下支結外症未<sub>去者</sub>柴胡桂枝湯主之

Phiên âm: Thương hàn lục thất nhật, phát nhiệt, vi ố hàn, chi tiết đông thống, vi ầu, tâm hạ chi kết, ngoại chứng vị khứ giả, sài hồ Quế chi thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thương hàn qua 6, 7 ngày, hơi ố hàn, chi tiết đau nhức, hơi ầu, tâm hạ chi kết, chứng bên ngoài chưa hết. Sài hồ, Quế chi thang chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Tiết này nói về khí hóa của Thái dương kết ở biệt chi của kinh mạch.

Đường Tôn Hải nói: "... Phát nhiệt, ố hàn, khớp xương tay chân đau nhức" tức là chứng của bài Quế chi rồi. "Ừ mà tâm hạ chi kết"... tức là tâm hạ mãn, thuộc về chứng của bài Sài hồ từ ngoài sắp muốn

vào trong mà chứng Quế chi hãy còn, không được dùng riêng một bài Sài hồ, nên hợp cả Quế chi thang để điều trị... "chi kết" tức cũng cùng nghĩa với "chi mãn, chi ẩm". Tâm hạ là chỉ về trong "Cách". Trong "cách" đủ cả đường lối để hành khí, hành thủy, quản khiếu, chi phái rất nhiều (tây y gọi là Lâm ba quản (tuyến)). Kết tức là bị vít lấp quản khiếu ở nơi đó. Bài Sài hồ trị chứng hung mãn cũng một ý ấy.

### Sài hồ, Quế chi thang phương

#### 柴胡桂枝湯方

柴胡	Sài hồ	4 lạng
桂枝	Quế chi	1 lạng rưỡi
人參	Nhân sâm	1 lạng rưỡi
黃芩	Hoàng cầm	1 lạng rưỡi
半夏	Bán hạ	1 hợp rưỡi (rửa)
芍藥	Thược dược	1 lạng rưỡi
大棗	Đại táo	6 quả (bửa bỏ hạt)
生薑	Sinh cương	1 lạng rưỡi (thái)
甘草	Cam thảo	1 lạng (nướng)

Dùng 7 thăng nước đun còn 3 thăng, bỏ bã, uống nóng.

### Tiết 2

傷寒五六日已發汗而復下之胸脅滿  
微結小便不利渴而不嘔但頭汗出往  
來發熱心煩者此為未解也柴胡桂枝  
乾薑湯主之

Phiên âm: Thương hàn ngũ lục nhật dĩ phát hàn nhi phục hạ chi, hung hiệp mãn, vi kết, tiểu tiện bất lợi, khát nhi bất ầu, đản đầu

bi  
**Chú giải:** Tiết này hiệp với tiết dưới, đều nói về chứng đàn bà "nhiệt vào huyết thất". Bệnh ở kinh mạch, hình như kết hung, có thể cùng so sánh nhau mà càng thêm rõ.

Đường Tôn Hải nói: "... Xung, Nhâm, Quyết âm khởi ngay ra từ Huyết thất tức là một thứ Du mô ở hạ tiêu, Mô du ấy, liền lên hai phiến Đại bản du ở 2 hiệp, lại liền với Mô du ở khoảng hung cách. Nhiệt vào huyết thất lan tới cả Bản du, Hung cách thời trường mãn hình như Kết hung. Lại như huyết Kỳ môn, ở chỗ đầu Lạc cốt, tức ngay vào chỗ đầu Cách mô ở trước Hung. Cách mô phía trước liền với Hung, phía sau liền với Can, nên gọi là Kỳ môn. Can ở đây cũng tức là Can mô. Biết lẽ đó, thời biết được cái lẽ tương tự của chứng kết hung với chứng huyết kết".

## Tiết 2

婦人中風七八日續得寒熱發作有時  
經水適斷者此為熱入血室其血必結  
故使如瘧狀發作有時小柴胡湯主之

**Phiên âm:** Phụ nhân trúng phong thất bát nhật, tục đắc hàn nhiệt phát tác hữu thời, kinh thủy thích đoạn giả, thử vi nhiệt nhập huyết thất, kỳ huyết tất kết cố sử như Ngược trạng phát tác hữu thời, Tiểu sài hồ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Đàn bà trúng phong 7, 8 ngày, lại tiếp gặp chứng hàn nhiệt phát tác đúng giờ, kinh thủy vừa gặp lúc ráo, ấy là nhiệt vào huyết thất. Huyết hẳn phải kết "cho nên khiến" hình như ngược, phát tác đúng giờ. Dùng Tiểu sài hồ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này diễn theo tiết trên nói về chứng trúng phong, nhiệt vào huyết thất, kinh thủy đã thấy mà vừa gặp lúc ráo, nên phải suy xét sự khác nhau trong chỗ giống nhau, mới hiểu được sự khôn khéo chỗ dùng thuốc.

Đường Tôn Hải nói: "... Vệ khí phát ra từ trong thủy của Bàng quang, thấu ra huyết phận. Huyết là Doanh, Khí là Vệ. Chứng này nhiệt vào Huyết thất... vậy cái huyết ở trong mô võng thuộc hạ tiêu tất

phải kết lại, làm ngăn trở vệ khí. Vệ khí dẫn đến chỗ huyết kết đó, dùng tranh nhau mà phát tác làm hàn, nhiệt, đến khi vệ khí đã đi qua được rồi, thời chứng hàn nhiệt sẽ lui. Bởi thế nên phát tác đúng giờ, giống với chứng Ngược. Xem trên nguyên văn, ba chữ "cho nên khiến" thực là đã nói rõ Vệ khí do trong Mô du đi ra, huyết kết ở trong Mô du, "cho nên khiến" vệ khí không ra được. Dùng bài Tiểu sài hồ thang thấu suốt mô cách mà khỏi. Biết được chứng nhiệt vào Huyết thất là ở trong mô du, tức là biết được chứng Ngược cũng ở trong Mô du.

## Tiết 3

婦人傷寒發熱經水適來晝日明了暮  
則譫語如見鬼狀者此為熱入血室無  
犯胃氣及上二焦必自愈

**Phiên âm:** Phụ nhân thương hàn phát nhiệt, kinh thủy thích lai, trú nhật minh liễu, mộ tắc thiêm ngữ, như kiến quỷ trạng giả. Thử vi nhiệt nhập huyết thất, vô phạm Vị khí, cập thương nhị tiêu tất tự dĩ.

**Dịch nghĩa:** Đàn bà thương hàn phát nhiệt, vừa gặp lúc thấy kinh. Ban ngày tỉnh táo, đêm thời nói lầm nhảm hình như thấy quỷ. Ấy là nhiệt vào huyết thất. Dùng phạm Vị khí với hai tiêu trên, hẳn tự khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói đàn bà thương hàn mà nhiệt vào huyết thất. Đường Tôn Hải nói: "Qua câu "dùng phạm Vị khí với hai tiêu trên" càng rõ huyết thất ở trong Mô du dưới hạ tiêu, không nên chữa lên trung, thượng tiêu. "Hình như thấy quỷ" chuyên thuộc về chứng "nhiệt vào huyết thất". Chứng của Đường minh chỉ "nói lầm nhảm" mà không có "thấy quỷ". Quỷ là hình tượng của Phách, cái hồn của con người thuộc về khí, Phách thuộc về huyết. Huyết chết tức là Phách chết, Phách làm che lấp mất hồn, cho nên "như trông thấy quỷ". Đàn ông thương hàn cũng có chứng ấy... đều là do nhiệt vào huyết thất cả. Như vậy, chỉ có chứng "nhiệt vào huyết thất" mới thấy quỷ".

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

thành chứng hàn thực kết hung. Chứng ấy không có các nhiệt chứng như mình nóng, miệng khát. Nên dùng Bối mẫu, Cát cánh, Bã đậu để phá thực kết, nhất thiết không nên công hạ, khiến cho ngoại tà vào lý thành chứng Hiệp nhiệt lợi.

Tạng kết cũng là chứng không nhiệt, người bệnh yên tĩnh, thai lưỡi trơn nhuận, cũng kỵ công hạ. Biểu nhiệt nội hãm, cũng có khi không thành kết hung, như ra mồ hôi đầu, tiểu tiện bí, phát nhiệt là chứng của Nhân trần cao.

Nhiệt kết ở Lý cũng có khi không thành kết hung, như chứng nóng lạnh qua lại là chứng Đại sài hồ thang, ấy là vốn không có âm tà nên bệnh biến không nhất định, cho nên hạ rồi có khi không sinh kết hung mà sinh chứng Bĩ.

Tiết cuối cùng vì thủy ngăn cản nhiệt không vượt ra được, không có chứng nhiệt vào cùng với thủy kết lại cho nên cũng không sinh kết hung. Kết hung mạch Phù, Đại mà lại hiện chứng Phiến, Táo là chứng khó trị.

## PHỤ LỤC

### 附錄

太陽與少陽併病頭項強痛或眩冒時  
如結胸心下痞硬者當刺大椎第一間  
肺俞肝俞慎不可發汗發汗則譫語脈  
弦五六日譫語不止當刺期門

Phiên âm: Thái dương dữ Thiếu dương tịnh bệnh, đầu hạng cường thống, hoặc huyền mao thời như kết hung, tâm hạ bĩ ngạnh giả, đương thích Đại chùy đệ nhất gian, Phế du, Can du, thận bất khả phát hạ, phát hạ tắc thêm ngữ, mạch Huyền ngữ lục nhật thêm ngữ bất chỉ, đương thích Kỳ môn.

Dịch nghĩa: Thái dương với thiếu dương hợp bệnh, đầu cổ cứng đau, hoặc Huyền, Mao có lúc như kết hung, tâm hạ bĩ, rắn, nên thích ở Đại

chùy<sup>1</sup> đốt thứ nhất. Phế du<sup>2</sup>, Can du<sup>3</sup>. Nhất thiết không được phát hàn. Phát hàn thời nói làm nhảm, mạch Huyền. Qua 5, 6 ngày, nói làm nhảm không dứt nên thích ở huyệt Kỳ môn<sup>4</sup>.

Chú giải: Tiết này nói về Thái dương, Thiếu dương hợp bệnh, lan tới kinh mạch mà như kết hung, nên thích cho tả bỏ khí đi.

## CHƯƠNG IV

### Tiết 1

婦人中風發熱惡寒經水適來得之七  
八日熱除而脈遲身涼胸脅下滿如結  
胸狀譫語者此為熱入血室也當刺期  
門隨其實而瀉之

Phiên âm: Phụ nhân trúng phong phát nhiệt ố hàn, Kinh thủy thích lai, đặc chi thất bát nhật, nhiệt trừ nhi mạch Trì, thân lương, hung hiệp hạ mãn như kết hung trạng, thêm ngữ giả, thử vi nhiệt nhập huyết thất dã, đương thích Kỳ môn, tùy kỳ thực nhi tả chi.

Dịch nghĩa: Đàn bà trúng phong phát nhiệt, ố hàn, vừa gặp lúc thấy kinh. Bệnh nhân mất đã 7, 8 ngày, nhiệt lui mà mạch Trì, mình mát, dưới hung hiệp đầy như hình kết hung, lại nói làm nhảm nữa. Ấy là nhiệt phạm vào huyết thất. Nên thích huyệt Kỳ môn, theo cái chỗ tả thực của nó mà tả đi.

<sup>1</sup> Huyệt Đại chùy: trên đốt xương sống thứ nhất, dưới đốt thứ bảy cổ. Châm 3 phân.

<sup>2</sup> Huyệt Phế du: đốt xương sống thứ ba do ra mỗi bên một tác rươi. Châm 3 - 5 phân.

<sup>3</sup> Huyệt Can du: đốt xương sống thứ chín do ra mỗi bên một tác rươi. Châm 5 - 8 phân.

<sup>4</sup> Huyệt Kỳ môn: đầu vú do thẳng xuống dưới khoảng xương sườn thứ chín. Châm 3 - 5 phân.



"Nếu vì "phun", "đổ" mà nhiệt tiết đi, Hàn ở lại, không kết ở khoảng bì nhục, mà kết vào trong hung thành chứng "hàn thực kết hung", không có những nhiệt chứng "phiền", "muốn uống nước"... lại nên chuyên ôn phần Lý, cho uống bài tam vật tiểu hãm-hung thang hoặc bài Bạch tán cũng được chứ không nên dùng bài Đại, Tiểu hãm hung thang.

Xét: "Tất phải có bài tam vật tiểu hãm hung thang riêng chứ không phải bài Tiểu hãm hung thang ở trên vì không hợp với chứng "hàn thực kết hung".

Văn cấp tán

文蛤散

文蛤 Văn cấp 5 lượng

Nghiên bột, dùng nước nóng hòa 1 thìa uống. Nước dùng 5 hợp.

**Chú giải:** Trương Lệnh Thiệu nói: "Trước nói về cái thủy do nội nhân kết ở hung hiệp mà thành ra chứng của bài Đại hãm hung thang. Đây nói về cái thủy do ngoại nhân vào ở bì phu mà trong thịt sần lên, hoặc làm thành chứng tiểu kết hung. Nếu thủy ở ngoài, Dương nhiệt lui ở trong mà thành chứng hư hàn kết hung. Không có cái nhiệt chứng ở ngoài cơ biểu, cho uống bài tiểu hãm hung, để giải bố cái nhiệt kết bên trong. Bài Bạch tán khí vị tân ôn, có thể làm tan được cái khí của Hàn thủy".

Tóm lại, hàn thực ở ngoài, nhiệt lui ở trong, hoặc dùng khổ hàn để giải chứng nội nhiệt, hoặc dùng các vị tân nhiệt để tan bỏ cái ngoại hàn. Y giả phải tùy biến chế nghi mới được.

Bạch tán phương

白散方

桔梗 Các cánh 3 phân

芫豆 Bã đậu 1 phân (bỏ vỏ, sao đen, nghiền như mỡ).

貝母 Bối mẫu 3 phân

Trước đem Cát cánh, Bối mẫu tán bột, trộn lẫn với Bã đậu, lại nghiền, dùng nước lã đun sôi, hòa uống. Người mạnh dùng nửa đồng tiền xúc, người yếu giảm bớt một nửa. Bệnh ở trên Cách tất thổ, bệnh ở dưới Cách phải lợi. Không lợi, ăn thêm một bát cháo nóng (để giúp cái nhiệt thể cho Bã đậu), lợi mãi không thôi, ăn một bát cháo nguội (để ngăn cái nhiệt thể cho Bã đậu), lợi mãi không khỏi, muốn kéo chân để đắp, nếu lại dùng nước lạnh để phun, để rửa, càng khiến cho nhiệt bị át không ra được, nên hàn mà không hàn thời Phiền. Vì bằng hãn ra rồi, trong bụng lại đau, cho thêm 3 lượng Thược được như phép trên.

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 12 tiết đều luận về phép trị một loại chứng Kết hung. Chứng này gần giống với loại chứng "tương dịch tánh hung viêm" trong y học hiện đại do Thái dương Biểu nhiệt nội ngoại hãm cùng với thủy ẩm kết ở hung cách gây ra. Nhiệt hãm vào có sâu, cạn cho nên chứng kết hung phân ra Đại, tiểu. Chứng Đại kết hung, về chứng bên ngoài: không có đại nhiệt, hoặc đầu ra mồ hôi, cổ cứng, giống như chứng Nhu kinh. Về chứng bên trong: tâm hạ, thiếu phúc đầy, đau không thể để tay gập, đè vào cứng như đá, mạch thì Trầm Khẩn. Chứng gấp, nên dùng Đại hoàng, Mang tiêu, Cam toại để quét sạch, chứng hoãn, dùng Đại hoàng, Đình lịch, Mang tiêu, Hạnh nhân làm hoãn, chậm chậm công đi. Như phát hãn đôi lần, lại hạ mà gây ra chứng kết hung, mặc dù kiêm cả chứng táo khát, trào nhiệt, rắn, đầy của Dương minh thực chứng, cũng nên trị theo chứng Đại hãm hung.

Chứng tiểu hãm hung, ngay lại tâm hạ, đè tay vào đau, mạch thì Phù; chỉ dùng Hoàng liên, bán hạ, Quất lâu thực để thanh nhiệt, trừ đàm. Cho nên Đại hãm hung thang là để hạ súc thủy, tiểu hãm hung thang là để hạ đàm dãi. Như thế chỉ rõ kết hung là thủynhiệt cùng kết. Có người bảo rằng còn có riêng một chứng thủy kết hung là nhâm. Chỉ có chứng cửu hàn, tức ẩm (uống nước chứa lâu ngày) kết lại với nhau

Đường Tôn Hải nói: "... "Không thể nằm, chỉ muốn dậy, tâm hạ kết", thế là đã có 6, 7 phần cái tiêu nhiệt của Thái dương rồi. Nhiệt thời mạch không nên Vi, Nhược. Giờ mạch lại không Vi, Nhược, thế là trong chứng nhiệt có kèm cả 2, 3 phần bản hàn của kinh Thái dương. Đã kèm có hàn tức là không nên hạ. Y giả lại cho hạ. Nếu nhiệt không hạ hãm mà "lợi đứt", hàn sẽ gấp lên mà cùng kết, thành ra chứng "hàn nhiệt kết hung". Nếu lợi chưa đứt mà lại hạ thêm, thời hàn thủy không gấp lên, mà tiêu nhiệt hãm cả xuống sẽ thành chứng Hiệp nhiệt lợi. Ấy, cái lẽ lên, lui của Hàn, Nhiệt, Thủy, Hỏa là như thế".

**Tiết 11**

太陽病下之其脈促不結胸者此為欲  
解也脈浮者必結胸也脈緊者必咽  
痛脈弦者必兩脅拘急脈細數者痛未  
止脈沈緊者必欲嘔脈沈滑者協熱利  
脈浮滑者必下血

**Phiên âm:** Thái dương bệnh hạ chi, kỳ mạch Xúc, bất kết hung giả, thử vi dục giải, giải dã, Mạch Phù giả, tất kết hung dã; mạch Khẩn giả, tất yết thống, mạch Huyền giả, tất lưỡng hiệp câu cấp, mạch tế Sác giả, thống, vị chi, mạch Trầm, Khẩn giả, tất dục ẩu, mạch Trầm, Hoạt giả, hiệp nhiệt lợi, mạch Phù, Hoạt giả, tất hạ huyết.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, hạ đi, mạch Xúc, không kết hung, ấy là muốn giải. Nếu mạch Phù, tất kết hung, mạch Khẩn tất trong họng đau, mạch Huyền tất hai bên hiệp câu cấp. Nếu mạch Tế, Sác, đầu nhức chưa khỏi, mạch Trầm Khẩn tất muốn ọ, mạch Trầm, Hoạt tất hiệp nhiệt lợi, mạch Phù, Hoạt tất hạ huyết.

**Chú giải:** Tiết này nói về Kinh, Khí ở trong ngoài cùng thông nhau.

**Tiết 12**

病在陽應以汗解之反以冷水澀之若  
灌之其熱被却不得去彌更益煩肉上  
粟起意欲飲水反不渴者服文蛤散若

不差者與五苓散寒實結胸無熱症者  
與三物小陷胸湯白散亦可服

**Phiên âm:** Bệnh tại dương ứng dĩ hãn giải chi, phản dĩ lãnh thủy tổn chi, nhược quán chi, kỳ nhiệt bị kiếp bất đắc khử dĩ cánh ích phiến nhục thượng tức khởi, ý dục ẩm thủy, phản bất khát giả, phục Văn cấp tán, nhược bất sai giả, dĩ Ngũ linh tán. Hàn thực kết hung vô nhiệt chứng giả, dĩ tam vật tiểu hãm hung thang, Bạch tán diệp khả phục.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương nên dùng phép hãn giải. Y giả lại lấy nước lạnh "phun" vào hoặc "đổ" vào. Cái Dương nhiệt bị át không ra được, lại càng thêm phiến, ngoài thịt sần lên, "ý" muốn uống nước "lại" không khát... Nên uống bài Văn cấp tán. Nếu không bớt, cho uống bài Ngũ linh tán. Chứng Hàn thực Kết hung, không có nhiệt (chứng ở Biểu), cho uống bài Tam vật tiểu hãm hung thang, bài Bạch tán cũng uống được.

**Chú giải:** Tiết này, ngoài chứng tiểu kết hung lại bổ thêm chứng Hàn thực kết hung.

Đường Tôn Hải nói: "... "Phun" tức là dùng nước lạnh rảy vào bên ngoài, "đổ" tức là dùng nước lạnh rót vào bên trong. Cái "nhiệt" bị nước lạnh "át" ở bên ngoài không thể thoát ra, lại bị nước lạnh "át" ở bên trong không thể dẫn vào liền tụ lại trong khoảng cơ nhục, lên lui đều khó, nên càng thêm Phiến. Thủy khí với nhiệt cùng kết lại ở khoảng bì nhục mà sần lên... thế là nhiệt với thủy không kết ở trong hung mà kết ở khoảng bì nhục ngoài khu xác. Nhiệt ở ngoài khu xác cho nên, ý muốn uống nước, trong Vị không có nhiệt, cho nên "lại" không khát, cùng với chứng "chỉ muốn súc miệng, không muốn uống nước" cùng một ý nghĩa. "Chỉ muốn súc miệng là nhiệt ở kinh mạch, không ở trong Vị. Ở đây thời nhiệt ở bì nhục, không ở trong Vị, cho nên dùng bài Văn cấp để thấm thủy lợi nhiệt, trị cái chứng sần lên ở ngoài khu xác. Nếu không bớt, cho uống bài Ngũ linh tán cũng là một phương thuốc tán nhiệt lợi thủy và dẫn ra ngoài mà dùng phép trị liệu".

**Chú giải:** Tiết này nói về vì hãn, hạ làm mất tân dịch mà thành ra chứng táo kết hung.

Đường Tôn Hải nói: "Từ tâm hạ đến thiếu phúc rần, đầy, đau... Đó là chỉ về hung cách và suốt cả cái mô vông của trung, hạ tiêu đều có kết nhiệt. Lại kiêm cả lúc sẩm tối có kết nhiệt. Phàm nói chứng trào nhiệt đều ứng vào Đại trường táo Kim vương ở 2 giờ Thân, Dậu (4, 5 giờ chiều) mà phát nhiệt. Đại trường với mô vông ở hạ tiêu cũng liền nhau. Đặc trưng đã có táo nhiệt, thời phàm bao mô vông ở hạ tiêu tất cũng hợp với nhiệt khí ở Đại trường cả. Vẫn dùng bài Đại hãm hung thang, khiến bao cái kết ở trong mô, trong trường đều một loạt trừ hết cả.

Tiết 4 nói về bệnh kết hung mà trong tâm trao trực, ấy là tà do thượng tiêu Cách mô mà lên hợp với tâm bào. Tiết này nói về bệnh kết hung mà đến sẩm tối phát ra trào nhiệt, ấy là tà do du mô ở hạ tiêu mà hợp xuống với Đại trường".

#### Tiết 9

小結胸病正在心下按之則痛脈浮滑者小陷胸湯主之

**Phiên âm:** Tiểu kết hung bệnh chính tại tâm hạ; ấn chi tắc thống, mạch Phù, Hoạt giả, Tiểu hãm hung thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh tiểu Kết hung, ở ngay dưới tâm, ấn tay vào thì đau, mạch Phù mà Hoạt, tiểu hãm hung thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "... "tâm hạ" là chỉ về Cách mô mà nói, tâm hòa giao xuống Huyết thất, phải đi qua trong cách ấy. Nguyên khí ở trong thủy thuộc Bàng quang, dẫn lên Phế làm hô hấp, cũng do trong cách ấy mà đi, thủy hòa cùng giao kết ở trong Cách, tức là chứng Kết hung. Không phân biệt gì Đại, tiểu kết hung, đều là thủy, hỏa kết ở Cách cả. Cách ở ngay chỗ tâm hạ. Phàm nói đến tâm hạ đều chỉ về chỗ Cách ấy mà nói cả... tiểu kết hung chỉ kết ở tâm hạ, không liền với phúc và hiệp. Đại kết hung thì liền cả Phúc và Hiệp mà nói... Chứng này, cái kết của thủy hỏa có phần nhẹ hơn, cho nên công thủy

không phải dùng Cam tạc mà chỉ dùng Bán hạ, công hòa không phải dùng Mang tiêu, Đại hoàng mà chỉ dùng Quất lâu, Hoàng liên..."

#### Tiểu hãm hung thang phương

#### 小陷胸湯方

黃連	Hoàng liên	2 lượng
半夏	Bán hạ	nửa thăng (rửa)
栝蒌實	Quất lâu thực	1 quả

Dùng 6 thăng nước, trước đun Quất lâu còn ba thăng, bỏ bã, cho hai vị kia vào, đun còn 2 thăng lại bỏ bã, chia làm ba lần uống nóng.

Từ Linh Thai nói: "Cái mà phải dùng đến bài Đại thừa khí là phân táo, cái mà phải dùng đến bài Đại hãm hung là Súc thủy, cái mà phải dùng đến bài Tiểu hãm hung là Hoàng diên (nước dải vàng). Hoàng diên nhẹ hơn Súc thủy vì nó còn sấp thành mà chữa thành."

#### Tiết 10

太陽病二三日不能臥但欲起心下必結脈微弱者此本有寒分也反下之若利止必作結胸未止者四日復下之此作協熱利也

**Phiên âm:** Thái dương bệnh nhị tam nhật bất năng ngọa, đản dục khởi, tâm hạ tất kết, mạch Vi Nhược giả, thử bốn hữu hàn phân dã, phản hạ chi, nhược lợi chi, tất tác Kết hung, vị chi giả, tứ nhật phục hạ chi, thử tác hiệp nhiệt lợi dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương trải qua 2, 3 ngày, không nằm được, chỉ muốn dậy, tâm hạ hãn kết, mạch Vi, Nhược ấy, vốn có phần hàn vậy. Mà "lại" hạ đi, nếu lợi dứt hẳn làm nên chứng Kết hung. Lợi chưa dứt, qua bốn ngày lại hạ đi sẽ thành chứng "Hiệp nhiệt lợi".

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng Tiểu kết hung mà lại suy rộng ra cái lẽ tương thông của thượng hạ kinh khí.

khác hẳn với chứng Kết hung. Có biện rõ được như thế mới trị được chứng này.

### Tiết 6

傷寒六七日結胸熱實脈沈而緊心下  
痛按之石硬者大陷胸湯主之

Phiên âm: Thương hàn lục thất nhật, kết hung nhiệt thực, mạch Trầm nhi Khẩn, tâm hạ thống, án chi Thạch ngạnh giả, Đại hãm hung thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thương hàn 6, 7 ngày mà Kết hung uất thành nhiệt thực, mạch Trầm mà Khẩn, tâm hạ đau, ấn tay vào rắn như đá. Đại hãm hung thang chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Tiết này nói về chứng thương hàn có khi không vì hạ mà cũng thành Kết hung.

Đường Tôn Hải nói: "Hai chữ "nhiệt thực" ở đây nêu ra để tỏ cho biết lại còn có chứng "làm thực kết hung", không cùng chung một lệ này, sẽ nói rõ ở dưới. Y giả phải suy xét cho kỹ. Lại như mạch Khẩn, theo phương pháp ngày nay chỉ đoán là "hàn". Nên biết "Khẩn" là cái trạng thái giảo kết bách chiết (rút gấp, thắt chặt), vô luận là hàn hay nhiệt, hễ thuộc về những chứng bệnh có cái trạng thái giảo kết bách chiết... đều có thể hiện ra mạch ấy. Xem kỹ mạch pháp của Trọng sư sẽ rõ.

### Tiết 7

傷寒十餘日熱結在裡復往來寒熱者  
與大柴胡湯但結胸大熱者此為水結  
在胸脅也俱無但頭微汗出者大陷胸  
湯主之

Phiên âm: Thương hàn thập dư nhật, nhiệt kết tại Lý, phục vãng lai hàn nhiệt giả, dĩ Đại Sài thang, đản kết hung đại nhiệt giả, thủ vi thủy kết tại hung hiệp dã, câu vô đản đầu vi hàn xuất giả, đại hãm hung thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thương hàn qua hơn 10 ngày, nhiệt kết ở Lý. "lại" nóng lạnh qua lại. Nên cho uống bài Đại Sài hồ thang. Nếu chỉ kết hung, không có đại nhiệt, ấy là thủy kết ở hung hiệp. Chỉ trên đầu hơi có hãn ra, Đại hãm hung thang chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Tiết này nêu 3 trường hợp về chứng kết hung:

-Nếu nhiệt kết ở Lý, lại có "nóng lạnh qua lại" là chính khí còn muốn đạt ra ngoài thời nên dùng phương pháp giải cả Biểu và Lý. Dùng Đại Sài hồ thang.

-Nếu chỉ Kết hung, không có nóng lạnh qua lại, tức là thủy khí từ Bàng quang - Khí hải lên Kết ở hung hiệp, không phải là nhiệt kết, không dùng Đại hãm hung thang được.

-Nếu chỉ trên đầu hơi có hãn ra, đó là thủy kết mà còn kiêm cả hỏa chứng nữa, nên dùng bài Đại hãm hung thang để "đoạt" bỏ thủy và "tả" cả hỏa nữa.

Tóm lại, chứng của bài Đại Sài hồ là tà kết mà chính muốn ra. Chứng của bài Đại hãm hung là "thủy" kết mà "hỏa" không bốc.

### Tiết 8

太陽病重發汗而復下之不大便五六  
日舌上燥而渴日晡所小有潮熱從心  
下至少腹硬滿而痛不可近者大陷胸  
湯主之

Phiên âm: Thái dương bệnh trùng phát hàn nhi phục hạ chi, đại tiện ngũ lục nhật, thiết thượng táo nhi khát, nhật bô sở tiểu hữu triều nhiệt, tùng tâm hạ chí thiếu phúc ngạnh mãn nhi thống bất khả cận giả, Đại hãm hung thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Bệnh ở Thái dương đã nhiều lần phát hãn, mà lại hạ đi, không đại tiện (vì làm mất tân dịch), trải qua 5, 6 ngày, trên lưỡi "ráo" mà khát. Ngay lúc sẩm tối, có chút trào nhiệt. Từ dưới tâm đến Thiếu phúc rắn, đầy, đau, không thể gần tay vào được. Đại hãm hung thang chủ về bệnh ấy.

xuất, dư xử vô hạn, tế cảnh nhi hoàn, tiểu tiện bất lợi, thân tất phát hoàng dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương (nói về trúng phong) mạch Phù mà Động. Sắc. Phù thời là Phong, Sắc thời là nhiệt. Động thời là đau. Sắc thời là hư... đầu đau phát nhiệt, hơi có mồ hôi trộm mà lại "ổ hàn" ấy. Biểu chưa giải vậy. Y giả "lại" hạ đi, Động, Sắc biến ra Trì. Trong cách, khí cùng cự nhau mà đau, trong Vị trống không, khách khí động lên cách, khiến cho hơi thở ngắn, phiền nhiệt, trong tâm trạo trọc ấy, đều là khí của Thái dương hãm vào trong, phía dưới tâm bộ, vì thế mà rần, thời thành chứng Kết hung, chỉ trên đầu có hân ra, còn từ ngay cổ trở xuống không đầu có, tiểu tiện không lợi, khắp mình tất phát hoàng (vàng da).

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng Trúng phong vì hạ nhầm mà thành chứng Kết hung.

Đường Tôn Hải nói: "Mạch động nên đầu nhức, mạch phù nên phát nhiệt, Sắc là hư, nên đạo hân. Nếu hân là hư thì không ghét lạnh, giữ lại ghét lạnh thế là Biểu tà chưa giải mà không phải nội hư. Bệnh ở Biểu nên phát tán. Y giả không biết dùng phương pháp Biểu tán mà lại dùng phương pháp hạ, thời mạch Động, Sắc khoái lợi sẽ biến thành cái hiện tượng trì trệ... nhưng đó không phải là vì hư mà hàn mà mạch Trì, chỉ vì hạ rồi, làm cho ngăn cản cả mạch, khiến không thể khoái lợi. Mạch bị ngăn cản còn không thể ra, hướng hung cách là con đường đi lại của chính khí. Vì tà khí phạm vào, chính khí chống lại nên thành chứng cự thống. Nguyên chính khí sinh ra ở Khí hải, dẫn lên hung cách, càng phải nhờ cái khí ở trong Vị để đẩy ra mới có thể ra ngoài được, mà tà khí cũng không thể lấn vào. Giữ vì hạ, khiến cho trong Vị trống không, không thể nâng đỡ chính khí, khiến cho cái tà khách nhiệt mới được phạm vào trong cách, rồi hành động không ngừng, chính khí vì thế mới phải chống cự lại. Trong Cách là con đường của sự hô hấp, tà chính cũng cự nhau, thời con đường hô hấp không được thông lợi cho nên hơi thở ngắn, tà phạm vào trong thời sinh ra phiền, chính không ra được thời sinh ra táo. Phiền, táo quá lắm khiến trong tâm trạo trọc... Sở dĩ như thế vì cái nguyên khí của con người, phát sinh từ trong

thủy của Bàng quang thấu vào khí hải mà dẫn lên hung cách. Khí sinh ra bởi Thủy, bị tà cản lại, hoàn ở hung bộ, thời lại hóa làm thủy cùng kết hợp với tà nhiệt, thế là thủy hỏa cùng kết, tâm hạ nhân đó mà rần, mới thành chứng kết hung...

Nếu không kết hung thì con đường Cách ở trước hung thông lợi, thời khí dẫn lên, cho nên chỉ ở đầu có hân, còn các chỗ khác không có, là vì tà nhiệt do nơi bì mao chung quanh mình hãm vào trong Pí nhục, Cao du, khắp mình là Cao du, khí không ra được, nên không có hân. Nếu tiểu tiện lợi, thời thủy còn được thông xuống không hấp với nhiệt, tiểu tiện không lợi thời thủy ứ ở trong, tất phải hấp với nhiệt, do trong Pí nhục, Cơ tấu mà tiết ra ngoài, khắp mình sẽ hiện ra sắc vàng. Vậy, chứng "phát hoàng" là do tà nhiệt bị ngăn trở ở trong mô du khắp thân thể. Chứng hãm hung là do nhiệt bị hãm vào trong mô du ở trước hung. Hãm hung là chứng thủy với Hỏa, cùng kết, phát hoàng là chứng thủy với hỏa cùng hấp".

#### Đại hãm hung thang phương

### 大陷胸湯方

大黃 Đại hoàng 6 lượng (bỏ vỏ)

芒硝 Mang tiêu 1 thăng

甘遂 Cam toại 1 thìa

Dùng 6 thăng nước, trước đun Đại hoàng còn hai thăng, bỏ bã, cho Mang tiêu vào, đun sôi vài lần, bỏ bột Cam toại vào khuấy đều, uống nóng 1 thăng, được khoái lợi, thời không uống nữa.

Trần Sư Lượng nói: "Kết hung là một chứng Kết ở trong hung mà liên đến cả tâm hạ. Trong mình có cách là để ngăn cách dưới và trên. Cách cự được tà thì chỉ lưu ở Hung. Cách không cự được tà thời lưu ở Hung mà lấn tới cả Vị, Hung với Vị đều mắc bệnh mới thành chứng Kết hung. Nếu hung có tà mà Vị chưa bị tà, thời thành một chứng nửa Biểu nửa Lý là hung hiệp mãn. Nếu Vị bị tà mà hung không mắc thời lại là chứng Vị gia thực của kinh Dương minh... đều

Đại hãm hung hoàn phương

大陷胸丸方

- 大黃 Đại hoàng nửa cân
- 葶藶 Đình lịch nửa thăng (rang)
- 芒硝 Mang tiêu nửa thăng
- 杏仁 Hạnh nhân nửa thăng (bỏ vỏ, chóp)

Giã, rây hai vị rồi hợp với Mang tiêu, Hạnh nhân làm một, nghiền nát như bùn, trộn với bột viên bằng viên đạn. Lại lấy riêng bột Cam toại một thìa nhỏ, Bạch mật 2 hợp, nước hai thăng, đun cạn còn một thăng, uống hết một lần. Qua một đêm mới hạ. Nếu chưa hạ, lại cho uống thêm, được "hạ" mới thôi.

**Chú giải:** Trần Úy nói: "Cái mạch của Thái dương, dẫn lên đầu cổ, cái khí của Thái dương, bên trong ra từ hung cách, bên ngoài đạt ra bì mao, về phép điều trị, nên do hãn giải. Giờ không hãn mà lại hạ đi thì tà khí vì hạ nhầm mà kết ở khoảng hung cách. Chính khí cũng theo tà khí mà kết ở trong, không thể dẫn ra ngoài kinh mạch, đến nỗi kinh thân không thuận lợi mà đầu, cổ cứng cấp hiện ra cái chứng trạng như nhu kính phản trường (uốn cong mình như cái cung).

Dùng Đại hoàng, Mang tiêu có tính khổ hàn để bài tiết cái "hỏa nhiệt", Cam toại có tính khổ tân để công trực bỏ thủy khí. Phế chủ bì mao, khí của Thái dương cũng như chủ về bì mao. Phế khí lợi thì cái kết khí của Thái dương cũng theo đó mà lợi, nên dùng Đình lịch để lợi phế khí. Sở dĩ làm hoàn mà lại hợp với mật, là muốn cái sức mãnh liệt của thuốc không dẫn xuống quá gấp và cái chất độc của thuốc không thể làm hại lây đến Trường, Vị".

Tiết 4

結胸症其脈浮大者不可下下之則死

**Phiên âm:** Kết hung chứng kỳ mạch Phù Đại giả bất khả hạ, hạ chi tắc tử.

**Dịch nghĩa:** Chứng Kết hung nếu mạch Phù, Đại không thể hạ. Nếu hạ sẽ chết.

**Chú giải:** Mạch của chứng Kết hung, thốn bộ nên Phù, Quan bộ nên Trầm như trên đã nói. Giờ lại thấy Phù, Đại. Phù là ở ngoài, Đại là chính hư. Tà kết ở trong mà chính khí lại hư phù ra ngoài, nếu lại hạ khiến cho Lý khí bài tiết xuống, chính khí không còn nương tựa vào đầu, sẽ thành ngoại ly nội thoát, còn sống sao được.

Tiết này nói về chứng kết hung là do cái chính khí của Kinh Thái dương hợp với tà khí ở trong. Nếu mạch thấy Phù, Đại thế là tà thực cố kết ở trong, chính khí hư lại bị ngăn cách ra ngoài.

Đường Tôn Hải nói: "Chính là chủ mà khách là tà. Chính với tà cùng kết, thời là khách ở lại mà chủ vẫn còn, cho nên có thể công hạ. Nếu tà kết ở trong mà chính lại bị ngăn cản ở ngoài, thế là chủ nhân đã đi mà khách còn ở lại, cho nên không thể hạ".

Tiết 5

太陽病脈浮而動數浮則為風數則為熱動則為痛數則為虛頭痛發熱微盜汗出而反惡寒者表未解也醫反下之動數變遲膈內拒痛胃中空虛客氣動膈短氣煩躁心下懊懣陽氣內陷心下因硬則為結胸大陷胸湯主之若不結胸但頭汗出餘處無汗劑頸而還小便不利身必發黃也

**Phiên âm:** Thái dương bệnh mạch Phù nhi Động, Sác, Phù tác vi phong, Sác tác vi nhiệt, Động tác vi thống, Sác tác vi hư, đầu thống phát nhiệt, vi đạo hạn xuất, nhi phản ở hàn giả, biểu vi giải dã. Y phản hạ chi, Động, Sác biến trì, Cách nội cự thống, Vỵ trung không hư, khách khí động Cách, đoan khí phiến táo, tâm hạ áo nùng, Dương khí nội hãm, tâm hạ nhân ngạnh, tác vi kết hung, Đại hãm hung thang chủ chi, nhược bất kết hung, dẫn đầu hạn

hung. Kết hung là "âm" và "nhiệt" kết với nhau, chiếm cứ ở hung, cho nên đề tay vào đau, mạch Thốn Phù, Quan Trầm."

## Tiết 2

何謂臟結答曰如結胸狀飲食如故時  
時下利寸脈浮關脈小細沈緊名曰臟  
結舌上白胎滑者難治臟結無陽症不  
往來寒熱其人反靜舌上胎滑者不可  
攻也

**Phiên âm:** Hà vị tạng kết? Đáp viết: như kết hung trạng, ẩm thực như cố, thời thời hạ lợi, thốn mạch Phù, Quan mạch tiểu tế, Trầm Khẩn, danh viết tạng kết. Thiệt thượng bạch thai hoạt giả, nan trị. Tạng kết vô Dương chứng, bất vãng lai hàn nhiệt, kỳ nhân phản tĩnh, thiệt thượng thai hoạt giả, bất khả công dã.

**Dịch nghĩa:** Sao gọi là tạng kết? Đáp rằng: Bên ngoài trạng thái như kết hung, ăn uống như thường (hung tuy không kết mà âm tà nghịch lên tâm hạ, nên bên ngoài hình như kết hung, mà bên trong phát sinh bởi kinh thiếu âm, không giống chứng kết hung, phát ra ở Kinh Thái dương, không can thiệp gì đến hung, Vj, nên mới ăn uống như thường...), thỉnh thoảng hạ lợi, mạch ở thốn bộ Phù, ở Quan bộ tiểu, Tế và Trầm, Khẩn... gọi là tạng kết. Nếu trên lưỡi có rêu trắng và trơn nhẵn... khó chữa (vì âm hàn thịnh ở dưới mà Quân hỏa suy ở trên nên khó chữa). Tạng kết không có Dương chứng không nóng lạnh qua lại, bệnh nan lại yên lặng, trên lưỡi thai trơn, không thể công được.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Tạng kết là nói về chứng Kết ở Giáp thất trong Mô du, tức là Huyết thất, là Đơn điền. Cùng với chứng đàn bà tạng táo ở trong Kim-quỹ... đều chỉ vào đấy, chứ không phải phiếm chỉ cả năm tạng. Huyết thất hoặc Bào thất, cái mô du của nó trên liên với Hung hiệp, dưới thông với Đại trường cho nên hiện ra chứng hậu thường hạ lộn thế là đã đem cả hai phương diện để tỏ rõ ra cái địa điểm của chứng tạng Kết. Phàm huyết thất có nhiệt, thời phát sinh ra ở khoảng Mô du mà thành chứng nóng lạnh qua lại".

"Trọng sư viết ra chương này là để kể rõ hết các chứng "Kết" ở hung cách, hiệp mô, hạ tiêu, Du mô và Đơn điền. Mà cái đường mô võng ở khắp mình thật đã rõ như xem xét chỉ bàn tay, học giả phải nên lưu ý.

Kinh Thiếu âm ở trên là Hỏa, ở dưới là thủy mà khí thì cùng giao hội ở Dương minh trung thổ cho nên mạch hiện ra Quan bộ thì Trầm không khác với chứng Kết hung mà Tiểu, Tế, Khẩn thì thuộc về tạng âm hư hàn kết, là một hiện tượng riêng có của chứng ấy.

## Tiết 3

病發於陽而反下之熱入因作結胸病  
發於陰而反下之因作痞所以成結胸  
者以下之太早故也結胸者項亦強如  
柔痙狀下之則和宜大陷胸丸方

**Phiên âm:** Bệnh phát ư Dương nhi phản hạ chi, nhiệt nhập, nhân tác kết hung, bệnh phát ư âm nhi phản hạ chi, nhân tác Bĩ, sở dĩ thành kết hung giả, dĩ hạ chi thái tảo cố dã. Kết hung giả, hạng diệp cường như Nhu kính trạng, hạ chi tác hòa, nghi Đại hãm hung hoàn phương.

**Dịch nghĩa:** Bệnh phát ra ở bộ phận Dương mà lại hạ đi, nhiệt tà thừa hư mà vào, nhân thành ra bệnh Kết hung. Bệnh phát ra ở bộ phận Âm mà lại hạ đi, nhân đó thành ra chứng Bĩ (tả nếu Kết ở dưới thời đã thành chứng tạng kết rồi, giờ không kết ở tạng, mà kết ở tâm hạ, vì thế thành ra chứng Bĩ. Bĩ chứng phát ra ở Âm phận, vốn không có phép công hạ). Sở dĩ gây nên chứng Kết hung, cố cũng cứng giống như chứng Nhu kính. Hạ đi thì sẽ hòa. Nên dùng bài Đại hãm hung hoàn.

**Chú giải:** Trường Tiền Đường nói: "Đây nói về cái nguyên nhân của chứng tạng kết và Kết hung. Mà ở trong chứng tạng kết lại nói rộng thêm chứng Bĩ kết. Cho biết chứng Bĩ cũng phát ra ở âm phận. Duy khác với chứng Tạng kết đó là: chứng tạng kết, kết ở dưới mà chứng Bĩ kết thời kết ở trên. Kết ở dưới thời cảm cái khí âm hàn ở hạ tiêu, Kết ở trên thời cảm cái khí hỏa của thượng tiêu Quân hòa.

"Phát cuồng, tiểu phúc rắn và đầy, tiểu tiện tự lợi" hoặc lại còn thêm có chứng "phát hoang", nếu xét thấy: tiểu tiện không lợi, ấy là khí của Bàng quang không hóa, nếu tiểu tiện tự lợi, là vì ứ ở hạ tiêu không dẫn hành được. Vì đây là một bài khó dùng mà lại không thể bỏ, nên lại phải nói thêm cho rõ nghĩa. Nhưng đó chỉ là một phương pháp chung của hai bài Để đáng thang và hoàn. Thấy lại nên thêm cái phương pháp cho bài Để đáng hoàn, phải chú ý ở hai chữ "có nhiệt". Vì nhiệt ở ở Lý mà vẫn còn nung nấu ra ngoài, tiểu phúc lại đầy, tiểu tiện vốn không lợi mà lại hóa ra tự lợi... Chứng hậu nặng hơn, phép trị cũng không thể trị hoàn, cho nên biến thang làm hoàn, để cho khí vị hòa hợp dần dà, dẫn tới nơi bệnh... Uống cả bã, mà chỉ uống có một hoàn. Đúng ít có thể thắng được nhiều, bệnh khỏi mà chính khí cũng không bị hại lây, thật là chu đáo".

### TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm ba tiết đều luận trị về chứng ứ huyết. Đào nhân thừa khí thang nên cho vào trước ba điều này. Đào nhân thừa khí thang và Để đáng thang, hoàn cũng là thuốc phá ứ nhưng bên nặng, bên nhẹ khác nhau. Một bên nói "bệnh nhân như cuồng", một bên nói "bệnh nhân phát cuồng". Một bên nói "nhiệt vào Bàng quang", một bên nói "nhiệt ở hạ tiêu". Một bên nói "thiếu phúc cấp kết", một bên nói "thiếu phúc rất đầy". Huyết bên này còn có khi "tự hạ" mà khỏi, nếu không hạ mới dùng Đào nhân thừa khí thang, huyết bên kia tất phải dùng thuốc công kiên, phá ứ mới được.

### PHỤ LỤC

#### 附錄

太陽病小便利者以飲水多必心下悸  
小便少者必苦裡急也

**Phiên âm:** Thái dương bệnh tiểu tiện lợi giả, dĩ ẩm thủy đa tất tâm hạ quý, tiểu tiện thiếu giả, tất khổ lý cấp dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, tiểu tiện lợi vì uống nước nhiều, tất phải có chứng "Quý" ở phía dưới tâm bộ, nếu tiểu tiện ít tất phải khổ vì Lý cấp.

**Chú giải:** Tiết này nói thêm để tỏ cho biết không riêng gì chứng Súc huyết mới có chứng tiểu tiện lợi hay không lợi.

Đường Tôn Hải nói: "Tiết trên nói về "tiểu tiện lợi hay không lợi", chia ra làm "có huyết hay không có huyết". Tiết này lại đem chứng "tiểu tiện lợi hay không lợi", chia ra "nước ở trên hay ở dưới"... Đại khái nói: tiểu tiện lợi là thủy không kết ở dưới, vì uống nước quá nhiều, tất đọng lại khoảng hung cách, có thể phạm lên tâm hỏa mà làm thành chứng tâm hạ quý". Ấy là thủy ở trên nên Bàng quang không lý cấp. Còn như tiểu tiện không lợi là vì uống nước nhiều, nước không đọng ở hung cách, tất phải xuống kết ở Bàng quang, không phạm lên tâm khiến cho "âm hạ quý", tất phải có cái chứng khổ về nỗi "Lý cấp".

### CHƯƠNG III

#### Tiết 1

問曰病有結胸臆結其狀何如答曰按之痛寸脈浮關脈沈名曰結胸也

**Phiên âm:** Vấn viết: Bệnh hữu kết hung, tạng kết kỳ trạng hà như? Đáp viết: Án chi thống, thốn mạch Phù, Quan mạch Trầm, danh viết kết hung dã.

**Dịch nghĩa:** Hoặc hỏi: bệnh lại có chứng kết hung, chứng tạng kết... Bệnh trạng như thế nào? Đáp rằng: Án tay vào đau, thốn mạch Phù, Quan mạch Trầm gọi là Kết hung.

**Chú giải:** Trương Tiễn Đường nói: Chương này bàn về chứng kết hung, tạng kết, Bì khí... Tiết này nói về mạch, chứng của chứng Kết



nên không nói nhiệt kết ở Bàng quang mà nói: "lại không kết hung", nhiệt ở Hạ tiêu... Vì, Hạ tiêu tức là nơi mạch Xung, Nhâm phát sinh. Xung mạch khởi từ Khí nhai, Nhâm mạch khởi từ dưới Trung cực rồi lên mao tế. Mạch ấy cũng ở Tiểu phúc. Cho nên chứng trước nói: "cấp kết ở tiểu phúc", chứng này nói: "tiểu phúc rắn và đầy". Hai chữ "cấp kết" là hình dung cái trạng thái muốn thông xuống, không cần phải công cho nên nói: "Hạ được sẽ khỏi..." mà chỉ dùng bài Đào nhân thừa khí thang, cũng đủ rồi. Ở đây nói "rắn và đầy" không có một trạng thái gì tỏ ra rằng muốn "hạ xuống" cho nên không nói "huyết tự hạ" mà nói "hạ được huyết sẽ khỏi"... nghĩa là có dùng phép công mới hạ được. Ấy, hai bài, 2 chứng khác nhau là như thế.

Lại nói: "Bệnh ở Thái dương qua 6, 7 ngày gặp ngay thời kỳ chủ khí của kinh Thái dương. Biểu chứng vẫn còn, mạch nên Phù, giờ lại Vi mà Trầm... ấy là khí theo kinh lạc mà trầm phạm vào trong. Phạm vào hung thời thành kết hung, giờ lại không kết hung, biết là biểu tà do hung mà vào rồi dẫn xuống âm phân, Âm không thắng Dương, nên phát cuồng, nhiệt ở hạ tiêu nên tiểu phúc "cứng và đầy". Cứng và đầy mà tiểu tiện tự lợi, biết là không ở khí phạm vô hình mà ở huyết phạm hữu hình. Trong bài dùng Thủy diệt, Manh trùng, một giống bay một giống lặn, đều là loài "hút máu" cả. Hợp với Đào nhân, Đại hoàng để hành huyết, hạ huyết, còn "kết", "ứ" nào ngăn cản được nữa".

## Tiết 2

太陽病身黃脈沈結少腹硬小便不利者為無血也而小便自利其人如狂者血症諦也抵當湯主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh thân hoàng, mạch Trầm Kết, thiếu phúc ngạnh, tiểu tiện bất lợi giả vi vô huyết dã, nhi tiểu tiện tự lợi kỳ nhân như cuồng giả, huyết chứng đế dã, Đế đáng thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương, thân thể vàng, mạch Trầm Kết, thiếu phúc rắn, tiểu tiện không lợi... Ấy là vì không có huyết. Nếu tiểu tiện lợi, bệnh nhân như phát cuồng, dịch xác là huyết chứng rồi. Đế đáng thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói rõ thêm nghĩa câu "tiểu tiện tự lợi" ở tiết trên

Dụ Gia Ngôn nói: "tiết này là một phương pháp ở trong pháp, tỏ cho người sau biết rằng Huyết chứng là một chứng nặng. Đế đáng là một bài thuốc nặng. Nếu xét chứng không rõ, không nên dùng mà dùng nhằm cùng với nên dùng mà không dùng, sự thành bại sẽ như trở bàn tay. Nên không hiềm trùng lặp, lại nói thêm ra như vậy".

## Tiết 3

傷寒有熱少腹滿應小便不利今反利者為有血也當下之不可餘藥宜抵當丸

**Phiên âm:** Thương hàn hữu nhiệt, thiếu phúc mãn, ứng tiểu tiện bất lợi, kim phản lợi giả, vi hữu huyết dã, đương hạ chi bất khả dư dược, nghi Đế đáng hoàn.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn có nhiệt, thiếu phúc nên đầy (vì bao nhiệt đều dồn xuống cả thiếu phúc), tiểu tiện vốn không lợi, giờ lại "lợi", ấy là vì có huyết vậy. Nên dùng phép hạ đi. Phải uống hết, không nên để thừa. Nên dùng bài Đế đáng hoàn.

**Chú giải:** Tiết này đổi thang làm hoàn, phân lượng rất nhẹ mà lại uống luôn cả bã, lại là một phép riêng.

### Đế đáng hoàn phương

#### 抵當丸方

水蛭	Thủy diệt	20 con (rang)
蠪蟲	Manh trùng	20 con (rang, bỏ cánh)
桃仁	Đào nhân	25 hạt (bỏ vỏ, chóp)
大黃	Đại hoàng	3 lượng (tẩm rượu)

Nghiễn bột làm thành bốn hoàn. Dùng một thăng nước, đun một hoàn còn bảy phân uống. Một lát sẽ hạ huyết. Nếu huyết vẫn không hạ lại uống hoàn nữa. Trần Tu Viên nói: "...Chứng của bài Đế đáng:

太陽病六七日表症仍在脈微而沈反  
 不結胸其人發狂者以熱在下焦小腹  
 不當硬滿小便自利者下血乃愈所以然  
 者以太陽隨經瘀熱在裡故也抵當湯  
 主之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh lục thất nhật biểu chứng nhưng tại, mạch Vi nhi Trầm, phản bất kết hung, kỳ nhân phát cuồng giả, dĩ nhiệt tại hạ tiêu, tiểu phúc dương ngạnh mãn, tiểu tiện tự lợi giả, hạ huyết nãi dư, sở dĩ nhiên giả, dĩ Thái dương tùy kinh, ứ nhiệt tại lý cố dã. Để đáng thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương 6, 7 ngày, Biểu chứng vẫn còn, mạch Vi mà Trầm "lại" không "kết hung", bệnh nhân phát cuồng ấy, bởi nhiệt hạ tiêu, tiểu phúc nên cứng và đầy, tiểu tiện tự lợi, hạ bỏ huyết sẽ khỏi. Sở dĩ như thế vì Thái dương theo Kinh và ứ nhiệt ở lý. Dùng Để đáng thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Chứng bệnh ở tiết này, với chứng bệnh bài Đào hạch thừa khí thang không giống nhau. Chứng kia nhẹ mà chứng này nặng. Chứng kia là nhiệt kết ở Bàng quang bởi cái tà ở Thái dương cơ tấu do mạch đường xương sống mà xuống kết ở Bàng quang; chứng này là ứ nhiệt ở Lý, bởi cái tà ở Thái dương phu biểu, do hung trung mà xuống kết ở thiếu phúc.

Đường Tôn Hải nói: "... Cuồng là thực chứng nhưng chỉ là huyết thực ở âm phân, không phải là khí thực ở Dương phân. Kim quỹ nói: "Dương khí hư là bệnh cuồng", ấy là nói "cuồng thuộc về huyết thực ở Âm phân, mà cái khí của Dương phân lại tỏ ra hư. Đây, nói về mạch hư, cũng chính là khí hư ở Dương phân chứ không phải là bệnh ở khí phân dương. "Mạch Trầm", nên bệnh ở "Lý" là diễn theo "chứng Thái dương" ở văn trên. Khí của Thái dương ra từ trong hung, mạch nên thấy ở Lý, và nên kết hung, giữ lại không ở trong Cách mô trên thượng tiêu phía trước hung... không biến ra chứng kết hung mà lại phát cuồng. Nội kinh nói: "Huyết ở dưới cuồng...", vì nhiệt ở Giáp thất trong Mô vòng dưới hạ tiêu - tức là Huyết thất". Huyết kết thành ra tử

phách, phách làm loạn hỗn, nên mới phát cuồng. Phía sau Huyết thất liền với Đại trường, phía trước liền với Bàng quang, ở ngay vào khoảng giữa tiểu phúc, cho nên "tiểu phúc nên cứng và đầy". Giờ tiểu tiện "tự lợi" biết là không ở Bàng quang mà ở Huyết thất, nên phải dùng phép công hạ kết huyết, khiến do trực đạo ở Đại trường mà ra, mới khỏi. Sở dĩ như thế là vì các Du mô ở Huyết thất, ở trên liền với Bản du mà bám vào sống lưng. Đường "kinh" của Thái dương do sống lưng mà vào phía trong huyết thất, không do từ hung mà vào cho nên không thành chứng kết hung, không ở trong Bàng quang, cho nên tiểu tiện tự lợi.

**Để đáng thang phương**

**抵當湯方**

水蛭	Thủy điệt	30 con (xào cho khô)
蟅蟲	Manh trùng	25 con (bỏ cánh)
桃仁	Đào nhân	30 hạt (bỏ vỏ, chóp)
大黃	Đại hoàng	3 lượng (tẩm rượu)

Thái nhỏ như hạt vừng, dùng 5 thăng nước đun còn 3 thăng, uống nóng một thăng. Huyết chưa xuống, lại uống.

**Chú giải:** Trương Lệnh Thiệu nói: "Thái dương có kinh với khí, ngoài với Biểu khác nhau. Chứng của bài Đào nhân thừa khí là nhiệt kết ở Bàng quang. Bởi cái tà ở ngoài cơ tấu của kinh Thái dương, do đường xương sống dẫn xuống kết ở Bàng quang. Cho nên nói: "nếu ngoài chưa giải còn chữa nên dùng phép công". Cơ tấu tức là ngoài vậy. Chứng của bài Để đáng, ứ nhiệt ở trong, bởi tà ở ngoài phu biểu của kinh Thái dương do trong hung mà xuống kết ở tiểu phúc. Biểu khí thông vào hung. Cho nên nói: Biểu chứng hãy còn, lại chẳng kết hung". Bì mao tức là biểu vậy. Bởi cái khí của Thái dương do đường xương sống mà chẳng xuống Bàng quang. Bệnh ở kinh, bệnh tà do lưng mà vào kết ở Bàng quang (đã nói rõ ở bài Đào nhân thừa khí) mà khí bệnh biểu tà do Hung mà vào, không dây đáng gì đến Bàng quang cho

ấy bởi quá phát hân, khiến Dương khí vi, khí ở trong cách hư, mạch mới hiện ra Sác. Sác là khách nhiệt (nhiệt từ ngoài đến), không hay tiêu cốc, vì trong Vị hư lạnh, nên mới thổ.

**Chú giải:** Tiết này nói về vì không dùng phép thổ mà đến nổi thổ. Đường Tôn Hải: "Chứng này với chứng "trong Vị không hư, khách khí làm động cách..." ở Kim Quy cùng một nghĩa. Bởi "Dương khí vi" tức là chỉ khí của Dương minh Vị vi. "Cách" tức là Cách mô ở trung Hung, thông với Vị quản. Cách mô do trước hung, thông lên tâm bào. Tâm hỏa sơ dĩ sinh ra được thổ đều do tâm bào truyền vào Cách mô, để hun nấu các thực phẩm ở trong Vị. Tâm lại chủ về huyết mạch. Tâm thể rung động luôn luôn, mạch cũng ứng theo đó mà rung động. Giữ vì Cách khí hư, Tâm hỏa không thể sinh ra Vị thổ mà khách khí thừa hư lên vào trong Cách làm nhiễu loạn huyết mạch của tâm chủ, nên mới hiện ra mạch Sác. Vậy, cái mạch Sác đó, không phải là do cái "bản nhiệt của Dương minh Vị, mà chỉ là cái "khách nhiệt" từ ngoài thừa hư lấn vào Cách mà thôi. Khách nhiệt ở Cách, không ở trong Vị, nên trong Vị vẫn còn hư lạnh, mà sinh chứng thổ".

#### Tiết 4

太陽病過經十餘日心下溫溫欲吐而胸中痛大便反澹腹微滿鬱鬱微煩先此時自極吐下者可與調胃承氣湯若不爾者不可與但欲嘔胸中痛微澹此非柴胡證以嘔故知極吐下也

**Phiên âm:** Thái dương bệnh quá kinh thập dư nhật, tâm hạ ôn ôn dục thổ nhi hung trung thống, đại tiện phản đưỡng, phúc vi mãn, uất uất vi phiền, tiên thử thời tự cực thổ, hạ giả, khả dĩ Điều Vị thừa khí thang, nhược bất nhĩ giả bất khả dĩ, đản dục ấu, hung trung thống, vi đưỡng, thử phi Sài hồ chứng, dĩ ấu cố tri cực thổ hạ dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương đã qua kinh, hơn 10 ngày, dưới tâm nôn nao, muốn thổ mà trong hung đau. Đại tiện lại nát, phúc bộ hơi

đầy, uất uất hơi phiền, trước đây (khoảng 10 ngày), như rất muốn thổ, muốn hạ... Có thể cho uống Điều Vị thừa khí thang. Nếu không như thế, không thể cho uống. Nếu chỉ muốn ụa, trong hung đau, đại tiện hơi nát, ấy không phải là chứng của bài Sài hồ. Vì ấu nên biết là do thổ hạ quá độ.

**Chú giải:** Tiết này nói về bệnh chứng "nghị, tự" (ngờ như thế, tựa như thế) mà xét tới cái bệnh tình "muốn thổ, muốn hạ" làm chủ, để định phương pháp điều trị.

Chứng này nôn nao muốn thổ, không giống với chứng hay ụa của bài Sài hồ. Trong hung đau, bụng đầy, đại tiện nát, khác với chứng hung hiệp khổ mãn của bài Sài hồ. Bởi vì trước đây, thổ hạ quá độ, khiến cho tà nhiệt lưu trệ ở bộ phận hung phúc biến sanh các chứng, cho nên dùng Điều Vị thừa khí, thực không phải là chứng của Sài hồ thang. Chứng ụa của Sài hồ thang, được thổ tất tự lạnh. Thổ rồi vẫn ụa, nên biết là thổ hạ quá độ.

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 4 tiết luận về sau khi hạn, thổ biến chứng. Bệnh ở Biểu, phép không nên thổ. Thổ thì tân dịch trong Vị bị thương mà Vị nhiệt khiến cho đói không ăn được, hoặc ụa ăn vật lạnh, hoặc nội phiền không muốn mặc áo, lâu thời Vị phủ hư nhược, thời sớm ăn, thì thổ ra. Nếu làm thổ mà lại làm hạ, làm cho tân dịch trong Vị khô ráo kết thành thực mà thủy dịch lại theo bên cạnh mà chảy xuống, sinh đau trong hung, bụng đầy, tiện nát, nôn nao muốn thổ, lại nên dùng Đại hoàng, Mang tiêu, Cam thảo, hạ chút ít. Đó là nhân nhằm dùng thổ mà gây ra. Nếu phát hạn thái quá, khiến cho thổ ôn dần hết ra biểu, lý hàn, trong Vị hư lạnh mà thổ thì không thể hạ.

## CHƯƠNG II

### Tiết 1

Nhược, âm hư sinh khát, giả sử có biểu chứng, mạch Phù phát nhiệt nên châm chức cho hán giải. Tồi kỵ dùng hỏa bức bách cho ra mồ hôi, đó là hỏa nghịch thương âm. Nếu dùng hỏa bức bách cho ra mồ hôi, thể ôn bị bức ra quá nhiều, dương khí phi việt, chứng thấy kinh cuồng, nằm dậy không yên, hoặc phiền táo, hoặc phát Bôn đôn, nên chọn các loại thuốc liễm dương, trấn kinh, tán tà, bổ hư để cứu nghịch như Quế chi, Sinh khương, Thục tất, Cam thảo, Đại táo, Long cốt, Mẫu lệ, Thược dược... Chứng hỏa nghịch vong dương, bổ Thược dược.

### Thiên A3

#### CHƯƠNG 1

##### Tiết 1

太陽病當惡寒發熱今自汗出不惡寒  
發晔關上脈細數者以醫吐之過也一  
二日吐之者腹中饑口不能食三四日  
吐之者不喜糜粥欲食冷食朝食暮吐  
以醫吐之所致也此為小逆

**Phiên âm:** Thái dương bệnh đương ố hàn phát nhiệt, kim tự hạn xuất bất ố hàn, phát nhiệt, Quan thượng mạch tế, Sác giả, dĩ y thổ chi quá dã. Nhất nhị nhật thổ chi giả, phúc trung cơ, khẩu bất năng thực, tam tứ nhật thổ chi giả, bất hỷ mê chúc, dục thực lãnh thực, triệu thực mộ thổ dĩ y thổ chi sở trí dã, thử vi tiểu nghịch.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương nên ghét lạnh, phát nhiệt, giờ tự ra mồ hôi, không ghét lạnh, phát nhiệt, mạch trên bộ Quan tế, Sác. Đó là cái lỗi của y gia dùng phép thổ vậy. Bệnh 1, 2 ngày mà dùng phép thổ, trong bụng đói, miệng không ăn được. Bệnh qua 3, 4 ngày mà dùng phép thổ, không ưa cả cháo loãng, lại muốn ăn thức lạnh, nhưng sớm ăn tối lại thổ, ấy là vì y gia dùng phép thổ gây nên. Đó gọi là tiểu nghịch.

**Chú giải:** Tiết này nói mồ hôi ra, biểu giải, mà chứng ghét lạnh chưa trừ, vì thổ thương tân dịch, cho nên trên bộ Quan mạch Tế, Sác. Bệnh cạn mà làm thổ đi, đưa đến chứng Vị nhiệt, cho nên nói không ăn được. Bệnh sửu mà làm thổ đi đưa đến tình trạng Vị sung huyết, cho nên muốn ăn đồ lạnh, nhưng do thổ mà cơ năng của Vị suy giảm cho nên sáng ăn, chiều thổ.

##### Tiết 2

太陽病吐之但太陽病當惡寒今反不  
惡寒不欲近醫者此為吐之內煩也

**Phiên âm:** Thái dương bệnh thổ chi, đản Thái dương bệnh đương ố hàn, kim phản bất ố hàn bất dục cận y giả, thử vi thổ chi nội phiền dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương cho thổ đi. Bệnh ở Thái dương vốn nên ghét lạnh, giờ lại không ghét lạnh, không muốn mặc áo, ấy là vì thổ mà thành chứng nội phiền (vì thổ làm thương đến tâm chủ ở thượng tiêu, nên thành chứng này).

**Chú giải:** Tiết này nói: vì thổ không những làm thương đến khí của Tỳ, Vị ở trung tiêu mà cũng có thể làm thương đến khí Quân chủ ở thượng tiêu.

##### Tiết 3

病人脈數數為熱當消穀引食而反吐  
者此以發汗令陽氣微膈氣虛脈乃數  
也數為客熱不能消穀以胃中虛冷故  
吐也

**Phiên âm:** Bệnh nhân mạch Sác, Sác vi nhiệt, dương tiêu cốc, đản thực nhi phản thổ giả, thử dĩ phát hạn linh Dương khí vi, cách khí hư, mạch nãi Sác dã. Sác vi khách nhiệt, bất năng tiêu cốc dĩ Vị trung hư lãnh cố thổ dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh nhân mạch Sác, Sác là nhiệt, nên tiêu cốc (thực phẩm ăn vào tiêu hết ngay - có chỗ gọi là Sát cốc), đòi ăn, mà lại thổ.

**Phiên âm:** Hỏa nghịch hạ chi nhân thiêu châm phiên táo giả Quế chi, Cam thảo, Long cốt, Mẫu lệ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Chứng hỏa nghịch (vì dùng hỏa nhầm, có cái chứng trạng giống với bệnh Vệ thực), nhầm hạ đi, nhân lại thiêu châm, gây nên phiên táo (hạ đã làm mất âm ở Lý, thiêu châm lại làm bức cái Dương hư, âm dương chia rẽ nhau, thành ra) phiên táo. Dùng bài Quế chi, Cam thảo, Long cốt, Mẫu lệ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này là vì chứng "hỏa nghịch", "phiên táo" mà lập ra phương trị để giao thông tâm thận.

Quế chi, Cam thảo, Long cốt, Mẫu lệ thang

桂枝 甘草 龍骨 牡蠣 湯

桂枝 Quế chi 1 lượng

甘草 Cam thảo 2 lượng

牡蠣 Mẫu lệ 2 lượng

龍骨 Long cốt 2 lượng

Tán bột, dùng 5 thăng nước, đun còn 2 thăng rưỡi, bỏ bã, uống nóng 8 hợp, ngày uống ba lần.

**Chú giải:** Trần Úy nói: bệnh ở Thái dương, vì dùng thiêu châm mà gây nên chứng hỏa nghịch rất nhiều. Người đời nay không dùng thiêu châm mà thường vẫn thấy phát ra chứng hỏa nghịch, ấy là bởi cái bọn Bào khương, Chế phụ, Kinh giới, Phòng phong, Khương hoạt, Độc hoạt... nó bức bách gây nên hỏa nghịch thời Dương gắng ở trên, nếu vội hạ đi thời âm lại hãm ở dưới. Dương gắng ở trên không gặp được âm mà thành chứng Phiên, Âm hãm ở dưới không được gặp Dương mà thành chứng táo, cho nên dùng Long cốt, Mẫu lệ là loài thủy tộc chèn bớt cái "gắng" xuống để cho nó giao với câu, dùng Quế chi là một vị có tính chất tân ôn, mở đường cho âm khí để lên giao với Dương. Lại hay nhất là dùng vị Cam thảo tới 2 lượng giúp ích Trung tiêu khiến cho

cáo khí Âm dương ở trên dưới cùng giao thông ở nơi trung thổ mà chứng phiên táo sẽ khỏi.

Tiết 11

太陽傷寒者加溫針必驚也

**Phiên âm:** Thái dương thương hàn giả, gia ôn châm tất Kinh dã.

**Dịch nghĩa:** Bệnh thương hàn ở Thái dương nếu dùng ôn châm tất sinh ra Kinh.

**Chú giải:** Nếu bệnh ở kinh mạch nên dùng châm thích, bệnh ở Biểu, ở Cơ thời nên phát hàn, nên giải cơ. Nếu nhầm dùng ôn châm làm thương đến kinh mạch thời thần khí ở kinh mạch phủ việt ra ngoài mới gây nên chứng Kinh" (Trần Tu Viên)

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 11 tiết nói cái hại về dùng phép hỏa công. Thái dương biểu chứng vốn nên cho hàn giải. Nếu dùng phép cứu, xông, thiêu châm, chườm... tuy muốn lấy nhiệt công hàn mà nhiệt bị hỏa bức, không tiết ra ngoài được, trở lại chạy vào trong biến sanh các chứng. Phạm như thế gọi là hỏa nghịch. Chứng hỏa nghịch, nhân người bệnh, thể chất khác nhau, mà biến chứng cũng có thương âm, vong dương và thủy độc uất tích không giống nhau. Nếu dùng hỏa bách kiếp cho mồ hôi ra, tân dịch bị thương, chuyển thuộc nhiệt hóa, chứng thấy miệng khát, phiên táo, mình khô, phát vàng, đầu ra mồ hôi, ụ nghịch, thất lưng trở xuống không có mồ hôi, tiểu tiện khó, đại tiện bí, bụng đầy mà suyễn, nặng thì nói xàm, ọe nghịch, táo nhiều, sờ áo, men giường, nhiệt tà phạm vào trong, từ nhẹ đến nặng, tân dịch chưa cạn, tiểu tiện lợi, còn có thể trị được. Thời kỳ đầu, hoặc được tự lợi mà lạnh. Nếu hỏa tà bức huyết đi lên thời hồng khô, thổ huyết, bức huyết đi xuống thì đại tiện ra huyết, huyết dịch trong mạch bị đốt, thời sém xương, thương gân, mồ hôi không ra, thủy độc ủng trệ thì thất lưng nặng mà tê. Nếu tân dịch chưa bị thương hết, chánh khí còn có thể đuổi tà ra được, có thể tự ra mồ hôi mà lạnh. Do đó, biết người mạch

dùng bài Thuốc được Cam thảo thang may ra 10 người còn cứu được 1.  
2.

### Tiết 8

汗  
脈浮宜其解用火灸之邪無從出因火而盛病從腰以下必重而痺名火逆也欲自解者必當先煩乃有汗而解何以知之脈浮故知汗出解也

Phiên âm: Mạch Phù nghi kỳ hạn giải, dụng hỏa cứu chi, tà vô tung xuất, nhân hỏa nhi thịnh, bệnh tông yếu dĩ hạ tất trọng nhi lý, danh hỏa nghịch dã. Dục tự giải giả, tất đương tiên phiền, nãi hữu hạn nhi giải, hà dĩ tri chi, mạch Phù cố tri hạn xuất giải dã.

Dịch nghĩa: Mạch Phù nên dùng phép hàn giải. Nếu dùng hỏa để cứu, tà không lối ra, lại nhân cái thể của hỏa mà càng thịnh, bệnh sẽ từ thất lưng trở xuống, tất phải nặng nề mà tê, tức gọi là hỏa nghịch. Nếu muốn tự giải, tất trước phải phiền, bây giờ mới có hãn mà giải. Sao lại biết được? Vì Mạch Phù nên biết là hãn ra sẽ khỏi.

Chú giải: Tiết này nói về bệnh tình sau khi nhầm dùng hỏa và cái mạch chứng có thể tự khỏi trước khi chưa dùng phép cứu.

### Tiết 9

燒針令其汗針處被寒核起而赤者必發奔豚氣從少腹上衝心者灸其核上各一壯與桂枝加桂湯更加桂二兩

Phiên âm: Thiêu châm lĩnh kỳ hạn, châm xứ bị hàn, hạch khởi nhi xích giả, tất phát Bôn đồn, <sup>khí</sup>tùng thiếu phúc thượng xung tâm giả, cứu kỳ hạch các nhất tráng, dĩ Quế chi gia Quế thang cánh gia Quế nhị lượng.

Dịch nghĩa: Dùng Thiêu châm (kim nung lửa) khiến cho hãn ra. Chỗ châm bị hàn, sưng lên tia đỏ, tất phát ra chứng Bôn đồn, khí từ thiếu phúc xung lên tâm, cứu trên chỗ sưng 1 tráng, cho uống bài Quế chi gia Quế thang, lại gia thêm Quế 2 lượng.

Chú giải: Tiết này nói về cái hàn bên ngoài làm ngăn cản cái hỏa ở trong mà dùng cái phương pháp "hỏa uất thời phát ra" vậy.

Uông Linh Hữu nói: "Đây là nói về chứng của kinh Thái dương, trước khi chưa phát nhiệt, nhằm dùng thiêu châm, mở rộng tấu lý, đến nỗi để cho hàn khí lọt vào tạng... nên mới dùng bài thuốc này. Nếu ở trong sẩn có nhiệt uất mà hiện ra chứng phiền táo... lại khác hẳn cái trường hợp như bệnh trên.

### Quế chi gia Quế thang phương

#### 桂枝加桂湯方

桂枝 Quế chi 3 lượng

芍藥 Thược dược 3 lượng

生薑 Sinh khương 3 lượng

甘草 Cam thảo 2 lượng

大棗 Đại táo 12 quả (bửa, bỏ hạt)

牡桂 Mẫu quế 2 lượng

Dùng 7 thăng nước đun còn 3 thăng, bỏ bã, uống nóng một thăng.

Trần Úy nói: Kinh Thiếu âm, trên là hỏa mà dưới là thủy, hỏa suy mà thủy lấn lên, nên phát ra chứng Bôn đồn, cho nên dùng bài Quế chi, lại gia thêm Quế, khiến cho Quế được thi triển hết cái lực lượng của mình. Trên cơ thể giữ được cái "hỏa tạng" của Thiếu âm, dưới cơ thể làm ấm được cái "thủy tạng" của Thiếu âm. Chỉ một vị mà chủ trương được cả hai phương diện rất quan trọng. Chỗ châm "tia hắt" lên là bởi chỗ châm bị hàn. Dùng phép cứu để trừ cái hàn ở ngoài và kiêm giúp tâm hỏa.

### Tiết 10

火逆下之因燒針煩燥者桂枝甘草龍骨牡蠣湯主之

**Dịch nghĩa:** Ngoài hình, khi phát bệnh như thương hàn, về mạch không Huyền, Khẩn mà Nhược. Nhược tất phải khát (vì Âm bất túc nên Nhược, Dương khí hãm ở âm phận, tân dịch tất bị thương nên khát...). Nếu bị hỏa công, tất nói lầm nhầm. Nhưng mạch Nhược lại có phát nhiệt (tức là trong Nhược mà Phù) dùng phương pháp giải đi, sẽ hãn ra mà khỏi.

**Chú giải:** Tiết này nói về mạch Nhược, cũng không thể dùng hỏa công. Về tiết này Trọng sư không lập ra phương trị.

### Tiết 5

太陽病以火熏之不得汗其人必燥到  
經不解必清血名為火邪

**Phiên âm:** Thái dương bệnh, dĩ hỏa huân chi bất đắc hãn, kỳ nhân tất táo, đáo kinh bất giải tất thanh huyết, danh vi hỏa tà.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương nếu dùng hỏa để hun (sông), không được hãn (vì huyết dịch bị thương), bệnh nhân tất phải táo. Đến trở lại kinh không giải tất phải tiện huyết, tên là hỏa tà.

**Chú giải:** Tiết này nói về hỏa tà nghịch ở dưới.

Đường Tôn Hải nói: "Chứng bệnh ở tiết này với chứng nhiệt vào huyết thất, nhiệt kết Bàng quang và Súc huyết... đều chỉ vào huyết thất mà nói Bàng quang, bộ vị ở trên mô du, phía trong mô du có một cái khe lớn tức là huyết thất. Khí ở Bàng quang với huyết ở Huyết thất, cùng hợp mà đi, ấy là Vinh Vệ. Vinh huyết dẫn ra ngoài thời ở vào bộ phận cơ nhục, vệ khí dẫn ra ngoài, thời ở vào bộ phận bì mao, tà nhiệt của chứng Thương hàn, do khí phận ở bì mao, vào mô vòng mà lẩn tới Bàng quang, thời thành chứng thủy kết, do huyết phận ở bộ phận cơ nhục vào mô du mà lẩn tới huyết thất thời thành những chứng Súc huyết, Hạ huyết...

Xem đó, càng rõ được cái tầng thứ của huyết khí, bì mao, cơ nhục, tấu lý, mô du, huyết thất, Bàng quang. Tức như chứng Tháo huyết (nhổ ra huyết) ở tiết dưới cũng là do cơ nhục lẩn vào mô du,

phạm lên Tâm, Phế... so với chứng hạ huyết chỉ là trên dưới khác nhau mà cái nguyên lý thời vẫn là một".

### Tiết 6

脈浮熱甚灰灸之此為實實以虛治因  
火而動必咽燥唾血

**Phiên âm:** Mạch Phù nhiệt thậm, khôi cứu chi, thử vi thực, thực dĩ hư trị, nhân hỏa nhi động tất yết táo thóa huyết.

**Dịch nghĩa:** Mạch Phù nhiệt lắm lại dùng phép cứu. Ấy là bệnh thực. Nếu thực lại dùng phép hư để trị, nhân hỏa mà động, tất phải cuồng hống ráo mà thóa huyết (nhổ ra huyết).

**Chú giải:** Tiết này nói về tà hỏa nghịch lên trên. Theo Trần Tu Viên, bệnh này nên dùng bài Đại hoàng tả tâm thang, hoặc gia thêm Hoàng cầm tức là chính pháp ở Kim Quỹ.

### Tiết 7

微數之脈慎不可灸因火為邪則為煩  
逆追虛逐實血散脈中火氣雖微內攻  
有力焦骨傷筋血難復也

**Phiên âm:** Vi Sác chi mạch, thận bất khả cứu, nhân hỏa vi tà tác vi phiền nghịch, truy hư trục thực, huyết tán mạch trung, hỏa khí tuy vi, nội công hữu lực, tiêu cốt thương gân, huyết nan phục dã.

**Dịch nghĩa:** Phàm mạch Vi, Sác cần thận không nên cứu. Nếu cứu, nhân hỏa làm nên tà, công lên trên thành phiền nghịch. Truy hư trục thực (âm vốn hư lại lấy hỏa để truy đuổi khiến cho hư càng hư, nhiệt vốn thực lại dùng hỏa để trục khiến cho thực càng thực...) đến nỗi huyết tán trong mạch. Hỏa khí dù nhỏ nhưng công vào trong có lực, khiến cho ráo xương, thương gân. Bởi huyết khó hồi phục vậy.

**Chú giải:** Tiết này nói về hỏa tà nghịch ở trong. Người tạng hư nhiệt, dùng hỏa công tan mất huyết ở trong mạch, không sao hồi phục lại được nữa (tức thành người tàn tật). Theo Trần Tu Viên, chứng này gấp

huyết cầu bằng hoại. Đản trấp tan ra trong huyết, khiến cho thân thể khô táo, phát vàng, thậm chí Vì dịch khô cạn mà sinh oẹ, cùng phát sinh nói xam, táo nhiều, lãn áo sờ giường...

### Tiết 3

傷寒脈浮醫以火迫却之亡陽必驚狂  
起臥不安者桂枝去芍藥加蜀漆牡蠣  
龍骨救逆湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn mạch Phù, y dĩ hỏa bách kiếp chi, vong dương tất kinh cuồng, khởi ngọa bất an giả, Quế chi khứ Thược dược, gia Thục tất, Mấu lệ, Long cốt cứu nghịch thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mạch Phù, y giả dùng hỏa bách kiếp đến nổi vong dương, tất phát kinh cuồng, nằm ngọa không yên. Bài Quế chi khứ Thược dược, gia Thục tất, Mấu lệ, Long cốt cứu nghịch thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** chứng trên Trùng phong, hỏa bức bách mất hãn, hiện ra chứng Vong âm, cho nên "tiểu tiện lợi" là có thể chữa được.

Tiết này, Thương hàn, hỏa bức bách mất hãn, hiện ra chứng vong dương không thể lại chờ cho dương khí tự hồi phục. Nên dùng bài này khiến cho được lực do thủ Quyết âm để hồi phục lại. Phạm chứng mất Dương ở trong âm, tất phải dùng Phụ tử để cứu chữa. Đây cũng là mất Dương ở trong âm, nhưng cái "mất" đó lại do hỏa bức bách nên lại không hợp dùng Phụ tử. Tiết này vì chứng hỏa nghịch mà lập ra phương pháp để liệu trị.

Quế chi thang khứ Thược dược, gia Thục tất, Mấu lệ, Long cốt cứu  
nghịch thang phương

桂枝去芍藥加蜀漆牡蠣

龍骨救逆湯方

桂枝 Quế chi 3 lượng (bỏ vỏ)

甘草 Cam thảo 2 lượng (nướng)

生薑 Sinh cương 3 lượng (thái)

牡蠣 Mấu lệ 5 lượng (nướng)

龍骨 Long cốt 4 lượng

大棗 Đại táo 12 quả (bửa, bỏ hạt)

蜀漆 Thục tất 4 lượng (rửa, bỏ mùi tanh)

Tán bột, dùng một đấu 2 thăng nước, trước đun Thục tất cạn bớt 2 thăng, cho các vị kia vào, đun còn 3 thăng, bỏ bã uống nóng 1 thăng.

**Chú giải:** Trương Lệnh Thiệu nói: "Thương hàn mà mạch Phù là bệnh thuộc về Dương. Thái dương với Quân hỏa cùng hợp mà chủ về thân. Tâm là một địa vị Thái dương ở trong Dương. Y giả dùng hỏa bách kiếp đến nổi vong dương. Đó là mất cái dương Quân chủ, chứ không phải là cái sinh dương ở Hạ tiêu. Tâm bị hỏa bức bách thời thần khí phù ra ngoài, cho nên như kinh cuồng mà không yên. Quế chi sắc đổ vào tâm, dùng nó để giữ tâm khí, tá bằng Long cốt, Mấu lệ là mượn cái loài thủy tộc được chế hỏa tà, và sức trọng trấn để trị chứng phù viêt. Thược dược tính vị khổ bình không hợp với chứng vong Dương nên bỏ đi. Dùng Thục tất để tiết bỏ dương nhiệt cho nên đun trước. Thần khí sinh ra bởi cái tính của thủy cốc ở trung tiêu cho nên dùng Cam thảo, Đại táo, Sinh cương để giúp cho cái khí của Trung tiêu. Bệnh thuộc Dương lại dùng hỏa bức bách thế là nghịch, nên gọi là "cứu nghịch".

### Tiết 4

形作傷寒其脈不弦醫而弱弱者必渴  
被攻者必譫語若者發熱脈浮解之汗  
出愈

**Phiên âm:** Hình tác Thương hàn, kỳ mạch bất Huyền, Khẩn nhi Nhược, Nhược giả tất khát, bị công giả tất thiêm ngữ, nhược giả phát nhiệt, mạch Phù giải chi, hãn xuất dĩ.



Tiết 2 là huyết mạch bị ngăn trở, ảnh hưởng đến sự bài tiết của bì mao, cho nên phát nhiệt, ghét lạnh, miệng khát, bụng đầy là Can cõi lên Phế, mồ hôi tự ra được, tiểu tiện lợi sẽ giải.

Học thuyết sinh khắc, tuy có tung (quan hệ tương thừa), có hoành (quan hệ tương vũ) khác nhau, tóm lại, huyết ở tĩnh mạch Can uất lại, cho nên đều nên thích huyết Kỳ môn để lưu thông tĩnh mạch Can.

## CHƯƠNG X

### Tiết 1

太 陽 病 二 日 反 躁 反 熨 其 背 而 大 汗 出  
火 熱 入 胃 胃 中 水 竭 煩 躁 必 發 譫 語 十  
餘 日 振 慄 自 下 利 者 此 為 欲 解 也 故 其  
汗 從 腰 以 下 不 得 汗 欲 小 便 不 得 反 嘔  
欲 失 溲 足 下 惡 風 大 便 鞭 小 便 當 數 而  
反 不 數 及 多 大 便 已 頭 卓 然 而 痛 其 人  
足 心 必 熱 穀 氣 下 流 故 也

Phiên âm: Thái dương bệnh nhị nhật, phản táo, phản úy kỳ bối nhi đại hạn xuất, hỏa nhiệt nhập Vị, Vị trung thủy kiệt, phiên táo tất phát thiêm ngữ, thập dư nhật chấn lạt, tự hạ lợi giả, thử vi dục giải dã, Cố kỳ hạn tưng yêu dĩ hạ bất đắc hạn, dục tiểu tiện bất đắc, phản ẩu, dục thất sự, túc hạ ố phong. Đại tiện ngạnh, tiểu tiện dương số nhi phản bất số cấp đa, đại tiện dĩ đầu trác nhiên nhi thống, kỳ nhân túc tâm tất nhiệt, cốc khí hạ lưu cố dã.

Dịch nghĩa: Thái dương bệnh qua hai ngày, (y giả cho là âm) táo, lại lấy lửa chườm ở lưng, mồ hôi ra quá nhiều. Hỏa nhiệt vào Vị, thủy trong Vị sẽ kiệt sinh ra phiên táo tất nói lầm nhảm, hơn 10 ngày có trạng thái run rẩy, hạ lợi, thế là muốn giải. Hân từ thất lưng trở xuống không ra được, muốn tiểu tiện không được, lại ủa, muốn són dãi, dưới chân ghét gió, đại tiện rắn, tiểu tiện nên số' luôn mà lại chẳng số' và

nhiều, đại tiện rời, đầu chột nhiên đau, bệnh nhân, gan bàn chân hân nóng, do cốc khí dẫn xuống cho nên vậy (phỏng theo Trần Tu Viên).

Chú giải: Đường Tôn Hải nói: Tiết này lời dài nghĩa sâu, hoặc có lẫn sót, hoặc chương cú không liên tiếp, hoặc như nên chia làm hai tiết. Nghĩa khó thông hiểu, xin bỏ khuyết lại đợi xét.

### Tiết 2

太 陽 病 中 風 已 火 劫 發 汗 邪 風 被 火 熱  
血 氣 流 溢 失 其 常 度 兩 陽 相 熏 灼 其 身  
發 黃 陽 盛 則 欲 衄 陰 虛 則 小 便 難 陰 陽  
俱 虛 竭 身 體 則 枯 燥 但 頭 汗 出 劑 頸 而  
還 腹 滿 微 喘 面 乾 咽 爛 或 不 大 便 久 則  
譫 語 甚 者 至 噦 手 足 躁 擾 捻 衣 摸 床 小  
便 利 者 可 治

Phiên âm: Thái dương bệnh trúng phong, dĩ hỏa kiếp phát hàn, tà phong bị hỏa nhiệt, huyết khí lưu dật, thất kỳ thường độ, lưỡng dương tương huân chước, kỳ thân phát hoàng, Dương thanh tác dục Nục, âm hư tác tiểu tiện nan, âm dương câu hư kiệt, thân thể tác khô táo, đản đầu hàn xuất tể cảnh nhi hoàn, phúc mãn vi suyễn diện càn yết lạn, hoặc bất đại tiện, cửu tác thiêm ngữ, thậm giả chí uest, thủ túc táo nhiều, niệm y mô sàng, tiểu tiện lợi giả khả trị.

Dịch nghĩa: Thái dương mắc bệnh Trúng phong, dùng hỏa bức cho phát hàn. Tà phong bị hỏa nhiệt, bách khí huyết phải tràn lan ra ngoài, trái mắt thường độ, hai dương cùng hun đốt, khắp mình phát hoàng. Nếu Dương thanh thời muốn "Nục", Âm hư thời tiểu tiện khó. Âm dương đều hư kiệt thời thân thể khô táo, chỉ ở đầu hân ra, đến cổ thời hết, bụng đầy hơi suyễn, miệng khô họng nát, hoặc không đại tiện, lâu thời nói lầm nhảm, quá lắm đến ọc, tay chân vật vã, lằn áo sờ giường. Nếu tiểu tiện lợi, còn may chữa được (vì còn chút chân âm chưa xuất hết).

Chú giải: Đây nói về một nguy chứng do hỏa công gây nên: nhiệt bệnh mới bắt đầu, lắm dùng hỏa công, thời thân nhiệt càng cao,

lượng, lấy chứng ghét gió, cổ cứng, hung hiệp đầy làm chứng của Tiểu Sài hồ thang. Nhưng dưới hiệp đầy, bệnh ở Trường, Vị mà lại kèm có mình phát vàng, mạch Tri, tay chân ấm của chứng Thái âm, thời không thể dùng. Nếu dùng nhầm tất sinh ọc nghịch, hoặc hạ trọng (đại tiện xong hậu môn nặng). Nếu đã có biểu chứng: mình nóng, ghét gió, cổ cứng, lại có lý chứng: dưới hiệp đầy, tay chân ấm mà khát, vẫn nên dùng Tiểu Sài hồ để hòa giải. Khát là chứng ngõ vức của Tiểu Sài hồ thì uống Tiểu Sài hồ thang gia Nhân sâm. Quát lâu căn. Miệng hết khát rồi lại vẫn khát là Nhiệt đã truyền dương mình, nên theo phép trị dương mình mà trị. Nếu Lý chứng nhiều, chứng thấy triệu nhiệt, nói lầm nhầm, phiền ọc không dứt, tâm hạ cấp mà lại nóng lạnh, hung hiệp đầy, nên trước dùng Tiểu Sài hồ giải ngoại, sau lại dùng Bạch thực, Chỉ thực, Đại hoàng, Mang tiêu để thanh Lý thực. Hạ Lý thực không thể dùng hoàn được, khiến cho thủy tiết mà nhiệt không trừ, cho nên tuy lợi hạ không dứt, lại vẫn nên cho tẩy sạch. Đến như thấy chứng Biểu, Lý lẫn lộn vẫn nên dùng Tiểu Sài hồ thang làm chủ. Như hung đầy, tiểu tiện bí, phiền kinh, mình nặng, các chứng cùng phát, cũng dùng Tiểu Sài hồ gia Long cốt, Mẫu lệ, duyên đan, Đại hoàng, Phục linh để hiệp trị. Đến như bệnh nên hòa giải mà lại thân thể hư nhược, phép nên dùng thang Tiểu Kiến trung. Cho nên có ọc mà bụng đầy, dùng Tiểu Sài hồ thang, không ọc mà bụng đau, dùng Tiểu kiến trung thang. Tâm phiền mà ọc, dùng Tiểu Sài hồ thang, tâm quí mà phiền, dùng Tiểu kiến trung thang.

Duy có chứng Đào nhân thừa khí ở chương này, ngõ nên đưa vào dưới (trước thang Đễ đáng) vì Đào nhân thừa khí thang dùng để phá ứ khối, nhiệt vào Bàng quang, khiến cho huyết tự hạ, quyết không thể dùng.

## CHƯƠNG IX

### Tiết 1

傷寒腹滿譫語寸口脈浮而緊此肝乘脾也名曰縱刺其門

**Phiên âm:** Thương hàn, phúc mãn thiêm ngữ, thốn khẩu mạnh Phù nhi Khẩn, thử Can thừa tỳ dã, danh viết túng, thích Kỳ môn.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn mà bụng đầy (chứng của Tỳ), nói lầm nhầm (chứng của Vị), thốn khẩu mạch Phù mà Khẩn, ấy là Can phạm vào tỳ, gọi tên là "túng" (phóng túng mà đi, không còn cố kỵ gì nữa), thích ở huyết Kỳ môn.

**Chú giải:** Tiết này hợp với tiết dưới nói về bệnh thuộc về nội tạng có hình không phải do khí vô hình. Ở khí vô hình thời gọi là Thái âm - Quyết âm. Ở tạng hữu hình tức là Tỳ, là Can, là Phế.

### Tiết 2

傷寒發熱嗇嗇惡寒大渴欲飲水其腹必滿自汗出小便利其病欲解此肝木乘肺也名曰橫刺其門

**Phiên âm:** Thương hàn phát nhiệt sắc sắc ố hàn, đại khát dục ẩm thủy, kỳ phúc tất mãn, tự hàn xuất, tiểu tiện lợi, kỳ bệnh dục giải, thử Can mộc thừa Phế dã, danh viết Hoành, thích Kỳ môn.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn phát nhiệt, rờn rợn ghét lạnh, khát quá muốn uống nước, bụng hẳn phải đầy, mồ hôi tự ra, tiểu tiện lợi, bệnh thế muốn giải. Ấy là Can phạm lên Phế, gọi tên là Hoành (ngang tàng không còn sợ gì), thích ở huyết Kỳ môn.

**Chú giải:** Huyết Kỳ môn ở phía dưới vú, đầu Lạc cốt thứ hai, cách vú 4 tấc đồng thân, tức là Can mô, chỗ tụ hội của Quyết âm và Âm duy, thích sâu 4 phân. Thích huyết có thể giúp ích cho sự bất cập của bài Tiểu Sài hồ.

### Chương này gồm 2 tiết:

-Tiết 1 nói tình mạch Can có ứ huyết, huyết đặc phạm vào não, thủy khí ở phúc mô ngưng trệ cho nên bụng đầy, nói xàm, là Can cõi lên tỳ, không được cho là Dương minh nhiệt chứng.

傷寒八九日下之胸滿煩驚小便不利  
譫語一身盡重不可轉側者柴胡加龍  
骨牡蠣湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn bát cửu nhật, hạ chi hung mãn phiền kinh, tiểu tiện bất lợi, thiêm ngữ, nhất thân tận trọng, bất khả chuyển trắc giả, Sài hồ gia Long cốt, Mẫu lệ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 8, 9 ngày (thuộc về thời kỳ chủ khí của kinh thiếu dương), hạ đi (làm hại đến khí của Dương minh) thành hung đầy, phiền kinh (chứng của Thiếu dương tâm bào), tiểu tiện không lợi, nói lầm nhảm, khắp mình nặng nề, không thể trở mình. Sài hồ gia Long cốt, Mẫu lệ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về khí của Thái dương, vì kê dung y hạ nhảm, đên nổi cả 3 kinh đều mắc bệnh, nên lập ra một phương pháp điều trị cả 3 kinh. Nhuận cái "táo" của Dương minh, giúp cái "khu" của Thiếu dương mà Thái dương cũng không bỏ lỡ mất cái công năng chủ "khai", bệnh khí lại do "khu" của Thiếu dương mà ra ngoài.

Sài hồ gia Long cốt, Mẫu lệ thang

柴胡加龍骨牡蠣湯

半夏 Bán hạ 2 lượng (rửa)

大棗 Đại táo 6 quả (bửa, bỏ hạt)

柴胡 Sài hồ 4 lượng

生薑 Sinh khương 1 lượng rưỡi

人參 Nhân sâm 1 lượng rưỡi

龍骨 Long cốt 1 lượng rưỡi

鉛丹 Duyên đan 1 lượng rưỡi

桂枝 Quế chi 1 lượng rưỡi

茯苓 Phục linh 1 lượng rưỡi

大黃 Đại hoàng 2 lượng

牡蠣 Mẫu lệ 1 lượng rưỡi

Dùng 8 thăng nước đun còn 4 thăng, bầy giờ mới thái Đại hoàng thành từng phiến như quân cờ, cho vào lại đun sôi dội lên vài lần, bỏ bã, uống nóng 1 thăng.

Sách Nội đài phương nghị nói: "Thương hàn 8, 9 ngày, tà khí lẫn lộn biểu lý chưa rõ ràng mà nhầm hạ đi thời làm hư đến lý mà hại cả biểu. Hung đầy mà phiền. Là vì tà nhiệt tụ ở hung trung. Kinh là vì tâm sợ nhiệt mà thần không yên giữ. Tiểu tiện không lợi, là vì lý hư mà tân dịch không dẫn đi được, "nói lầm nhảm" là do Vị nhiệt, "suốt mình nặng nề không thể trở mình" là vì Dương khí hãm vào trong, không dẫn ra ngoài Biểu được, cho nên dùng Sài hồ làm quân để thông cái tà ở Biểu lý mà trừ chứng Mãn ở hung hiệp, dùng Nhân sâm, Bán hạ làm thần để giúp thêm, gia Sinh khương, Đại táo để cho thông tân dịch, gia Long cốt, Mẫu lệ, Duyên đan để thấu liễm thần khí và trấn kinh để làm tá, gia Phục linh để lợi tiểu tiện mà hành tân dịch, gia Đại hoàng để trừ Vị nhiệt và khỏi nói lầm nhảm, gia Quế chi để hành Dương khí mà giải chứng mình nặng và cái tà khí lẫn lộn. Cả bài có 11 vị dùng để chữa chứng Thương hàn đã đến thời kỳ bại hoại, thật là 1 phương pháp rất phức tạp.

## TỔNG KẾT TOÀN CHƯƠNG

Chương này gồm 13 tiết, luận về một loại chứng thuộc thang Sài hồ: Đại Sài hồ thang, Sài hồ gia Mang tiêu thang, Sài hồ gia Long cốt, mẫu lệ thang, đều xuất phát từ thang Tiểu Sài hồ gia giảm ra vào.

Chứng chủ yếu, thích ứng với thang Tiểu Sài hồ là nóng lạnh qua lại, hung hiệp đầy, im im không muốn ăn uống, tâm phiền, hay ọa. Bảo rằng "chỉ thấy một chứng là được" tức là một trong 4 chứng này. Ngoài ra, kèm có chứng còn ngờ, không thể quyết định dùng Tiểu Sài hồ thang. Vì Tiểu Sài hồ là chủ phương của phép hòa giải khi tà còn ở nửa Biểu, nửa Lý. Nhưng giới hạn Biểu, Lý phải phân xét rõ ràng, kỹ

Đường Tôn Hải nói: "Ý nghĩa tiết này Trọng sư nói: "Đã nói làm nhằm, tiện rần, không nên "hạ lợi", mạch cũng nên Đại, không nên điều hòa, giữ không rần mà lại hạ lợi, mạch không Đại mà lại điều hòa. Biết là y giả không dùng thang được để rửa bỏ nhiệt mà chỉ dùng hoàn được để hạ bỏ phân... vì đó mà thành bằng lưu trệ hạ... khiến cái mạch nên Đại, bị nó làm tỏa nhiệt mà hiện ra cái hình điều hòa. Ấy là hạ lợi mạch hòa mà thực tà vẫn còn... thật là chữa trái phép mất rồi. Trọng sư nói rõ thêm rằng: "nếu hạ lợi là hư, mạch nên Vi, tay chân nên quyết (lạnh), giữ mạch không Vi mà lại hòa... nhưng sợ dĩ biết không phải hư bởi y giả làm tỏa nhiệt đi mất rồi. Như thế bên ngoài dấu thấy mạch hòa mà trong vẫn còn là thực nhiệt nên mới dùng Điều Vy thừa khí thang để làm chủ cho bệnh ấy". Trọng sư ngoài những phương pháp chẩn đoán thường lại thêm một biện pháp này nữa, thật là tinh xác vô cùng".

#### Tiết 12

太 陽 病 不 解 熱 結 膀 胱 其 人 如 狂 血 自  
下 下 者 愈 其 外 不 解 者 尚 未 可 攻 當 先  
解 外 外 解 已 但 少 腹 急 結 者 乃 可 攻 之  
宜 桃 核 承 氣 湯

**Phiên âm:** Thái dương bệnh bất giải, nhiệt kết Bàng quang kỳ nhân như cuồng huyết tự hạ, hạ giả dĩ. Kỳ ngoại bất giải giả, thượng vị khả công, dương tiên giải ngoại, ngoại giải dĩ, dẫn thiếu phúc cấp kết giả, nãi khả công chi, nghi Đào hạch thừa khí thang.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương không giải được, nhiệt kết ở Bàng quang, bệnh nhân như cuồng. Nếu tự hạ, nhiệt cũng hạ theo sẽ khỏi. Nếu bên ngoài không giải, còn chưa nên dùng phép "công", trước hãy giải bên ngoài, bên ngoài giải rồi, chỉ cấp kết ở thiếu phúc (bụng dưới có vẻ đau gấp rút khó chịu) mới có thể dùng phép "công", nên dùng Đào hạch thừa khí thang.

**Chú giải:** Tiết này nói: cái tà của Thái dương theo kinh mà tự vào bản phủ (bàng quang)

#### Đào hạch thừa khí thang

#### 桃核承氣湯

桃仁	Đào nhân	40 hạt (bỏ vỏ, chóp)
桂枝	Quế chi	2 lượng
大黃	Đại hoàng	4 lượng
芒硝	Mang tiêu	2 lượng
甘草	Cam thảo	2 lượng (nướng)

Dùng bảy thăng nước đun còn 2 thăng, bỏ bã, cho mang tiêu vào, lại đun nhỏ lửa cho sủi bọt vài lượt, trước bữa ăn, uống nóng 5 hợp, ngày ba lần sẽ thấy hơi lợi.

Trương Lệnh Thiệu nói: "Thuộc về Thái dương, có kinh có khí khác nhau. Khí, do hung bộ mà ra vào, kinh theo dọc đường xương sống mà chằng vào Bàng quang. Như bệnh tà do hung hiệp mà vào, lẩn sang địa phận của Dương minh với Thiếu dương tức là chứng của bài Tiểu sài hồ. Tà do đường xương sống mà vào sẽ thẳng tới Phủ của Thái dương. Tức là chứng của bài Đào nhân thang. Phủ của Thái dương là Bàng quang, bộ vị ở giữa tiểu phúc. Bàng quang chỉ có tân dịch mà không có huyết, nhưng cũng liên với huyết hải ở Bào trung. Nhiệt phạm vào, Âm không thắng được Dương sẽ động lay đến huyết ở Bào trung mà huyết tự hạ, bệnh nhân như cuồng... Nhưng bệnh khởi do ngoại tà, nên trước phải giải ngoại đã. Rồi xét xem có quả là "cấp kết" ở tiểu phúc, mới có thể dùng phép công hạ. "Cấp kết" là một cái trạng thái của huyết muốn thông mà chưa thông được. Đào hấp thụ được cái sinh khí của Dương xuân, nhân nó hơi khổ mà dừng tiết, làm một hoàn được về phương diện hành huyết. Được có Đại hoàng để bỏ cũ thay mới, Mang tiêu để thanh nhiệt tiêu ứ... Cam thảo chủ trì ở giữa khiến cho các vị kia được triển phát hết cái năng lực của mình. Quế chi dùng đến hai lượng, cốt để hành khí, vì khí hành thì cũng sẽ phải hành theo.

#### Tiết 13

-Đoạn trên nói về: bản bệnh của chứng này vốn thuộc về Thiếu dương, mà tiêu bệnh thuộc về Dương minh. Y gia không chia sau trước đem hoàn được để hạ là sai phép.

-Đoạn dưới diễn theo đoạn trên: vốn thuộc Sài hồ chứng, mãn mà ẩu (ưa), thổ, mà tiêu bệnh lại thấy triệu nhiệt, ấy là do thực nhiệt của Dương minh Đại trường.

Về phương pháp liệu trị nên chia trước sau, trước dùng bài Tiểu sài hồ để giải bên ngoài, khiến cái bản chứng "ẩu, mãn" của Thiếu dương được đạt lên mà giải, sau dùng bài Sài hồ gia Mang tiêu để bài tiết bỏ cái thực nhiệt ở Đại trường, thời chứng triệu nhiệt sẽ khỏi, quyết không còn cái di hại là đã khỏi mà còn "vi lợi" như trên nữa.

### Sài hồ gia Mang tiêu thang phương

#### 柴胡加芒硝湯方

柴胡 Sài hồ	2 lạng 6 thù
半夏 Bán hạ	20 thù
黃芩 Hoàng cầm	1 lạng
甘草 Cam thảo	1 lạng
人參 Nhân sâm	1 lạng
大棗 Đại táo	4 quả (bít, bỏ hạt)
芒硝 Mang tiêu	2 lạng

Dùng 4 thăng nước đun còn 2 thăng, bỏ bã, cho Mang tiêu vào lại đun, hơi sôi, chia 2 lần, uống nóng.

Trần Úy nói: "Bài Tiểu sài hồ khiến cái khí của Thái dương theo "khu" mà ra ngoài. Ở đây nói: 13 ngày, tức là hành kinh đã hết 1 vòng, và đã trở lại kinh Thái dương, nên giải mà không thể giải, lại tiếp ngay đến ngày chủ khí của kinh Dương minh, bệnh khí cũng theo kinh khí mà can thiệp vào. Dương minh chủ về hung, Thiếu dương chủ về hiếp. Hung hiếp mãn (đầy) mà ẩu (ưa), là vì cái cơ quan "hạp" của Dương

minh không được nhờ cái "khu" của Thiếu dương để ra ngoài. Chập tối, thuộc về khoảng thân, đầu, tuất... cho nên nó uống với "giờ" mà phát ra chứng "triệu nhiệt". Nhiệt rồi lại "vi lợi" là vì cái khí của Dương minh dẫu thực, nhưng khôn nổi bị cái sức công phá của hoàn được khiến cho hãm xuống, hãm xuống cần phải cất lên. Dùng bài Tiểu sài hồ thang để giải bên ngoài. Giải bên ngoài lại có ngụ ý cái nghĩa "thăng phát" tức là để cất cái sự hãm lên và chỉ chứng lợi vậy. Đến như gia Mang tiêu là nhân cái únh hàn của nó để thông địa đạo. Không dùng Đại hoàng là vì nó khổ hàn làm hại đến trung cung. Bởi cái khí của Dương minh đã bị thương một lần rồi, không nên lại để cho bị thương một lần nữa... Đức thầy sở dĩ không dùng bài Đại sài hồ mà dùng Tiểu sài hồ, ta có thể suy mà biết được vậy".

### Tiết 11

傷寒十三日不解過經譫語者以有熱也當以湯下之若小便利者大便當鞭而反下利脈調和者知醫以丸藥下之非其治也若自下利者脈當微厥今反和者此為內實也調胃承氣湯主之

Phiên âm: Thương hàn thập tam nhật bất giải, quá kinh thiêm ngữ giả dĩ hữu nhiệt dã, đương dĩ thang hạ chi. Nhược tiểu tiện lợi giả đại tiện đương ngạnh, nhi phản hạ lợi, mạch điều hòa giả, tri y dĩ hoàn được hạ chi, phi kỳ trị dã, nhược tự hạ lợi giả mạch đương vi, quyết, Kim phẩn hòa giả, thử vi nội thực giả, Điều Vy thừa khí thang chủ chi.

Dịch nghĩa: Thương hàn qua 13 ngày, không khỏi lại quá kinh, nói xàm vì có nhiệt. Nên dùng thang hạ đi. Nếu tiểu tiện lợi, đại tiện nên rắn, mà lại "hạ lợi". Mạch điều hòa, biết là do y giả dùng hoàn được để hạ, thế là chưa trái phép. Nếu "tự hạ lợi" mạch nên Vi mà Quyết, giờ lại "hòa" là do nội thực. Dùng Điều Vy thừa khí thang chủ về bệnh ấy.

Chú giải: Tiết này nói về: bệnh khí theo kinh khí mà quơ ở kinh Dương minh.

太陽病過經十餘日反二三下之後四五日柴胡證仍在者先與小柴胡湯嘔不止心下急鬱鬱微煩者未外解也與大柴胡湯下之

**Phiên âm:** Thái dương bệnh quá kinh thập dư nhật phản nhị tam hạ chi, hậu tứ ngũ nhật, Sài hồ chứng nhưng tại giả, tiên dĩ Tiểu Sài hồ thang, ấu bất chi, tâm hạ cấp uất uất vi phiến giả, vị ngoại giải dã, dĩ Đại Sài hồ thang hạ chi.

**Dịch nghĩa:** Bệnh ở Thái dương đã trải qua hơn 10 ngày, lại hạ luôn 2, 3 lần, sau 4, 5 ngày chứng của Sài hồ vẫn còn. Trước cho uống Tiểu Sài hồ thang, ấu không dứt, dưới tâm đầy, băng băng khó chịu, uất uất hơi phiến... thế là vẫn chưa giải hết, cho uống Đại Sài hồ thang để hạ.

**Chú giải:** Tiết này nói về chứng của bài Đại Sài hồ khác với Tiểu Sài hồ. Tiểu Sài hồ đạt ra ngoài, Đại Sài hồ giải bên trong.

Đường Tôn Hải nói: "... Tâm hạ là chỉ về Cách mô ở phía trước lưng, nói "cấp" cũng là một ý nghĩa "lợi cấp", "thiếu phúc cấp"... tức là Cách mô co rút lại, có hình ra một cái trạng thái như chật hẹp gấp riu. Mô được thông lợi thời nổi ra dễ chịu, mô bị uất trệ thời chật chội khó chịu. Hỏa ở trong mô thuộc thiếu dương, tam tiêu nóng quá thời hun đốt lên Cách mô, khiến cho co rút lại mà "cấp". Hỏa hợp với tâm hào thời phiến, hỏa nghịch lên quá thời ấu không dứt. Chứng này nặng hơn chứng bài tiểu Sài hồ cho nên chỉ dùng "thanh sơ" không thể giáng được hỏa, tất phải dùng đến bài Đại Sài hồ có vị Đại hoàng để hạ đi, khiến cho hỏa khí không nghịch lên, sẽ khỏi. Sở dĩ còn phải dùng đến Sài hồ cốt cho thấu suốt ra Cách mô. Cách mô thấu suốt thời thông lợi, dễ chịu không còn biểu cấp nữa".

**Đại Sài hồ thang phương**

**大柴胡湯方**

柴胡 Sài hồ nửa cân  
黃芩 Hoàng cầm 3 lượng

芍藥 Thược dược 3 lượng  
半夏 Bán hạ nửa thăng (rửa)  
生薑 Sinh khương 3 lượng  
枳實 Chi thực 4 lượng (nướng)  
大棗 Đại táo 12 quả (bỏ hạt)  
大黃 Đại hoàng 2 lượng

Dùng một đấu hai thăng nước, đun còn 6 thăng, bỏ bã, lại đun. Uống nóng 1 thăng, ngày 3 lần.

**Tiết 10**

傷寒十三日不解胸脅滿而嘔日晡所發潮熱已而微利此本柴胡證下之而不得利今反利者知醫以丸藥下之非其治也潮熱者實也先宜小柴胡湯以解外後以柴胡加芒硝湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn thập tam nhật, bất giải, hung hiệp mãn nhi ấu, nhật bô sở phát triều nhiệt, dĩ nhi vi lợi thử bản Sài hồ chứng hạ chi nhi bất đắc lợi, kim phản lợi giả, tri y dĩ hoàn dược hạ chi, phi kỳ trị dã. Triều nhiệt giả thực dã, tiên nghi Tiểu Sài hồ thang dĩ giải ngoại, hậu dĩ Sài hồ gia Mang tiêu thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn trải qua 13 ngày, vẫn không giải, hung hiệp đầy mà lại ấu, về buổi chập tối, phát ra chứng triều nhiệt rồi mà hơi "lợi", ấy vốn là chứng Đại Sài hồ. Hạ đi không được "lợi", giờ lại thấy lợi, biết là y giả dùng hoàn dược để hạ. Trái phép điều trị rồi! Triều nhiệt ấy là "thực" trước nên dùng Tiểu Sài hồ để giải bên ngoài, sau dùng Sài hồ gia Mang tiêu thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này chia làm 2 đoạn:

4. Trị chứng mồ hôi trộm, gia thêm Tiểu mạch 小麥, Phục thần 茯神.

5. Trị chứng hư trung sinh nhiệt, gia thêm Sài hồ 柴胡. Địa cốt bì 地骨皮

### Tiết 6

傷寒中風有柴胡證但見一證便是不必悉具

**Phiên âm:** Thương hàn, Trúng phong hữu Sài hồ chứng, đản kiến nhất chứng tiện thị, bất tất tất cụ.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn, Trúng phong có chứng của bài Sài hồ, dù chỉ thấy có một chứng cũng được, không cần phải đủ.

**Chú giải:** Tiết này nói rõ thêm cái nghĩa của tiết đầu và suy rộng thêm cái công dụng của bài Tiểu Sài hồ thang.

### Tiết 7

凡柴胡湯病證而下之若柴胡證不罷者復與柴胡湯必蒸蒸而振卻發汗而解

**Phiên âm:** Phàm Sài hồ thang bệnh chứng nhi hạ chi, nhược Sài hồ chứng bất bãi giả, phục dữ Sài hồ thang, tất chứng chứng nhi chấn, khước phát nhiệt hàn xuất nhi giải.

**Dịch nghĩa:** Phàm thuộc về chứng của bài Sài hồ thang mà lại cho hạ, nếu chứng của Sài hồ chưa hết, lại cho uống Sài hồ thang, hẳn phải bứt rứt mà run, lại phát nhiệt, hãn ra mà giải.

**Chú giải:** Tiết này nói cái diệu dụng của Sài hồ thang là do ở sự Chuyển Khu.

Đường Tôn Hải nói: "Thiếu dương là tam tiêu, bên trong là mô vông, bên ngoài là tấu lý, ở vào khoảng nửa Biểu nửa Lý, trong âm ngoài dương, cho nên dùng 2 chữ "khu cơ" (cái chốt cửa) để tỷ dụ. Bởi

cái tà khí ở Thiếu dương do tấu lý mà thấm vào trong lý, cái chính khí của Thiếu dương cũng do tấu lý mà thấu ra bên ngoài. Sài hồ hay tấu suốt mô du, khiến cho từ trong tấu lý ra thẳng bên ngoài. Cái tà bị hạ đã lẫn vào lý, chính khí muốn ra, tất phải bứt rứt mà run, ấy là chính với tà cùng tranh nhau mà sinh ra. Đến lúc chính đã thắng tà, Dương được ra ngoài, thời chỉ phát nhiệt mà tà theo hãn giải. Cái lúc "bứt rứt" là âm làm "nghền" dương rồi hàn - nhiệt đều phát hiện, nên run mà hãn không ra được. Về sau, sự "nghền" đã giải, thời chỉ nhiệt không hàn, hãn ra mà tự giải".

### Tiết 8

傷寒二三日心中悸而煩者小建中湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn nhị tam nhật, tâm trung quý nhi phiến giả, Tiểu Kiến trung thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn đã 2, 3 ngày (tức là thời kỳ chủ khí của kinh Thiếu dương) trong tâm quý mà lại phiến, Tiểu Kiến trung thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Tiết này nói về kinh Thiếu dương tam tiêu, trong hợp với Quyết âm tâm vào mà chủ về huyết nên cũng có thể theo "khu" mà vào trong.

Đường Tôn Hải nói: "Tam tiêu tức là mô vông. Bào lạc tục gọi là Hộ tâm du. Mô cách theo lồng ngực, lên Phế hệ đến tâm, làm tâm bào lạc. Kinh nói: "Tam tiêu trên hợp với tâm bào lạc", tức là lấy mô vông để cùng nối liền nhau. Tiểu Sài hồ là một bài khởi thông mô vông, Kiến trung là một bài ôn bổ Cao du. Cao du tức là một bộ phận thuộc về tỳ thổ. Cái hỏa của tâm bào, do hộ tâm du mà dẫn xuống để làm cho ấm cái cao du ở khắp thân thể, thế tức là hỏa sinh thổ. Tiểu Kiến trung cũng theo về nghĩa ấy. Cho nên dùng Quế chi vào tâm làm chủ, còn các vị khác đều là bổ tỳ".

### Tiết 9

**Phiên âm:** Thương hàn tứ ngũ nhật, thân nhiệt ố phong, cảnh hạng cường, hiệp hạ mẫn, thủ túc ôn nhi khát giả, tiểu Sài hồ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn 4, 5 ngày, mình nóng, ghét gió, gáy, cổ cứng, dưới hiệp dầy, tay chân ấm mà khát... Tiểu Sài hồ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Chứng hậu ở tiết này với chứng hậu ở tiết trên giống nhau. Duy có chưa từng hạ nhâm, mạch cũng không Phù, Nhược... thế là Cao du của tỳ chưa bị thương, mà "lã" còn ở trong mô vòng. Vậy, vẫn cần phải thanh sơ làm nở mô vòng, nên mới dùng Tiểu Sài hồ thang.

Vậy biết tiết trên bệnh ở Cao du, thuộc về Thái âm tỳ thổ, tiết này bệnh ở mô vòng thuộc về Thiếu dương tam tiêu. Một hư một thực khác nhau rất xa. Trọng sử sử dĩ cùng nêu lên đây là muốn để cho người sau biết mà so sánh vậy.

#### Tiết 5

傷寒陽脈澀陰脈弦法當腹中急痛者  
先與小建中湯不差者與小柴胡湯主之

**Phiên âm:** Thương hàn, Dương mạch Sáp, Âm mạch Huyền, pháp đương phúc trung cấp thống giả, tiền dữ Tiểu Kiến trung thang bất sai giả, dữ Tiểu Sài hồ thang chủ chi.

**Dịch nghĩa:** Thương hàn Dương mạch Sáp, Âm mạch Huyền, pháp phải trong bụng đau gấp, trước cho uống Tiểu Kiến trung thang, vẫn không khỏi, dùng Tiểu Sài hồ thang chủ về bệnh ấy.

**Chú giải:** Đường Tôn Hải nói: "Dương mạch thuộc về khí phạm, vệ khí do mô vòng mà ra để suốt tới bì mao. Mô vòng không thông lợi, khiến cho Vệ khí khó ra ngoài được, cho nên mạch theo đó mà Sáp (rít rầm, không được trơn tru). Âm mạch thuộc về huyết phạm, huyết chứa ở trong Cao du. Huyết bị trệ, Du bị hàn, huyết dẫn đi bị khí ngăn trở lại thành đau. Cho nên trước cho uống bài Tiểu Kiến trung để làm cho ấm

Cao du. Sở dĩ đặt tên là Kiến trung tức là xây dựng Trung tiêu (vì Cao du là sinh lực của tỳ). Cao du đã ấm thời huyết không ngưng trệ, mà cái khí trong mô vòng sẽ thông lợi, nhờ đó khỏi đau. Nếu Cao du đã ôn hòa mà đau vẫn không khỏi, thế là huyết phạm ở trong Cao du tuy được thông lợi mà bao cái lâm ba quản ở trong mô vòng vẫn không thông lợi, khiến cho Dương khí vẫn không dẫn ra được. Bởi vậy mới dùng Tiểu Sài hồ thang làm cho khai thông vòng mô, Dương khí sẽ được thư sướng mà khỏi. Bài Kiến trung với bài Sài hồ thang thay đổi cách dùng, một dùng khai thông mô vòng, một dùng làm ấm cao du.

#### Tiểu Kiến trung thang phương

#### 小建中湯方

桂枝	Quế chi	3 lượng (bỏ vỏ)
甘草	Cam thảo	2 lượng (nướng)
大棗	Đại táo	12 quả (bửa, bỏ hạt)
芍藥	Thược dược	6 lượng
生薑	Sinh Khương	3 lượng (thái)
膠台	Giao di	1 thăng

Dùng 7 thăng nước đun còn 3 thăng, bỏ bã, cho Giao di vào, lại đun nhỏ lửa cho tan, uống nóng 1 thăng, ngày uống 3 lần. Ấu gia (người hay ủa) không thể dùng Kiến trung thang vì nó ngọt.

Trần Úy nói: "...Bài Tiểu Kiến trung ở đây không nêu phương pháp gia giảm. Tra ở sách Nội dai phương nghị của Hứa Thị lại có phương pháp gia giảm. Không hiểu là vì lâu năm bỏ sót hay tác giả mới thêm vào. Chép ra đây để tiện tham khảo:

1. Trị chứng Hư thống gia thêm Hoàng kỳ 黃氏 .
2. Trị chứng Tâm thống gia thêm Huyền hồ Sách 玄胡索 .
3. Trị chứng Huyết hư gia thêm Xuyên qui 川歸 .



thông, cho nên không thể ăn vào được. Nội kinh nói: "Vị vó đại lạc" tức là chỉ về cái quản khiếu thông luôn Vị với mô du, quản khiếu ấy do Mô cách dẫn xuống vào vòng du. Vòng du ấy thuộc về tam tiêu. Phía trên vòng du của tỳ có một thứ cao du (chất nhờn), tức là cái sinh lực của tỳ. Cái thứ cao du của tỳ ấy, sinh ra từ trên tiêu mô, với Vị phủ vốn là cùng liền. Tà ở vào trong Du mô của tỳ tạng, thì kết vào trong Đại bản du ở dưới hiệp, hoặc ở trong vòng du của Đại tiểu trường... thời đau mà không thông. Tà đã ở thượng tiêu "thủy cốc" không thể vào, mà đau ở hạ tiêu, nghịch khí dẫn lên, nên khiến cho "thủy cốc" lại thổ ra. "Uống thuốc rồi lại khát", thế là ủa dù khỏi, thủy đã dẫn xuống được mà cái hỏa ở trong tam tiêu mô du vẫn hầy còn, hun đốt lên cao du, khiến thành khô ráo, tức là đã chuyển sang táo khí của Dương minh... Bệnh tình lưu lãng đến như thế, y giả há lại coi thường được sao?

### Tiết 3

得病六七日脈遲浮弱惡風寒手足溫  
醫二三下之不能食而脅下滿痛面目  
及身黃頸項強小使難者與柴胡湯後  
必下重本渴而飲水嘔者柴胡湯不中  
與也食穀者噦

**Phiên âm:** Đắc bệnh lục thất nhật mạch Trì, Phù, Nhược, ố phong hàn, thủ túc ôn, y nhị tam hạ chi, bất năng thực nhi hiệp hạ mãn thống, diện mục cập thân hoàng, cảnh hạng cường, tiểu tiện nan giải, dữ Sài hồ thang, hậu tất hạ trọng, bản khát nhi ẩm thủy ẩu giả, Sài hồ thang bất trúng dữ dã, thực cốc giả uest.

**Dịch nghĩa:** Mắc bệnh đã 6, 7 ngày, mạch Trì, Phù, Nhược, ghét gió, ghét lạnh, tay chân ấm. Y giả hạ luôn 2, 3 lần, không ăn được, dưới hiệp đầy, đau, mặt, mắt, mình mẩy hiện sắc vàng, cổ gáy cứng, tiểu tiện lại khó. Nếu lại dùng Sài hồ thang, sau hẳn hạ trọng (đi đại tiện tức ở giang môn), vốn khát mà uống nước lại ủa... Sài hồ thang không nên dùng, ăn vào sẽ ợ.

**Chú giải:** Tiết này nói: cái khí của Thái dương hãm vào trong khu vực của Thái âm. Thái dương, Dương minh khí hư, không thể do "khu" mà chuyển ra ngoài... chứng hậu đó không phải thuộc về chủ trị của bài Sài hồ.

Đường Tôn Hải nói: "Phù", chủ về Dương phù ra ngoài, "Trì, Nhược" chủ về Dương khí hư nhược. Dương khí không phấn chấn lên được, nên mới "ố phong và hàn". Dương khí đã hư nhược, tay chân nên quyết lạnh, giờ tay chân lại ôn. Y giả không biết là Dương hư, ngộ là trào nhiệt, lại hạ luôn 2, 3 lần. Cái Cao du ở trên Mô, tức là sinh lực của tỳ. Mô du bị hàn không thể hun nấu được thủy cốc ở trong Vy, Trường, nên không ăn được. Cái Cao du lớn hơn tức là 2 đại bản du dưới hiệp, hàn khí tụ ở đấy, nên dưới hiệp đầy đau. Cao du ở khắp mình đều hàn tức là thổ dương hư quá nên mới hiện ra cái sắc của thổ mà vàng. Dù gầy, cổ có cứng đờ, cũng là thuộc về hàn chứ không phải phong nhiệt. Tiểu tiện khó cũng là bởi thủy vào trong mô vòng. Cao du ở đó không thể hun hấp cho hoạt lợi. Đến như nói "tỳ không kiện vận" cũng không phải vì nhiệt. Cao du đã yếu thì chất nó hư nhuyễn, nên lại dùng bài Tiểu Sài hồ để thanh lợi trong mô vòng, thời mô vòng dần ra mà không co lại được, vì đó mà Đại, Tiểu trường trượt xuống, hậu âm tất phải hạ trọng (tục gọi là thoát giang). Đại, Tiểu trường liền với mô vòng, lại phải nhờ cái cao du để quản nhiếp. Giờ Cao du đã hư nhuyễn, lại dùng bài Tiểu Sài hồ để "khor" thêm trong mô vòng, bởi đó nên mới dần ra mà trượt xuống... Lại như, phạm vốn đã khát, thời hình như táo nhiệt, thế mà uống nước vào lại ủa, đủ biết chứng khát đó là do thủy tân không dẫn lên. Chứng ủa (ủa) thuộc về hư hàn: Cái Cao du của tỳ đã không thể hóa thủy, mà bài Sài hồ lại sợ lợi Tam tiêu, nên không thể cho uống sợ làm hại thêm cái khí của Cao du, thời ăn vào không tiêu hóa được mà ợ nghịch... Xem đó đủ biết cái Cao du không thể hóa thủy cốc với mô vòng không thông lợi khác nhau. Có suy xét kỹ đến thế mới biết được Trọng thánh biện chứng rất là tinh.

### Tiết 4

傷寒四五日身熱惡風頸項強脅下滿  
手足溫而渴者小柴胡湯主之

柴胡	Sài hồ	nửa cân
人參	Nhân sâm	3 lạng
半夏	Bán hạ	nửa thăng (rửa)
大棗	Đại táo	12 quả (bửa, bỏ hạt)
黃芩	Hoàng cầm	3 lạng
甘草	Cam thảo	3 lạng
生薑	Sinh cương	3 lạng (thái)

### Phương pháp gia giảm

1. Nếu trong hung cách phiến mà không ọạ, bỏ Bán hạ, Nhân sâm, gia thêm Quát lâu thực 1 quả.
2. Nếu khát bỏ Bán hạ gia thêm Nhân sâm hợp với trước thành 4 lạng rưỡi.
3. Nếu trong bụng đau, bỏ Hoàng cầm, gia thêm Phục dược 3 lạng
4. Nếu dưới hiệp bị, rắn, bỏ Đại táo, gia thêm Mẫu lệ 4 lạng.
5. Nếu tâm hạ quý, tiểu tiện không lợi, bỏ Hoàng cầm gia thêm Phục linh 4 lạng.
6. Nếu không khát, ngoài có hơi nhiệt, bỏ Nhân sâm, gia thêm Quế 3 lạng đắp cho hơi có mồ hôi sẽ khỏi.
7. Nếu ho, bỏ Nhân sâm, Đại táo, Sinh cương, gia thêm Ngũ vị tử nửa thăng, Càn cương 2 lạng.

**Chú giải:** Tiết này nói cái khí của Thái dương nghịch ở trong hung, làm động tới khí của 5 tạng, phải nhờ cái "khu" của Thiếu dương để chuyển ra.

### Tiết 2

血弱氣盡腠理開邪氣因入與正之氣  
相搏結於脅下正邪分爭往來寒熱休

作有時默默不欲飲食臟腑相連其痛  
必下邪高痛下故使嘔者小柴胡湯主  
之服柴胡湯已渴者屬陽明也法治之

**Phiên âm:** Huyết nhược, khí tận, tấu lý khai, tà khí nhân nhập, dư chánh chi khí tương bác, kết ư hiệp hạ, chánh tà phân tranh, vãng lai hàn nhiệt, hữu tác hữu thời, mặc mặc bất dục ẩm thực, tạng phủ tương liên kỳ thống tất hạ, tà cao thống hạ cố sử ẩm giả, tiểu Sài hồ thang chủ chi. Phục Sài hồ thang dĩ, khát giả, thuộc Dương minh dã, pháp trị chi.

**Dịch nghĩa:** Huyết yếu, khí hết, tấu lý tự mở, tà khí nhân đó mà vào, chọi nhau với chính khí, kết ở dưới hiệp. Chính với tà phân tranh, gây nên nóng lạnh qua lại, lúc khởi lúc phát có giờ giấc, cứ lim lim không muốn ăn uống. Tạng với phủ cùng liên nhau, cái chỗ đau hẳn ở dưới. Tà ở cao mà đau ở dưới nên mới sinh ra ọạ. Tiểu Sài hồ thang chủ về bệnh ấy. Uống Sài hồ thang rồi, lại khát, đã thuộc về Dương minh đó, dùng phép mà điều trị (như dùng bài bạch hổ thang)

**Chú giải:** Tiết này nói cái khí của Thái dương kết ở dưới hiệp mà làm thương đến khí của Thái âm, Dương minh, cũng phải nhờ cái "khu" của Thiếu dương để chuyển ra.

Đường Tôn Hải nói: "Tấu lý là nơi thông hội nguyên chân của tam tiêu. Bởi tấu lý là một thứ Mô du ở trong, thấu ra làm thành một thứ mô du ở phía ngoài sấu nhục, phía trong bì mao. Cái chỗ giao giới giữa bì nhục với sấu nhục ở vào trong khe giáp nhau, có một lớp từng thứ chẳng chặt gọi là tấu lý, làm con đường ra vào của Vinh huyết và Vệ khí. Huyết yếu, khí hết, thời đường lối trống không, tà khí thừa cơ lên vào do tấu lý lấn xuống phía dưới hiệp, rồi vào phía trong hai phiến đại bản du tức là nơi phủ của tam tiêu. Tam tiêu gốc ở thận hệ, do thận hệ sinh ra đại bản du, tà lọt vào đấy, chính khí muốn ra không ra được, phải kết ở dưới hiệp. Sở dĩ hữu tác có lúc là vì chính với tà, hoặc lên, hoặc hạ, hễ lúc nào không gặp nhau thì thôi... Tam tiêu là một cơ quan để "hành thủy cốc". Không muốn ăn uống là vì chỗ chỗ cùng giao tiếp với mô du ở thượng tiêu với Vệ quản, khiến đạo không

柴胡	Sài hồ	nửa cân
人參	Nhân sâm	3 lạng
半夏	Bán hạ	nửa thăng (rửa)
大棗	Đại táo	12 quả (bửa, bỏ hạt)
黃芩	Hoàng cầm	3 lạng
甘草	Cam thảo	3 lạng
生薑	Sinh cương	3 lạng (thái)

### Phương pháp gia giảm

1. Nếu trong hung cách phiên mà không ọa, bỏ Bán hạ, Nhân sâm, gia thêm Quát lâu thực 1 quả.
2. Nếu khát bỏ Bán hạ gia thêm Nhân sâm hợp với trước thành 4 lạng rưỡi.
3. Nếu trong bụng đau, bỏ Hoàng cầm, gia thêm Thuộc dược 3 lạng
4. Nếu dưới hiệp bì, rần, bỏ Đại táo, gia thêm Mẫu lệ 4 lạng.
5. Nếu tâm hạ quý, tiểu tiện không lợi, bỏ Hoàng cầm gia thêm Phục linh 4 lạng.
6. Nếu không khát, ngoài có hơi nhiệt, bỏ Nhân sâm, gia thêm Quế 3 lạng đắp cho hơi có mồ hôi sẽ khỏi.
7. Nếu ho, bỏ Nhân sâm, Đại táo, Sinh cương, gia thêm Ngũ vị tử nửa thăng, Càn cương 2 lạng.

**Chú giải:** Tiết này nói cái khí của Thái dương nghịch ở trong hung, làm động tở khí của 5 tạng, phải nhờ cái "khu" của Thiếu dương để chuyển ra.

### Tiết 2

血弱氣盡腠理開邪氣因入與正之氣  
相搏結於脅下正邪分爭往來寒熱休

作有時默默不欲飲食臟腑相連其痛  
必下邪高痛下故使嘔者小柴胡湯主  
之服柴胡湯已渴者屬陽明也法治之

**Phiên âm:** Huyết nhược, khí tận, tấu lý khai, tà khí nhân nhập, dư chánh chi khí tương bác, kết ư hiệp hạ, chánh tà phân tranh, vãng lai hàn nhiệt, hứ tác hữu thời, mặc mặc bất dục ẩm thực, tạng phủ tương liên kỳ thống tất hạ, tà cao thống hạ cố sử ẩu giả, tiểu Sài hồ thang chủ chi. Phục Sài hồ thang dĩ, khát giả, thuộc Dương minh dã, pháp trị chi.

**Dịch nghĩa:** Huyết yếu, khí hết, tấu lý tự mở, tà khí nhân đó mà vào, chọi nhau với chính khí, kết ở dưới hiệp. Chính với tà phân tranh, gây nên nóng lạnh qua lại, lúc khởi lúc phát có giờ giấc, cứ lim lim không muốn ăn uống. Tạng với phủ cùng liên nhau, cái chỗ đau hẳn ở dưới. Tà ở cao mà đau ở dưới nên mới sinh ra ọa. Tiểu Sài hồ thang chủ về bệnh ấy. Uống Sài hồ thang rồi, lại khát, đã thuộc về Dương minh đó, dùng phép mà điều trị (như dùng bài bạch hổ thang)

**Chú giải:** Tiết này nói cái khí của Thái dương kết ở dưới hiệp mà làm thương đến khí của Thái âm, Dương minh, cũng phải nhờ cái "khu" của Thiếu dương để chuyển ra.

Đường Tôn Hải nói: "Tấu lý là nơi thông hội nguyên chân của tam tiêu. Bởi tấu lý là một thứ Mô du ở trong, thấu ra làm thành một thứ mô du ở phía ngoài sấu nhục, phía trong bì mao. Cái chỗ giao giới giữa bì nhục với sấu nhục ở vào trong khe giáp nhau, có một lớp từng thứ chẳng chịt gọi là tấu lý, làm con đường ra vào của Vinh huyết và Vệ khí. Huyết yếu, khí hết, thời đường lối trống không, tà khí thừa cơ lên vào do tấu lý lấn xuống phía dưới hiệp, rồi vào phía trong hai phiên đại bản du tức là nơi phủ của tam tiêu. Tam tiêu gốc ở thận hệ, do thận hệ sinh ra đại bản du, tà lọt vào đấy, chính khí muốn ra không ra được, phải kết ở dưới hiệp. Sở dĩ hứ tác có lúc là vì chính với tà, hoặc lên, hoặc hư, hễ lúc nào không gặp nhau thì thôi... Tam tiêu là một cơ quan để "hành thủy cốc". Không muốn ăn uống là vì chỗ chỗ cùng giao tiếp với mô du ở thượng tiêu với Vị, quản, khiến đạo không

Chương III.....	131
Chương IV.....	147
Chương V.....	150
Chương VI.....	154
Chương VII.....	177
Chương VIII.....	186

**Bàn về mạch và chứng của Kinh Dương minh**

**Thiên B**

Chương I.....	192
Chương II.....	205
Chương III.....	223
Chương IV.....	234

**Bàn về mạch và chứng của Kinh Dương minh *Thiếu dương***

Thiên C.....	257
--------------	-----

**Bàn về mạch và chứng của Kinh Thái âm**

Thiên D.....	267
--------------	-----

**Bàn về mạch và chứng của Kinh Thiếu âm**

Chương I.....	276
Chương II.....	288

**Bàn về mạch và chứng của Kinh Quyết âm**

Chương I.....	314
Chương II.....	329
Chương III.....	342
Chương IV.....	350

**CÙNG NGƯỜI BIÊN DỊCH**

*Sách đã xuất bản:*

- Nghiệm phương thực hành
- Kim Quý Ngọc hàm kinh

*Sắp xuất bản:*

- Biện chứng kỳ văn
- Đường vào Đông y
- Từ ngữ thành ngữ thực dụng